

CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT – THƯƠNG MẠI
PHÂN HỮU CƠ SINH HỌC THANH BÌNH



BÁO CÁO ĐỀ XUẤT
CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG
CỦA CƠ SỞ

**“NHÀ MÁY SẢN XUẤT PHÂN HỮU CƠ SINH HỌC
THANH BÌNH, CÔNG SUẤT 30.000 TẤN/NĂM”**

ĐỊA CHỈ: KHU PHỐ VÀM, PHƯỜNG TRẮNG DÀI, TỈNH ĐỒNG NAI

*(Báo cáo đã được chỉnh sửa, bổ sung theo Văn bản số 9036/STNMT-MT ngày 3/10/2024;
Văn bản số 263/STNMT-MT ngày 09/01/2025; Văn bản số 1102/STNMT-MT ngày
12/02/2025 và Văn bản số 6516/SoNNMT-MT ngày 16/10/2025 của Sở Nông nghiệp và
Môi trường tỉnh Đồng Nai)*

ĐỒNG NAI, NĂM 2025

CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT – THƯƠNG MẠI
PHÂN HỮU CƠ SINH HỌC THANH BÌNH



BÁO CÁO ĐỀ XUẤT
CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG
CỦA CƠ SỞ

“NHÀ MÁY SẢN XUẤT PHÂN HỮU CƠ SINH HỌC
THANH BÌNH, CÔNG SUẤT 30.000 TẤN/NĂM”

ĐỊA CHỈ: KHU PHỐ VÀM, PHƯỜNG TRẮNG DÀI, TỈNH ĐỒNG NAI

(Báo cáo đã được chỉnh sửa, bổ sung theo Văn bản số 9036/STNMT-MT ngày 3/10/2024;
Văn bản số 263/STNMT-MT ngày 09/01/2025; Văn bản số 1102/STNMT-MT ngày
12/02/2025 và Văn bản số 6516/SoNNMT-MT ngày 16/10/2025 của Sở Nông nghiệp và
Môi trường tỉnh Đồng Nai)



CHỦ CƠ SỞ
GIÁM ĐỐC

NGUYỄN TẤT LINH

ĐỒNG NAI, NĂM 2025

MỤC LỤC

MỤC LỤC.....	i
DANH MỤC CÁC TỪ VÀ CÁC KÝ HIỆU VIẾT TẮT	iv
DANH MỤC CÁC BẢNG.....	v
DANH MỤC CÁC HÌNH VẼ.....	vi
CHƯƠNG I: THÔNG TIN CHUNG VỀ CƠ SỞ	7
1. Tên chủ cơ sở.....	7
2. Tên cơ sở	7
3. Công suất, công nghệ, sản phẩm sản xuất của cơ sở:	8
3.1. Công suất hoạt động của cơ sở:	8
3.2. Công nghệ sản xuất của cơ sở:	8
3.3. Sản phẩm của cơ sở	10
4. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, phế liệu (loại phế liệu, mã HS, khối lượng phế liệu dự kiến nhập khẩu), điện năng, hóa chất sử dụng, nguồn cung cấp điện, nước của cơ sở.	10
4.1. Nhu cầu sử dụng nguyên nhiên vật liệu sử dụng.....	10
4.2. Nhu cầu sử dụng điện	11
4.3. Nhu cầu sử dụng nước:	12
5. Các thông tin khác liên quan đến cơ sở	13
5.1. Hạng mục công trình cơ sở.....	15
5.2. Danh mục máy móc, thiết bị sử dụng của cơ sở.....	17
CHƯƠNG II: SỰ PHÙ HỢP CỦA CƠ SỞ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG	20
1. Sự phù hợp của cơ sở với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường:	20
1.1. Sự phù hợp với quy định hiện hành và quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, phân vùng môi trường	20
1.2. Sự phù hợp của cơ sở với quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường của địa phương	21
2. Sự phù hợp của cơ sở đối với khả năng chịu tải của môi trường:	22
CHƯƠNG III: KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ	23
1. Công trình, biện pháp thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải.....	23
1.1. Thu gom, thoát nước mưa.....	23
1.2. Thu gom, thoát nước thải.....	24
1.2.1. Đối với nước thải sinh hoạt	24
1.2.2. Đối với nước thải từ nhà ăn	25
1.2.3. Đối với nước thải sản xuất.....	25
1.3. Xử lý nước thải:	25
1.3.1. Xử lý nước thải sinh hoạt:	25
1.3.2. Hệ thống xử lý nước thải công suất 10 m ³ /ngày.đêm.....	28
2. Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải.....	40
2.1. Biện pháp giảm thiểu bụi và khí thải từ quá trình hoạt động của các phương tiện vận chuyển.....	40
2.2. Giảm thiểu tác động do bụi, mùi phát sinh từ quá trình sản xuất.....	40
2.3. Giảm thiểu bụi, khí thải từ hoạt động lò sấy	46

2.4. Giảm thiểu ô nhiễm môi trường lao động	51
2.5. Giảm thiểu mùi phát sinh từ khu tập trung chất thải, khu xử lý nước thải	52
3. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải rắn thông thường:	53
3.1. Chủng loại, khối lượng chất thải rắn thông thường phát sinh	53
3.2.1. Công trình, biện pháp lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt	54
3.2.2. Công trình, biện pháp lưu giữ chất thải rắn công nghiệp không nguy hại	55
4. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại:	56
4.1. Chủng loại, khối lượng chất thải nguy hại phát sinh	56
4.2. Công trình, biện pháp lưu giữ chất thải nguy hại	57
5. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung	62
6. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường:	64
7. Công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác	66
7.1. Phòng chống cháy nổ và phòng cháy chữa cháy	66
7.2. Biện pháp an toàn trong lao động	67
7.3. Phòng ngừa và ứng phó sự cố rò rỉ nguyên liệu và hóa chất	68
8. Các nội dung thay đổi so với quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường	70
CHƯƠNG IV: NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP, CẤP LẠI GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG	71
1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải	71
1.1. Nguồn phát sinh nước thải:	71
1.2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải:	71
2. Nội dung đề nghị cấp phép đối với khí thải	71
2.1. Nguồn phát sinh khí thải:	71
2.2. Dòng khí thải xả, vị trí xả thải:	72
3. Nội dung đề nghị cấp phép đối với tiếng ồn, độ rung (nếu có):	73
3.1. Nguồn phát sinh tiếng ồn	73
3.2. Vị trí phát sinh tiếng ồn	73
3.3. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2025/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn và QCVN 27:2025/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung	73
3.3.1. Tiếng ồn: Phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn theo QCVN 26:2025/BTNMT, cụ thể như sau:	73
4. Nội dung đề nghị cấp phép của cơ sở thực hiện dịch vụ xử lý chất thải nguy hại:	73
5. Nội dung đề nghị cấp phép của cơ sở có nhập khẩu phế liệu từ nước ngoài làm nguyên liệu sản xuất:	74
6. Nội dung đề nghị cấp phép đối về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường:	74
6.1. Chủng loại, khối lượng chất thải phát sinh:	74
6.1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải công nghiệp phải kiểm soát, chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên:	74
6.1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh:	74
6.1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh:	75
6.2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại:	75
6.2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:	75

6.2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường:.....	76
6.2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:	76
CHƯƠNG V: KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG VÀ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÔNG TÁC BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CHỦ CƠ SỞ	77
3. Kết quả hoạt động của công trình xử lý bụi, khí thải	78
CHƯƠNG VI: CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CHỦ CƠ SỞ	82
1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải	82
1.1. Thời gian dự kiến vận hành thử nghiệm.....	82
1.2. Kế hoạch quan trắc chất thải, đánh giá hiệu quả xử lý của các công trình, thiết bị xử lý chất thải:	82
2. Chương trình quan trắc chất thải (tự động, liên tục và định kỳ) theo quy định của pháp luật.	82
2.1. Chương trình quan trắc môi trường định kỳ:.....	82
2.2. Chương trình quan trắc tự động, liên tục chất thải:	83
2.3. Hoạt động quan trắc môi trường định kỳ, quan trắc môi trường tự động, liên tục khác theo quy định của pháp luật có liên quan hoặc theo đề xuất của chủ cơ sở.	83
2.4. Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hàng năm.....	84
CHƯƠNG VII: CAM KẾT CỦA CHỦ CƠ SỞ	85

DANH MỤC CÁC TỪ VÀ CÁC KÝ HIỆU VIẾT TẮT

BOD	: Nhu cầu oxy sinh hóa
BTNMT	: Bộ Tài nguyên Môi trường
BXD	: Bộ Xây dựng
CHXHCN	: Cộng hòa xã hội chủ nghĩa
COD	: Nhu cầu oxy hóa học
CTNH	: Chất thải nguy hại
DO	: Oxy hòa tan trong nước
MT	: Môi trường
PCCC	: Phòng cháy chữa cháy
QCVN	: Quy chuẩn Việt Nam
TSS	: Chất rắn lơ lửng
TCVN	: Tiêu chuẩn Việt Nam
TNHH	: Trách nhiệm hữu hạn
UBND	: Ủy ban nhân dân

DANH MỤC CÁC BẢNG

Bảng 1. 1. Đặc tính của than đá.....	10
Bảng 1. 2. Công suất sản phẩm của cơ sở	10
Bảng 1. 3. Nhu cầu nguyên vật liệu, nhiên liệu chính phục vụ cho toàn bộ nhà máy.....	10
Bảng 1. 4. Nhu cầu sử dụng nước hằng ngày của cơ sở.....	13
Bảng 1. 5. Nhu cầu sử dụng nước tối đa của cơ sở	13
Bảng 1. 6. Cơ cấu sử dụng đất của cơ sở.....	15
Bảng 1. 7. Diện tích các hạng mục công trình của cơ sở	15
Bảng 1. 8. Máy móc, thiết bị phục vụ cho hoạt động của cơ sở.....	17
Bảng 3. 1. Thông số kỹ thuật của bể tự hoại	27
Bảng 3. 2. Thông số kỹ thuật của hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt công suất 10 m ³ /ngày.đêm.....	36
Bảng 3. 3. Lượng hóa chất sử dụng cho hệ thống xử lý nước thải.....	38
Bảng 3. 4. Lượng điện sử dụng cho hệ thống xử lý nước thải	39
Bảng 3. 5. Kết quả quan trắc nước thải năm 2025	39
Bảng 3. 6. Thông số kỹ thuật của hệ thống thu hồi bụi túi vải.....	43
Bảng 3. 7. Kết quả quan trắc sau HTXL bụi, công suất 40.000 m ³ /giờ	46
Bảng 3. 8. Thông số kỹ thuật của hệ thống xử lý khí thải lò sấy	48
Bảng 3. 9. Kết quả quan trắc khí thải sau HTXL khí thải lò sấy, công suất 58.000m ³ /giờ.....	50
Bảng 3. 10. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh	53
Bảng 3. 11. Khối lượng chất thải rắn công nghiệp phát sinh	53
Bảng 3. 12. Diện tích, kết cấu công trình	55
Bảng 3. 13. Tần suất giao nhận chất thải công nghiệp thông thường.....	56
Bảng 3. 14. Bảng khối lượng chất thải nguy hại phát sinh.....	56
Bảng 3. 15. Bảng khối lượng chất thải phải kiểm soát phát sinh	56
Bảng 3. 16. Diện tích, kết cấu công trình	58
Bảng 3. 17. Tần suất giao nhận chất thải nguy hại.....	58
Bảng 5. 1. Kết quả quan trắc nước thải sau xử lý năm 2024.....	77
Bảng 5. 2. Kết quả quan trắc nước thải sau xử lý năm 2025.....	78
Bảng 5. 3. Kết quả quan trắc khí thải sau HTXL khí thải lò sấy, công suất 58.000m ³ /giờ, năm 2024	78
Bảng 5. 4. Kết quả quan trắc khí thải sau HTXL khí thải lò sấy, công suất 58.000m ³ /giờ, năm 2025	79
Bảng 5. 5. Kết quả quan trắc sau HTXL bụi, công suất 40.000 m ³ /giờ	79
Bảng 6. 1. Thời gian dự kiến vận hành thử nghiệm	82
Bảng 6. 2. Kế hoạch đo đạc, lấy và phân tích mẫu chất thải.....	82
Bảng 6. 3. Bảng kinh phí thực hiện quan trắc môi trường định kỳ hàng năm.....	84

DANH MỤC CÁC HÌNH VẼ

Hình 1. 1. Sơ đồ quy trình sản xuất phân bón hữu cơ	8
Hình 3. 1. Sơ đồ thu gom, thoát nước mưa của cơ sở	24
Hình 3. 2. Sơ đồ cấu tạo bể tự hoại	25
Hình 3. 3. Sơ đồ công nghệ xử lý nước thải của cơ sở.....	28
Hình 3. 4. Quy trình tái sử dụng nước sau xử lý	35
Hình 3. 5. Sơ đồ công nghệ xử lý bụi, công suất 40.000 m ³ /giờ.....	41
Hình 3. 6. Hệ thống xử lý khí thải lò sấy, công suất 58.000 m ³ /giờ.....	47
Hình 3. 7. Khu vực lưu giữ chất thải nguy hại	62

CHƯƠNG I: THÔNG TIN CHUNG VỀ CƠ SỞ

1. Tên chủ cơ sở

- Tên chủ cơ sở: Công ty TNHH Sản xuất – Thương mại Phân hữu cơ Sinh học Thanh Bình
- Địa chỉ văn phòng: Số 1A, ấp Vàm, phường Trảng Dài, tỉnh Đồng Nai.
- Người đại diện: Ông Nguyễn Tất Linh.
- Chức vụ: Giám đốc.
- Điện thoại: 0982 878 979
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0304323098 đăng ký lần đầu ngày 07/4/2006, đăng ký thay đổi lần thứ 10 ngày 04/6/2025 do Phòng đăng ký kinh doanh – Sở Tài chính tỉnh Đồng Nai cấp.

2. Tên cơ sở

- Tên cơ sở: Nhà máy sản xuất phân hữu cơ sinh học Thanh Bình, công suất 30.000 tấn/năm.
- Địa điểm cơ sở: ấp Vàm, phường Trảng Dài, tỉnh Đồng Nai.
- Quyết định số 640/QĐ – UBND do UBND tỉnh Đồng Nai cấp ngày 11/03/2010 về việc phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án “Xây dựng xưởng sản xuất phân hữu cơ sinh học Thanh Bình, công suất 30.000 tấn/năm” của Công ty TNHH sản xuất thương mại phân hữu cơ sinh học Thanh Bình.
- Quy mô của cơ sở (quy mô của cơ sở có tiêu chí như dự án quy định tại Điều 25 Nghị định 05/2025/NĐ-CP): Cơ sở nhóm B.
- Yếu tố nhạy cảm về môi trường: cơ sở không có yếu tố nhạy cảm về môi trường quy định tại khoản 4 Điều 25 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022, được sửa đổi bổ sung tại khoản 6 Điều 01 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025.
- Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: sản xuất phân bón.
- Phân nhóm dự án đầu tư: Cơ sở nhóm III theo quy định tại Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ, Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01

năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

- Cơ sở đã nộp hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường ngày 06/9/2024 và đã được tổ chức đoàn kiểm tra cấp giấy phép môi trường ngày 01/10/2024 theo Quyết định số 418/QĐ-STNMT ngày 25/9/2024 do đó thuộc trường hợp quy định chuyển tiếp tại Khoản 7 Điều 5 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

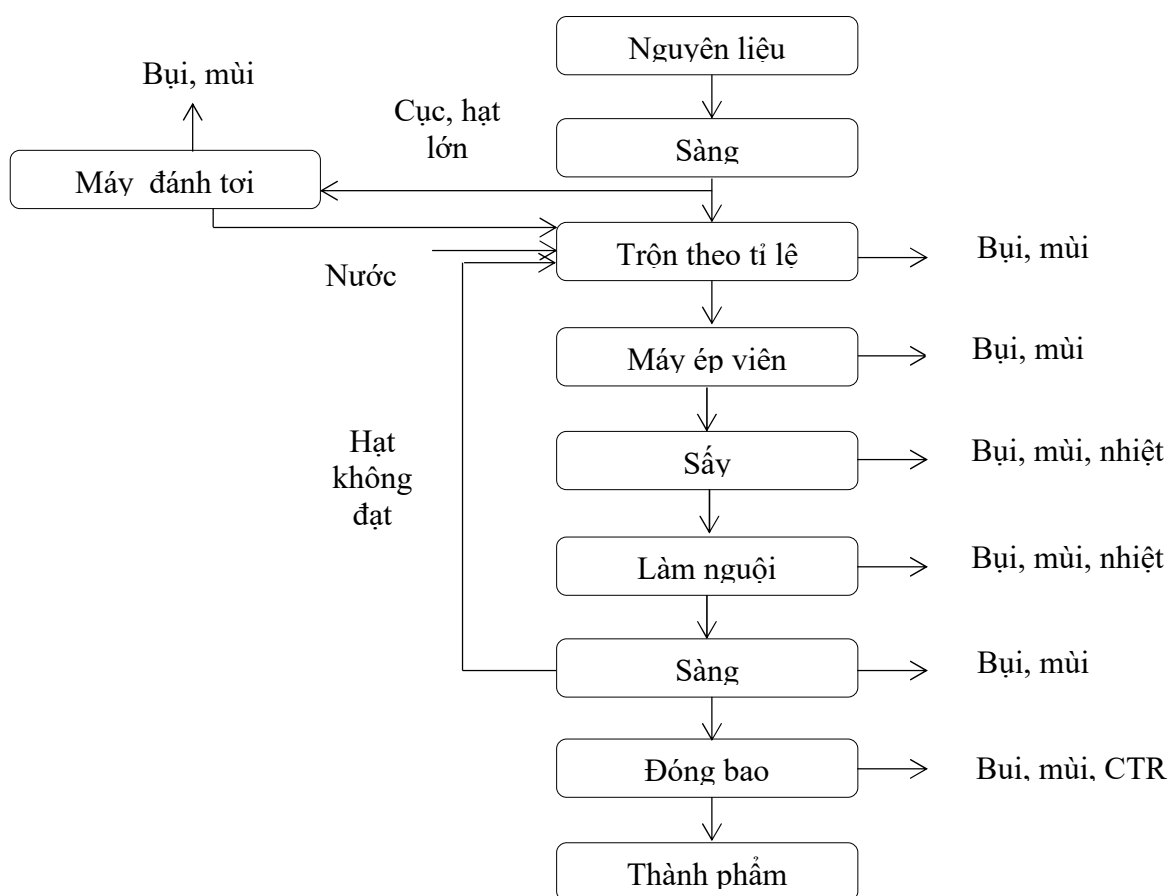
3. Công suất, công nghệ, sản phẩm sản xuất của cơ sở:

3.1. Công suất hoạt động của cơ sở:

Công suất hoạt động của Công ty là sản xuất phân hữu cơ sinh học, công suất 30.000 tấn/năm.

3.2. Công nghệ sản xuất của cơ sở:

Sơ đồ quy trình công nghệ sản xuất phân bón hữu cơ được trình bày như sau:



Hình 1. 1. Sơ đồ quy trình sản xuất phân bón hữu cơ

Thuyết minh quy trình:

Trong quá trình sản xuất phân bón sinh học, nhà xưởng thực ra làm nhiệm vụ tạo viên các chất hữu cơ thiên nhiên sau quá trình xử lý theo tỷ lệ. Tùy theo tỷ lệ khác nhau sẽ cho ra các loại phân khác nhau.

Nguyên liệu là các nguyên liệu thiên nhiên trong nước và nhập khẩu như: Phân gà dạng bột mịn đã qua xử lý (ủ vi sinh, khử mùi hôi, giảm độ ẩm...), rong biển, cao lanh, urea, kali,... đã qua sơ chế và đóng bao thành phẩm, được tính toán pha trộn theo tỷ lệ ấn định cho từng loại phân sinh học. Độ ẩm trung bình của các loại nguyên liệu này tương đối thấp khoảng 5 đến 10% vậy nên việc cấp nước cho công đoạn tạo viên sẽ giao động trong khoảng 2m³/ngày.đêm).

Nguyên liệu được nạp vào các hộc định lượng bằng tải và được vận chuyển đến sàng phân loại. Tại đây những hạt kích thước nhỏ hơn 5,5mm được đưa đến cối trộn để trộn đều và tạo ẩm trước khi đưa vào hệ thống ép viên, những hạt phân bị nén cục được đưa qua máy sàng to và quay lại sàng phân loại trước khi đưa vào cối trộn.

Hạt phân sau khi qua máy nén ép có nhiệt độ vào khoảng 60-80°C được chuyển qua giai đoạn sấy tách bớt ẩm (vì nhiệt độ hạt phân sau khi qua máy ép tương đối cao nên công đoạn sấy này rất ít dùng nhiệt từ than đá mà chủ yếu làm nhiệm vụ giải nhiệt tách ẩm và làm nguội hạt phân (chỉ sử dụng sấy bằng than đá khi nguyên liệu đầu vào độ ẩm quá cao) vậy nên lượng than đá sử dụng trong năm ít) sau khi qua máy sấy hạt phân được vận chuyển qua máy làm nguội bằng băng tải gom, tại đây hạt phân được làm nguội về bằng với nhiệt độ môi trường rồi qua máy sàng để phân loại hạt.

Các hạt không đạt tiêu chuẩn được quay lại bộ phận trộn để tiếp tục đưa lên tạo viên lại. Các hạt đạt tiêu chuẩn sẽ được đóng bao thành phẩm từ 25 – 50 kg/bao, trữ trong kho chứa chờ xuất bán.

Với định mức tiêu thụ than dùng cho hoạt động của lò sấy: khối lượng than sử dụng là 6 tấn/năm (Công ty chỉ sử dụng khi nguyên liệu có độ ẩm cao $\geq 10\%$) khối lượng sử dụng trong 1 ngày khoảng 0,5 tấn (1 năm hoạt động lò sấy 12 ngày) tương đương 0,0625 tấn/giờ (08 giờ/01 ca làm việc). Quá trình hoạt động của lò đốt than có phát sinh bụi, khí thải từ quá trình đốt lò.

Công ty sử dụng than đá ở Việt Nam và tham khảo kết quả phân tích chất lượng than đá sử dụng của Công ty TNHH Quốc tế Kim Bảo Sơn (Việt Nam) có thành phần đặc tính như sau:

Bảng 1. 1. Đặc tính của than đá

Stt	Đặc tính	Than đá	Nguồn gốc
1	Hàm lượng tro (%)	17,7	Indonesia
2	Hàm lượng lưu huỳnh (%)	0,6	
3	Hàm lượng chất bốc (%)	3,92	

(Nguồn: Công ty TNHH Quốc tế Kim Bảo Sơn (Việt Nam))

3.3. Sản phẩm của cơ sở

Bảng 1. 2. Công suất sản phẩm của cơ sở

Stt	Tên sản phẩm	Đơn vị tính	Công suất
1	Phân bón hữu cơ	Tấn /năm	30.000
Tổng công suất			30.000

(Nguồn: Công ty TNHH Sản xuất – Thương mại phân hữu cơ sinh học Thanh Bình)

4. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, phế liệu (loại phế liệu, mã HS, khối lượng phế liệu dự kiến nhập khẩu), điện năng, hóa chất sử dụng, nguồn cung cấp điện, nước của cơ sở.

4.1. Nhu cầu sử dụng nguyên nhiên vật liệu sử dụng

Bảng 1. 3. Nhu cầu nguyên vật liệu, nhiên liệu chính phục vụ cho toàn bộ nhà máy

Stt	Tên nguyên liệu, hóa chất	Đơn vị/năm	Khối lượng	Nguồn cung cấp
1	Than bùn	Tấn	3.003	Việt Nam
2	Rong biển	Tấn	450	Việt Nam
3	Dolamice (bột đá)	Tấn	1.500	Việt Nam
4	Urea	Tấn	2.000	Mua lại của các Công ty nhập khẩu
5	DAP	Tấn	1.500	Mua lại của các Công ty nhập khẩu
6	Kali	Tấn	1.500	Việt Nam
7	SA	Tấn	1.500	Mua lại của các Công ty nhập khẩu
8	Cao lanh	Tấn	2.500	Việt Nam
9	Phân gà đã qua xử lý	Tấn	16.000	Mua lại của các Công ty nhập khẩu
10	Các loại men vi sinh	Tấn	50	Mua lại của các Công ty nhập khẩu
11	Than đá	Tấn	6	Indonesia
12	Bao bì	Bao	600.000	Việt Nam
13	NaOH 99%	Kg	900	Việt Nam

14	PAC 31%	Kg	900	Việt Nam
15	Polymer Anion	Kg	36	Việt Nam
16	Methanol	Lít	900	Việt Nam
17	NaOCL 10%	Lít	600	Việt Nam

(Nguồn: Công ty TNHH Sản xuất – Thương mại phân hữu cơ sinh học Thanh Bình)

Ghi chú:

- Phân SA:

+ Phân bón Amoni Sulphat (Phân SA) là sản phẩm phân đạm gốc amoni sulfate, chứa Nitơ (N, hàm lượng tối thiểu 20%) và lưu huỳnh (S, hàm lượng tối thiểu 23%) là hai chất dinh dưỡng thiết yếu cho cây trồng.

+ Thành phần: Đạm Tổng số (Nts): 21%; Lưu huỳnh (S): 24%; Axit tự do quy về H₂SO₄: 1%; Độ ẩm: 0,5%.

+ Tính chất: màu trắng, tính hút ẩm, hòa tan được trong nước, không hòa tan trong acetone, rượu và etanol

+ Điểm nóng chảy: 235 đến 280 °C

+ Độ hòa tan trong nước: 70.6 g/100 g nước (0 °C) và 103.8 g/100 g nước (100 °C).

+ Công dụng: Dùng làm phân bón gốc cho cây trồng, đất bạc màu thiếu lưu huỳnh. Chủ yếu làm phân bón thúc.

- Phân DAP:

+ Phân DAP có công thức (NH₄)₂HPO₄, là loại phân bón phức hợp được dùng trong nông nghiệp với thành phần 18% N (Nitrogen - đạm), 46% P₂O₅ (lân); tức là trong 100 kg phân DAP có chứa 18 kg đạm nguyên chất và 46 kg lân nguyên chất. DAP được sản xuất từ quặng apatit, amonia và axit.

+ Là loại phân bón phức hợp, có tỷ lệ hấp thu cao, cây dễ hấp thu. Hàm lượng lân trong 1 kg DAP có giá trị bằng 2,8 kg supe lân hoặc lân nung chảy. DAP là loại phân trung tính, lân trong DAP đều tan nhanh trong nước nên cây rất dễ hấp thu. DAP được dùng để bón lót, bón thúc cho tất cả các đối tượng cây trồng trên tất cả các chân đất khác nhau.

4.2. Nhu cầu sử dụng điện

- Nguồn cung cấp điện phục vụ cho quá trình hoạt động của cơ sở được lấy từ hệ thống cấp điện của Công ty TNHH MTV điện lực Đồng Nai.

- Lượng điện tiêu thụ: Nhu cầu sử dụng điện của cơ sở trung bình khoảng 25.000 Kwh/tháng.

4.3. Nhu cầu sử dụng nước:

*** Nguồn cung cấp nước:**

Hiện tại khu vực cơ sở chưa có nước cấp, cơ sở đang sử dụng nước từ 02 giếng khoan (công trình khai thác nước dưới đất của Công ty đã được UBND phường Trảng Dài xác nhận tại Văn bản số 1391/UBND-KTHT ngày 17/12/2025) để phục vụ nhu cầu sử dụng nước cho hoạt động sinh hoạt, sản xuất, tưới cây và PCCC.

(1). Nước sinh hoạt cho công nhân viên:

Nhu cầu cấp nước: Lấy theo tiêu chuẩn 100 lít/người.ngày, số lượng lao động của cơ sở khoảng 40 người. (QCVN 01: 2021/BXD – Quy chuẩn quy hoạch xây dựng). Nhu cầu sử dụng nước của công nhân ước tính khoảng:

$$Q_{sh} = 40 \text{ người} \times 100 \text{ lít/người} = 4.000 \text{ lít/ngày} = 4 \text{ m}^3/\text{ngày}.$$

(Không thực hiện nấu ăn cho công nhân tại cơ sở mà Công ty đặt xuất ăn công nghiệp bên ngoài).

(2). Nước dùng cho hoạt động sản xuất:

+ Nước sử dụng cho quá trình phối trộn phân hữu cơ sinh học với lưu lượng khoảng 4 m³/ngày.

+ Nước cấp cho hệ thống xử lý khí thải lò sấy với lưu lượng cấp hằng ngày khoảng 0,05m³/ngày. Định kỳ 01 tháng/lần Công ty thực hiện thay mới lượng nước tại bể lắng của HTXL khí thải lò sấy với lưu lượng 2m³/lần.

(3). Nước tưới cây, tạo ẩm đường nội bộ:

Căn cứ theo QCVN 01:2021/BXD Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng, lượng nước tưới cây: 3 lít/m²/ngày.đêm. Nước rửa đường 0,4 lít/m²/ngày.đêm.

(4). Nước dùng cho chữa cháy:

Tính toán lượng nước dự trữ cần thiết dự phòng cho công tác chữa cháy (hoặc diễn tập PCCC) cần thiết theo TCVN 2262: 1995 – Phòng cháy chữa cháy nhà và công trình – yêu cầu kỹ thuật, định mức nước chữa cháy bằng 20 lít/s/đám cháy; lượng nước cần dự trữ chữa cháy trong 1 giờ liên tục: 2 đám cháy x 20 lít/s x 3,6 x 1 giờ = 72 m³ (trong đó: giả thiết số đám cháy xảy ra đồng

thời là 2 đám cháy; lưu lượng nước tính toán cho mỗi đám cháy lấy bằng 20 lít/s).

- Nhu cầu sử dụng nước hằng ngày (căn cứ theo số theo dõi lưu lượng khai thác nước ngầm và số theo dõi tái sử dụng nước năm 2024, 2025 của cơ sở):

Bảng 1. 4. Nhu cầu sử dụng nước hằng ngày của cơ sở

Stt	Mục đích sử dụng nước	Nhu cầu sử dụng nước	Nước cấp từ giếng khoan	Nước tái sử dụng	Nước thải sau tái sử dụng
		(m ³ /ngày.đêm)			
1	Sinh hoạt của công nhân viên	4	2	2	4
2	Nước sử dụng cho quá trình phối trộn phân hữu cơ sinh học	4	2	2	-
3	Nước cấp cho HTXL khí thải lò sấy (nước cấp hằng ngày)	0,05	0,05	-	-
4	Tưới cây, tạo ẩm đường nội bộ	3	3	-	-
Tổng cộng lượng nước sử dụng tính cho ngày lớn nhất (không kể nước PCCC)		11,05	7,05	4	4

(Nguồn: Công ty TNHH Sản xuất – Thương mại Phân hữu cơ Sinh học Thanh Bình)

Bảng 1. 5. Nhu cầu sử dụng nước tối đa của cơ sở

Stt	Mục đích sử dụng nước	Nhu cầu sử dụng nước	Nước cấp từ giếng khoan	Nước tái sử dụng	Nước thải sau tái sử dụng
		(m ³ /ngày.đêm)			
1	Sinh hoạt của công nhân viên	4	2	2	4
2	Nước sử dụng cho quá trình phối trộn phân hữu cơ sinh học	4	0,4	3,6	-
3	Nước cấp cho HTXL khí thải lò sấy (thay mới lượng nước tại bể lắng của hệ thống 1 tháng/lần)	2	2	-	1,6
4	Tưới cây, tạo ẩm đường nội bộ	3	3	-	-
Tổng cộng lượng nước sử dụng tính cho ngày lớn nhất (không kể nước PCCC)		13	7,4	5,6	5,6

(Nguồn: Công ty TNHH Sản xuất – Thương mại Phân hữu cơ Sinh học Thanh Bình)

5. Các thông tin khác liên quan đến cơ sở

- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0304323098 đăng ký lần đầu ngày 07/4/2006, đăng ký thay đổi lần thứ 8 ngày 14/10/2022 do Phòng đăng ký kinh doanh – Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp;

- Văn bản số 3032/UBND-KT ngày 23/12/2008 của UBND huyện Vĩnh Cửu về việc thỏa thuận địa điểm dự án đầu tư xây dựng nhà máy sản xuất phân bón của Công ty TNHH SX-TM phân HCSH Thanh Bình tại ấp Vàm xã Thiện Tân.

- Văn bản số 12154/STNMT-QH ngày 26/12/2024 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đồng Nai về việc phúc đáp nội dung đề nghị của công ty TNHH Sản xuất – Thương mại phân hữu cơ sinh học Thanh Bình.

- Quyết định số 640/QĐ-UBND do UBND tỉnh Đồng Nai cấp ngày 11/03/2010 về việc phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án “Xây dựng xưởng sản xuất phân hữu cơ sinh học Thanh Bình, công suất 30.000 tấn/năm” của Công ty TNHH sản xuất thương mại phân hữu cơ sinh học Thanh Bình.

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BD777670 cấp ngày 05/5/2011 do Sở Tài nguyên và Môi trường cấp cho Công ty TNHH Sản xuất – Thương mại Phân hữu cơ Sinh học Thanh Bình với tổng diện tích 5.001 m²;

- Văn bản số 844/UBND ngày 31/12/2024 của UBND xã Thiện Tân về việc chấp thuận cho Công ty TNHH Sản xuất – Thương mại phân hữu cơ sinh học Thanh Bình được đầu nối tạm tuyến thoát nước mưa ra mương nước hiện hữu tại ấp Vàm, xã Thiện Tân.

- Văn bản số 1391/UBND-KTHT ngày 17/12/2025 do UBND phường Trảng Dài xác nhận Đăng ký công trình khai thác nước dưới đất của Công ty;

- Giấy chứng nhận thẩm duyệt về PCCC số 272/TD-PCCC(PC23) ngày 16/6/2009 do phòng Cảnh sát PCCC – Công an tỉnh Đồng Nai cấp;

- Văn bản nghiệm thu hệ thống PCCC số 215/PCCC-NT này 5/7/2010 của Phòng CS PCCC&CNCH tỉnh Đồng Nai cấp;

- Giấy phép xây dựng số 1230/GPXD ngày 24/6/2008 của UBND huyện Vĩnh Cửu.

- Giấy phép xây dựng số 6690/GPXD ngày 06/11/2020 của UBND huyện Vĩnh Cửu.

- Hợp đồng xử lý chất thải nguy hại, công nghiệp giữa Công ty TNHH sản xuất thương mại phân hữu cơ sinh học Thanh Bình và Công ty TNHH Môi trường Sen vàng;

- Hợp đồng thu gom rác thải sinh hoạt giữa Công ty TNHH sản xuất thương mại phân hữu cơ sinh học Thanh Bình và Công ty TNHH Môi trường Trà Nguyên.

- Giấy phép sản xuất phân bón hữu cơ và phân bón khác, mã số giấy phép: 08.67.0616 do Cục trồng trọt – Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn cấp lần đầu ngày 30/6/2016.

- Quyết định số 46461/QĐ-VC ngày 19/5/2023 về việc cấp giấy chứng nhận hợp quy của Trung tâm giám định và chứng nhận hợp chuẩn hợp quy Vietcert.

- Quyết định số 51468/QĐ-VC ngày 19/5/2023 về việc cấp giấy chứng nhận hợp quy của Trung tâm giám định và chứng nhận hợp chuẩn hợp quy Vietcert.

5.1. Hạng mục công trình cơ sở

Cơ sở thực hiện trên khu đất có tổng diện tích 5.001 m² tại thửa đất số 415, tờ bản đồ số 39, phường Trảng Dài, tỉnh Đồng Nai (theo Giấy tờ đất số BD777670 cấp ngày 05/5/2011 do Sở Tài nguyên và Môi trường cấp với tổng diện tích 5.001 m²).

Bảng 1. 6. Cơ cấu sử dụng đất của cơ sở

Stt	Loại đất	Diện tích (m ²)	Tỉ lệ (%)
1	Diện tích công trình xây dựng	2.426,4	48,5
2	Cây xanh, thảm cỏ	1.160,6	23,2
3	Đường giao thông nội bộ, sân bãi	1.414	28,3
	Tổng diện tích	5.001	100

(Nguồn: Công ty TNHH Sản xuất – Thương mại Phân hữu cơ Sinh học Thanh Bình)

Bảng 1. 7. Diện tích các hạng mục công trình của cơ sở

Stt	Hạng mục xây dựng	Diện tích (m ²)	Tỉ lệ (%)	Ghi chú
I	Công trình xây dựng	2.426,4	48,5	
I.1	Công trình chính			
1	Nhà xưởng chính	1.960	-	Hiện hữu
2	Nhà văn phòng	374	-	Hiện hữu
I.2	Công trình phụ trợ			
3	Nhà bảo vệ	9	-	Hiện hữu
4	Nhà bảo trì	78	-	Hiện hữu
5	Bể nước PCCC (âm dưới đất)	-	-	Hiện hữu
6	Trạm cân	-	-	Hiện hữu
7	Nhà gác (Nhà vận hành HTXL nước thải)	5,4	-	Hiện hữu
I.3	Công trình môi trường			

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường

11	Hệ thống xử lý nước thải (âm dưới đất)	-	-	Hiện hữu
12	Khu lưu chứa chất thải thông thường 20m ² , khu lưu chứa chất thải nguy hại 5m ² (bố trí bên trong nhà xưởng)	-	-	Hiện hữu
II	Cây xanh, thảm cỏ	1.160,6	23,2	-
III	Đường giao thông nội bộ, sân bãi	1.414	28,3	-
Tổng diện tích		5.001	100	

(Nguồn: Công ty TNHH Sản xuất – Thương mại Phân hữu cơ Sinh học Thanh Bình)

Hình ảnh hiện trạng các hạng mục công trình và cây xanh tại cơ sở:



Chủ cơ sở: Công ty TNHH Sản xuất – Thương mại Phân hữu cơ Sinh học Thanh Bình
Địa chỉ: Khu phố Vàm, phường Trảng Dài, tỉnh Đồng Nai



(Nguồn: Công ty TNHH Sản xuất – Thương mại Phân hữu cơ Sinh học Thanh Bình)

5.2. Danh mục máy móc, thiết bị sử dụng của cơ sở

Các loại máy móc, trang thiết bị chính phục vụ hoạt động của cơ sở được trình bày chi tiết trong bảng sau:

Bảng 1. 8. Máy móc, thiết bị phục vụ cho hoạt động của cơ sở

Stt	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Công suất	Xuất xứ	Tình trạng
1	Cụm nạp liệu	Cụm	1	15kW	Việt Nam	Sử dụng tốt
2	Máy trộn nguyên liệu	Máy	1	15kW	Việt Nam	Sử dụng tốt
3	Máy tạo viên	máy	8	50kW	Việt Nam	Sử dụng tốt
4	Lò sấy	Lò	1	5 tấn/h	Việt Nam	Sử dụng tốt
5	Máy làm nguội sau khi sấy	Máy	1	42kW	Việt Nam	Sử dụng tốt
6	Sàn phân loại	Bộ	2	5kW	Việt Nam	Sử dụng tốt
7	Máy đánh toí	Bộ	1	30kW	Việt Nam	Sử dụng tốt
8	Băng tải thu gom vận chuyển	Bộ	20	3-5kW	Việt Nam	Sử dụng tốt

(Nguồn: Công ty TNHH Sản xuất – Thương mại Phân hữu cơ Sinh học Thanh Bình)

Ghi chú:

Cấu tạo lò đốt than bao gồm: hệ thống cấp liệu, buồng đốt, buồng lắng bụi than, thân lò, đường ống cấp nhiệt vào máy sấy, thiết bị điều khiển nhiệt độ.

Hình ảnh máy móc thiết bị hiện hữu tại cơ sở:





(Nguồn: Công ty TNHH Sản xuất – Thương mại Phân hữu cơ Sinh học Thanh Bình)

CHƯƠNG II: SỰ PHÙ HỢP CỦA CƠ SỞ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG

1. Sự phù hợp của cơ sở với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường:

1.1. Sự phù hợp với quy định hiện hành và quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, phân vùng môi trường

Đối chiếu với Quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia thời kỳ 2011-2030, tầm nhìn đến năm 2050 tại Quyết định 611/QĐ-TTg ngày 08/07/2024 của Thủ tướng Chính phủ, được đánh giá qua các khía cạnh như sau:

a) Về đáp ứng công tác bảo vệ môi trường

* *Giảm thiểu tác động đến môi trường từ hoạt động phát triển KT-XH:*

Nhà máy không có yếu tố nhạy cảm về môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020. Nhà máy sản xuất phân bón hữu cơ chỉ phối trộn, đóng gói, khối lượng chất thải phát sinh ít.

Các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động (khí thải, nước thải, chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại) được thu gom, vận chuyển, xử lý đạt các yêu cầu về bảo vệ môi trường. Đồng thời, toàn bộ nước thải phát sinh từ hoạt động của công nhân viên và nước thải từ HTXL khí thải lò sấy với lượng nhỏ (tối đa 5,6 m³/ngày đêm) được thu gom về HTXL nước thải công suất 10m³/ngày xử lý đạt QCVN 40:2011/BTNMT Cột A, K_q = 0,9; K_f = 1,2 và tái sử dụng cho các công đoạn sản xuất phân, không thải ra môi trường.

Nhà máy cam kết thực hiện công tác quan trắc giám sát môi trường định kỳ theo hồ sơ môi trường được cấp cho các nguồn thải trước khi thoát ra môi trường.

Trong quá trình hoạt động, Nhà máy không đề xảy ra tình trạng ô nhiễm môi trường xung quanh dẫn đến khiếu nại hay khiếu kiện.

Trong khuôn viên Nhà máy trồng nhiều cây xanh, thảm cỏ tạo cảnh quan sạch đẹp, thân thiện với môi trường.

* *Bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học:*

Khu vực Nhà máy không có công trình danh lam thắng cảnh, di tích lịch sử được xếp hạng, không thuộc khu vực bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học. Vì vậy, hoạt động của Nhà máy không ảnh hưởng đến hệ sinh thái, đa dạng sinh

học, bảo tồn thiên nhiên.

*** Thúc đẩy mô hình tăng trưởng bền vững:**

Nhà máy luôn hướng ứng và chấp hành tốt công tác bảo vệ môi trường, để hướng đến một nền công nghiệp “sản xuất sạch”, “tiết kiệm năng lượng”.

b) Về đáp ứng phân vùng môi trường

Căn cứ điểm a, khoản 4, Điều 1, Quyết định 611/QĐ-TTg đối với định hướng phân vùng môi trường thực hiện theo Điều 25 Nghị định 37/2019/NĐ-CP ngày 07/05/2019 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật quy hoạch và Điều 22, Điều 23 Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật bảo vệ môi trường 2020, Nhà máy thuộc phân vùng khác là khu vực còn lại trên địa bàn (không thuộc “Vùng bảo vệ nghiêm ngặt” hay “Vùng hạn chế phát thải”).

Như vậy, Nhà máy đáp ứng được các quy định về nhiệm vụ bảo vệ môi trường theo quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia tại Quyết định 611/QĐ-TTg ngày 08/07/2024 của Thủ tướng Chính phủ.

1.2. Sự phù hợp của cơ sở với quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường của địa phương

Về quy hoạch tỉnh: Theo Quyết định số 586/QĐ-TTg ngày 03/7/2024 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tỉnh Đồng Nai thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050, Dự án nằm tại phường Trảng Dài phù hợp với mục tiêu của quy hoạch: phù hợp với phương án tổ chức hoạt động kinh tế - xã hội theo vùng kinh tế phía Tây.

Đồng thời ngày 22/5/2023 UBND tỉnh Đồng Nai đã ban hành Kế hoạch số 128/KH-UBND về Bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh Đồng Nai năm 2023. Trong quá trình hoạt động chủ cơ sở đảm bảo tuân thủ theo Kế hoạch số 128/KH-UBND ngày 22/5/2023.

Hiện tại trên địa bàn tỉnh Đồng Nai đã ban hành Quyết định số 35/2015/QĐ-UBND ngày 19/10/2015 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc phân vùng môi trường tiếp nhận nước thải và khí thải công nghiệp trên địa bàn tỉnh Đồng Nai và Quyết định số 36/2018/QĐ-UBND ngày 06/09/2018 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc Sửa đổi, bổ sung Khoản 1, Khoản 2, Điều 1 của Quyết định số 35/2015/QĐ-UBND ngày 19/10/2015 của UBND tỉnh về việc phân vùng môi trường tiếp nhận nước thải và khí thải công nghiệp trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

2. Sự phù hợp của cơ sở đối với khả năng chịu tải của môi trường:

Sự phù hợp của cơ sở đối với khả năng chịu tải của môi trường tiếp nhận chất thải như sau:

Thực hiện theo thông tư số 76/2017/TT-BTNMT ngày 29/12/2017 của Bộ Tài nguyên Môi trường Quy định về đánh giá khả năng tiếp nhận nước thải, sức chịu tải của nguồn nước sông, hồ và Thông tư số 02/2022/TT- BTNMT ngày 10/1/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật bảo vệ môi trường.

- Đối với nước thải: Toàn bộ nước thải phát sinh tại cơ sở sẽ được thu gom về HTXL nước thải tập trung của cơ sở với công suất 10 m³/ngày.đêm để xử lý. Nước thải sau xử lý đạt QCVN 40:2011/BTNMT Cột A, $K_q = 0,9$; $K_f = 1,2$ được công ty tái sử dụng hoàn toàn cho quá trình phối trộn phân bón hữu cơ và dội toilet, không xả thải ra ngoài môi trường.

- Đối với bụi, khí thải: Công ty có lắp đặt hệ thống thu gom xử lý bụi, khí thải đạt Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với bụi, khí thải theo QCVN 19:2009/BTNMT cột B, hệ số $K_v = 0,8$ và $K_p = 0,9$ trước khi thoát ra môi trường.

CHƯƠNG III: KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

1. Công trình, biện pháp thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải

1.1. Thu gom, thoát nước mưa

- Hệ thống thoát nước mưa và nước thải của cơ sở được xây dựng tách riêng biệt.

- Nước mưa sau khi được thu gom được dẫn vào mương thoát nước được xây dựng xung quanh xưởng và dọc các tuyến đường giao thông.

- Hiện tại, Công ty đã bố trí ống thu gom nước mưa từ mái nhà xưởng. Hệ thống thoát nước mưa được xây dựng dọc hai bên đường giao thông nội bộ, bố trí các hố ga có song chắn rác. Sau khi qua song chắn rác, nước mưa sẽ được dẫn ra hệ thống thoát nước của khu vực và ra nguồn tiếp nhận là sông Đồng Nai.

Nước mưa từ mái nhà các khu vực văn phòng, nhà xưởng, khuôn viên,... được thu gom theo đường ống PVC Ø90 dẫn về mương thoát nước mưa được xây dựng bằng BTCT Ø400- Ø600, $i=0,3\%$. Dọc hệ thống cống được bố trí các hố ga bê tông cốt thép, khoảng cách đặt hố ga là 15m 1 hố.

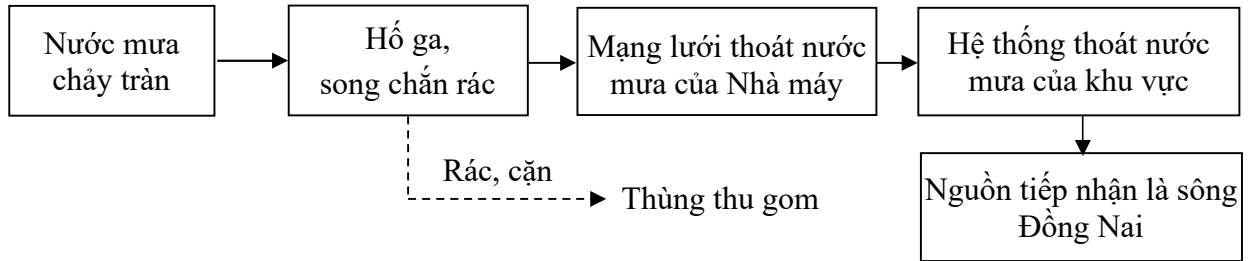
Thông số kỹ thuật của hệ thống thoát nước mưa với các thông số kỹ thuật:

- Đường ống PVC Ø90, thoát nước mưa mái nhà đến mương thoát nước.
- Mương hở B600, B400, $i=0,3\%$; mương kín B600, $i=0,3\%$, tổng chiều dài đường ống thu gom nước mưa $L=160m$.
- Song chắn rác có bề dày 5 mm, khoảng cách giữa các thanh là 15 mm.
- Vị trí đầu nổi nước mưa với khu vực: 2 vị trí
- + Tọa độ vị trí đầu nổi số 1: $X=1217106$; $Y=407343$;
- + Tọa độ vị trí đầu nổi số 2: $X=1217103$; $Y=407392$;

(theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực $107^{\circ}45'$, múi chiếu 3^0)

Công ty đã được UBND xã Thiện Tân chấp thuận đầu nổi tạm tuyến thoát nước mưa ra mương nước hiện hữu tại ấp Vàm, xã Thiện Tân tại Văn bản số 844/UBND ngày 31/12/2024.

Sơ đồ thu gom nước mưa của Công ty:



Hình 3. 1. Sơ đồ thu gom, thoát nước mưa của cơ sở

Ngoài ra, cơ sở có bố trí công nhân quét dọn, thu gom vệ sinh hàng ngày để hạn chế các chất bẩn có trên mặt bằng Công ty nhằm giảm thiểu ô nhiễm nguồn nước cũng như tạo môi trường sạch sẽ trong Công ty. Đối với lượng chất rắn lắng tại các hồ ga như: đất cát, rác,... được định kỳ nạo vét, thu gom, xử lý theo quy định để tránh tắc nghẽn cống thoát nước mưa.

Nguyên liệu và sản phẩm tại cơ sở được lưu chứa bên trong khu vực nhà xưởng đảm bảo không rơi vãi và không lưu chứa bên ngoài. Do đó không xảy ra tình trạng nước mưa chảy tràn kéo theo nguyên liệu, sản phẩm, bụi đi vào môi trường nước.

Hình ảnh các vị trí đầu nối nước mưa với khu vực:



1.2. Thu gom, thoát nước thải

1.2.1. Đối với nước thải sinh hoạt

Công ty đã xây dựng các bể tự hoại để đảm bảo xử lý sơ bộ lượng nước thải sinh hoạt phát sinh tại cơ sở. Hệ thống ống thoát nước thải từ các khu nhà vệ sinh xuống bể tự hoại làm bằng ống nhựa uPVC chịu áp lực có đường kính, Φ27.

Nước thải từ các hoạt động sinh hoạt của công nhân tại cơ sở sau khi qua các bể tự hoại để xử lý sơ bộ sẽ được dẫn bằng đường ống PVC Φ27, có tổng

chiều dài $L=126\text{m}$ về hệ thống xử lý nước thải công suất $10\text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$ để xử lý.

1.2.2. Đối với nước thải từ nhà ăn

Cơ sở không thực hiện nấu ăn cho công nhân tại cơ sở mà đặt suất ăn công nghiệp bên ngoài nên không phát sinh nước thải từ hoạt động nhà ăn.

1.2.3. Đối với nước thải sản xuất

Cơ sở không phát sinh nước thải từ hoạt động sản xuất.

Ngoài ra, định kỳ 01 tháng/lần Công ty thực hiện thay nước tại bể lắng của HTXL khí thải lò sấy với lưu lượng $2\text{m}^3/\text{ngày}$. Lượng nước được thu gom bằng tank nhựa dung tích 1.000 lít có nắp đậy kín và đưa về hố ga thu gom của HTXL nước thải công suất $10\text{ m}^3/\text{ngày}$ để xử lý.

1.3. Xử lý nước thải:

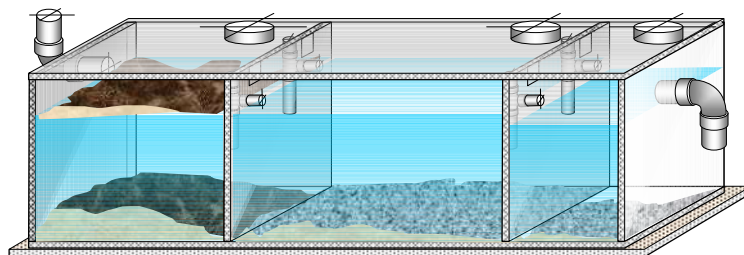
Công ty đã xây dựng hệ thống xử lý nước thải, công suất $10\text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$ để xử lý toàn bộ các loại nước thải phát sinh của cơ sở, đảm bảo chất lượng nước thải được xử lý theo đúng quy định trước khi tái sử dụng hoàn toàn cho quá trình phối trộn phân hữu cơ và dội toilet, không xả thải ra môi trường.

1.3.1. Xử lý nước thải sinh hoạt:

Nước thải từ quá trình vệ sinh cá nhân của công nhân được thu gom và xử lý sơ bộ qua 02 bể tự hoại 3 ngăn (thể tích $10\text{ m}^3/\text{bể}$) để xử lý sơ bộ trước khi dẫn về HTXL nước thải công suất $10\text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$ của Công ty.

Nước thải sau xử lý đạt QCVN 40:2011/BTNMT Cột A, $K_q = 0,9$; $K_f = 1,2$ trước khi tái sử dụng hoàn toàn cho quá trình phối trộn phân hữu cơ và dội toilet, không xả thải ra ngoài môi trường.

*** Sơ đồ cấu tạo bể tự hoại như sau:**



Hình 3. 2. Sơ đồ cấu tạo bể tự hoại

A: Ngăn tự hoại (ngăn thứ nhất) B: Ngăn lắng (ngăn thứ hai)

C: Ngăn lọc (ngăn thứ ba), D: Ngăn định lượng với xi phong tự động

1 - Ống dẫn nước thải vào bể tự hoại; 2 - Ống thông hơi; 3 - Hộp bảo vệ; 4 - Nắp để hút cặn; 5 - Đan bê tông cốt thép nắp bể; 6 - Lỗ thông hơi; 7 - Vật liệu lọc; 8 - Đan rút nước; 9 - Xi phong định lượng; 10 - Ống dẫn nước thải đến công trình xử lý tiếp theo.

*** Nguyên lý hoạt động**

Bể tự hoại 3 ngăn xử lý là ngăn chứa nước vào, ngăn lắng và ngăn lọc có hai chức năng chính là lắng cặn và phân hủy cặn lắng. Thời gian lưu nước trong bể từ 1- 3 ngày thì có khoảng 90% chất rắn lơ lửng sẽ lắng xuống đáy bể. Cặn được giữ lại trong đáy bể từ 3 - 6 tháng, dưới ảnh hưởng của hệ vi sinh vật kỵ khí, các chất hữu cơ bị phân hủy một phần, một phần tạo ra các chất khí và một phần tạo thành các chất vô cơ hoà tan. Quá trình lên men chủ yếu diễn ra trong giai đoạn đầu là lên men axit, các chất khí tạo ra trong quá trình phân giải CH_4 , CO_2 , H_2S ,... Cặn trong bể tự hoại được lấy ra định kỳ, mỗi lần lấy phải để lại khoảng 20% lượng cặn đã lên men lại trong bể để làm giống men cho bùn cặn tươi mới lắng, tạo điều kiện thuận lợi cho quá trình phân hủy cặn. Nước thải được lưu trong bể một thời gian dài để đảm bảo hiệu suất lắng cao rồi mới chuyển qua ngăn lọc và thoát ra ngoài đường ống dẫn. Mỗi bể tự hoại đều có ống thông hơi để giải phóng khí từ quá trình phân hủy.

Phần cặn được lưu lại phân huỷ kỵ khí trong bể, phần nước sau xử lý được dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung của cơ sở công suất 10 $\text{m}^3/\text{ngày.đêm}$ để tiếp tục xử lý đạt QCVN 40:2011/BTNMT Cột A, $K_q = 0,9$; $K_f = 1,2$ trước khi tái sử dụng hoàn toàn cho quá trình phối trộn phân hữu cơ và dội toilet, không xả thải ra ngoài môi trường.

Lượng bùn dư sau thời gian lưu thích hợp sẽ thuê xe hút chuyên dùng (loại xe hút hầm cầu), đây là một giải pháp đơn giản, dễ quản lý nhưng hiệu quả xử lý tương đối cao.

Tính toán bể tự hoại:

Tổng thể tích phần lắng của bể tự hoại W bao gồm thể tích phần chứa nước W_n và thể tích phần chứa bùn W_b :

$$W = W_n + W_b$$

- Thể tích phần nước được tính theo công thức:

$$W_n = K \times Q = 1,2 \times 4 = 4,8 \text{ (m}^3\text{)}$$

Trong đó:

- K: Hệ số lưu lượng, $K = 1,2$
- Q: Lưu lượng nước thải qua bể tự hoại trung bình ngày, $Q = 4 \text{ m}^3/\text{ngày}$
- **Thể tích phân bùn được tính theo công thức sau:**

$$W_b = a \times N \times t \times (100 - P1) \times 0,7 \times 1,2 \times (100 - P2)/100.000$$

Trong đó:

- a: Tiêu chuẩn cần lắng cho 1 người, $a = 0,4 - 0,5 \text{ l/người.ngày.đêm}$
- N: Số công nhân viên, $N = 40 \text{ người}$
- t: Thời gian tích lũy cặn trong bể tự hoại, $t = 90 - 180 \text{ ngày.đêm}$
- 0,7: Hệ số tính đến 30% cặn đã được phân hủy
- 1,2: Hệ số tính đến 20% cặn được giữ lại trong bể tự hoại (lượng vi khuẩn cần thiết để xử lý cặn tươi)
- P1: Độ ẩm của cặn tươi, $P1 = 95\%$
- P2: Độ ẩm trung bình của cặn trong bể tự hoại, $P2 = 90\%$

$$W_b = 0,5 \times 40 \times 180 \times (100 - 95) \times 0,7 \times 1,2 \times (100 - 90)/100.000 = 1,512 \text{ (m}^3\text{)}$$

Thể tích tổng cộng phân lắng của bể tự hoại sẽ là:

$$W = W_n + W_b = 4,8 + 1,512 = 6,312 \text{ m}^3$$

Như vậy, tổng dung tích bể tự hoại cần thiết cho cơ sở khoảng $6,5 \text{ m}^3$. Công ty có 1 bể tự hoại tại nhà văn phòng với thể tích 10 m^3 /bể đảm bảo xử lý sơ bộ nước thải sinh hoạt của cơ sở. Nước thải sau khi xử lý sơ bộ qua bể tự hoại sẽ được đưa về HTXL nước thải của Công ty để xử lý đạt tiêu chuẩn trước khi tái sử dụng hoàn toàn cho quá trình phối trộn phân hữu cơ và dội toilet, không xả thải ra ngoài môi trường.

Đặc tính, thông số kích thước của mỗi bể tự hoại hiện hữu của công ty được tổng hợp qua bảng sau:

Bảng 3. 1. Thông số kỹ thuật của bể tự hoại

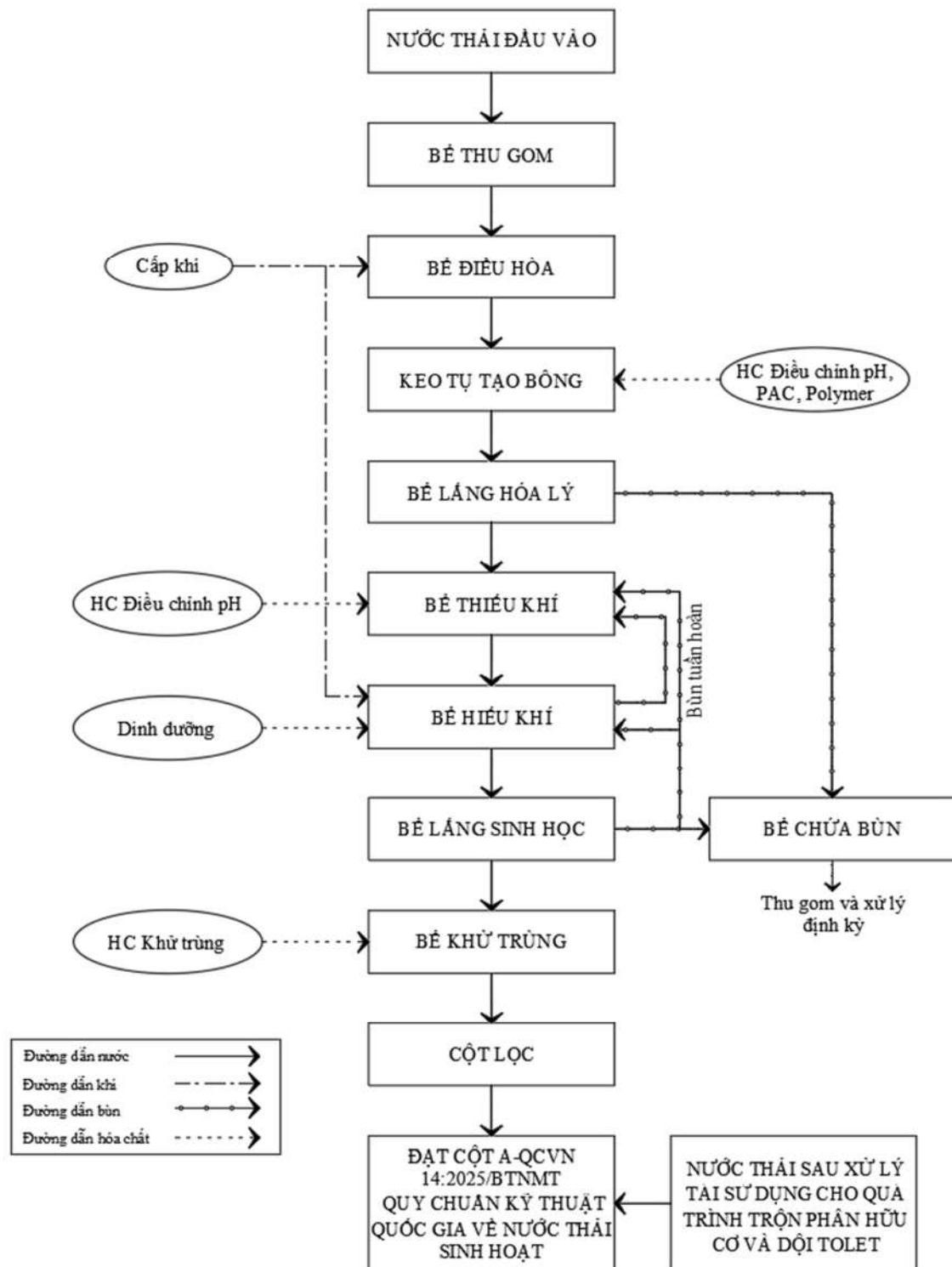
Stt	Tên bể xử lý	Số lượng	Thể tích (m ³)	Thông số kỹ thuật	Ghi chú
1	Bể tự hoại 01	01	10 m ³	L*W*H=2,5*2,0*2,0 (m)	Tại khu nhà vệ sinh văn phòng

(Nguồn: Công ty TNHH Sản xuất – Thương mại Phân hữu cơ Sinh học Thanh Bình)

1.3.2. Hệ thống xử lý nước thải công suất 10 m³/ngày.đêm

Công ty đã xây dựng hệ thống xử lý nước thải công suất 10 m³/ngày để xử lý toàn bộ nước thải phát sinh từ các hoạt động của cơ sở. Do đó, khi Cơ sở hoạt động sản xuất hết công suất tối đa thì hệ thống xử lý nước thải vẫn đảm bảo công suất tiếp nhận và xử lý của hệ thống.

Sơ đồ quy trình xử lý nước thải tổng thể của Công ty:



Hình 3. 3. Sơ đồ công nghệ xử lý nước thải của cơ sở

Thuyết minh quy trình:

❖ Bể thu gom

Nước thải sinh hoạt tại nhà máy, được đưa về tập trung tại bể thu gom sau đó đưa về bể điều hòa.

❖ Bể điều hòa

Bể điều hòa có nhiệm vụ ổn định lưu lượng và nồng độ các chất ô nhiễm có trong nước thải để tạo chế độ làm việc ổn định cho các công đoạn phía sau, tránh hiện tượng quá tải trong những giờ cao điểm.

Bể điều hòa được thiết kế với thời gian lưu đủ lớn để cân bằng về lưu lượng và nồng độ các thành phần ô nhiễm có trong nước thải.

Nhiệm vụ của bể điều hòa:

- Lưu trữ nước thải phát sinh vào những giờ cao điểm và phân phối đều cho các bể xử lý phía sau;
- Kiểm soát các dòng nước thải có nồng độ ô nhiễm cao;
- Giúp ổn định nồng độ pH;
- Tránh gây quá tải cho các quá trình xử lý phía sau;
- Đảm bảo tính liên tục cho hệ thống và các công trình tiếp theo hoạt động hiệu quả;
- Tránh hiện tượng lắng cặn ở bể điều hoà, xử lý được phần nào hàm lượng COD, BOD đạt khoảng 20-30%.
- Có vai trò là bể chứa nước thải khi hệ thống dừng lại để sửa chữa hay bảo trì.

Trong bể điều hoà được lắp đặt hệ thống phân phối khí thô dưới đáy bể. Khí được cấp vào từ máy thổi khí nhằm hoà trộn đều dòng nước thải ở trong bể, tránh tạo điều kiện phân hủy sinh học kỵ khí phát sinh mùi hôi, tích tụ cặn lắng dưới đáy bể.

Khí được cấp liên tục nhằm xáo trộn để phân hủy một phần chất hữu cơ trong nước thải. Sục khí làm thoáng sơ bộ, tránh phân hủy kỵ khí gây mùi hôi. Nước thải sau khi được ổn định lưu lượng và nồng độ. Tại Bể điều hòa nước thải sẽ lần lượt được bơm đưa về bể thiếu khí để tiếp tục quá trình xử lý sinh học.

❖ Bể keo tụ - tạo bông

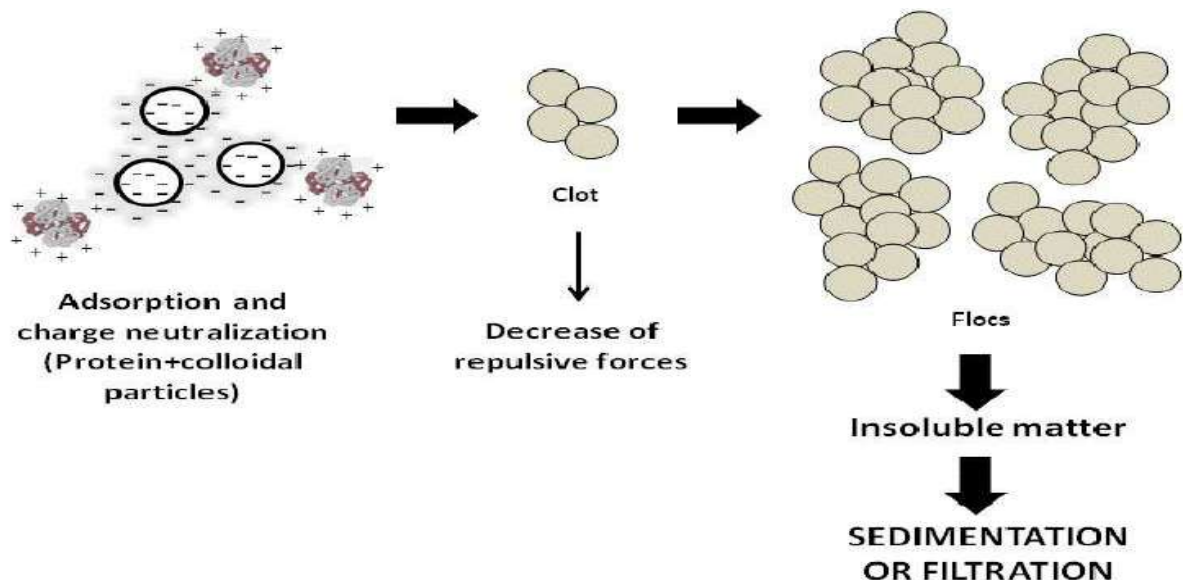
Với những loại nước thải có các thành phần ô nhiễm như chất rắn lơ lửng có tính keo,... với hàm lượng cao thì trong công nghệ xử lý cần phải sử dụng

phương pháp hóa lý để kết tủa chất rắn lơ lửng và giảm bớt một số thành phần ô nhiễm khác.

Trong nước thải, chất rắn lơ lửng là thường tồn tại ở kích thước của hạt thường dao động trong khoảng 0,1 đến 10 μm . Các hạt này không nổi cũng không lắng và do đó tương đối khó tách loại. Vì kích thước hạt nhỏ, tỷ số diện tích bề mặt và thể tích của chúng rất lớn nên hiện tượng hóa học bề mặt trở nên rất quan trọng. Do đó, để phá tính bền của hạt keo cần trung hòa điện tích bề mặt của chúng, quá trình này được gọi là quá trình keo tụ.

Các hạt keo đã bị trung hòa điện tích có thể liên kết với những hạt keo khác tạo thành bông cặn có kích thước lớn hơn, nặng hơn và lắng xuống, quá trình này được gọi là quá trình tạo bông.

Sau đó, polymer được cho vào tạo ra các cầu nối cho các hạt bông. Cầu nối được hình thành khi các đoạn của chuỗi polymer bám dính vào các phân tử chất keo. Các tác nhân tạo bông được đưa vào từ từ nhằm cho phép chúng tiếp xúc với hạt bông nhỏ tạo thành các hạt lớn hơn để lắng đọng và bị loại bỏ ở bể lắng hóa lý.



❖ Bể lắng hóa lý

Nước thải sau khi được keo tụ tạo bông, các bông cặn đã đạt đến kích thước và tỷ trọng để lắng hiệu quả sẽ tự chảy vào bể lắng. Bùn lắng nặng và đập vào thành bể lắng sẽ rơi xuống đáy bể. Nước sau hóa lý sẽ được chảy tràn sang bể điều hòa. Bùn hóa lý tại bể lắng cuối ngày sẽ được bơm về bể chứa bùn.

❖ Bể thiếu khí

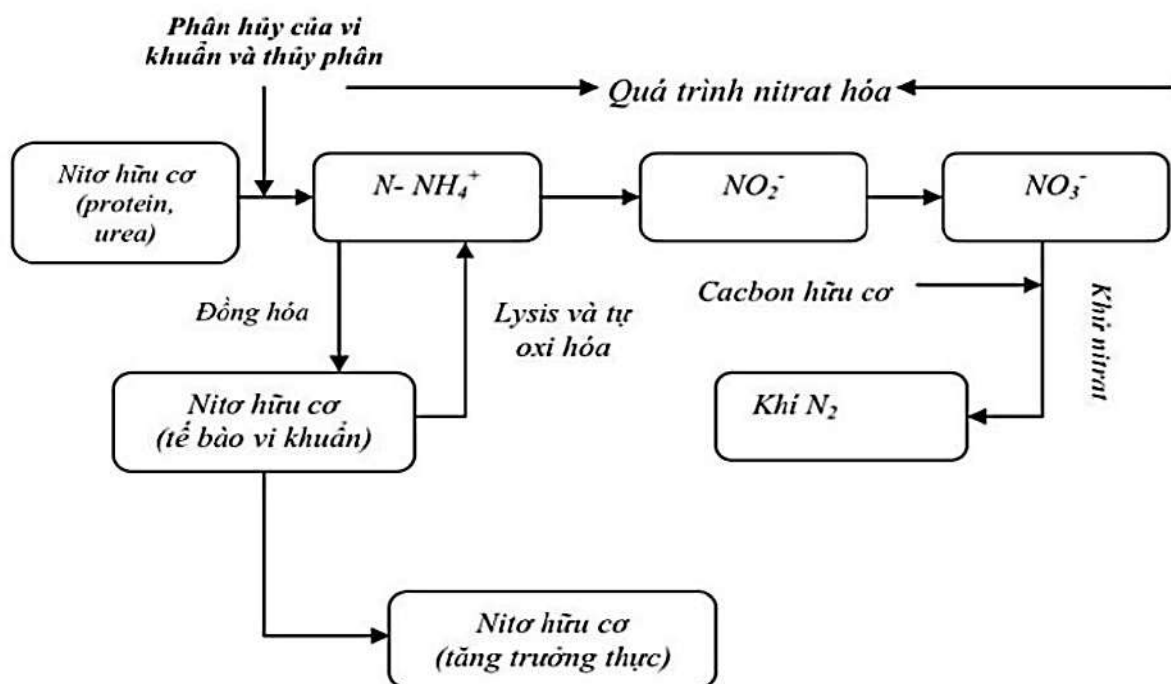
Tại bể sinh học thiếu khí Anoxic quá trình khử nitrat được xảy ra trong

điều kiện thiếu oxy. Hệ vi sinh vật thiếu khí sẽ hấp thụ chất dinh dưỡng và khử Nitrate thành nitơ tự do thoát ra khỏi mặt thoáng của bể tạo ra quá trình khử nitrat hiệu quả. Bơm đảo trộn nhằm khuấy trộn nước thải và bùn có trong bể giúp tạo điều kiện thiếu oxy và vi sinh vật tiếp xúc với nước thải một cách tốt nhất.

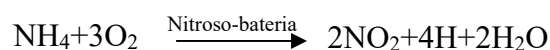
Thông số quan trọng ảnh hưởng tới hiệu quả khử Nitơ là:

- (1) Thời gian lưu nước của bể thiếu khí.
- (2) Nồng độ vi sinh trong bể.
- (3) Tốc độ tuần hoàn nước và bùn từ bể hiếu khí và bể lắng.
- (4) Nồng độ chất hữu cơ phân hủy sinh học.
- (5) Phần nồng độ chất hữu cơ dễ phân hủy sinh học.
- (6) Nhiệt độ.

Trong các thông số trên, phần nồng độ chất hữu cơ dễ phân hủy sinh học đóng vai trò cực kì quan trọng trong việc khử Nitơ. Nghiên cứu cho thấy nước thải cùng một nồng độ hữu cơ có khả năng phân hủy sinh học (bCOD) nhưng khác về thành phần nồng độ chất hữu cơ dễ phân hủy sinh học (rbCOD). Trường hợp nào có rbCOD càng cao, tốc độ khử Nitơ càng cao.



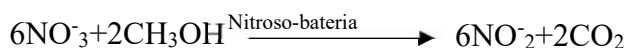
Quá trình 1 Nitrate hóa: là quá trình hóa sinh chuyển hóa Nitơ từ dạng Nitơ Amoni ($N-NH_4^+$) thành dạng Nitrate ($N-NO_3^-$), quá trình này diễn ra theo 2 giai đoạn với các chủng vi sinh hoạt động chuyên biệt, có thể tạm chia thành 2 giai đoạn Nitrite hóa và giai đoạn Nitrate hóa.



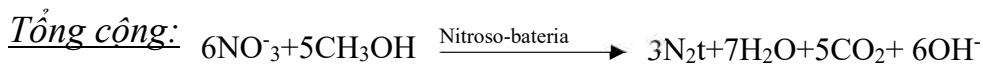
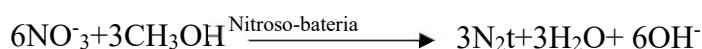
Nitrite tồn tại không bền trong điều kiện giàu oxy dễ dàng bị oxy hóa đẩy Nito đến số oxy hóa tối đa trở thành dạng Nitrate.



Quá trình khử Nitrate trong nước thải: là quá trình sinh hóa khử Nitrate về dạng khí Nito thoát ra khỏi pha lỏng. Quá trình này diễn ra trong điều kiện thiếu khí. Đầu tiên Nitrate bị khử chuyển hóa trở lại thành Nitrite.



Đến đây để tránh nitrite bị oxy hóa trở lại thành Nitrite phản ứng phải diễn ra trong điều kiện thiếu khí để diễn ra quá trình khử Nito, nhận electron trở về dạng tro là N_2 thoát ra khỏi hệ



Dinh dưỡng được châm vào cân bằng tỷ lệ dưỡng chất để thúc đẩy quá trình khử Nito ở bể Anoxic.

❖ Bể hiếu khí

Nước thải được đưa về bể sinh học hiếu khí. Tại đây nước thải được trung hòa nồng độ và lưu lượng, tạo môi trường thuận lợi cho vi sinh phát triển trong quá trình xử lý sinh học kế tiếp.

Mục đích của bể này là:

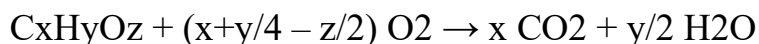
- Giảm nồng độ các chất hữu cơ thông qua hoạt động của vi sinh tự dưỡng hiếu khí.

- Thực hiện quá trình nitrate hóa nhằm tạo ra lượng nitrate cho hệ thống thiếu khí phía trước thông qua nhóm vi sinh vật Nitrosomonas và Nitrobacter.

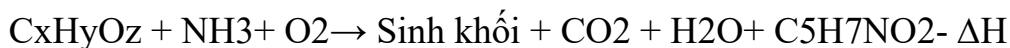
- Không khí được cấp vào trong bể tạo điều kiện xáo trộn bùn hoạt tính và nước thải. Vi sinh vật sử dụng oxy được cấp vào để tiêu thụ các chất ô nhiễm hữu cơ có trong nước thải. Quá trình phân hủy các hợp chất hữu cơ có trong

nước thải thành các hợp chất vô cơ đơn giản như CO₂ và H₂O theo 3 giai đoạn.

- Oxy hóa các chất hữu cơ



- Tổng hợp sinh khối tế bào

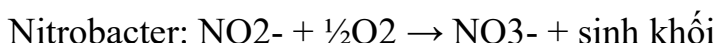
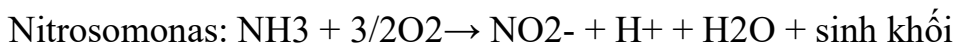


- Tự oxy hóa vật liệu tế bào (phân hủy nội bào)

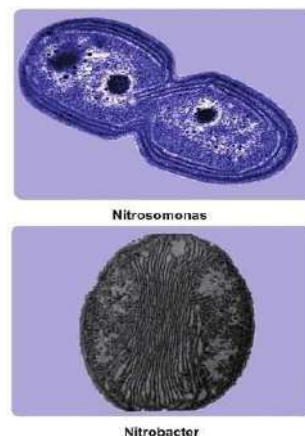


Theo các giai đoạn trên, vi sinh vật hiếu khí không chỉ oxy hóa các chất hữu cơ trong nước thải tạo thành những hợp chất vô cơ đơn giản mà còn tổng hợp phospho và nitơ nhằm tổng hợp, duy trì tế bào và vận chuyển năng lượng cho quá trình trao đổi chất của chúng.

Đây là giai đoạn mang tính ưu tiên hơn so với giai đoạn nitrate hóa của nhóm vi sinh vật Nitrosomonas và Nitrobacter. Do vậy giai đoạn xử lý các chất hữu cơ sẽ được ưu tiên xảy ra trước bởi nhóm vi sinh vật tự dưỡng. Tuy nhiên lượng chất hữu cơ không phải được xử lý triệt để mà còn một lượng dư cho nhóm vi sinh nitrate hóa sử dụng để chuyển hóa nitrate. Dưới tác dụng của Nitrosomonas và Nitrobacter, quá trình nitrate hóa xảy ra theo các phương trình phản ứng sau đây:



Các vi sinh vật này sẽ phân hủy các chất hữu cơ có trong nước thải và thu năng lượng để chuyển hóa thành tế bào mới, chỉ một phần chất hữu cơ bị oxy hóa hoàn toàn thành CO₂, H₂O, NO₃⁻, SO₄²⁻, ... Một cách tổng quát, vi sinh vật tồn tại trong hệ thống bùn hoạt tính bao gồm Pseudomonas, Zoogloea, Achromobacter, Flavobacterium, Nocardia, Bdellovibrio, Mycobacterium, và hai loại vi khuẩn nitrate hóa Nitrosomonas và Nitrobacter. Thêm vào đó, nhiều loại vi khuẩn dạng sợi như Sphaerotilus, Beggiatoa, Thiobacillus, Leptothrix, và Geotrichum cũng tồn tại.

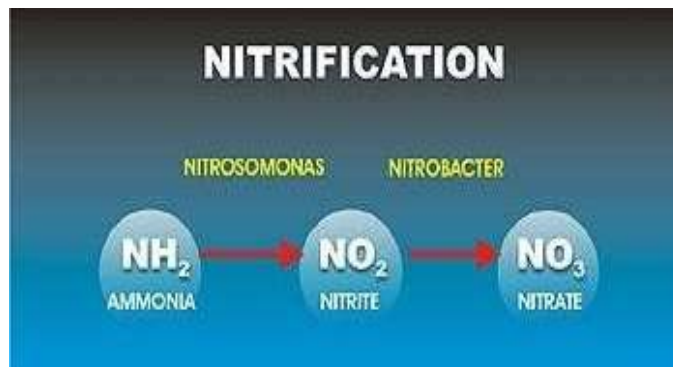


🌈 *Quá trình hấp thu các chất dinh dưỡng dạng N, P vào trong bùn*

Một phần Nitơ, Photpho sẽ được giảm thiểu nhờ việc hấp thu vào bùn thải trong quá trình xử lý sinh học. Để tăng hiệu quả xử lý Nitơ ở bể sinh học hiếu khí thì dinh dưỡng được châm bổ sung định kỳ vào bể.

Để giảm triệt để hàm lượng Nitơ còn tồn tại trong dòng nước thải trước khi thải ra ngoài môi trường thì cuối bể sinh học hiếu khí được bố trí hệ thống bơm chìm để tuần hoàn nước và bùn về lại đầu bể sinh học hiếu khí để tiếp tục xử lý.

Sau khi tiến hành quá trình xử lý sinh học, phần lớn các chất hữu cơ có trong nước thải được loại bỏ.



❖ Bể lắng sinh học

Nước trước khi vào bể là một hỗn hợp giữa bùn và nước. Nhờ tác động của trọng lực mà bùn và nước sẽ được tách lớp, bùn nặng hơn lắng xuống đáy bể, nước nhẹ hơn sẽ ở trên chảy tràn qua máng răng cưa sau đó được dẫn đi xử lý ở công đoạn tiếp theo, phần bùn được lắng xuống đáy bể nhờ trọng lực. Tại đây lượng bùn dư được đưa về bể chứa bùn, phần còn lại đi theo đường ống bơm bùn tuần hoàn về bể hiếu khí.

❖ Bể khử trùng

Nước thải sau xử lý hóa lý sẽ chảy sang bể khử trùng. Tại đây sẽ bổ sung thêm hóa chất khử trùng bên trong bể trước khi qua giai đoạn xử lý tiếp theo. Châm Javel theo lượng tính toán thích hợp. Đây là loại hóa chất phổ biến vì sở hữu những ưu điểm nổi bật sau:

- Khả năng đạt được hiệu quả khử trùng với chi phí thấp.
- Có khả năng ngăn ngừa sự tái nhiễm vi sinh vật trong nước thải.
- Có thể kiểm soát liều lượng một cách linh hoạt.
- Phát huy hiệu quả trên hầu hết các loại vi sinh vật.

❖ Cột lọc

Nước từ bể khử trùng sẽ được bơm qua bồn lọc composite (bồn lọc áp lực).

Quá trình lọc sẽ diễn ra bằng cách cho nước thải đi qua các lớp vật liệu lọc nhằm giữ lại trên bề mặt hoặc giữa các khe hở của lớp vật liệu lọc, các hạt cặn lơ lửng và 1 phần vi sinh được giữ lại. Kết quả là nước sau lọc đạt tiêu chuẩn về cả vật lý lẫn sinh học. Vật liệu lọc là sỏi, cát có tác dụng xử lý hàm lượng cặn lơ lửng, còn than hoạt tính sẽ hấp phụ hàm lượng ion kim loại mang gốc màu có trong nước.

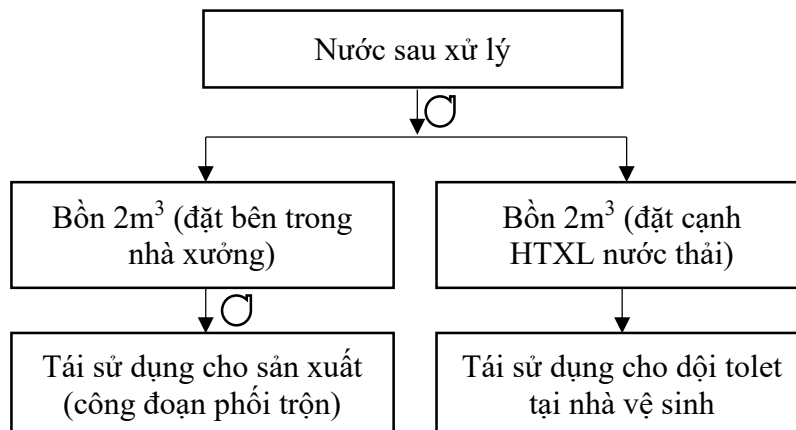
Sau một thời gian làm việc, các khe giữa các lớp vật liệu lọc bị lấp đầy làm giảm tốc độ lọc. Để khôi phục lại khả năng làm việc của bể lọc ta phải tiến hành rửa ngược nhằm rửa sạch vật liệu lọc.

Nước thải sau xử lý đạt QCVN 40:2011/BTNMT Cột A, $K_q = 0,9$; $K_f = 1,2$ trước khi tái sử dụng hoàn toàn cho quá trình phối trộn phân hữu cơ và dội toilet, không xả thải ra ngoài môi trường.

❖ Bể chứa bùn

Bể chứa bùn có nhiệm vụ chứa bùn dư từ quá trình xử lý hóa lý và sinh học. Phần nước tách bùn dẫn về bể điều hòa để xử lý tiếp tục. Phần bùn lâu ngày, sẽ được đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý định kỳ theo ký kết giữa công ty và đơn vị.

❖ Phương án tái sử dụng nước sau xử lý như sau:



Hình 3. 4. Quy trình tái sử dụng nước sau xử lý

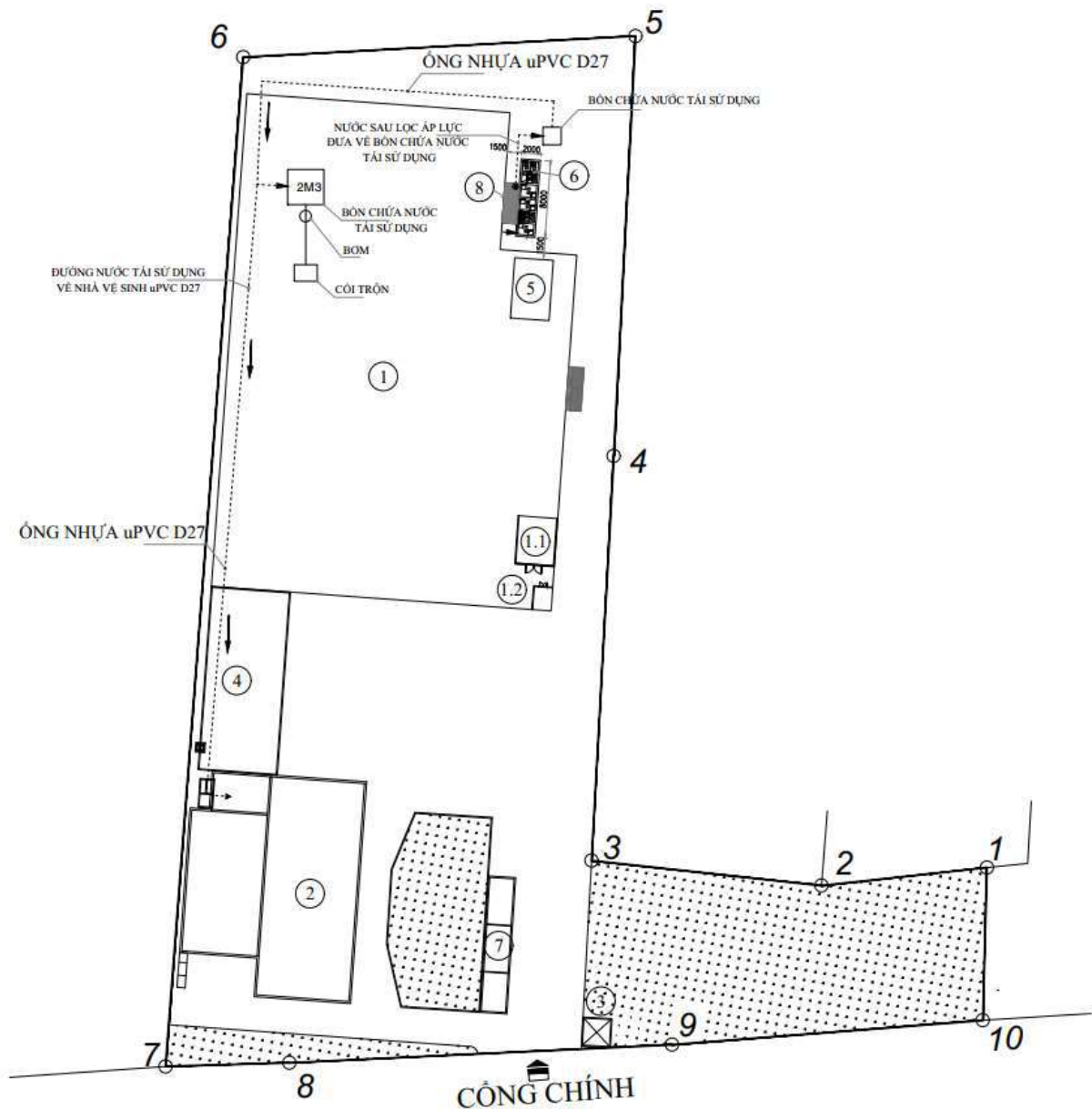
Thuyết minh quy trình:

Công ty có gắn 01 máy bơm để bơm nước sau bể khử trùng về 2 bồn chứa nước thải sau xử lý (thể tích 2m³/bồn) để tái sử dụng. Cụ thể:

Công ty có bố trí 01 đường ống dẫn nước bằng nhựa PVC Φ27, L=77m để dẫn nước thải sau xử lý về bồn chứa dung tích 2m³ đặt trong nhà xưởng. Tại đây có gắn 1 máy bơm để bơm nước cho hoạt động sản xuất (công đoạn phối trộn

phân hữu cơ) và 01 đường ống dẫn nước bằng nhựa PVC $\Phi 27$, L=120m sử dụng cho việc dội toilet của nhà vệ sinh, không xả thải ra môi trường.

Mặt bằng bố trí đường ống dẫn nước tái sử dụng như sau:



* Thông số kỹ thuật của hệ thống xử lý nước thải:

Bảng 3. 2. Thông số kỹ thuật của hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt công suất 10 m³/ngày.đêm

Stt	Tên hạng mục	Số lượng	Thông số kỹ thuật
1	Bể thu gom	1	- Chức năng: Tập kết nước thải đầu vào hệ thống - Quy cách: LxBxH = 1,0 x 1,0 x 1,5 m - Vật liệu: BTCT, phụ gia chống thấm
2	Bể điều hòa	1	- Chức năng: Điều hòa lưu lượng và nồng độ nước thải

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường

Stt	Tên hạng mục	Số lượng	Thông số kỹ thuật
			- Quy cách: LxBxH = 1,5 x 1,2 x 3,0 m - Vật liệu: BTCT, phụ gia chống thấm
3	Bể lắng hóa lý	1	- Chức năng: Điều hòa lưu lượng và nồng độ nước thải - Quy cách: LxBxH = 1,5 x 1,0 x 3,0 m - Vật liệu: BTCT, phụ gia chống thấm
4	Cụm keo tụ - tạo bông	1	- Chức năng: Dùng để gom các hạt bẩn nhỏ trong nước thành bông lớn để dễ lắng và xử lý tiếp - Quy cách: Bồn nhựa 160 lít - Vật liệu: Nhựa
5	Bể thiếu khí	1	- Chức năng: Xử lý Nito, Photpho trong nước thải - Quy cách: LxBxH = 1,5 x 1,1 x 3,0 m - Vật liệu: BTCT, phụ gia chống thấm
6	Bể hiếu khí	1	- Chức năng: Loại bỏ các chất hữu cơ, chất thải ô nhiễm như: Nito, Photpho, H ₂ S nhờ quá trình hoạt động của các vi sinh vật hiếu khí - Quy cách: LxBxH = 1,5 x 1,3 x 3,0 m - Vật liệu: BTCT, phụ gia chống thấm
7	Bể lắng sinh học	1	- Chức năng: Tách nước và bùn cặn lơ lửng trong nước - Quy cách: LxBxH = 1,5 x 1,0 x 3,0 m - Vật liệu: BTCT, phụ gia chống thấm
8	Bể khử trùng	1	- Chức năng: Chứa và khử trùng nước thải sau xử lý - Quy cách: LxBxH = 0,7 x 1,0 x 3,0 m - Vật liệu: BTCT, phụ gia chống thấm
9	Cột lọc áp lực	1	- Chức năng: Lọc cặn bẩn còn trong nước trước khi thải ra nguồn tiếp nhận - Quy cách: DxH = 0,6 x 1.6 m - Vật liệu: FRP
10	Bể chứa bùn	1	- Chức năng: Chứa bùn dư từ cụm bể sinh học - Quy cách: LxBxH = 0,7 x 1,0 x 3,0 m - Vật liệu: BTCT, phụ gia chống thấm
11	Bồn chứa nước sau xử lý dung tích 2.000 lít	2	- Chức năng: Chứa nước tái sử dụng - Dung tích: 2.000 lít/bồn - Vật liệu: Nhựa

(Nguồn: Thuyết minh kỹ thuật hệ thống xử lý nước thải, công suất 10 m³/ngày)

** Quy trình vận hành hệ thống xử lý nước thải:*

Người vận hành cần kiểm tra các thiết bị trong hệ thống và phải chắc chắn các thiết bị vẫn hoạt động bình thường, cụ thể:

+ Kiểm tra các role, cầu chì trong tủ điều khiển: bảo đảm các thiết bị này vẫn hoạt động bình thường, không có hiện tượng cháy, nổ.

+ Kiểm tra sự vận hành của van (mở hoặc đóng) của bơm, của máy thổi khí.

+ Kiểm tra điện cấp cho hệ thống.

+ Xác nhận là các hạng mục trên đã hoàn tất và sẵn sàng thì mới được vận hành hệ thống.

- Khởi động hệ thống:

Sau khi kiểm tra và cấp nguồn, người vận hành bắt đầu khởi động các thiết bị điều khiển của hệ thống.

Nhấn nút START/STOP tương ứng từng bơm để bơm chạy/dừng.

- Kiểm soát bảo trì.

Việc kiểm soát bảo trì hằng ngày của hệ thống xử lý nước rất quan trọng. Thực hiện bảo trì theo loại thiết bị hay theo cấp độ, điều này tùy thuộc vào mức độ ưu tiên bảo trì của từng thiết bị và dụng cụ. Một hư hỏng nhỏ về cơ khí cũng làm giảm khả năng xử lý hay thậm chí còn có ảnh hưởng xấu đến toàn bộ hệ thống. Một hệ thống chạy tự động cũng không ngoại lệ; do đó việc bảo trì hằng ngày đòi hỏi phải chính xác và có kiến thức đầy đủ về khả năng vận hành và giới hạn của hệ thống.

Chuẩn bị một bảng tập trung những điểm chính cần kiểm tra trước khi thực hiện việc bảo trì, và thiết lập tiêu chuẩn để kiểm soát bảo trì hệ thống dựa trên những số liệu báo cáo theo dõi hằng ngày.

Đối với những hạng mục mà khi kiểm tra buộc phải dừng hệ thống thì ta cần phải xem xét tính cần thiết của việc bảo trì hằng ngày và xây dựng kế hoạch cho việc kiểm tra hằng năm đối với những thiết bị đó.

** Hóa chất sử dụng cho vận hành HTXL nước thải:*

Bảng 3. 3. Lượng hóa chất sử dụng cho hệ thống xử lý nước thải

Stt	Tên hóa chất	Đơn vị	Số Lượng	Mục đích sử dụng
1	NaOH 99%	Kg/ngày	3	Điều chỉnh độ pH

2	PAC 31%	Kg/ngày	3	Keo tụ tạo bông
3	Polymer Anion	Kg/ngày	0,12	Keo tụ tạo bông
4	Methanol	Lít/ngày	3	Cung cấp dinh dưỡng cho vi sinh
5	NaOCL 10%	Lít/ngày	2	Khử trùng sau xử lý

* Điện năng sử dụng cho hệ thống:

Bảng 3. 4. Lượng điện sử dụng cho hệ thống xử lý nước thải

Stt	Hạng mục	Công suất (KW/tháng)
1	Hệ thống xử lý nước thải	300

* Tiêu chuẩn áp dụng đối với nước thải sau xử lý:

Nước thải sau xử lý tại hệ thống xử lý nước thải, công suất 10 m³/ngày đạt QCVN 40:2011/BTNMT Cột A, K_q = 0,9; K_f = 1,2 trước khi tái sử dụng hoàn toàn cho quá trình phối trộn phân hữu cơ và dội toilet, không xả thải ra ngoài môi trường.

* Hiệu quả xử lý hệ thống:

Để đánh giá hiệu quả xử lý nước thải của hệ thống cũng như giám sát chất lượng nước thải sau xử lý để tái sử dụng cho sản xuất và dội toilet, cơ sở có thực hiện thu mẫu quan trắc nước thải định kỳ như sau:

Bảng 3. 5. Kết quả quan trắc nước thải năm 2025

Stt	Thông số	Đơn vị tính	Kết quả NT			QCVN 40:2011/BTNMT, Cột A
1	pH	--	7,12	7,29	6,89	6 – 9
2	TSS	mg/L	43	31	27	50
3	BOD ₅	mg/L	28	24	22	30
4	COD	mg/L	66	58	54	75
5	NH ₄ ⁺ _N	mg/L	4,07	2,69	3,46	5
6	Tổng Photpho	mg/L	3,85	1,77	1,7	4
7	Tổng Nitơ	mg/L	16,9	14,2	18,5	20
8	Florua	mg/L	KPH	KPH	KPH	5
9	As	mg/L	KPH	KPH	KPH	0,05
10	Dầu, mỡ khoáng	mg/L	KPH	KPH	KPH	5
11	Coliforms	MPN/100mL	2.400	2.300	2.100	3.000

*** Ghi chú:**

- QCVN 40:20110/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp, cột A.

*** Nhận xét:**

Qua so sánh kết quả phân tích chất lượng nước thải tại bảng trên với giới hạn quy chuẩn cho thấy: các thông số phân tích đều đạt theo quy định. Qua đó cho thấy HTXLNT của cơ sở, xử lý hiệu quả và hoạt động ổn định.

2. Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải

2.1. Biện pháp giảm thiểu bụi và khí thải từ quá trình hoạt động của các phương tiện vận chuyển

Nguồn gây ô nhiễm này phân bố rải rác và không cố định nên việc khống chế, kiểm soát rất khó khăn. Mặt khác, đây là nguồn ô nhiễm không thể tránh khỏi đối với bất kỳ loại hình sản xuất nào. Do vậy, chỉ cần bố trí thời gian hoạt động của các phương tiện vận chuyển hợp lý, tránh hoạt động tập trung, ngoài ra còn có các biện pháp khác như sau:

- Sử dụng các xe vận chuyển đảm bảo chất lượng đạt tiêu chuẩn quy định của Cục đăng kiểm về mức độ an toàn kỹ thuật và an toàn môi trường để hạn chế khí thải trong quá trình vận chuyển.

- Sử dụng nhiên liệu có hàm lượng lưu huỳnh thấp cho các phương tiện vận chuyển.

- Xe vận chuyển luôn được kiểm tra kỹ thuật định kỳ, bảo dưỡng theo đúng quy định, đảm bảo các thông số khí thải của xe đạt yêu cầu về mặt môi trường.

- Hạn chế tốc độ xe trong khu vực cơ sở để giảm lượng bụi trong không khí. Duy trì cây xanh, sân đường nội bộ để tránh bụi phát tán nhiều vào không khí.

- Bố trí công nhân thường xuyên vệ sinh, quét dọn, thu gom rác trong khuôn viên nhà máy.

- Các xe lưu thông trong khu vực cơ sở cần giảm tốc độ để hạn chế bụi.

- Đường nội bộ tại cơ sở xuyên được phun nước tạo ẩm để hạn chế bụi phát tán;

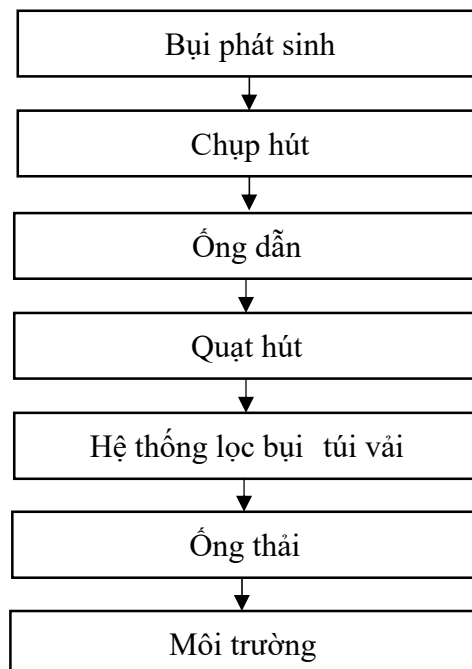
2.2. Giảm thiểu tác động do bụi, mùi phát sinh từ quá trình sản xuất

Để đảm bảo chất lượng môi trường làm việc, Công ty sẽ thực hiện các biện

pháp sau đây:

- Thiết kế, xây dựng nhà xưởng cao, thoáng mát.
- Bố trí cửa thông thoáng gió xung quanh tường các xưởng sản xuất.
- Trang bị quạt công nghiệp trong nhà xưởng sản xuất.
- Thiết kế, lắp đặt dây chuyền sản xuất khép kín, tự động hóa và liên kết giữa các đoạn sản xuất từ khâu nhập liệu đến hoàn thành sản phẩm.
- Thường xuyên vệ sinh sạch sẽ khu vực sản xuất.
- Trang bị khẩu trang và bảo hộ lao động cho công nhân, đồng thời có kế hoạch kiểm tra việc mang bảo hộ lao động của công nhân khi làm việc.
- Kho bãi, xưởng sản xuất được làm nền bê tông và thường xuyên được vệ sinh, tránh phát sinh hoạt động sản xuất và phát tán bụi ra ngoài môi trường.
- Thường xuyên bảo dưỡng, bảo trì máy móc thiết bị phục vụ sản xuất nhằm giảm thiểu phát sinh bụi, khí thải trong quá trình hoạt động;
- Trồng cây xanh xung quanh khu vực cơ sở (diện tích cây xanh chiếm trên 20% tổng diện tích khu đất công ty) nhằm tạo dải phân cách, lọc mùi và tăng vẻ mỹ quan.
- Trang bị bảo hộ lao động cho công nhân làm việc trực tiếp tại nhà máy.

Công ty đã lắp đặt hệ thống thu gom bụi phát sinh từ quá trình sản xuất, công suất 40.000 m³/giờ, Quy trình công nghệ như sau:



Hình 3. 5. Sơ đồ công nghệ xử lý bụi, công suất 40.000 m³/giờ

Thuyết minh quy trình:

Cơ sở bố trí 26 chụp hút để thu gom bụi phát sinh từ các vị trí sau:

Vị trí lắp đặt chụp hút	Số lượng chụp hút	Kích thước chụp hút
Cụm nạp liệu	02	$D \times R \times H = 2,5m \times 1,5m \times 0,5m$
	03	$D \times R \times H = 0,5m \times 0,2m \times 0,3m$
Sàng phân loại	02	$D \times R \times H = 0,5m \times 0,2m \times 0,3m$
Máy đánh toi	01	$D \times R \times H = 0,5m \times 0,2m \times 0,3m$
Máy tạo viên	08	$D \times R \times H = 0,5m \times 0,2m \times 0,3m$
Cối trộn	03	$D \times R \times H = 0,5m \times 0,2m \times 0,3m$
Hệ thống băng tải thu gom	07	$D \times R \times H = 0,5m \times 0,2m \times 0,3m$

(Nguồn: Công ty TNHH Sản xuất – Thương mại Phân hữu cơ Sinh học Thanh Bình)

Bụi phát sinh từ cụm nạp liệu, sàng phân loại và máy tạo viên được thu gom bằng chụp hút theo đường ống dẫn về hệ thống lọc bụi túi vải công suất 40.000 m³/giờ để xử lý đạt quy chuẩn trước khi thoát ra môi trường.

Bụi phát sinh vào không khí theo chuyển động khuấy tán là những hạt mang điện dưới tác động của quạt hút bụi sẽ theo các ống dẫn đi vào hệ thống lọc túi vải để giữ lại. Toàn bộ hệ thống lọc bụi túi vải này nằm trong một buồng chứa và định kỳ tháo các túi vải để tận thu nguyên liệu tái sử dụng. Công ty có bố trí thùng có dung tích 120 lít để thu gom bụi tái sử dụng.

Các biện pháp hỗ trợ khác:

- Vệ sinh công nghiệp sẽ được duy trì thường xuyên bao gồm vệ sinh trong nhà xưởng và khu vực kho chứa, để thu gom toàn bộ nguyên liệu, sản phẩm rơi vãi trong Xưởng.

- Các tuyến giao thông ra vào nhà xưởng được bê tông hóa. Tăng cường khả năng làm vệ sinh đường nội bộ, kho, bãi...

- Bố trí xe phun nước đường ra vào nhà xưởng vào những ngày khô hanh, hạn chế bụi phát tán theo chiều gió.

Hình ảnh hệ thống lọc bụi túi vải của cơ sở:



*** Thông số kỹ thuật hệ thống:**

Bảng 3. 6. Thông số kỹ thuật của hệ thống thu hồi bụi túi vải

Stt	Tên thiết bị	Thông số thiết kế	Đặc điểm
1	Chụp thu khí	- Kích thước: 02 chụp hút $D \times R \times H = 2,5m \times 1,5m \times 0,5m$ và 24 chụp hút $D \times R \times H = 0,5m \times 0,2m \times 0,3m$ - Vật liệu: tole tráng kẽm 0.75mm - Số lượng: 26 cái	Thu khí từ khu vực phát sinh dẫn vào hệ thống đường ống thu gom
2	Ống dẫn khí	- Kích thước: $\varnothing 125 - 850mm$ - Vật liệu: tole tráng kẽm 0.75 – 0.95mm	Thu khí từ khu vực phát sinh dẫn vào hệ thống xử lý khí thải
3	Quạt hút ly tâm	- Lưu lượng: $40.000 m^3/h$ - Số lượng: 1 cái	Hút khí từ đường ống dẫn khí đến thùng xử lý
4	Thùng xử lý bụi túi vải	- Kích thước: $6300 \times 2100 \times 5000$ - Vật liệu: được làm bằng composite phủ 3mm - Thiết bị đi kèm: túi vải lọc - Số lượng túi vải: 48 cái	Thu hồi, xử lý các loại bụi có trong khí thải, giữ lại lượng lớn bụi thải giúp cho khí sạch thoát ra ngoài môi trường.
5	Ống thoát khí thải sau xử lý	- Kích thước: 850mm - Vật liệu: tole tráng kẽm 0.75mm - Chiều cao ống khói: 12m	Dẫn lượng khí sạch sau xử lý ra ngoài môi trường.

(Nguồn: Công ty TNHH Sản xuất – Thương mại Phân hữu cơ Sinh học Thanh Bình)

*** Quy trình vận hành hệ thống xử lý:**

- Kiểm tra

Trước khi tiến hành cho hệ thống hoạt động cần kiểm tra toàn bộ hệ thống bao gồm:

+ Kiểm tra các thiết bị điện.

Kiểm tra công tắc của tất cả các thiết bị đã ở vị trí OFF hoặc ON hay chưa;

Bật CB tổng trong tủ điện và kiểm tra 3 đèn báo xem có đủ 3 pha hay không;

Nhìn đồng hồ Vol kế ngoài mặt tủ xem điện áp có đủ 380V hay không.

+ Kiểm tra hệ thống.

Kiểm tra hoạt động của motor và quạt hút

Kiểm tra các van của đường ống thu gom.

- Hoạt động hệ thống

Sau khi tiến hành kiểm tra và chuẩn bị, người vận hành bắt đầu cho hệ thống hoạt động:

+ Bước 1: kiểm tra hệ thống điện; kiểm tra pha, chỉ số relay bảo vệ, các mối xiết bulong.

+ Bước 2: kiểm tra hệ thống cơ khí; kiểm tra các vật dụng vướng vào bộ truyền xích-nhông-dây coro, cửa nhà chứa bụi phải ở trạng thái đóng.

+ Bước 3: kiểm tra hệ thống van khoá tại các máy chế biến (chỉ khi số lượng van mở lớn hơn 50% lượng hút của 1 quạt thì mới mở quạt)

+ Bước 4: Khởi động hệ thống quạt hút chính (nhấn nút ON màu xanh)

- Quy trình dừng máy

+ Bước 1: kiểm tra an toàn điện ngoài tủ trước khi dừng máy

+ Bước 2: kiểm tra tất cả các máy cần hút bụi phải dừng hẳn ít nhất 2 phút trước khi dừng hệ thống hút bụi.

+ Bước 3: dừng lần lượt các quạt hút chính (nút nhấn OFF màu đỏ) – đóng nút dừng khẩn – cắt CB nguồn – vệ sinh bụi các thiết bị điện (nếu có) và khoá tủ.

*** Điện năng, hóa chất sử dụng:**

- Điện năng: Điện năng tiêu thụ tối đa cho hệ thống xử lý bụi khoảng 300 kWh/ngày.

- Hóa chất: Không sử dụng hóa chất.

* ***Yêu cầu về tiêu chuẩn áp dụng đối với bụi, khí thải sau xử lý:*** QCVN 19:2009/BTNMT cột B, hệ số $K_v = 0,8$ và $K_p = 0,9$ - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ.

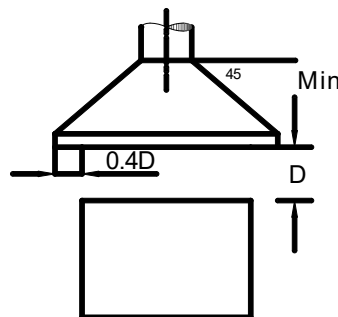
* ***Cơ sở đề xuất HTXL và hiệu quả xử lý của hệ thống:***

Cơ sở tính toán công suất hệ thống xử lý bụi, công suất $40.000\text{m}^3/\text{giờ}$:

Theo thiết kế, cơ sở có số lượng và kích thước các miệng hút như sau:

Vị trí lắp đặt chụp hút	Số lượng chụp hút	Kích thước chụp hút	Tổng chu vi của nguồn thải
Cụm nạp liệu	02	$D \times R \times H = 2,5\text{m} \times 1,5\text{m} \times 0,5\text{m}$	16
	03	$D \times R \times H = 0,5\text{m} \times 0,2\text{m} \times 0,3\text{m}$	4,2
Sàng phân loại	02	$D \times R \times H = 0,5\text{m} \times 0,2\text{m} \times 0,3\text{m}$	2,8
Máy đánh tơi	01	$D \times R \times H = 0,5\text{m} \times 0,2\text{m} \times 0,3\text{m}$	1,4
Máy tạo viên	08	$D \times R \times H = 0,5\text{m} \times 0,2\text{m} \times 0,3\text{m}$	11,2
Cối trộn	03	$D \times R \times H = 0,5\text{m} \times 0,2\text{m} \times 0,3\text{m}$	4,2
Hệ thống băng tải thu gom	07	$D \times R \times H = 0,5\text{m} \times 0,2\text{m} \times 0,3\text{m}$	9,8
Tổng cộng			49,6

Chụp hút là loại miệng hút thông dụng nhất lắp đặt phía trên nguồn phát sinh bụi. Chụp có cấu tạo hình nón cụt như hình bên dưới.



Lưu lượng hút cục bộ trong trường hợp này xác định bằng công thức sau:

$$L = 1,4 \cdot O \cdot D \cdot v, [\text{m}^3/\text{s}]$$

Trong đó :

O : tổng chu vi của nguồn thải, $O = 49,6 [\text{m}]$

D : chiều cao từ nguồn thải tới mép chụp hút, $D = 0,1 [\text{m}]$

v : vận tốc trung bình tính tại miệng chụp, thường lấy $> 1\text{m}$, chọn $v = 1,2\text{ m/s}$, [m/s]

$$L = 1,4 \text{ O. D. } .v = 1,4 \times 49,6 \times 0,1 \times 1,2 = 8,33 \text{ [m}^3/\text{s]} = 29.988 \text{ [m}^3/\text{giờ]}$$

Tổng lưu lượng của hệ thống xử lý khí thải: $29.988 \text{ [m}^3/\text{giờ]}$, do vậy chọn công suất của hệ thống xử lý khí thải là $40.000 \text{ m}^3/\text{giờ}$ là phù hợp.

Để đảm bảo môi trường lao động cho công nhân làm việc, giảm thiểu ảnh hưởng đến môi trường, nhà máy đã lắp đặt 01 hệ thống xử lý bụi từ khu vực sản xuất, công suất $40.000 \text{ m}^3/\text{giờ}$ đảm bảo thu gom, xử lý bụi phát sinh từ hoạt động sản xuất của Nhà máy.

Ngoài ra, để đánh giá hiệu quả xử lý của hệ thống xử lý bụi từ hoạt động sản xuất, Công ty có thực hiện thu mẫu quan trắc định kỳ để giám sát như sau:

Bảng 3. 7. Kết quả quan trắc sau HTXL bụi, công suất $40.000 \text{ m}^3/\text{giờ}$

Stt	Thông số	Đơn vị tính	Kết quả	QCVN 19:2009/BTNMT, Cột B
1	Lưu lượng	m^3/h	15.954	-
2	Bụi	mg/Nm^3	81	200

(Nguồn: Kết quả quan trắc khí thải tháng 10/2024 của Công ty TNHH Sản xuất – Thương mại Phân hữu cơ Sinh học Thanh Bình)

Nhận xét: Dựa vào bảng kết quả phân tích mẫu khí thải sau HTXL bụi, công suất $40.000 \text{ m}^3/\text{giờ}$ của Công ty 17/9/2024 so với QCVN 19:2009/BTNMT, ta thấy tất cả giá trị của các thông số đo đều nằm trong giới hạn cho phép. Từ đó cho thấy Công ty TNHH Sản xuất – Thương mại Phân hữu cơ Sinh học Thanh Bình đã kiểm soát tốt lượng khí thải phát sinh trong quá trình hoạt động của mình, đảm bảo không gây ảnh hưởng, tác động xấu đến môi trường bên ngoài.

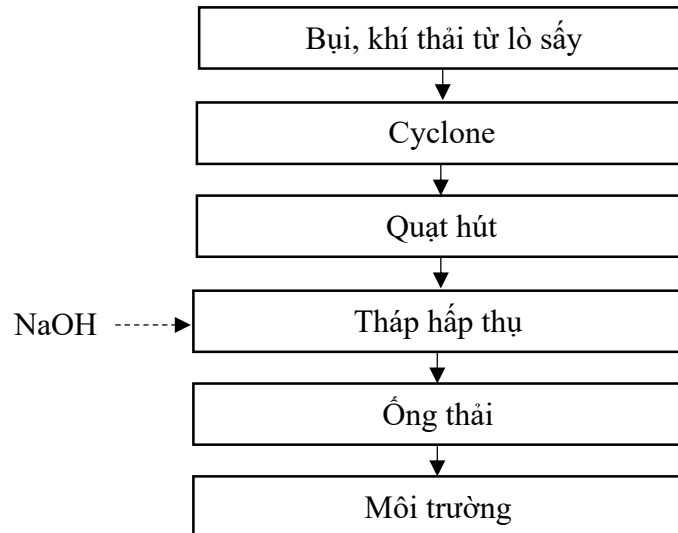
2.3. Giảm thiểu bụi, khí thải từ hoạt động lò sấy

Công ty đã lắp đặt hệ thống xử lý khí thải lò sấy với công suất $58.000\text{m}^3/\text{giờ}$ nhằm hạn chế đến mức thấp nhất những ảnh hưởng đến môi trường không khí.

- Không bố trí ống khói ở các vị trí bất lợi như ở phía trên gió.
- Không nhóm lò trong giờ cao điểm có nhiều người tập trung.
- Bố trí cửa mái hoặc hệ thống gương phản chiếu để người vận hành lò có thể nhìn thấy đỉnh ống khói.

- Giảm việc tái nhóm lò nhiều lần bằng cách xả nhiệt dư thay vì tắt lò.
- Không sơn ống khói bằng những màu gây kích thích thị giác như: đen, đỏ.
- Hạn chế đưa than ướt vào lò.
- Cung cấp lượng khí thổi vừa đủ.
- Định thời gian chọc xỉ hợp lý.

Quy trình công nghệ xử lý như sau:



Hình 3. 6. Hệ thống xử lý khí thải lò sấy, công suất 58.000 m³/giờ

Khí thải từ lò sấy được thu vào cyclone, bụi sẽ được lắng trọng lực xuống phần dưới, định kỳ tháo thu gom cùng xỉ than. Khí tiếp tục được dẫn qua hệ thống tháp hấp thụ bằng màng nước luân chuyển, một số khí chính như SO₂, NO_x, CO, ... sẽ được hấp thụ vào nước, lâu ngày sẽ làm tăng tính axit, định kỳ châm NaOH để trung hòa lượng axit phát sinh này.

Tháp hấp thụ sử dụng chất lỏng để loại bỏ chất ô nhiễm chứa trong khí thải. Dòng khí chứa chất ô nhiễm được đưa vào từ dưới lên trên. Dung dịch hấp thụ (NaOH + Nước) được phun từ trên xuống.

Như vậy, dòng khí thải và dung dịch hấp thụ sẽ tiếp xúc với nhau bên trong lòng tháp. Chất ô nhiễm sẽ bị giữ lại thông qua việc biến đổi chất hoặc hoà tan khi gặp dung dịch hấp thụ. Khí sạch được tách ra và đi ra ngoài. Phần cặn sẽ bị cuốn xuống dưới và định kỳ được đưa ra ngoài.

Khí sau khi xử lý đạt QCVN 19:2009/BTNMT cột B, hệ số Kv = 0,8 và Kp = 0,9 – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ.

Hình ảnh hệ thống xử lý khí thải sò sấy của cơ sở:



*** Thông số kỹ thuật hệ thống:**

Bảng 3. 8. Thông số kỹ thuật của hệ thống xử lý khí thải sò sấy

Stt	Tên thiết bị	Số lượng	Thông số kỹ thuật
1	Cyclone	3	DxH = 0,9mx3m Vật liệu:inox 304, dày 3mm
2	Tháp hấp thụ	1	DxH = 0,8mx2,5m Vật liệu:inox 304, dày 5mm
3	Bể lắng cặn và tuần hoàn nước	2	DxRxH = 1,7mx1,0mx1,6m Vật liệu:BTCT
4	Quạt hút	2	58.000 m ³ /giờ
5	Ống dẫn	2	Ø400
6	Ống phát thải	1	D=800mm, H=6m

(Nguồn: Công ty TNHH Sản xuất – Thương mại Phân hữu cơ Sinh học Thanh Bình)

*** Quy trình vận hành hệ thống xử lý:**

- Kiểm tra

Trước khi tiến hành cho hệ thống hoạt động cần kiểm tra toàn bộ hệ thống

bao gồm:

+ Kiểm tra các thiết bị điện.

Kiểm tra công tắc của tất cả các thiết bị đã ở vị trí OFF hoặc ON hay chưa;

Bật CB tổng trong tủ điện và kiểm tra 3 đèn báo xem có đủ 3 pha hay không;

Nhìn đồng hồ Vol kế ngoài mặt tủ xem điện áp có đủ 380V hay không.

+ Kiểm tra hệ thống.

Kiểm tra hoạt động của motor và quạt hút

Kiểm tra các van của đường ống thu gom.

- *Hoạt động hệ thống*

Sau khi tiến hành kiểm tra và chuẩn bị, người vận hành bắt đầu cho hệ thống hoạt động:

+ Bước 1: kiểm tra hệ thống điện; kiểm tra pha, chỉ số relay bảo vệ, các mối xiết bulong.

+ Bước 2: kiểm tra hệ thống cơ khí; kiểm tra các vật dụng vướng vào bộ truyền xích-nhông-dây coro, cửa xả, túi chứa bụi phải ở trạng thái đóng.

+ Bước 3: Khởi động hệ thống quạt hút chính (nhấn nút ON màu xanh)

- *Quy trình dừng máy*

+ Bước 1: kiểm tra an toàn điện ngoài tủ trước khi dừng máy

+ Bước 2: kiểm tra lò sấy phải dừng hẳn ít nhất 2 phút trước khi dừng hệ thống xử lý.

+ Bước 3: dừng lần lượt các quạt hút chính (nút nhấn OFF màu đỏ) – đóng nút dừng khẩn – cắt CB nguồn – vệ sinh bụi các thiết bị điện (nếu có) và khoá tủ.

*** Điện năng, hóa chất sử dụng:**

- Điện năng: Điện năng tiêu thụ tối đa cho hệ thống khoảng 300 kWh/ngày.

- Hóa chất: NaOH 2kg/ngày.

*** Yêu cầu về tiêu chuẩn áp dụng đối với bụi, khí thải sau xử lý:** QCVN 19:2009/BTNMT cột B, hệ số Kv = 0,8 và Kp = 0,9 - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ.

*** Cơ sở đề xuất HTXL và hiệu quả xử lý của hệ thống:**

Cơ sở lắp đặt hệ thống xử lý khí thải lò sấy, công suất 58.000m³/giờ như sau:

Nhà máy bố trí 2 đường ống thu gom bụi, khí thải kích thước Ø400mm.

Nguồn lơ lửng tự do trước mặt miệng hút thì lưu lượng hút được tính gần đúng như sau:

$$L_c = v(10X + A) , [m^3/s]$$

Trong đó:

L_c : Lưu lượng hút cục bộ [m³/s]

X : Khoảng cách từ miệng hút đến nguồn hoặc mép đối diện của nguồn, X = 0,1 [m]

A : Diện tích miệng hút, A = 1,256 [m²]

v : vận tốc trung bình của không khí tại miệng hút 1,5[m/s]

$$L_c = v(10X + A) = 1,5 \times (10 \times 0,1 + 1,256) = 3,384 [m^3/s] = 12.182,4 [m^3/giờ]$$

Tổng lưu lượng của hệ thống xử lý khí thải: 12.182,4 [m³/giờ], do vậy Cơ chọn công suất của hệ thống xử lý khí thải là 58.000 m³/giờ là phù hợp và để dự phòng cho hoạt động nâng công suất trong tương lai.

Để đảm bảo môi trường lao động cho công nhân làm việc, giảm thiểu ảnh hưởng đến môi trường, nhà máy đã lắp đặt 01 hệ thống xử lý bụi từ khu vực lò sấy, công suất 58.000 m³/giờ đảm bảo thu gom, xử lý bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động lò sấy.

Ngoài ra, để đánh giá hiệu quả xử lý của hệ thống xử lý bụi, khí thải từ lò sấy, Công ty có thu mẫu quan trắc định kỳ để giám sát như sau:

Bảng 3. 9. Kết quả quan trắc khí thải sau HTXL khí thải lò sấy, công suất 58.000m³/giờ

Stt	Thông số	Đơn vị tính	Kết quả	QCVN 19:2009/BTNMT, Cột B Kp=0,9; Kv=1,0
3	Lưu lượng	m ³ /h	20.000<P<100.000	-
4	Bụi	mg/Nm ³	89	180
5	NO _x (tính theo NO ₂)	mg/Nm ³	215	765
6	SO ₂	mg/Nm ³	188	450
7	CO	mg/Nm ³	370	900

(Nguồn: Kết quả quan trắc khí thải tháng 10/2024 của Công ty TNHH Sản xuất – Thương mại Phân hữu cơ Sinh học Thanh Bình)

Nhận xét:

Dựa vào bảng kết quả phân tích mẫu khí thải tại HTXL khí thải lò sấy, công suất 58.000m³/giờ của Công ty tháng 10 năm 2024 so với QCVN 19:2009/BTNMT, ta thấy tất cả giá trị của các thông số đo đều nằm trong giới hạn cho phép. Từ đó cho thấy Công ty TNHH Sản xuất – Thương mại Phân hữu cơ Sinh học Thanh Bình đã kiểm soát tốt lượng khí thải phát sinh trong quá trình hoạt động của mình, đảm bảo không gây ảnh hưởng, tác động xấu đến môi trường bên ngoài.

2.4. Giảm thiểu ô nhiễm môi trường lao động

Để đảm bảo sức khỏe cho công nhân sản xuất về lâu dài, chủ cơ sở đã áp dụng các biện pháp giảm thiểu ô nhiễm sau:

- Áp dụng công nghệ kỹ thuật hiện đại, tự động/bán tự động trong sản xuất.
- Bố trí hợp lý các khu vực sản xuất;
- Sắp xếp nhà xưởng thông thoáng, trang bị quạt hút, quạt thông gió trong toàn nhà xưởng;
- Kho bãi, xưởng sản xuất đã được làm nền bê tông và thường xuyên được vệ sinh nhằm tránh phát sinh bụi trong quá trình hoạt động sản xuất, tránh phát tán bụi ra ngoài môi trường;
- Cơ giới hóa sản xuất, tránh lao động gắng sức phải hít thở nhiều bụi và khí thải xâm nhập vào phổi;
- Thường xuyên bảo dưỡng, bảo trì máy móc thiết bị phục vụ sản xuất nhằm giảm thiểu phát sinh bụi, khí thải trong quá trình hoạt động;
- Các khu vực phát sinh nhiều bụi được tách riêng biệt với khu vực văn phòng;
- Trang bị dụng cụ bảo hộ lao động cho công nhân trực tiếp sản xuất tại khâu phát sinh nhiều bụi như khẩu trang, găng tay, áo bảo hộ và kính;
- Công ty trang bị khẩu trang (than hoạt tính) và bảo hộ lao động cho công nhân, thường xuyên kiểm tra việc mang bảo hộ lao động của công nhân khi làm việc, tránh trường hợp có bảo hộ lao động mà không sử dụng.

Ngoài ra Công ty thường xuyên làm vệ sinh nhà xưởng, sắp xếp gọn gàng

các sản phẩm, hạn chế tối đa tải lượng bụi và không làm ảnh hưởng đến môi trường xung quanh.

2.5. Giảm thiểu mùi phát sinh từ khu tập trung chất thải, khu xử lý nước thải

Để giảm thiểu mùi hôi phát sinh từ hệ thống xử lý nước thải và khu tập trung chất thải rắn, chủ cơ sở sẽ thực hiện các biện pháp như sau:

- *Đối với hệ thống thu gom và xử lý nước thải:*

+ Tại các miệng cống thoát nước mưa có song chắn chất thải rắn, tránh tình trạng chất thải rắn làm bít miệng cống và làm tắc đường ống.

+ Có kế hoạch thường xuyên nạo vét các hố gas.

+ Thường xuyên kiểm tra hệ thống, đặc biệt là máy thổi khí tránh trường hợp sự cố gây ra sự yếm khí có khả năng phát tán mùi hôi

+ Đảm bảo vận hành hệ thống xử lý nước thải đúng quy trình, tránh làm chết vi sinh vật gây mùi.

+ Hệ thống xử lý nước thải tập trung của cơ sở được bố trí phù hợp với địa hình và thiết kế của cơ sở để thuận tiện cho việc thoát nước.

+ Khi Bùn phát sinh từ hệ thống xử lý nước thải đầy sẽ được tổ chức thu gom và xử lý bởi đơn vị có chức năng.

+ Trồng cây xung quanh khu vực cơ sở.

Ngoài ra, đối với mùi từ hệ thống thu gom nước thải và hệ thống xử lý nước thải của cơ sở là hệ thống kín nên sẽ giúp hạn chế được sự phát tán của mùi từ nước thải vào môi trường không khí.

- *Đối với khu vực lưu chứa chất thải:*

+ Các thùng chứa rác phải được đầy nắp để tránh phát tán mùi và ngăn chặn ruồi nhặng

+ Tuân thủ về tần suất thu gom rác nhằm đảm bảo vệ sinh khu lưu chứa rác, tránh xảy ra tình trạng ứ ứ làm phát sinh mùi hôi trong việc lưu trữ

+ Túi lưu chứa rác được bọc kín không để phát sinh mùi hôi.

Liên hệ đơn vị thu gom chất thải theo đúng tần suất quy định hoặc khi khu vực lưu chứa chất thải đầy.

3. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải rắn thông thường:

3.1. Chủng loại, khối lượng chất thải rắn thông thường phát sinh

Chất thải rắn được thu gom, lưu giữ và xử lý triệt để đúng theo Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 Quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 Quy định chi tiết thi hành một số điều của luật bảo vệ môi trường.

a. Chất thải sinh hoạt

Thành phần chất thải rắn sinh hoạt phát sinh trong quá trình hoạt động bao gồm: chất thải rắn sinh hoạt nhóm thực phẩm (gồm: thức ăn thừa, rau củ quả bỏ, bã trà, bã cà phê và các loại cây, cỏ...), chất thải rắn sinh hoạt nhóm tái chế (gồm: các đồ dùng bằng nhựa,...) và chất thải rắn sinh hoạt còn lại (gồm: giấy vệ sinh, bao bì ni lông,...). Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh tại cơ sở được trình bày tại bảng sau:

Bảng 3. 10. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh

Stt	Tên chất thải	Khối lượng (Tấn/năm)
1	Chất thải rắn sinh hoạt nhóm thực phẩm	3,744
2	Chất thải rắn sinh hoạt nhóm tái chế	1,872
3	Chất thải rắn sinh hoạt còn lại	0,624
	Tổng khối lượng	6,24

(Nguồn: Công ty TNHH Sản xuất – Thương mại Phân hữu cơ Sinh học Thanh Bình)

b. Chất thải công nghiệp thông thường

Thành phần chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh trong quá trình hoạt động bao gồm: các phế phẩm, bao bì nhựa, pallet gỗ hư hỏng,Khối lượng chất thải rắn công nghiệp phát sinh tại cơ sở được trình bày tại bảng sau:

Bảng 3. 11. Khối lượng chất thải rắn công nghiệp phát sinh

Stt	Loại chất thải	Mã chất thải	Trạng thái tồn tại	Kí hiệu	Khối lượng (kg/năm)
1	Bụi phát sinh từ hoạt động sản xuất	-	Rắn	TT	15.000
2	Bao bì nhựa (đã chứa chất khi thải ra không phải là CTNH) thải	18 01 06	Rắn	TT-R	500
3	Giấy và bao bì các tông thải bỏ	18 01 05	Rắn	TT	10
4	Bao bì gỗ (đã chứa chất thải khi thải ra không phải là CTNH) thải: Pallet gỗ hư hỏng	18 01 07	Rắn	TT-R	100

Stt	Loại chất thải	Mã chất thải	Trạng thái tồn tại	Kí hiệu	Khối lượng (kg/năm)
5	Hộp chứa mực in (không có các thành phần nguy hại như mực in văn phòng, sách báo) thải	08 02 08	Bùn	TT-R	3
6	Xỉ than	12 01 10	Rắn	TT	100
7	Bùn từ bể tự hoại	12 06 13	Bùn	TT	2.000
8	Chất hấp thụ, vật liệu lọc, giẻ lau, vải bảo vệ thải khác với loại trên: Túi vải	18 02 02	Rắn	TT	500
Tổng khối lượng					18.213

(Nguồn: Công ty TNHH Sản xuất – Thương mại Phân hữu cơ Sinh học Thanh Bình)

Chú thích:

- TT: Chất thải rắn công nghiệp thông thường;
- TT-R: Chất thải rắn công nghiệp thông thường được thu hồi, phân loại, lựa chọn để tái sử dụng, sử dụng trực tiếp làm nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu cho hoạt động sản xuất.

3.2.1. Công trình, biện pháp lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt

Phần chất thải này được thu gom bằng các thùng rác và hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom theo quy định.

- Thiết bị lưu chứa: Bố trí các thùng chứa chuyên dụng để lưu chứa chất thải rắn sinh hoạt tại các khu vực có phát sinh như nhà văn phòng, nhà xưởng, nhà vệ sinh với dung tích 120 lít, 240lít. Cuối ngày công nhân thu gom và đưa về khu tập kết trước cổng Công ty để đơn vị đến thu gom xử lý.

Vấn đề thu gom và xử lý rác sinh hoạt được kiến nghị như sau:

- Trong từng phòng và từng khu vực nhà máy đều trang bị các loại thùng rác có nắp đậy: 1 thùng đựng rác loại cứng như vỏ đồ hộp, các loại chai thủy tinh, chai nhựa,...; 1 thùng đựng rác có dạng mềm, ướt để phân hủy như: thức ăn thừa, vỏ trái cây.

- Các thùng chứa được lót bên trong bằng túi nylon để tiện thu gom. Chất thải sau khi thu gom sẽ được bảo quản cẩn thận, không để xảy ra tình trạng các thùng chứa chất thải bị phân hủy bởi nước mưa và ánh sáng mặt trời (đặc biệt là đối với một số loại chất thải có khả năng gây ô nhiễm đất, hoặc đối với những chất thải có thành phần dễ hòa tan trong nước hay dễ phân hủy, từ đó làm ô nhiễm nguồn nước mặt và nước ngầm).

- Các thùng này được nhân viên thu gom hằng ngày, định kỳ 2 lần/tuần giao cho đơn vị có chức năng đến thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định. (Công ty đã ký Hợp đồng thu gom rác thải sinh hoạt với Công ty TNHH Môi trường Trà Nguyên tại Hợp đồng kinh tế số 1420/2025/HĐKT ngày 09/3/2025 đính kèm tài phụ lục).

Hình ảnh thiết bị lưu chứa chất thải sinh hoạt:



3.2.2. Công trình, biện pháp lưu giữ chất thải rắn công nghiệp không nguy hại

Toàn bộ lượng chất thải công nghiệp không nguy hại phát sinh tại cơ sở sẽ được thu gom và lưu giữ trong kho chất thải rắn với diện tích 20 m² và hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý.

Đối với bùn từ bể tự hoại để thuận tiện trong quá trình thu gom và đảm bảo sức chứa của kho lưu trữ chất thải, toàn bộ lượng bùn dư sau thời gian lưu thích hợp tại hầm tự hoại 03 ngăn sẽ được Công ty thuê xe hút chuyên dùng (loại xe hút hầm cầu), đây là một giải pháp đơn giản, dễ quản lý nhưng hiệu quả xử lý tương đối cao.

Đối với bùn từ hệ thống xử lý nước thải sẽ được chuyển giao cho đơn vị có chức năng thu gom và xử lý theo đúng quy định.

(Công ty đã ký Hợp đồng xử lý chất thải nguy hại, công nghiệp với Công ty TNHH Môi trường Sen vàng tại Hợp đồng kinh tế số 757 HĐ/SV-2024 ngày 01/11/2024 đính kèm tài phụ lục)

- Công ty sẽ bố trí diện tích khu lưu giữ chất thải như sau:

Bảng 3. 12. Diện tích, kết cấu công trình

Công trình	Diện tích	Kết cấu công trình
Chất thải công nghiệp thông thường	20 m ²	Bố trí bên trong nhà xưởng, nền bê tông, có vách ngăn bằng tôn, có mái che, có dán dấu hiệu cảnh báo

Tần suất giao nhận chất thải cho đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý cụ thể:

Bảng 3. 13. Tần suất giao nhận chất thải công nghiệp thông thường

Loại chất thải	Tần suất thu gom
Chất thải công nghiệp thông thường	1 tháng/lần hoặc tùy theo khối lượng phát sinh thực tế của cơ sở

Hình ảnh khu lưu chứa chất thải công nghiệp thông thường như sau:



4. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại:

4.1. Chủng loại, khối lượng chất thải nguy hại phát sinh

- Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh dự kiến:

Bảng 3. 14. Bảng khối lượng chất thải nguy hại phát sinh

Stt	Loại chất thải	Mã chất thải	Trạng thái (rắn/lỏng/bùn)	Ký hiệu phân loại	Khối lượng (kg/năm)
1	Bóng đèn huỳnh quang hỏng	16 01 06	Rắn	NH	80
2	Các linh kiện, thiết bị điện tử thải: bóng đèn led	19 02 06	Rắn	NH	20
3	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải	17 02 03	Lỏng	NH	470
Tổng khối lượng					570

- Khối lượng, chủng loại chất thải phải kiểm soát phát sinh dự kiến:

Bảng 3. 15. Bảng khối lượng chất thải phải kiểm soát phát sinh

Stt	Loại chất thải	Mã chất thải	Trạng thái (rắn/lỏng/bùn)	Ký hiệu phân loại	Khối lượng (kg/năm)
1	Chất hấp thụ, vật liệu lọc (cát), giẻ lau, vải bảo vệ thải	18 02 01	Rắn	KS	500

Stt	Loại chất thải	Mã chất thải	Trạng thái (rắn/lỏng/bùn)	Ký hiệu phân loại	Khối lượng (kg/năm)
	bị nhiễm các thành phần nguy hại				
2	Bao bì mềm (đã chứa chất khi thải ra là CTNH) thải	18 01 01	Rắn	KS	300
3	Bao bì nhựa cứng (chứa chất có thành phần nguy hại) thải	18 01 03	Rắn	KS	450
4	Bùn thải có các thành phần nguy hại từ quá trình xử lý nước thải công nghiệp	12 06 05	Bùn	KS	9.438
Tổng khối lượng					10.688

*** Ghi chú:**

KS: Chất thải công nghiệp phải kiểm soát Cần áp dụng ngưỡng CTNH (hay ngưỡng nguy hại của chất thải) theo quy định tại QCKTMT về ngưỡng CTNH để phân định là CTNH hoặc CTRCNTT.

NH: Chất thải nguy hại.

Đối với các mã CTNH phân loại được kiểm soát theo CTNH hoặc CTRCNTT, Công ty cam kết sẽ thực hiện phân định chất thải hoặc định kỳ thu mẫu trước khi chuyển giao theo chất thải thông thường, đảm bảo kiểm soát, thu gom và xử lý chất thải theo đúng quy định hiện hành.

4.2. Công trình, biện pháp lưu giữ chất thải nguy hại

Chất thải nguy hại phát sinh trong quá trình sản xuất được phân loại, bảo quản chất thải nguy hại (CTNH) theo chủng loại trong các bồn chứa, thùng chứa, bao bì chuyên dụng đáp ứng các yêu cầu về an toàn, kỹ thuật, đảm bảo không rò rỉ, rơi vãi hoặc phát tán ra môi trường, có dán nhãn bao gồm các thông tin sau:

- Tên chất thải nguy hại, mã CTNH theo danh mục CTNH;
- Mô tả về nguy cơ do CTNH có thể gây ra (dễ cháy, dễ nổ, dễ bị oxi hóa, ...);
- Ngày bắt đầu được đóng gói, bảo quản;
- Dấu hiệu cảnh báo, phòng ngừa theo TCVN 6707:2009 về “Chất thải nguy hại - dấu hiệu cảnh báo”.
- Sau khi phân loại tại nguồn, phân loại theo từng loại CTNH theo từng mã CTNH đã được xác định, chất thải được chứa trong các thùng chứa chuyên

dụng đối với từng loại chất thải và được tập trung chứa trong kho chứa chất thải nguy hại với diện tích 5 m². Sau đó hợp đồng với đơn vị có chức năng để thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại theo đúng quy định hiện hành. (Công ty đã ký Hợp đồng xử lý chất thải nguy hại, công nghiệp với Công ty TNHH Môi trường Sen vàng tại Hợp đồng kinh tế số 757 HĐ/SV-2024 ngày 01/11/2024 đính kèm tại phụ lục).

- Công ty sẽ bố trí diện tích khu lưu giữ chất thải như sau:

Bảng 3. 16. Diện tích, kết cấu công trình

Công trình	Diện tích	Kết cấu công trình
Chất thải nguy hại	5 m ²	Bố trí bên trong nhà xưởng, nền bê tông, có vách ngăn bằng tôn, có mái che, thùng cát, bình PCCC, có dán dấu hiệu cảnh báo, dán mã chất thải nguy hại, khay đựng thùng chứa chất thải lỏng.

Tần suất giao nhận chất thải cho đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý cụ thể:

Bảng 3. 17. Tần suất giao nhận chất thải nguy hại

Loại chất thải	Tần suất thu gom
Chất thải nguy hại	2 lần/năm hoặc tùy theo khối lượng phát sinh thực tế của cơ sở

Hình ảnh khu lưu chứa chất thải nguy hại như sau:



Công ty sẽ thực hiện đúng các yêu cầu kỹ thuật, quy trình quản lý đối với chủ nguồn thải CTNH theo đúng yêu cầu kỹ thuật như sau:

➤ **Đối với bao bì CTNH:**

+ Bao bì CTNH (vỏ cứng hoặc vỏ mềm) bảo đảm lưu giữ an toàn CTNH, không bị hư hỏng, rách vỡ vỏ.

+ Bao bì mềm được buộc kín và bao bì cứng có nắp đậy kín để bảo đảm ngăn chất thải rò rỉ hoặc bay hơi.

+ Chất thải lỏng, bùn thải dạng nhão hoặc chất thải có các thành phần nguy hại dễ bay hơi phải chứa trong bao bì cứng không vượt quá 90% dung tích hoặc mức chứa cao nhất cách giới hạn trên của bao bì là 10 (mười) cm.

➤ **Đối với thiết bị lưu chứa CTNH:**

- Thiết bị lưu chứa (có vỏ cứng với cỡ lớn hơn các bao bì thông thường, như các bể, bể, công ten nơ...) phải đáp ứng các yêu cầu chung như sau:

+ Bảo đảm lưu chứa an toàn CTNH, có gia cố hoặc thiết kế đặc biệt tại điểm tiếp nối và vị trí xếp, dỡ hoặc nạp, xả chất thải để tránh rò rỉ.

+ Kết cấu cứng chịu được va chạm, không bị hư hỏng, biến dạng, rách vỡ bởi trọng lượng chất thải trong quá trình sử dụng.

+ Có biển dấu hiệu cảnh báo theo Tiêu chuẩn Việt Nam TCVN 6707:2009 về chất thải nguy hại - Dấu hiệu cảnh báo, phòng ngừa (sau đây viết tắt là TCVN 6707:2009) với kích thước ít nhất 30 (ba mươi) cm mỗi chiều.

Biển cảnh báo khu vực lưu chứa chất thải sinh hoạt

**CHẤT THẢI
SINH HOẠT**

Biển cảnh báo khu vực lưu chứa chất thải công nghiệp

**CHẤT THẢI
CÔNG NGHIỆP**

Biển cảnh báo khu vực lưu chứa chất thải nguy hại



- Có dấu hiện cảnh báo cho từng loại chất thải nguy hại phát sinh.
- Thiết bị lưu chứa CTNH ở thể lỏng hoặc có thành phần nguy hại dễ bay hơi phải có nắp đậy kín, biện pháp kiểm soát bay hơi, đặc biệt tại điểm nạp, xả, biện pháp kiểm soát nạp đầy tràn để bảo đảm mức chứa cao nhất cách giới hạn trên của thiết bị lưu chứa 10 (mười) cm.
- Trường hợp thiết bị lưu chứa CTNH không có các thành phần nguy hại dễ bay hơi thì có thể không cần nắp đậy kín nhưng phải có mái hoặc biện pháp che hoàn toàn nắng, mưa khác và biện pháp kiểm soát gió trực tiếp vào bên trong.
- Trường hợp lưu chứa loại hoặc nhóm CTNH có khả năng phản ứng hoá học với nhau trong cùng thiết bị lưu chứa thì phải có biện pháp cách ly bảo đảm loại hoặc nhóm CTNH không tiếp xúc với nhau trong quá trình lưu chứa.

➤ **Khu vực lưu giữ CTNH:**

- Khu vực lưu giữ CTNH (không bắt buộc phải xây dựng dưới dạng kho) phải đáp ứng các yêu cầu chung như sau:
 - + Mặt sàn trong khu vực lưu giữ CTNH bảo đảm kín khít, không bị thấm thấu và tránh nước mưa chảy tràn từ bên ngoài vào.
 - + Có mái che kín nắng, mưa cho toàn bộ khu vực lưu giữ CTNH, trừ các thiết bị lưu chứa CTNH với dung tích lớn hơn 02 (hai) m³ thì được đặt ngoài trời; có biện pháp hoặc thiết kế để hạn chế gió trực tiếp vào bên trong.
 - + Có biện pháp cách ly với các loại hoặc nhóm CTNH khác có khả năng phản ứng hoá học với nhau.
 - + Khu lưu giữ CTNH phải được bảo đảm không chảy tràn chất lỏng ra bên ngoài khi có sự cố rò rỉ, đổ tràn.
- Khu vực lưu giữ CTNH phải được trang bị như sau:

+ Thiết bị phòng cháy chữa cháy theo hướng dẫn của cơ quan có thẩm quyền về phòng cháy chữa cháy theo quy định của pháp luật về phòng cháy chữa cháy.

+ Biển dấu hiệu cảnh báo, phòng ngừa phù hợp với loại CTNH được lưu giữ theo TCVN 6707:2009 với kích thước ít nhất 30 (ba mươi) cm mỗi chiều.

Ngoài ra, để quản lý tốt nguồn chất thải rắn, công ty sẽ thực hiện các biện pháp sau:

- Trong mỗi khu vực phát sinh chất thải rắn, chủ cơ sở có kế hoạch thu gom thường xuyên không để chất thải rắn tràn lan hay bị phân hủy bởi các thành phần trong môi trường. Các cống rãnh cũng có thể là nơi tích tụ chất thải được nạo vét thường xuyên;

- Xây dựng gờ chắn bao quanh khu vực chứa chất thải nhằm tránh tình trạng chất thải lỏng bên trong khu chứa rò rỉ ra ngoài hoặc nước mưa chảy vào bên trong;

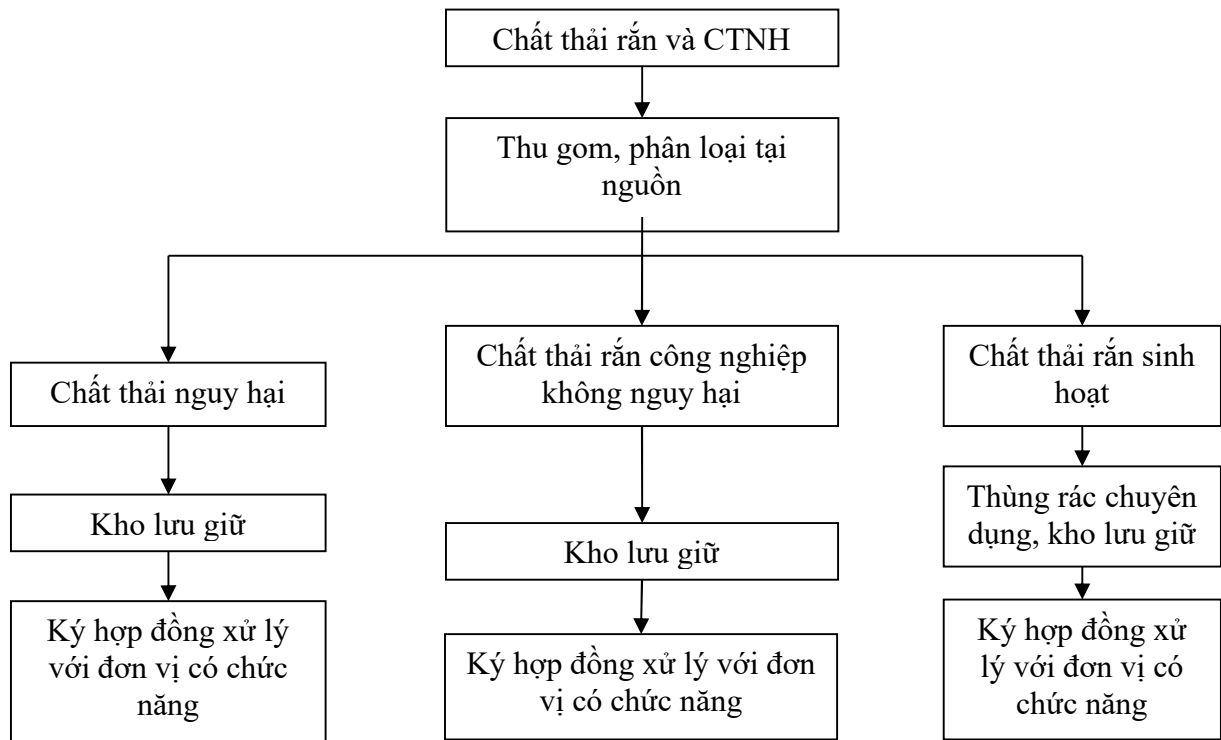
- Lập bản kê để theo dõi tình trạng lưu giữ chất thải;

- Phân công một nhân viên kiêm nhiệm để đảm nhiệm việc phân loại, quản lý chất thải tại công ty;

- Trong quá trình giao nhận chất thải nguy hại với đơn vị thu gom, xử lý theo hợp đồng ký kết, Công ty sẽ tuân thủ quy định giao nhận và lưu trữ chứng từ quản lý chất thải nguy hại theo đúng quy định.

Toàn bộ lượng chất thải nguy hại phát sinh tại Cơ sở sẽ được thu gom và lưu giữ trong kho chất thải rắn nguy hại có mái che và hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải định kỳ theo đúng quy định.

Sơ đồ thu gom chất thải rắn của Cơ sở:



Hình 3. 7. Khu vực lưu giữ chất thải nguy hại

5. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung

a) Biện pháp giảm thiểu tiếng ồn

** Tiếng ồn, rung động trong khu vực sản xuất*

Tiếng ồn trong xưởng sản xuất của nhà máy tương đối cao. Tuy nhiên Công ty có áp dụng các biện pháp giảm thiểu tiếng ồn trong quá trình hoạt động sản xuất, do đó không gây ảnh hưởng đáng kể đến khu dân cư xung quanh. Để giảm thiểu tiếng ồn nhằm đảm bảo sức khỏe cho công nhân lao động và tránh làm tăng mức độ ồn trong khu vực, tiếng ồn trong nhà máy được khống chế bằng các phương pháp sau:

- Cân chỉnh và bảo dưỡng các chi tiết truyền động của máy móc thiết bị;
- Phân bố các nguồn gây ồn ra các khu vực riêng biệt một cách hợp lý;
- Trang bị nút tai cho công nhân phải làm việc ở khu vực thường xuyên tiếp xúc với độ ồn cao, đây là biện pháp vừa hiệu quả, vừa kinh tế, vừa dễ thực hiện;
- Có kế hoạch kiểm tra thường xuyên và theo dõi chặt chẽ việc sử dụng các phương tiện bảo hộ lao động của công nhân;
- Bố trí luân phiên nhóm công nhân làm việc tại khu vực có mức ồn cao.

- Các biện pháp đề xuất thực hiện trong nhà máy nhằm hạn chế độ rung trong quá trình vận hành máy móc, thiết bị như sau:

+ Đúc móng máy đủ khối lượng, tăng chiều sâu móng, đào rãnh đổ cát khô để tránh rung theo mặt nền;

+ Lắp đặt đệm chống ồn, chống rung đối với các máy móc, thiết bị sản xuất.

- Trồng cây xanh trong và xung quanh khuôn viên cơ sở.

** Tiếng ồn do các phương tiện giao thông*

Để hạn chế tiếng ồn từ các phương tiện giao thông khi cơ sở đi vào hoạt động được khống chế bằng các phương pháp sau:

- Thường xuyên bảo dưỡng và sửa chữa kịp thời các phương tiện giao thông phục vụ cơ sở;

- Kiểm tra độ mòn chi tiết và định kỳ cho dầu bôi trơn hoặc thay những chi tiết hư hỏng cho các phương tiện giao thông.

b) Biện pháp giảm thiểu nhiệt thừa

Để hạn chế ảnh hưởng của nhiệt thừa và cũng để đảm bảo môi trường vi khí hậu tốt cho công nhân làm việc, chủ cơ sở sẽ áp dụng một số biện pháp sau:

Lắp hệ thống quạt thông gió, hệ thống làm mát khu vực nhà xưởng.

Trồng cây xanh trong và xung quanh khuôn viên cơ sở. Cây xanh có tác dụng che nắng, hút bớt bức xạ mặt trời, hút và giữ bụi, lọc sạch không khí, hút tiếng ồn và che chắn tiếng ồn. Mặt khác, nó còn tạo thẩm mỹ cảnh quan, tạo cảm giác êm dịu về màu sắc cho môi trường.

c) Biện pháp giảm thiểu các tác động xấu đến an ninh xã hội tại địa phương

Để giảm thiểu các tác động xấu đến tình hình an ninh, trật tự xã hội tại địa phương trong suốt quá trình hoạt động sản xuất của cơ sở như tai nạn giao thông, trật tự an ninh xã hội, chủ cơ sở sẽ thực hiện các biện pháp sau:

- Ưu tiên tuyển dụng lao động tại địa phương khi có đủ các điều kiện tuyển dụng nhằm hạn chế mâu thuẫn giữa công nhân nơi khác và công nhân tại địa phương;

- Phổ biến phong tục tập quán cho đội ngũ công nhân nhập cư tham gia làm việc tại công ty;

- Ban hành và phổ biến quy định, nội quy lao động cho toàn thể công nhân viên và có biện pháp cưỡng chế việc thực hiện;
- Nghiêm chỉnh thực hiện các quy định về đăng ký tạm trú, tạm vắng cho công nhân viên trong Công ty. Quản lý chặt chẽ công nhân viên, kết hợp với chính quyền địa phương để quản lý công nhân nhập cư, phối hợp kịp thời với lực lượng công an để xác minh, điều tra, giải quyết kịp thời các vụ việc xảy ra;
- Phối hợp thường xuyên, chặt chẽ với tổ chức Công đoàn để nắm bắt, giải quyết kịp thời các vụ đình công;
- Tổ chức thành lập, chỉ đạo hoạt động của lực lượng bảo vệ, xây dựng phong trào quần chúng bảo vệ an ninh trật tự;
- Tuyên truyền, vận động công nhân viên không uống rượu, bia, chất kích thích khi điều khiển phương tiện tham gia giao thông để tránh xảy ra những tai nạn đáng tiếc;
- Tổ chức và khuyến khích công nhân tham gia các hoạt động thể dục thể thao, vui chơi, giải trí lành mạnh.

6. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường:

**** Sự cố rò rỉ, vỡ đường ống cấp thoát nước:***

- Đường ống cấp, thoát nước phải có đường cách ly an toàn.
- Thường xuyên kiểm tra và bảo trì những mối nối, van khóa trên hệ thống đường ống dẫn đảm bảo tất cả các tuyến ống có đủ độ bền và độ kín khít an toàn nhất.
- Không có bất kỳ các công trình xây dựng trên đường ống dẫn nước.

**** Sự cố hư hỏng bể tự hoại:***

Thường xuyên theo dõi hoạt động của bể tự hoại, bảo trì, bảo dưỡng định kỳ, tránh các sự cố có thể xảy ra như:

Tắc nghẽn bồn cầu hoặc tắc nghẽn đường ống dẫn đến phân, nước tiểu không tiêu thoát được.

Tắc đường ống thoát khí bể tự hoại gây mùi hôi thối trong nhà vệ sinh hoặc có thể gây nổ hầm cầu. Trường hợp này phải thông ống dẫn khí để hạn chế mùi hôi cũng như đảm bảo an toàn cho nhà vệ sinh.

Hợp đồng với đơn vị có chức năng tiến hành thu gom, hút hầm cầu định kỳ và mang đi xử lý đúng quy định.

Phòng chống sự cố do hoạt động không hiệu quả của bể tự hoại: đã trình bày ở phần trên.

*** Đối với hệ thống xử lý nước thải:**

+ Sự cố rò rỉ, vỡ đường ống cấp thoát nước:

+ Đường ống cấp, thoát nước phải có đường cách ly an toàn.

+ Thường xuyên kiểm tra và bảo trì những mối nối, van khóa trên hệ thống đường ống dẫn đảm bảo tất cả các tuyến ống có đủ độ bền và độ kín khít an toàn nhất.

+ Không có bất kỳ các công trình xây dựng trên đường ống dẫn nước.

Các trường hợp sự cố có thể xảy ra tại hệ thống xử lý nước thải và biện pháp phòng chống sự cố tương ứng:

- Chủ cơ sở đã tính toán và thiết kế công suất hệ thống xử lý nước thải ứng với trường hợp lưu lượng nước thải cao nhất.

- Trường hợp hệ thống xử lý nước thải gặp sự cố, nước thải được bơm ngược về bể chứa nước thải trước xử lý để tạm thời lưu giữ nước thải, chờ khắc phục sự cố xong sẽ bơm nước thải từ bể điều hòa của hệ thống xử lý để xử lý.

- Bố trí máy bơm dự phòng công suất tương đương để thay thế bơm xử lý nước thải khi có sự cố.

+ Phòng chống lưu lượng nước thải tăng lên do mưa lớn: khu vực xử lý nước thải phải có đường thoát nước mưa riêng, không để nước mưa xả vào hệ thống xử lý nước thải.

+ Thường xuyên theo dõi hoạt động của các máy móc xử lý, tình trạng hoạt động của các bể xử lý để có biện pháp khắc phục kịp thời.

+ Các máy móc, thiết bị đều có dự phòng đề phòng trường hợp hư hỏng cần sửa chữa.

+ Những người vận hành hệ thống xử lý nước thải phải được đào tạo các kiến thức về:

- Hướng dẫn lý thuyết vận hành hệ thống xử lý nước thải.

- Hướng dẫn bảo trì bảo dưỡng thiết bị: cách xử lý các sự cố đơn giản và bảo trì, bảo dưỡng thiết bị.

- Hướng dẫn an toàn vận hành hệ thống xử lý: trong giai đoạn này, những người tham dự khóa huấn luyện sẽ được đào tạo các kiến thức về an toàn khi vận hành hệ thống xử lý nước thải. Đây là một trong những bài học quan trọng không thể thiếu đối với người trực tiếp vận hành hệ thống xử lý nước thải.

- Hướng dẫn thực hành vận hành hệ thống: thực hành các thao tác vận hành hệ thống xử lý nước thải và thực hành xử lý các tình huống sự cố.

Yêu cầu đối với cán bộ vận hành trong trường hợp sự cố thường gặp:

- Phải lập tức báo cáo cấp trên khi có các sự cố xảy ra và tiến hành giải quyết các sự cố. Nếu sự cố không tự khắc phục được tại chỗ thì tìm cách báo cáo cho cấp trên để nhận sự chỉ đạo trực tiếp.

- Nếu đã thực hiện theo chỉ đạo của cấp trên mà chưa thể khắc phục sự cố thì được phép xử lý theo hướng ưu tiên: 1- Bảo đảm an toàn về con người; 2- An toàn tài sản; 3- An toàn công việc.

- Viết báo cáo sự cố và lưu hồ sơ.

*** Sự cố về kho chất thải rắn:**

- Kho lưu giữ chất thải có mái che, xung quanh có gờ bao để phòng khi có sự cố đổ vỡ, chất thải tràn ra ngoài gây nguy hiểm hoặc chất thải có thể lẫn vào nước mưa gây ô nhiễm môi trường.

- Khu vực lưu giữ chất thải được phân chia thành nhiều khu vực lưu giữ khác nhau. Các khu vực này được thiết kế với khoảng cách phù hợp theo quy định lưu giữ chất thải nguy hại, hạn chế khả năng tương tác giữa các loại chất thải và xảy ra sự cố cháy nổ trong nhà xưởng. Mỗi khu vực lưu giữ được trang bị các biển cảnh báo và thiết bị PCCC, dụng cụ bảo hộ lao động, các vật liệu ứng phó khắc phục nếu có sự cố xảy ra.

- Đối với việc vận chuyển chất thải nguy hại: chủ cơ sở sẽ hợp đồng với đơn vị có chức năng chuyên thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại theo đúng quy định. Do đó, đơn vị được thu gom, vận chuyển và xử lý sẽ có các biện pháp để đề phòng và kiểm soát sự cố trong quá trình vận chuyển chất thải nguy hại.

7. Công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác

7.1. Phòng chống cháy nổ và phòng cháy chữa cháy

- Bảo đảm về các thông số kỹ thuật theo thiết kế phục vụ cho phòng cháy và chữa cháy.

- Phù hợp với tiêu chuẩn của Việt Nam hoặc tiêu chuẩn nước ngoài, tiêu chuẩn quốc tế được phép áp dụng tại Việt Nam.

- Phương tiện phòng cháy và chữa cháy phải được phép sử dụng của cơ quan Cảnh sát phòng cháy và chữa cháy tỉnh Đồng Nai có thẩm quyền và phải được kiểm định về chất lượng, chủng loại, mẫu mã theo quy định của Công an tỉnh Đồng Nai.

- Chất chữa cháy: nước, các loại bột, khí chữa cháy, thuốc chữa cháy.

- Vật liệu và chất chống cháy: sơn chống cháy; vật liệu chống cháy, chất ngâm tẩm chống cháy.

- Trang phục và thiết bị bảo hộ cá nhân

- Phương tiện cứu người: dây, đệm, thang và ống cứu người.

- Công cụ hỗ trợ và dụng cụ phá dỡ:

- Máy cắt, máy kéo, máy banh, máy kích, nâng điều khiển bằng khí nén và bằng điện.

- Thường xuyên kiểm tra, thay thế các bóng đèn cũ bị hư hỏng để đảm bảo ánh sáng. Công nhân được hướng dẫn đầy đủ các biện pháp an toàn trong sử dụng điện, máy móc thiết bị, được khám sức khỏe định kỳ phát hiện sớm nguy cơ gây bệnh nghề nghiệp để có biện pháp khắc phục.

- Kiểm tra định kỳ các phương tiện vận chuyển và tuân thủ nghiêm ngặt các quy định an toàn trong vận chuyển.

- Lắp đặt hệ thống chống sét tại vị trí thích hợp, đảm bảo phạm vi bảo vệ của kim chống sét bao phủ tất cả các công trình xây dựng của Nhà máy.

- Các máy móc thiết bị được sắp xếp bố trí trật tự, gọn và có khoảng cách an toàn cho công nhân khi có sự cố cháy nổ xảy ra. Toàn bộ máy móc thiết bị được kiểm tra và bảo dưỡng, duy tu theo kế hoạch để đảm bảo luôn ở tình trạng tốt. Các máy móc thiết bị có nội quy vận hành sử dụng an toàn, được gắn tại vị trí hoạt động. Chủ cơ sở thường xuyên huấn luyện cho công nhân thực thi đầy đủ và kiểm tra không để xảy ra tai nạn lao động do không thực hiện đúng nội quy.

7.2. Biện pháp an toàn trong lao động.

Trong quá trình hoạt động, Công ty sẽ thực hiện các biện pháp sau đây để phòng ngừa sự cố tai nạn lao động:

- Xây dựng chi tiết các bảng nội quy về an toàn lao động cho từng khâu và từng công đoạn sản xuất;
- Trang bị đầy đủ các trang thiết bị bảo hộ lao động cho công nhân;
- Trang bị các trang thiết bị và dụng cụ y tế và thuốc men cần thiết để kịp thời ứng cứu sơ bộ trước khi chuyển nạn nhân đến bệnh viện;
- Lên kế hoạch ứng cứu sự cố trong đó xác định những vị trí có khả năng xảy ra sự cố, bố trí nhân sự và trang thiết bị thông tin để đảm bảo thông tin khi có xảy ra sự cố;
- Phối hợp với các cơ quan chuyên môn tổ chức các buổi huấn luyện về thao tác ứng cứu khẩn cấp, thực hành cấp cứu y tế, sử dụng thành thạo các phương tiện thông tin, địa chỉ liên lạc khi có sự cố;
- Người lao động (kể cả học nghề) trước khi vào làm việc phải được khám sức khỏe; chủ cơ sở phải căn cứ vào sức khỏe của người lao động để bố trí việc làm và nghề nghiệp cho phù hợp với sức khỏe của người lao động;
- Có kế hoạch khám sức khỏe định kỳ cho công nhân viên ít nhất 1 lần/năm, việc khám sức khỏe được các đơn vị chuyên môn thực hiện và tuân thủ theo quy định tại Thông tư 09/2000/TT-BYT ngày 28/04/2000 của Bộ Y tế về việc hướng dẫn chăm sóc sức khỏe người lao động trong các doanh nghiệp vừa và nhỏ.

7.3. Phòng ngừa và ứng phó sự cố rò rỉ nguyên liệu và hóa chất

Cơ sở có sử dụng các loại nguyên nhiên liệu dạng lỏng như dầu máy (bảo trì máy móc), dầu DO (vận hành xe nâng), nguyên liệu sản xuất phân bón hóa học nên khả năng xảy ra sự cố rò rỉ, đổ tràn nguyên nhiên liệu là rất dễ xảy ra. Để phòng chống và ứng cứu sự cố rò rỉ nguyên nhiên liệu tại khu vực Cơ sở, Chủ cơ sở sẽ phối hợp cùng với các cơ quan chức năng PCCC giám sát, kiểm tra nghiêm ngặt các hệ thống kỹ thuật tại kho chứa, lập phương án ứng cứu khi xảy ra sự cố. Đồng thời, chủ cơ sở sẽ thực hiện các biện pháp phòng ngừa sự cố như sau:

- Lưu trữ nguyên nhiên liệu và hóa chất dạng lỏng với khối lượng ít nhất (đủ dùng);
- Bảo quản nguyên nhiên liệu, hóa chất trong các thiết bị chuyên dụng, các thùng chứa phải đậy kín, đặt nơi khô ráo, thông thoáng;
- Lưu trữ các bình chứa nguyên nhiên liệu, hóa chất tại kho chứa riêng,

thông thoáng và có biển báo ghi đầy đủ thông tin;

- Trong khu vực chứa nguyên nhiên liệu dễ cháy, treo biển cấm không được hút thuốc, không mang bật lửa, diêm quẹt, các dụng cụ phát ra lửa;

- Tuân thủ các yêu cầu về đảm bảo an toàn hóa chất của Nhà nước, bảo vệ môi trường phòng chống tràn hóa chất trong quá trình bảo quản, tồn chứa, vận hành và sử dụng;

- Sử dụng đúng kỹ thuật và tuân thủ các quy tắc an toàn trong sản xuất đối với từng chủng loại nguyên nhiên liệu;

- Trong khu vực kho chứa hóa chất có bố trí các rãnh thu gom để thu gom hóa chất chảy tràn.

- Vận chuyển bình chứa, thùng chứa đúng cách (di chuyển bình ở tư thế đứng, không lăn tròn, hạn chế rung động mạnh), tuyệt đối không được dùng bình chứa, thùng chứa vào các mục đích khác;

- Thường xuyên kiểm tra định kỳ bình chứa và kho chứa;

- Tuân thủ và thực hiện tốt công tác phòng chống cháy nổ;

- Tổ chức nhân sự cho kế hoạch phòng ngừa và ứng phó sự cố.

- Phương pháp ứng phó khi xảy ra sự cố rò rỉ nguyên nhiên liệu và hóa chất:

- Sơ tán người lao động khỏi khu vực xảy ra sự cố;

- Sử dụng cát, giẻ lau để hạn chế chảy tràn chất lỏng;

- Thu hồi nguyên nhiên liệu và vệ sinh khu vực xảy ra sự cố;

- Tiến hành điều tra nguyên nhân và lên phương án khắc phục các biện pháp an toàn.

8. Các nội dung thay đổi so với quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường

Các công trình bảo vệ môi trường của dự án đã được điều chỉnh, thay đổi so với báo cáo đánh giá tác động môi trường được phê duyệt được thể hiện tại bảng sau:

Stt	Tên công trình biện pháp bảo vệ môi trường	Các công trình, biện pháp đề xuất trong báo cáo ĐTM	Các biện pháp công trình, biện pháp đã thay đổi, điều chỉnh	Lý do thay đổi
1	Đối với hệ thống xử lý nước thải	Lắp đặt hệ thống xử lý nước thải công suất 3 m ³ /ngày.đêm. Quy trình vận hành: Nước thải → Giở lọc rác → Bể điều hòa → Bể hiếu khí → TB khử trùng → Môi trường.	Lắp đặt hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt công suất 10 m ³ /ngày.đêm. Quy trình vận hành: Nước thải → Bể thu gom → Bể điều hòa → Keo tụ tạo bông → Bể lắng hóa lý → Bể thiếu khí → Bể hiếu khí → Bể lắng sinh học → Bể khử trùng → Cột lọc → 02 Bồn chứa nước tái sử dụng (đạt QCVN 40:2011/BTNMT Cột A, Kq = 0,9; Kf = 1,2 trước khi tái sử dụng hoàn toàn cho quá trình phối trộn phân hữu cơ và dৌ toilet, không xả thải ra ngoài môi trường).	Đảm bảo xử lý đạt chất lượng nước theo QCVN 40:2011/BTNMT Cột A, Kq = 0,9; Kf = 1,2 trước khi tái sử dụng hoàn toàn cho quá trình phối trộn phân hữu cơ và dৌ toilet, không xả thải ra ngoài môi trường.

CHƯƠNG IV: NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP, CẤP LẠI GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải

1.1. Nguồn phát sinh nước thải:

- Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt từ hoạt động sinh hoạt của cán bộ công nhân viên (phát sinh từ các khu vực nhà văn phòng, nhà vệ sinh công nhân).

- Nguồn số 02: Nước thải từ hệ thống xử lý khí thải lò sấy -.

1.2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải:

- Nguồn tiếp nhận nước thải:

+ Nguồn số 01, 02: Nước thải sau xử lý đạt QCVN 40:2011/BTNMT Cột A, $K_q = 0,9$; $K_f = 1,2$ trước khi tái sử dụng hoàn toàn cho quá trình phối trộn phân hữu cơ và dội toilet, không xả thải ra ngoài môi trường.

- Lưu lượng nước thải lớn nhất: $5,6 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$.

- Chất lượng nước thải trước khi tái sử dụng phải đảm bảo đáp ứng về bảo vệ môi trường cho từng mục đích sử dụng và quy chuẩn kỹ thuật môi trường QCVN 40:2011/BTNMT Cột A, $K_q = 0,9$; $K_f = 1,2$, cụ thể như sau:

Stt	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	QCVN 40:2011/BTNMT, Cột A, $K_q=0,9$; $k_f=1,2$	Tần suất quan trắc định kỳ
1	pH	-	6 – 9	Không thuộc đối tượng thực hiện quan trắc định kỳ
2	BOD ₅	mg/L	32,4	
3	COD	mg/L	81	
4	Chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/L	54	
5	Amoni	mg/L	5,4	
6	Tổng Nito	mg/L	21,6	
7	Tổng phốt pho	mg/L	4,32	
8	Coliforms	MPN/100mL	3.000	

2. Nội dung đề nghị cấp phép đối với khí thải

2.1. Nguồn phát sinh khí thải:

- Nguồn số 01: Bụi phát sinh từ quá trình sản xuất.

- Nguồn số 02: Khí thải phát sinh từ lò sấy.

2.2. Dòng khí thải xả, vị trí xả thải:

2.2.1. Vị trí xả khí thải:

- Dòng khí thải số 01: tương ứng với 01 ống thoát khí thải sau hệ thống xử lý bụi nguồn số 01, công suất 40.000 m³/giờ. Tọa độ vị trí xả thải: X: 1217074, Y: 407369.

- Dòng khí thải số 02: tương ứng với 01 ống thoát khí thải sau hệ thống xử lý khí thải lò sấy nguồn số 02, công suất 58.000 m³/giờ. Tọa độ vị trí xả thải: X: 1217067, Y: 407353.

(Hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 107⁰45, múi chiều 3⁰)

2.2.2. Lưu lượng xả khí thải lớn nhất: tổng lưu lượng 98.000 m³/giờ

- Dòng khí thải số 01: Lưu lượng xả khí thải lớn nhất 40.000 m³/giờ.

- Dòng khí thải số 02: Lưu lượng xả khí thải lớn nhất 58.000 m³/giờ.

2.2.3. Phương thức xả khí thải: Liên tục khi phát sinh.

2.2.4. Chất lượng khí thải trước khi xả thải vào môi trường không khí phải đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường; Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với bụi, khí thải theo QCVN 19:2009/BTNMT cột B, hệ số Kv = 0,8 và Kp = 0,9 trước khi xả ra môi trường, cụ thể như sau:

Stt	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động liên tục
I	Dòng khí thải số 01				
1	Lưu lượng	m ³ /giờ	-	3 tháng/lần	Không thuộc đối tượng quan trắc tự động liên tục
2	Bụi	mg/Nm ³	144		
II	Dòng khí thải số 02				
1	Lưu lượng	m ³ /giờ	-	3 tháng/lần	Không thuộc đối tượng quan trắc tự động liên tục
2	Bụi	mg/Nm ³	144		
3	NO _x	mg/Nm ³	612		
4	SO ₂	mg/Nm ³	360		
5	CO	mg/Nm ³	720		

Ghi chú: Cơ sở cam kết thực hiện theo lộ trình của QCVN 19:2024/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp (ban hành kèm theo Thông tư 45/2024/BTNMT ngày 30/12/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường).

3. Nội dung đề nghị cấp phép đối với tiếng ồn, độ rung (nếu có):

3.1. Nguồn phát sinh tiếng ồn

- Nguồn phát sinh: tiếng ồn phát sinh từ khu vực sản xuất
- + Nguồn số 01: Từ khu vực tạo hạt.
- + Nguồn số 02: Từ khu vực sàng.
- + Nguồn số 03: Từ khu vực hệ thống xử lý nước thải.
- + Nguồn số 04: Từ khu vực hệ thống xử lý bụi.
- + Nguồn số 05: Từ khu vực hệ thống xử lý bụi, khí thải lò sấy.

3.2. Vị trí phát sinh tiếng ồn

- + Nguồn số 01: tọa độ X: 1217084, Y: 407356;
- + Nguồn số 02: tọa độ X: 1217083, Y: 407372.
- + Nguồn số 01: tọa độ X: 1217075, Y: 407355;
- + Nguồn số 02: tọa độ X: 1217074, Y: 407374.
- + Nguồn số 02: tọa độ X: 1217067, Y: 407346.

(theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 107⁰45, múi chiều 3⁰)

3.3. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2025/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn và QCVN 27:2025/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung

3.3.1. Tiếng ồn:

Stt	Từ 6 giờ đến 21 giờ (dBA)	Từ 21 giờ đến 6 giờ (dBA)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
1	70	55	-	Khu vực thông thường
Kể từ ngày 01/01/2027, Chủ cơ sở cam kết bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường QCVN 26:2025/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn (khu vực E)				

3.3.2. Độ rung:

Stt	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép, dB		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ		
1	70	60	-	Khu vực thông thường
Kể từ ngày 01/01/2027, Chủ cơ sở cam kết bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường QCVN 27:2025/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung (khu vực D)				

4. Nội dung đề nghị cấp phép của cơ sở thực hiện dịch vụ xử lý chất thải nguy hại:

Cơ sở không đầu tư thực hiện dịch vụ xử lý chất thải nguy hại.

5. Nội dung đề nghị cấp phép của cơ sở có nhập khẩu phế liệu từ nước ngoài làm nguyên liệu sản xuất:

Trong quá trình hoạt động sản xuất, cơ sở không sử dụng phế liệu từ nước ngoài làm nguyên liệu sản xuất.

6. Nội dung đề nghị cấp phép đối về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường:

6.1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh:

6.1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải công nghiệp phải kiểm soát, chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên:

- Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh dự kiến:

Stt	Loại chất thải	Mã chất thải	Trạng thái (rắn/lỏng/bùn)	Ký hiệu phân loại	Khối lượng (kg/năm)
1	Bóng đèn huỳnh quang hỏng	16 01 06	Rắn	NH	80
2	Các linh kiện, thiết bị điện tử thải: bóng đèn led	19 02 06	Rắn	NH	20
3	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải	17 02 03	Lỏng	NH	470
Tổng khối lượng					570

- Khối lượng, chủng loại chất thải phải kiểm soát phát sinh dự kiến:

Stt	Loại chất thải	Mã chất thải	Trạng thái (rắn/lỏng/bùn)	Ký hiệu phân loại	Khối lượng (kg/năm)
1	Chất hấp thụ, vật liệu lọc (cát), giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	18 02 01	Rắn	KS	500
2	Bao bì mềm (đã chứa chất khi thải ra là CTNH) thải	18 01 01	Rắn	KS	300
3	Bao bì nhựa cứng (chứa chất có thành phần nguy hại) thải	18 01 03	Rắn	KS	450
4	Bùn thải có các thành phần nguy hại từ quá trình xử lý nước thải công nghiệp	12 06 05	Bùn	KS	9.438
Tổng khối lượng					10.688

6.1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh:

- Khối lượng phát sinh:

Stt	Loại chất thải	Mã chất thải	Trạng thái tồn tại	Kí hiệu	Khối lượng (kg/năm)
1	Bụi phát sinh từ hoạt động sản xuất	-	Rắn	TT	15.000
2	Bao bì nhựa (đã chứa chất khi thải ra không phải là CTNH) thải	18 01 06	Rắn	TT-R	500
3	Giấy và bao bì các tông thải bỏ	18 01 05	Rắn	TT	10
4	Bao bì gỗ (đã chứa chất thải khi thải ra không phải là CTNH) thải: Pallet gỗ hư hỏng	18 01 07	Rắn	TT-R	100
5	Hộp chứa mực in (không có các thành phần nguy hại như mực in văn phòng, sách báo) thải	08 02 08	Bùn	TT-R	3
6	Xi than	12 01 10	Rắn	TT	100
7	Bùn từ bể tự hoại	12 06 13	Bùn	TT	2.000
8	Chất hấp thụ, vật liệu lọc, giẻ lau, vải bảo vệ thải khác với loại trên: Túi vải	18 02 02	Rắn	TT	500
	Tổng khối lượng				18.213

6.1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh:

- Khối lượng phát sinh:

Stt	Tên chất thải	Khối lượng (Tấn/năm)
1	Chất thải rắn sinh hoạt nhóm thực phẩm	3,744
2	Chất thải rắn sinh hoạt nhóm tái chế	1,872
3	Chất thải rắn sinh hoạt còn lại	0,624
	Tổng khối lượng	6,24

6.2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại:

6.2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:

- Thiết bị lưu chứa: Thùng, phuy, can có nắp đậy.

- Khu lưu chứa trong nhà:

+ Diện tích khu vực lưu chứa: 5 m² (bố trí bên trong nhà xưởng)

+ Thiết kế, cấu tạo của khu vực lưu giữ: Khu vực lưu chứa chất thải nguy hại (CTNH) có mái che, nền được gia cố chống thấm. Khu vực lưu chứa có lắp đặt biển cảnh báo theo tiêu chuẩn, có phân loại từng mã CTNH, có trang bị đầy đủ dụng cụ chứa CTNH được dán nhãn mã chất thải nguy hại, các thùng chứa chất lỏng được đặt vào các khay kín chống rò rỉ hoặc chảy tràn ra ngoài, các chất thải dạng rắn được sắp xếp thành các khu riêng biệt, có thùng phuy chứa cát khô và giẻ khô, thiết bị phòng cháy chữa cháy, đáp ứng được yêu cầu kỹ thuật và quy trình quản lý theo quy định.

6.2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường:

- Thiết bị lưu chứa: Thùng chứa chuyên dụng có nắp đậy, bao nilon, thùng carton.
- Khu vực lưu chứa trong nhà.
- Diện tích khu vực lưu chứa trong nhà: 20 m² (bố trí bên trong nhà xưởng).
- Thiết kế, cấu tạo của khu vực lưu giữ: mái che, nền chống thấm. Khu vực có lắp đặt biển cảnh báo theo tiêu chuẩn..

6.2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

- Thiết bị lưu chứa: Thùng chứa chuyên dụng có nắp đậy, dung tích chứa 60 lít, 120 lít và 240 lít đặt tại các khu vực nhà ăn, nhà vệ sinh, văn phòng làm việc và khu vực lưu giữ.

CHƯƠNG V: KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG VÀ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÔNG TÁC BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

1. Thông tin chung về tình hình thực hiện công tác bảo vệ môi trường

Công ty đã được cấp các hồ sơ môi trường sau:

+ Quyết định số 640/QĐ-UBND do UBND tỉnh Đồng Nai cấp ngày 11/03/2010 về việc phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án “Xây dựng xưởng sản xuất phân hữu cơ sinh học Thanh Bình, công suất 30.000 tấn/năm” của Công ty TNHH sản xuất thương mại phân hữu cơ sinh học Thanh Bình.

Hàng năm, Công ty thực hiện báo cáo công tác bảo vệ môi trường, trong đó có chủ động thu mẫu, phân tích các công trình xử lý nước thải, môi trường lao động, chuyển giao chất thải rắn, chất thải nguy hại cho đơn vị có chức năng thu gom, xử lý.

2. Kết quả hoạt động của công trình xử lý nước thải

Kết quả quan trắc nước thải trong năm 2024, 2025 được thể hiện ở bảng sau:

Bảng 5. 1. Kết quả quan trắc nước thải sau xử lý năm 2024

Stt	Thông số	Đơn vị tính	Kết quả	QCVN 40:2011/BTNMT, Cột A
12	pH	--	6,97	6 – 9
13	Florua	mg/L	KPH	5
14	As	mg/L	KPH	0,05
15	TSS	mg/L	28	50
16	BOD ₅	mg/L	20	30
17	COD	mg/L	49	75
18	NH ₄ ⁺ _N	mg/L	2,13	5
19	Tổng Photpho	mg/L	2,57	4
20	Tổng Nito	mg/L	11,0	20
21	Dầu, mỡ khoáng	mg/L	KPH	5
22	Coliforms	MPN/100mL	2.100	3.000

Bảng 5. 2. Kết quả quan trắc nước thải sau xử lý năm 2025

Stt	Thông số	Đơn vị tính	Kết quả			QCVN 40:2011/BTNMT, Cột A
			10/3/2025	10/6/2025	04/10/2025	
1	pH	--	7,12	7,29	6,89	6 – 9
2	TSS	mg/L	43	31	27	50
3	BOD ₅	mg/L	28	24	22	30
4	COD	mg/L	66	58	54	75
5	NH ₄ ⁺ _N	mg/L	4,07	2,69	3,46	5
6	Tổng Photpho	mg/L	3,85	1,77	1,7	4
7	Tổng Nito	mg/L	16,9	14,2	18,5	20
8	Florua	mg/L	KPH	KPH	KPH	5
9	As	mg/L	KPH	KPH	KPH	0,05
10	Dầu, mỡ khoáng	mg/L	KPH	KPH	KPH	5
11	Coliforms	MPN/100mL	2.400	2.300	2.100	3.000

*** Nhận xét:**

Qua so sánh kết quả phân tích chất lượng nước thải tại bảng trên với QCVN 40:20110/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp, cột A cho thấy các thông số phân tích đều đạt theo quy định. Qua đó cho thấy HTXLNT của cơ sở, xử lý hiệu quả và hoạt động ổn định.

3. Kết quả hoạt động của công trình xử lý bụi, khí thải

Kết quả quan trắc bụi, khí thải trong năm 2024, 2025 được thể hiện ở bảng sau:

Bảng 5. 3. Kết quả quan trắc khí thải sau HTXL khí thải lò sấy, công suất 58.000m³/giờ, năm 2024

Stt	Thông số	Đơn vị tính	Kết quả	QCVN 19:2009/BTNMT, CỘT B Kp=0,9; Kv=1,0
1	Lưu lượng	m ³ /h	20.000<P<100.000	-
2	Bụi	mg/Nm ³	89	180
3	NO _x (tính theo NO ₂)	mg/Nm ³	215	765
4	SO ₂	mg/Nm ³	188	450
5	CO	mg/Nm ³	370	900

Bảng 5. 4. Kết quả quan trắc khí thải sau HTXL khí thải lò sấy, công suất 58.000m³/giờ, năm 2025

Stt	Thông số	Đơn vị tính	Kết quả			QCVN 19:2009/BTNMT, CỘT B Kp=0,9; Kv=1,0
			10/3/2025	10/6/2025	03/10/2025	
1	Nhiệt độ	°C	96	118	30,3	-
2	Lưu lượng	m ³ /h	12.072	14.091	35.218	-
3	Bụi	mg/Nm ³	53	60	12,4	180
4	NO _x (tính theo NO ₂)	mg/Nm ³	9,41	5,64	KPH	765
5	SO ₂	mg/Nm ³	0	0	KPH	450
6	CO	mg/Nm ³	82,4	107	KPH	900

*** Nhận xét:**

Dựa vào bảng kết quả phân tích mẫu khí thải tại HTXL khí thải lò sấy, công suất 58.000m³/giờ của Công ty so với QCVN 19:2009/BTNMT, ta thấy tất cả giá trị của các thông số đo đều nằm trong giới hạn cho phép.

Bảng 5. 5. Kết quả quan trắc sau HTXL bụi, công suất 40.000 m³/giờ

Stt	Thông số	Đơn vị tính	Kết quả	QCVN 19:2009/BTNMT, CỘT B
1	Lưu lượng	m ³ /h	15.954	-
2	Bụi	mg/Nm ³	81	200

*** Nhận xét:**

Dựa vào bảng kết quả phân tích mẫu khí thải sau HTXL bụi, công suất 40.000 m³/giờ của Công ty so với QCVN 19:2009/BTNMT, ta thấy tất cả giá trị của các thông số đo đều nằm trong giới hạn cho phép. Từ đó cho thấy Công ty TNHH Sản xuất – Thương mại Phân hữu cơ Sinh học Thanh Bình đã kiểm soát tốt lượng khí thải phát sinh trong quá trình hoạt động của mình, đảm bảo không gây ảnh hưởng, tác động xấu đến môi trường bên ngoài.

4. Kết quả thu gom, xử lý chất thải (đối với cơ sở thực hiện dịch vụ xử lý chất thải)

Cơ sở không thực hiện dịch vụ xử lý chất thải, nên báo cáo này không đề xuất nội dung.

5. Kết quả nhập khẩu và sử dụng phế liệu nhập khẩu làm nguyên liệu sản xuất (đối với cơ sở sử dụng phế liệu làm nguyên liệu sản xuất)

Cơ sở không thực hiện dịch vụ xử lý chất thải, nên báo cáo này không đề xuất nội dung.

6. Tình hình phát sinh, xử lý chất thải

- Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt, thông thường phát sinh:

Bảng 3.18. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt, chất thải công nghiệp thông thường phát sinh

Stt	Năm	Khối lượng chất thải sinh hoạt (tấn/năm)	Khối lượng chất thải công nghiệp thông thường (kg/năm)	Đơn vị thu gom, xử lý
1	2023	1,3	80	Công ty TNHH Môi trường Trà Nguyên
2	2024	2,225	70	Công ty TNHH Môi trường Sen vàng

- Khối lượng chất thải nguy hại phát sinh

Bảng 3.19. Khối lượng chất thải nguy hại phát sinh

Stt	Tên CTNH	Mã CTNH	Khối lượng (kg/năm)		Đơn vị xử lý
			2023	2024	
1	Hộp mực in thải	08 02 04	2	1	Công ty TNHH Môi trường Sen vàng
2	Bóng đèn huỳnh quang	16 01 06	3	2	
3	Dầu nhiên liệu và dầu diesel	17 02 03	0	0	
4	Các loại dầu truyền nhiệt và cách điện thải khác	17 03 03	0	0	
5	Các loại dầu thải khác	12 06 04	2	3	
6	Bao bì cứng thải bằng kim loại	18 01 02	0	0	
7	Bao bì cứng thải bằng nhựa	18 01 03	0	0	
8	Chất hấp thụ, giẻ lau	18 02 01	18	20	
9	Pin, ắc quy chì thải	19 06 01	0	125	
10	Bao bì mềm	18 01 01	113	0	
Tổng cộng			151	138	

7. Kết quả kiểm tra, thanh tra về bảo vệ môi trường đối với cơ sở

Cơ sở đã đi vào hoạt động chính thức đến nay, trong 2 năm gần đây đã có 1 đợt kiểm tra của Sở Tài nguyên và Môi trường cụ thể:

- Đoàn kiểm tra của Sở Tài nguyên và Môi trường Đồng Nai theo Quyết định số 418/QĐ-STNMT ngày 25/9/2024 về việc kiểm tra cấp giấy phép môi

trường cho cơ sở “Nhà máy sản xuất phân hữu cơ sinh học Thanh Bình, công suất 30.000 tấn/năm” tại khu phố Vàm, phường Trảng Dài, tỉnh Đồng Nai.

- Ngày 18/11/2025, Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai có Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 1338/QĐ-XPHC ngày 18/11/2025 đối với hành vi sau: Không có Giấy phép môi trường theo quy định đối với cơ sở thuộc đối tượng phải có Giấy phép môi trường thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND cấp tỉnh, cụ thể: Công ty TNHH Sản xuất – Thương mại phân hữu cơ sinh học Thanh Bình đang hoạt động sản xuất phân bón hữu cơ tại phường Trảng Dài, tỉnh Đồng Nai thuộc đối tượng phải có Giấy phép môi trường của UBND cấp tỉnh theo quy định.

- Ngày 24/11/2025, Công ty đã thực hiện nộp phạt về Kho bạc nhà nước theo quyết định xử phạt vi phạm hành chính.

- Ngày 28/11/2025, Công ty có văn bản số 01/BCKP-TB ngày 28/11/2025 báo cáo kết quả đã khắc phục hậu quả vi phạm hành chính về lĩnh vực môi trường, tài nguyên nước, cụ thể:

+ Công ty đang trong quá trình hoàn thiện báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường theo đúng quy định.

+ Nghĩa vụ tài chính: Công ty đã hoàn thành việc đóng phạt theo Quyết định xử phạt hành chính số 1338/QĐ-XPHC ngày 18/11/2025 của Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai (*biên lai đóng phạt đính kèm phụ lục*).

Trong suốt quá trình hoạt động Cơ sở luôn tuân thủ các quy định về bảo vệ môi trường, định kỳ thực hiện quan trắc môi trường cũng như kiểm soát, xử lý các nguồn thải phát sinh theo đúng quy định hiện hành.

CHƯƠNG VI: CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải

1.1. Thời gian dự kiến vận hành thử nghiệm

Bảng 6. 1. Thời gian dự kiến vận hành thử nghiệm

Stt	Hạng mục	Số lượng	Công suất	Thời gian dự kiến vận hành thử nghiệm	
				Bắt đầu	Kết thúc
1	Hệ thống xử lý nước thải	01	10 m ³ /ngày.đêm	10/04/2026	10/10/2026
2	Hệ thống xử lý bụi	01	40.000 m ³ /giờ		
3	Hệ thống xử lý khí thải lò sấy	01	58.000 m ³ /giờ		

1.2. Kế hoạch quan trắc chất thải, đánh giá hiệu quả xử lý của các công trình, thiết bị xử lý chất thải:

Bảng 6. 2. Kế hoạch đo đạc, lấy và phân tích mẫu chất thải

Vị trí lấy mẫu	Thông số lấy mẫu	Tần suất lấy mẫu	Quy chuẩn so sánh
Thời gian đánh giá hiệu quả trong giai đoạn vận hành ổn định cho HTXL nước thải			
Hệ thống xử lý nước thải công suất 10 m ³ /ngày.đêm	pH, TSS, BOD ₅ , COD, Amoni, Nitrat, photphat, Coliform	3 ngày liên tiếp: + Lần thứ 1: ngày sau khi bắt đầu vận hành thử nghiệm (lấy 1 mẫu đầu vào, 1 mẫu đầu ra) + Lần thứ 2: ngày tiếp theo lần thứ 1 (lấy 1 mẫu đầu ra) + Lần thứ 3: ngày tiếp theo lần thứ 2 (lấy 1 mẫu đầu ra)	QCVN 40:2011/BTNMT, Cột A, K _q =0,9; k _f =1,2
Hệ thống xử lý bụi công suất 40.000 m ³ /giờ	Lưu lượng, bụi		QCVN 19:2009/BTNMT cột B, hệ số K _v = 0,8 và K _p = 0,9
Hệ thống xử lý khí thải lò sấy công suất 58.000 m ³ /giờ	Lưu lượng, bụi, SO ₂ , NO _x , CO		

- Đơn vị dự kiến thực hiện dịch vụ phân tích mẫu chất thải: phối hợp với đơn vị đã được Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp phép đủ điều kiện thu, phân tích mẫu.

2. Chương trình quan trắc chất thải (tự động, liên tục và định kỳ) theo quy định của pháp luật.

2.1. Chương trình quan trắc môi trường định kỳ:

a) Quan trắc nước thải:

Căn cứ theo quy định tại khoản 2, Điều 97 của Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022, lưu lượng nước thải của cơ sở phát sinh tối đa khoảng 10m³/ngày.đêm do đó cơ sở không thuộc đối tượng phải quan trắc nước thải.

b) Quan trắc bụi, khí thải công nghiệp:

Stt	Vị trí thu mẫu/Thông số ô nhiễm	Đơn vị tính	QCVN 19:2009/BTNMT cột B, hệ số Kv = 0,8 và Kp = 0,9	Tần suất quan trắc định kỳ
I	Hệ thống xử lý bụi túi vải (Dòng khí thải số 01)			
1	Lưu lượng	m³/giờ	-	3 tháng/lần
2	Bụi	mg/Nm³	144	
II	Hệ thống xử lý khí thải lò sấy (Dòng khí thải số 02)			
1	Lưu lượng	m³/giờ	-	3 tháng/lần
2	Bụi	mg/Nm³	144	
3	NO _x	mg/Nm³	612	
4	SO ₂	mg/Nm³	360	
5	CO	mg/Nm³	720	

2.2. Chương trình quan trắc tự động, liên tục chất thải:

Cơ sở không thuộc đối tượng lắp đặt quan trắc tự động, liên tục chất thải.

2.3. Hoạt động quan trắc môi trường định kỳ, quan trắc môi trường tự động, liên tục khác theo quy định của pháp luật có liên quan hoặc theo đề xuất của chủ cơ sở.

*** Quan trắc chất thải rắn:**

+ Kiểm tra giám sát việc thu gom, lưu giữ và hợp đồng với đơn vị có chức năng để xử lý chất thải rắn của cơ sở.

+ Vị trí: 01 điểm tại khu vực lưu giữ chất thải rắn của nhà máy.

+ Tần suất: thường xuyên và liên tục.

+ Thông số giám sát: khối lượng, chủng loại và hóa đơn, chứng từ giao nhận chất thải.

+ Tiêu chuẩn so sánh: QCVN 07:2009/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về ngưỡng chất thải nguy hại.

+ Văn bản pháp luật thực hiện: Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 và Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 và Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28 tháng 2 năm 2025 của Bộ

trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường (nay là Bộ Nông nghiệp và Môi trường).

2.4. Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hàng năm.

Bảng 6. 3. Bảng kinh phí thực hiện quan trắc môi trường định kỳ hàng năm

Stt	Chương trình quản lý và giám sát	Số lượng mẫu	Tần suất	Kinh phí (đồng/năm)
1	Chi phí lập báo cáo	02 mẫu khí thải, 01 mẫu nước thải	03 tháng/lần	60.000.000
2	Chi phí cho xử lý chất thải	Chất thải rắn sinh hoạt, chất thải công nghiệp và chất thải nguy hại	Thường xuyên, liên tục	50.000.000
Tổng cộng		-	-	110.000.000

CHƯƠNG VII: CAM KẾT CỦA CHỦ CƠ SỞ

Công ty TNHH Sản xuất – Thương mại Phân hữu cơ Sinh học Thanh Bình cam kết:

- Cam kết về tính chính xác, trung thực của hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường.
- Cam kết việc xử lý chất thải đáp ứng các quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật về môi trường và các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác có liên quan.
- Cam kết tuân thủ đúng các Luật Bảo vệ Môi trường và các quy định của Nhà Nước Việt Nam liên quan đến vấn đề an toàn vệ sinh môi trường.
- Cam kết thực hiện các biện pháp khống chế ô nhiễm và hạn chế các tác động có hại đã được đưa ra và kiến nghị trong báo cáo nhằm đảm bảo được Quy chuẩn môi trường Việt Nam.
- Cam kết sẽ thực hiện đầy đủ hồ sơ theo quy định pháp luật và chịu hoàn toàn trách nhiệm đối với tất cả pháp lý hồ sơ của cơ sở.
- Cam kết xử lý bụi, khí thải đảm bảo đạt quy chuẩn trước khí thải đạt QCVN 19:2009/BTNMT, Cột B trước khi thoát ra ngoài môi trường.
- Thu gom, xử lý toàn bộ nước thải sinh hoạt phát sinh của cơ sở đảm bảo đạt QCVN 40:2011/BTNMT, Cột A, $K_q=0,9$; $k_f=1,2$ trước khi tái sử dụng hoàn toàn cho quá trình phối trộn phân hữu cơ và dội toilet, không xả thải ra ngoài môi trường.
- Thực hiện các biện pháp khống chế tiếng ồn, độ rung sinh ra trong suốt quá trình hoạt động của Cơ sở.
- Cam kết thu gom và xử lý chất thải rắn phát sinh theo đúng quy định tại Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 Quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 Quy định chi tiết thi hành một số điều của luật bảo vệ môi trường./.

GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP
CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN HAI THÀNH VIÊN TRỞ LÊN

Mã số doanh nghiệp: 0304323098

Đăng ký lần đầu: ngày 07 tháng 04 năm 2006

Đăng ký thay đổi lần thứ: 10, ngày 04 tháng 06 năm 2025

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT - THƯƠNG MẠI
PHÂN HỮU CƠ SINH HỌC THANH BÌNH

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: THANH BINH COMPOST BIO ORGANIC
FERTILIZER PRODUCTION AND TRADING COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt:

2. Địa chỉ trụ sở chính

Số 1A, ấp Vàm, Xã Thiện Tân, Huyện Vĩnh Cửu, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Điện thoại: 0982878979

Fax:

Email:

Website:

3. Vốn điều lệ : 25.000.000.000 đồng.

Bằng chữ: Hai mươi lăm tỷ đồng

4. Danh sách thành viên góp vốn

STT	Tên thành viên	Quốc tịch	Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Phần vốn góp (VNĐ và giá trị tương đương theo đơn vị tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số Giấy tờ pháp lý của cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Giấy tờ pháp lý của tổ chức	Ghi chú
1	NGUYỄN TẤT LINH	Việt Nam	Tổ 3, ấp 1, Xã Thạnh Phú, Huyện Vĩnh Cửu, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam	22.500.000.000	90,000	075079008458	

2	NGUYỄN TRUNG TÂM	Việt Nam	Tổ 3, ấp 1, Xã Thanh Phú, Huyện Vĩnh Cửu, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam	2.500.000.000	10,000	075071004 900	
---	---------------------	----------	--	---------------	--------	------------------	--

5. Người đại diện theo pháp luật của công ty

* Họ và tên: NGUYỄN TẤT LINH

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 04/02/1979

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 075079008458

Ngày cấp: 30/06/2022

Nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật
tự xã hội

Địa chỉ thường trú: Tổ 3, ấp 1, Xã Thanh Phú, Huyện Vĩnh Cửu, Tỉnh Đồng Nai, Việt
Nam

Địa chỉ liên lạc: Tổ 3, ấp 1, Xã Thanh Phú, Huyện Vĩnh Cửu, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

**KT. TRƯỞNG PHÒNG
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG**



Lê Hoàng Huỳnh

**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN VINH CỬU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Số: 3032/UBND-KT

Vinh Cửu, ngày 23 tháng 12 năm 2008

V/v thoả thuận địa điểm dự án đầu tư
xây dựng nhà máy sản xuất phân bón của
Công ty TNHH SX-TM phân HCSH Thanh Bình
tại ấp Vàm xã Thiện Tân.

Kính gửi:

- Trưởng các cơ quan: Tài nguyên-MT
Tài chính-KH, Công thương;
- Thường trực HDBT hỗ trợ và tái định cư;
- Chủ tịch UBND xã Thiện Tân;
- Công ty TNHH SX-TM phân HCSH
Thanh Bình.

Căn cứ quyết định số 20/2007/QĐ-UBND ngày 26/3/2007 của UBND Tỉnh Đồng Nai ban hành quy định thoả thuận địa điểm dự án đầu tư sản xuất kinh doanh trên địa bàn Tỉnh Đồng Nai.

Sau khi xem xét đơn đề nghị thoả thuận địa điểm đầu tư của Công ty TNHH SX-TM phân HCSH Thanh Bình; Ý kiến đề xuất của Phòng Tài nguyên-Môi trường tại tờ trình số 1280/TTr-TNMT ngày 17/12/2008 về việc thoả thuận địa điểm cho Công ty TNHH SX-TM Phân HCSH Thanh Bình lập dự án đầu tư xây dựng nhà máy sản xuất phân bón tại ấp Vàm xã Thiện Tân; Chủ tịch UBND huyện Vinh Cửu có ý kiến như sau:

1- Chấp thuận chủ trương và thoả thuận địa điểm cho Công ty TNHH SX-TM Phân HCSH Thanh Bình lập thủ tục đầu tư thực hiện dự án với các nội dung sau:

a- Mục tiêu đầu tư: Xây dựng Nhà máy sản xuất phân bón phục vụ sản xuất nông nghiệp.

b- Vị trí địa điểm: tại ấp Vàm xã Thiện Tân, với tổng diện tích 4.500 m² (đính kèm sơ đồ giới thiệu địa điểm số 129/TC/BĐĐC/2008 tỷ lệ 1/1000 do Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất huyện Vinh Cửu lập ngày 16/12/2008).

c- Nguồn gốc đất: do ông Dương Hoàng Thanh - Giám đốc Công ty TNHH SX-TM Phân HCSH Thanh Bình nhận chuyển nhượng từ hộ ông Hà Xuân Tính. Doanh nghiệp thực hiện hình thức chuyển mục đích sử dụng đất trước khi xây dựng công trình.

d- Thời hạn hiệu lực của văn bản này là 12 tháng kể từ ngày ký. Hết thời hạn trên, nếu nhà đầu tư không làm thủ tục gia hạn thì văn bản thoả thuận địa điểm không còn hiệu lực pháp lý.

2- Công ty TNHH SX-TM Phân HCSH Thanh Bình có trách nhiệm:

a- Liên hệ với Sở Kế hoạch-Đầu tư để lập thủ tục đầu tư, thủ tục cấp giấy chứng nhận đầu tư và đăng ký kinh doanh theo quy định.

b- Liên hệ với Sở Tài nguyên-Môi trường, UBND huyện Vĩnh Cửu để làm thủ tục đất đai, lập thủ tục bảo vệ môi trường.

c- Liên hệ với UBND huyện Vĩnh Cửu để làm thủ tục xây dựng (theo quyết định số 4317/QĐ-UBND ngày 10/12/2007 của UBND Tỉnh Đồng Nai).

d- Doanh nghiệp chỉ được phép sử dụng đất để xây dựng công trình, tổ chức sản xuất kinh doanh sau khi đã hoàn thành thủ tục đầu tư, thủ tục đất đai, thủ tục bảo vệ môi trường, thủ tục xây dựng và các thủ tục khác có liên quan theo quy định.

3- Trưởng Phòng Tài nguyên-Môi trường, Chủ tịch UBND xã Thiện Tân có trách nhiệm lập thủ tục cập nhật bổ sung, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất theo quy định, đồng thời phối hợp với Chủ đầu tư tổ chức công bố chủ trương và thỏa thuận địa điểm nêu trên của Chủ tịch UBND huyện đến các tổ chức và cá nhân trong khu vực thỏa thuận địa điểm để biết và chấp hành.

4- Thường trực HDBT hỗ trợ tái định cư của huyện có trách nhiệm phối hợp với các đơn vị liên quan thuộc huyện, UBND xã Thiện Tân và Công ty TNHH SX-TM Phân HCSH Thanh Bình tổ chức công bố việc thỏa thuận địa điểm theo quy định. / *Chữ*

Nơi nhận:

- Như trên;
- UBND Tỉnh (b/c);
- Các Sở KH-ĐT, TN-MT, XD; TC
- CT, PCT UBND huyện;
- C,PVP HĐND-UBND huyện;
- Lưu VT-CVKT.

Song: E/2008/Công văn/TTĐT.



Nguyễn Hữu Lý

Chứng thực bản sao

đúng với bản chính

Số chứng thực **8566** /SCT/Bs

Ngày **3** tháng **12** năm **2008**

Chủ tịch UBND phường Bình Thọ



Trần Minh Cường

Số: 12154/STNMT-QH

Đồng Nai, ngày 26 tháng 12 năm 2024

V/v phúc đáp nội dung đề nghị của Công ty
TNHH Sản xuất - Thương mại phân hữu cơ
sinh học Thanh Bình.

Kính gửi: Công ty TNHH Sản xuất - Thương mại phân hữu
Cơ sinh học Thanh Bình.

Sở Tài nguyên và Môi trường nhận được Văn bản số 117/CV-TB ngày 02/11/2024 của Công ty TNHH Sản xuất - Thương mại phân hữu cơ sinh học Thanh Bình về việc đề nghị hướng dẫn nguồn gốc sử dụng đất của thửa số 415 tờ bản đồ số 39 xã Thiện Tân, huyện Vĩnh Cửu. Sau khi rà soát hồ sơ, Sở Tài nguyên và Môi trường thông tin về hồ sơ pháp lý khu đất diện tích 5.001,0 m² thuộc thửa số 415 tờ bản đồ số 39 xã Thiện Tân, huyện Vĩnh Cửu như sau:

Khu đất diện tích 5.001,0 m² thuộc thửa số 415 tờ bản đồ số 39 xã Thiện Tân, huyện Vĩnh Cửu do Ông Dương Hoàng Thanh và bà Trần Thị Bình sử dụng theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AL 122461 ngày 07/01/2008 (nguồn gốc do nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất được Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Vĩnh Cửu xác nhận trên trang 4 Giấy chứng nhận ngày 31/10/2008).

Ngày 15/5/2009, ông Dương Hoàng Thanh và bà Trần Thị Bình chuyển mục đích sử dụng sang đất cơ sở sản xuất kinh doanh với diện tích 4.500,0 m² theo Quyết định số 702/QĐ-UBND ngày 12/5/2009 của UBND huyện Vĩnh Cửu. Đến ngày 07/01/2010 ông Dương Hoàng Thanh và bà Trần Thị Bình tiếp tục chuyển mục đích sử dụng đất sang đất cơ sở sản xuất kinh doanh phần diện tích còn lại 501,0 m² theo Quyết định số 3416/QĐ-UBND ngày 23/12/2009 của UBND huyện Vĩnh Cửu.

Ngày 15/5/2009 và ngày 07/01/2010, Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Vĩnh Cửu xác nhận nội dung chuyển mục đích sử dụng sang đất cơ sở sản xuất kinh doanh diện tích 5.001,0 m² trên trang bổ sung kèm theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AL 122461 ngày 07/01/2008.

Ngày 10/12/2010, ông Dương Hoàng Thanh và bà Trần Thị Bình đăng ký góp vốn bằng quyền sử dụng đất phần diện tích 5.001,0 m² đã được cấp giấy chứng nhận nói trên vào Công ty TNHH Sản xuất - Thương mại phân hữu cơ sinh

học Thanh Bình, và được Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất tỉnh Đồng Nai xác nhận. Thời hạn góp vốn: 30 năm kể từ ngày 01/01/2010.

Căn cứ hồ sơ pháp lý nêu trên, Công ty TNHH Sản xuất - Thương mại phân hữu cơ sinh học Thanh Bình sử dụng khu đất diện tích 5.001,0 m² thuộc thửa đất số 415 tờ bản đồ số 39 xã Thiện Tân, huyện Vĩnh Cửu có nguồn gốc do nhận góp vốn bằng quyền sử dụng đất của hộ gia đình cá nhân để sử dụng vào mục đích đất cơ sở sản xuất kinh doanh.

Trên đây là ý kiến của Sở Tài nguyên và Môi trường phúc đáp nội dung đề nghị của Công ty TNHH Sản xuất - Thương mại phân hữu cơ sinh học Thanh Bình ./.

Nơi nhận:

- Như trên;
 - Phòng Môi trường;
 - Văn phòng ĐKDD tỉnh;
 - Lưu: VT, QH (02b)
- D:\Luật-QH\2024\DN\Vanban\SHTB.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Trần Thế Vinh

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



GIẤY CHỨNG NHẬN
QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT
QUYỀN SỞ HỮU NHÀ Ở VÀ TÀI SẢN KHÁC GẮN LIỀN VỚI ĐẤT

I. Người sử dụng đất, chủ sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất

Công ty TNHH SX - TM Phân hữu cơ Sinh học Thanh Bình

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty TNHH có hai thành viên trở lên số 4102038258; đăng ký lần đầu, ngày 07/04/2006; đăng ký thay đổi lần thứ 1, ngày 18/02/2008.

Địa chỉ: trụ sở chính: Số 8, Đường số 3, KP 6, Phường Trường Thọ, Quận Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh.

Sở hữu tài sản trên thửa đất nhận góp vốn của ông Dương Hoàng Thọ và bà Trần Thị Bình

BĐ 777670

II. Thửa đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất

1. Thửa đất: -/-

2. Nhà ở: -/-

3. Công trình xây dựng khác:

Tên công trình: Nhà máy phân hữu cơ sinh học Thanh Bình

Hạng mục công trình	Diện tích xây dựng (m ²)	Diện tích sàn hoặc công suất	Kết cấu chủ yếu	Cấp công trình	Số tầng	Năm HT xây dựng	Thời hạn sở hữu
1. Nhà bảo vệ	9.0	9.0	Bê tông cốt thép	Cấp 4	1	2009	01/01/2040
2. Nhà VP	374.0	374.0	Bê tông cốt thép	Cấp 4	1	2009	01/01/2040
3. Nhà xưởng chính	1960.0	1960.0	Bê tông cốt thép	Cấp 4	1	2009	01/01/2040

4. Rừng sản xuất là rừng trồng: -/-

5. Cây lâu năm: -/-

6. Ghi chú:

- Thửa đất được trích sao địa chính.
- Công ty TNHH SX - TM Phân hữu cơ Sinh học Thanh Bình nhận góp vốn thửa đất số, tờ bản đồ số 39 xã Thiện Tân, huyện Vĩnh Cửu, với diện tích 5.001,0m² của ông Dương Hoàng Thanh và bà Trần Thị Bình theo hợp đồng góp vốn bằng QSDĐ, (được Văn phòng công chứng Lê Tâm công chứng số 3557, quyền số 01/TP/SCC/HDGD 07/12/2010), để xây dựng Nhà máy Phân hữu cơ Sinh học Thanh Bình.
- Thông tin về thửa đất thể hiện trên giấy chứng nhận số AL 122461

Đồng Nai, ngày 05 tháng 5 năm 2011

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

TUQ. CHỦ TỊCH

GIÁM ĐỐC SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG



Lê Viết Hưng

Số vào sổ cấp GCN: CT09148

Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý

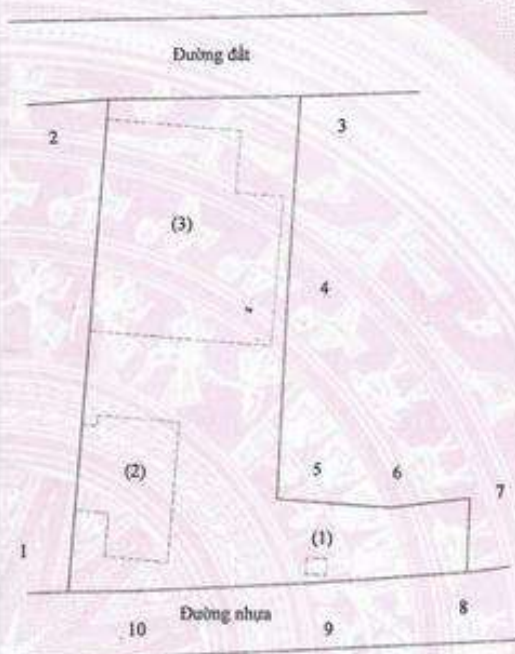
Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền

Người được cấp Giấy chứng nhận không được sửa chữa, tẩy xóa hoặc bổ sung bất kỳ nội dung nào trong Giấy chứng nhận; khi bị mất hoặc hư hỏng Giấy chứng nhận phải khai báo ngay với cơ quan cấp Giấy.



2601120000633

III. Sơ đồ thửa đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất



Số hiệu đất thửa	Tọa độ VN-2000		Chiều dài (m)
	X	Y	
1	1217005,400	407329,110	104,75
2	1217109,780	407337,900	40,60
3	1217110,600	407378,490	43,54
4	1217067,160	407375,570	41,90
5	1217025,320	407373,310	23,87
6	1217023,470	407397,110	17,22
7	1217025,430	407414,220	15,83
8	1217009,610	407413,550	32,17
9	1217007,390	407381,460	39,63
10	1217003,650	407341,870	12,76
1	1217005,400	407329,110	

IV. Những thay đổi sau khi cấp giấy chứng nhận

Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý	Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền
Người sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thay đổi địa chỉ từ: Số 8, đường số 3, KP6, phường Trường Thọ, quận Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh thành: Số 1G, đường số 4, phường Trường Thọ, quận Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh (Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, Mã số doanh nghiệp: 0304323098, do Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp, đăng ký lần đầu ngày 07/4/2006; đăng ký thay đổi lần thứ 3, ngày 22/12/2017) theo hồ sơ số 004872.DT.005/.	Ngày 06/02/2018 Giám đốc Hương Văn Dung

Những thay đổi sau khi cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất
(Kèm theo giấy chứng nhận QSDĐ số AL 122461 cấp ngày 07/01/2008)

Ngày, tháng, năm	Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý	Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền
15/5/2009	Thửa số 415 diện tích 5.001m², loại đất: RSX, tờ BĐDC số 39, xã Thiện Tân, huyện Vĩnh Cửu được chuyển mục đích sử dụng đất sang đất cơ sở sản xuất kinh doanh đối với diện tích 4.500m² (SKC=4.500m²) theo quyết định số: 702/QĐ.UBND ngày 12/5/2009 của UBND huyện Vĩnh Cửu. Thời hạn sử dụng đất sau khi chuyển mục đích sử dụng đất đối với SKC: 50 năm kể từ ngày ký quyết định. <i>Long</i>	TRƯỞNG PHÒNG <i>Long</i> <i>Lê Huy Lục</i> TRƯỞNG PHÒNG
07/01/2010	Thửa đất số 415, diện tích 5.001m², loại đất: SKC + RSX (SKC = 4.500m²), tờ BĐDC số 39, xã Thiện Tân, huyện Vĩnh Cửu được chuyển mục đích sử dụng đất sang đất cơ sở sản xuất kinh doanh đối với diện tích 5041m² (SKC=5041m²) theo Quyết định số 5416/QĐ-UBND ngày 23/10/2009 của UBND huyện Vĩnh Cửu. Thời hạn sử dụng đất sau khi chuyển mục đích sử dụng đất đối với SKC: 50 năm kể từ ngày ký quyết định. <i>Long</i>	TRƯỞNG PHÒNG <i>Long</i> <i>Lê Huy Lục</i>

Số thửa đất: 415
 Số tờ bản đồ địa chính: 39
 Số phát hành giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: Số AL 122461
 Số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: H-02899

NHỮNG THAY ĐỔI SAU KHI CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT
Trang bổ sung

Ngày, tháng, năm	Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý	Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền
10/12/2010	Góp vốn bằng quyền sử dụng đất với Công ty TNHH Sản xuất - Thương mại phân phối sinh học Thanh Bình (Địa chỉ: Số 8, đường số 3, khu phố 6, phường Trường Thọ, quận Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh) mà không hình thành pháp nhân mới, theo hồ sơ số 26191.000178.GV.VS./.	Giám đốc  <i>Hoàng Văn Dung</i>



Trang 2

Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý	Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền
- Người sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thay đổi địa chỉ từ: Số 8, đường số 3, KP6, phường Trường Thọ, quận Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh thành: số 1G, đường số 4, phường Trường Thọ, quận Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh (Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, Mã số doanh nghiệp: 0304323098, do Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp, đăng ký lần đầu ngày 07/4/2006; đăng ký thay đổi lần thứ 3, ngày 22/12/2017) theo hồ sơ số 004872.DT.005. <i>la</i> - Thẻ chấp bằng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất (Hợp đồng thế chấp số: 135/2018/HDBD/DNI/01, ngày 05/02/2018) tại Ngân hàng TMCP Tiên Phong – Chi nhánh Đồng Nai; địa chỉ: Số 264A, KP2, Phạm Văn Thuận, phường Thống Nhất, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai; theo hồ sơ số 004872.TC.006./ <i>la</i> Xóa nội dung đăng ký thế chấp bằng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất ngày 06/02/2018 theo hồ sơ số 004872.XC.007./ <i>la</i>	Ngày 06/02/2018 Giám đốc <i>la</i> Hoàng Văn Dung Ngày 27/02/2020 GIÁM ĐỐC <i>la</i> Lê Thanh Tuấn
(Chuyển tiếp Trang bổ sung số: 3...)	



GIẤY CHỨNG NHẬN
QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT

Số AL 122461

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN VINH CỬU TỈNH ĐỒNG NAI

CHỨNG NHẬN

I- Tên người sử dụng đất

Ông Lê Văn Đạo

Năm sinh 1938, Số CMND: 270650572, ngày cấp: 26/07/1984, nơi cấp: Đồng Nai
Địa chỉ thường trú: ấp Vàm, xã Thiện Tân, huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai

II- Thửa đất được quyền sử dụng

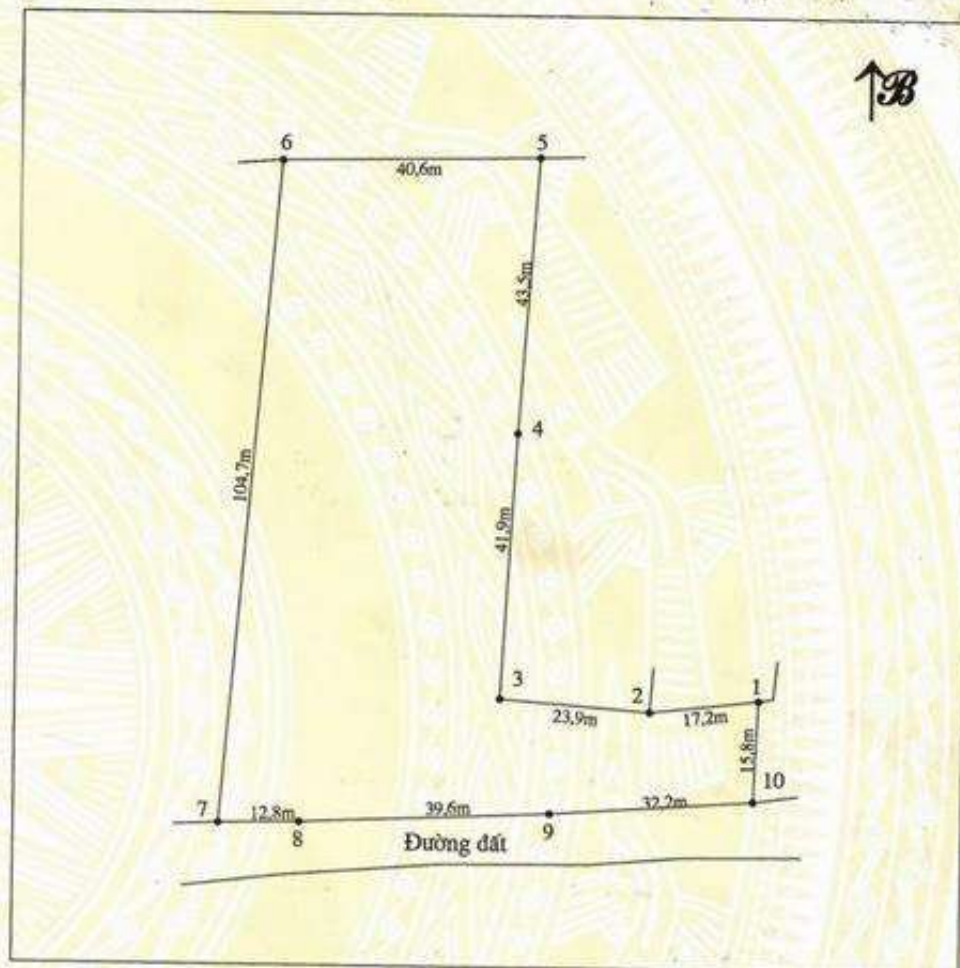
1. Thửa đất số: 415 2. Tờ bản đồ số: 39
3. Địa chỉ thửa đất: ấp Vàm, xã Thiện Tân
4. Diện tích: 5.001,0m² (năm nghìn không trăm lẻ một mét vuông)
Trong đó: Được cấp giấy: 5.001,0 m²; Không được cấp giấy: Không
5. Hình thức sử dụng:
+ Sử dụng riêng: 5.001,0m² + Sử dụng chung: không
6. Mục đích sử dụng: Đất rừng trồng sản xuất
7. Thời hạn sử dụng: Đến ngày 15 tháng 10 năm 2043
8. Nguồn gốc sử dụng đất: Nhà nước công nhận quyền sử dụng đất

III- Tài sản gắn liền với đất

IV- Ghi chú

- Thửa đất được trích sao địa chính.

V- Sơ đồ thửa đất



Tỷ lệ trích vẽ: 1/ 1000

Ngày 07 tháng 4 năm 2008.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Nguyễn Hữu Lý

Số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: 40.24.299

VI- Những thay đổi sau khi cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất

Ngày, tháng, năm	Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý	Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền
14/4/2008	Ông Hà Xuân Tính, sinh năm 1962, số CMND 271870875, cấp ngày 19/4/2004, tại công an Đồng Nai và bà Phạm Thị Kim Thịnh, sinh năm 1968, số CMND 270898737, cấp ngày 13/3/2006, tại công an Đồng Nai, ngụ tại 21A/4, khu phố 4, phường Tân Hòa, Tp Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai. Nhận chuyển nhượng QSDĐ từ thừa số 415, tờ BD số 39, diện tích 5.001m ² , theo hợp đồng CNQSDĐ số 40, quyền số 01/2008 TP/CC-SCT/HĐGD được UBND xã Thiện Tân xác nhận ngày 19/02/2008.	GIÁM ĐỐC  <i>Nguyễn Hải Bằng</i>
31/10/2008	Ông Dương Hoàng Thanh, sinh năm 1925, số CMND 020406859, cấp ngày 12/9/1998, tại công an Tp Hồ Chí Minh và bà Trần Thị Bình, sinh năm 1950, số CMND 021404195, cấp ngày 12/9/1998, tại công an Tp Hồ Chí Minh. Nhận chuyển nhượng QSDĐ trọn thửa số 415, tờ BD số 32, diện tích 2.601m ² , theo hợp đồng CNQSDĐ số 65, quyền số 02/2008 TP/CC-SCT/HĐGD đã được UBND xã Thiện Tân xác nhận ngày 01/10/2006.	GIÁM ĐỐC  <i>Nguyễn Hải Bằng</i>

NGƯỜI ĐƯỢC CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT CẦN CHÚ Ý :

- Được hưởng quyền và phải thực hiện nghĩa vụ của người sử dụng đất theo quy định của Luật Đất đai và các Nghị định hướng dẫn thi hành Luật Đất đai.
- Phải mang Giấy chứng nhận này đến đăng ký tại cơ quan có thẩm quyền khi: chuyển đổi, chuyển nhượng, cho thuê, cho thuê lại, thừa kế, tặng cho quyền sử dụng đất, thế chấp, bảo lãnh, góp vốn bằng quyền sử dụng đất; người sử dụng đất được phép đổi tên; có thay đổi về hình dạng, kích thước, diện tích thửa đất; chuyển mục đích sử dụng đất; có thay đổi thời hạn sử dụng đất; chuyển đổi từ hình thức Nhà nước cho thuê đất sang hình thức Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất; Nhà nước thu hồi đất.
- Không được tự ý sửa chữa, tẩy xóa bất kỳ nội dung nào trong Giấy chứng nhận. Khi bị mất hoặc hư hỏng Giấy chứng nhận phải khai báo ngay với cơ quan cấp giấy.
- Nếu có thắc mắc hoặc cần tìm hiểu về chính sách, pháp luật đất đai, có thể hỏi cán bộ địa chính xã, phường, thị trấn hoặc cơ quan quản lý đất đai có liên quan. Cán bộ địa chính và cơ quan quản lý đất đai có trách nhiệm giải đáp thắc mắc hoặc cung cấp thông tin về chính sách, pháp luật đất đai cho người sử dụng đất.

TRANG BỔ SUNG GIẤY CHỨNG NHẬN

Thửa đất số: 415

Tờ bản đồ số: 39

Số phát hành GCN: AL122461

Số vào sổ cấp GCN: H02899

Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý	Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền
Thế chấp bằng quyền sử dụng đất (Hợp đồng thế chấp số 06/2013/HĐTC ngày 05/02/2013) tại Ngân hàng Thương mại Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Đồng Nai - PGD Biên Hùng (địa chỉ: Số 17 Phạm Văn Thuận, phường Tân Tiến, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai) theo Hồ sơ số 26191.000496.TC.VS/	Ngày 07/02/2013 Giám đốc Hoàng Văn Dung Ngày 28/03/2014 Giám đốc Hoàng Văn Dung
Đã xóa đăng ký thế chấp bằng quyền sử dụng đất (Hợp đồng thế chấp số: 06/2013/HĐTC ngày 05/02/2013) theo đơn yêu cầu của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Đồng Nai - Phòng Giao dịch Biên Hùng ký kết ngày 28/03/2014. Theo hồ sơ số 26191.000496.XC.VS/	Ngày 28/03/2014 Giám đốc Hoàng Văn Dung
Thế chấp bằng quyền sử dụng đất (hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số: 130/14/HĐTC-BDS/101-11 ngày 27/03/2014) tại Ngân hàng TMCP Nam Việt - Sở Giao dịch Đồng Nai (địa chỉ: Tầng trệt, Tầng 1, Số 3-3A-3B-5 Sương Nguyệt Ánh, phường Bến Thành, Quận 1, thành phố Hồ Chí Minh). Theo hồ sơ số 26191.000794.XC.VS/	Ngày 28/03/2014 Giám đốc Hoàng Văn Dung
Nội dung đã đăng ký thế chấp ngày 28/3/2014 có thay đổi: - Bên nhận thế chấp đổi tên từ Ngân hàng TMCP Nam Việt - Sở Giao dịch thành Ngân hàng Thương mại cổ phần Quốc dân - Chi nhánh Sài Gòn, địa chỉ: tầng trệt, tầng lửng, tầng 5, số 81-83-83B-85 Hàm Nghi, phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, thành phố Hồ Chí Minh; theo hồ sơ số 26191.001719.TĐ.VS - Xóa nội dung đăng ký thế chấp bằng tài sản gắn liền với đất, ngày 28/6/2013, theo hồ sơ số 26191.001720.XC.VS/	Ngày 21/12/2017 Giám đốc Hoàng Văn Dung

Trang bổ sung số: 03

Trang bổ sung này luôn phải đính kèm Giấy chứng nhận mỗi có giá trị pháp lý

Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý	Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền
- Người sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thay đổi địa chỉ từ: Số 8, đường số 3, KP6, phường Trường Thọ, quận Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh thành: số 1G, đường số 4, phường Trường Thọ, quận Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh (Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, Mã số doanh nghiệp: 0304323098, do Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp, đăng ký lần đầu ngày 07/4/2006; đăng ký thay đổi lần thứ 3, ngày 22/12/2017) theo hồ sơ số 004872.DT.005. <i>la</i> - Thẻ chấp bằng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất (Hợp đồng thế chấp số: 135/2018/HDBD/DNI/01, ngày 05/02/2018) tại Ngân hàng TMCP Tiên Phong – Chi nhánh Đồng Nai; địa chỉ: Số 264A, KP2, Phạm Văn Thuận, phường Thống Nhất, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai; theo hồ sơ số 004872.TC.006./. <i>la</i> Xóa nội dung đăng ký thế chấp bằng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất ngày 06/02/2018 theo hồ sơ số 004872.XC.007./. <i>a</i>	Ngày 06/02/2018 Giám đốc  Hoàng Văn Dung Ngày 27/02/2020 GIÁM ĐỐC  Lê Thanh Tuấn
	(Chuyển tiếp Trang bổ sung số: 3...)

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 640 /QĐ-UBND

Biên Hòa, ngày 11 tháng 3 năm 2010

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án “Xây dựng xưởng sản xuất phân hữu cơ sinh học Thanh Bình, công suất 30.000 tấn/năm” tại ấp Vàm, xã Thiện Tân, huyện Vĩnh Cửu của Công ty TNHH sản xuất thương mại phân hữu cơ sinh học Thanh Bình

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ Luật tổ chức HĐND và UBND ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 29 tháng 11 năm 2005;

Căn cứ Nghị định số 80/2006/NĐ-CP ngày 09/08/2006 của Chính phủ; Nghị định số 21/2008/NĐ-CP ngày 28/02/2008 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 80/2006/NĐ-CP ngày 09/08/2006 của Chính phủ về việc quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 59/2007/NĐ-CP ngày 09/04/2007 của Chính phủ về quản lý chất thải rắn;

Căn cứ Thông tư số 05/2008/TT-BTNMT ngày 08/12/2008 của Bộ Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn về đánh giá tác động môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và cam kết bảo vệ môi trường và Thông tư số 12/2006/TT-BTNMT ngày 26/12/2006 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về hướng dẫn điều kiện hành nghề và thủ tục lập hồ sơ, đăng ký, cấp phép hành nghề, mã số quản lý chất thải nguy hại và Thông tư số 25/2009/TT-BTNMT ngày 16/11/2009 của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Căn cứ Quyết định số 23/2006/QĐ-BTNMT ngày 26/12/2006 về việc ban hành Danh mục chất thải nguy hại của Bộ Tài nguyên và Môi trường và Quyết định số 65/2007/QĐ-UBND ngày 11/12/2007 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc phân vùng môi trường tiếp nhận nước thải và khí thải công nghiệp trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

Theo đề nghị của Hội đồng thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án “Xây dựng xưởng sản xuất phân hữu cơ sinh học Thanh Bình, công suất 30.000 tấn/năm” tại ấp Vàm, xã Thiện Tân, huyện Vĩnh Cửu của Công ty TNHH sản xuất thương mại phân hữu cơ sinh học Thanh Bình, họp ngày 24/12/2009;

Xét nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án “Xây dựng xưởng sản xuất phân hữu cơ sinh học Thanh Bình, công suất 30.000 tấn/năm” tại ấp Vàm, xã Thiện Tân, huyện Vĩnh Cửu đã được chỉnh sửa bổ sung tại Văn bản số 01/2010/CV-MT ngày 18/01/2010 của Công ty TNHH sản xuất thương mại phân hữu cơ sinh học Thanh Bình;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 01/TT-TNMT ngày 10/3/2010

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án “Xây dựng xưởng sản xuất phân hữu cơ sinh học Thanh Bình, công suất 30.000 tấn/năm” tại ấp Vàm, xã Thiện Tân, huyện Vĩnh Cửu của Công ty TNHH sản xuất thương mại phân hữu cơ sinh học Thanh Bình (dưới đây gọi là Chủ dự án).

Điều 2. Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện đúng những nội dung được nêu trong Báo cáo đánh giá tác động môi trường này và những yêu cầu bắt buộc sau đây:

1. Tuân thủ quy hoạch tổng thể của dự án và địa phương đã được cấp thẩm quyền phê duyệt. Quy hoạch bố trí các khu chức năng phải gắn liền với bảo vệ môi trường. Tuân thủ Quy chuẩn Xây dựng Việt Nam và các quy định nhà nước liên quan về tỉ lệ diện tích cây xanh, khoảng cách ly vệ sinh công trình của dự án.

2. Trong quá trình thi công xây dựng và hoạt động dự án phải đảm bảo xử lý các loại chất thải đạt các tiêu chuẩn Việt Nam về môi trường theo Nghị định số 59/2007/NĐ-CP ngày 09/4/2007 của Chính phủ về quản lý chất thải rắn; Thông tư số 25/2009/TT-BTNMT ngày 16/11/2009, Thông tư số 12/2006/TT-BTNMT và Quyết định số 23/2006/QĐ-BTNMT ngày 26/12/2006 của Bộ Tài nguyên và Môi trường; Quyết định số 65/2007/QĐ-UBND ngày 11/12/2007 của UBND tỉnh Đồng Nai và các văn bản luật có liên quan khác; như sau:

a) Trong giai đoạn thi công, xây dựng dự án:

- Có biện pháp bảo đảm không phát tán bụi, tiếng ồn, độ rung, ánh sáng vượt quá tiêu chuẩn cho phép. Bảo đảm thoát nước không gây ngập úng vào mùa mưa.

- Việc vận chuyển vật liệu xây dựng phải được thực hiện bằng các phương tiện bảo đảm yêu cầu kỹ thuật không làm rơi vãi, gây ô nhiễm môi trường và đảm bảo về an toàn giao thông.

- Có nơi tập trung rác thải sinh hoạt bảo đảm vệ sinh môi trường. Thu gom, phân loại, xử lý toàn bộ các loại chất thải rắn, nước thải bảo đảm an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định. Đối với chất thải nguy hại phải tuân thủ thực hiện đúng quy định quản lý về chất thải nguy hại.

- Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi để xảy ra sự cố môi trường.

b) Trong quá trình hoạt động dự án:

- Xây dựng và tách riêng tuyến thoát nước mưa, nước thải đối với dự án. Trong quá trình thiết kế, xây dựng tuyến thoát nước từ ranh giới khu đất dự án đến nguồn tiếp nhận nước thải; chủ dự án có trách nhiệm liên hệ chính quyền địa phương, cơ quan quản lý Nhà nước về xây dựng để tuân thủ các quy định về đầu nối thoát nước, tuân thủ quy hoạch xây dựng về thoát nước tại khu vực dự án. Thu gom và xử lý nước thải đạt quy định Nhà nước theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường theo QCVN 24:2009/BTNMT, cột A, $K = 1,0$; $K_f = 1,1$ và các quy chuẩn kỹ thuật về môi trường hiện hành trước khi xả thải vào nguồn tiếp nhận sông Đồng Nai. Tính toán điều tiết, điều hòa hợp lý chế độ xả nước thải vào nguồn tiếp nhận, tránh gây ngập úng cục bộ đảm bảo chế độ thủy văn và an toàn về môi trường. Để tránh gây ngập úng cục bộ đảm bảo chế độ thủy văn và an toàn về môi trường. Để tránh gây ngập úng cục bộ đảm bảo chế độ thủy văn và an toàn về môi trường.

thuận lợi, minh bạch cho việc kiểm tra, giám sát. Lắp đặt thiết bị đo lưu lượng và quan trắc tự động các thông số ô nhiễm đặc trưng tại đầu ra hệ thống xử lý nước thải. Không được sử dụng biện pháp tự thấm để xử lý nước thải phát sinh và xả nước thải chưa đạt tiêu chuẩn quy định ra nguồn tiếp nhận.

- Thu gom và xử lý triệt để bụi, khí thải phát sinh từ các nguồn đạt các Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 19:2009/BTNMT, QCVN 20:2009/BTNMT về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ và khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ (Cột B, ứng với $K_v=1,2$; K_p theo lưu lượng nguồn khí thải thực tế) trước khi thải vào môi trường tiếp nhận. Đối với không khí xung quanh tuân thủ thực hiện theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường QCVN 05:2009/BTNMT và QCVN 06:2009/BTNMT. Thực hiện các biện pháp giảm thiểu ô nhiễm mùi bảo đảm các quy định về vệ sinh môi trường. Lắp đặt thiết bị đo lưu lượng và quan trắc tự động các thông số ô nhiễm đặc trưng tại đầu ra hệ thống xử lý khí thải theo quy định.

- Trang bị đầy đủ các thiết bị, dụng cụ, phương tiện thu gom, có nơi tập trung chất thải thông thường phù hợp với khối lượng, chủng loại chất thải và đủ khả năng tiếp nhận chất thải đã được phân loại tại nguồn bảo đảm vệ sinh môi trường. Thu gom, phân loại, xử lý toàn bộ các loại chất thải thông thường bảo đảm an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định. Thực hiện trách nhiệm của chủ nguồn thải chất thải nguy hại theo các nội dung yêu cầu tại Khoản 1, phần IV của Thông tư số 12/2006/TT-BTNMT ngày 26/12/2006 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

- Có kế hoạch tổ chức thực hiện về nhân lực, kinh phí, trang thiết bị bảo đảm phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường khi có sự cố xảy ra trong quá trình hoạt động dự án. Đáp ứng các yêu cầu về cảnh quan, vệ sinh môi trường, bảo vệ sức khỏe cộng đồng. Có bộ phận chuyên môn đủ năng lực để thực hiện nhiệm vụ bảo vệ môi trường của dự án. Thực hiện giám sát chất thải với tần suất 03 (ba) tháng một lần và giám sát môi trường xung quanh 6 (sáu) tháng/lần trong quá trình hoạt động dự án; cập nhật, lưu giữ số liệu quan trắc và gửi báo cáo về Sở Tài nguyên và Môi trường để theo dõi, kiểm tra.

3. Tuân thủ nghiêm túc chế độ thông tin, báo cáo về việc thực hiện nội dung của báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt và các yêu cầu nêu tại Quyết định này theo quy định.

4. Phối hợp chặt chẽ với chính quyền địa phương trong quy trình thi công, xây dựng và hoạt động dự án để bảo đảm an ninh trật tự, an toàn giao thông, an toàn lao động; thực hiện chương trình tuyên truyền nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường đối với người lao động tham gia thi công, xây dựng và vận hành dự án; tuân thủ các quy định về an toàn thú y, dịch bệnh, an toàn hóa chất, phòng cháy, chữa cháy, ứng phó sự cố, tài nguyên nước và các quy định, quy chuẩn khác của pháp luật trong quá trình thi công xây dựng và hoạt động của dự án.

5. Dự án chỉ được phép đi vào hoạt động sau khi đã hoàn thành thực hiện các nội dung cam kết bảo vệ môi trường nêu trong báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án, các yêu cầu bảo vệ môi trường nêu trên và được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền về môi trường kiểm tra, cấp giấy xác nhận theo quy định.

Điều 3. Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án và những nội dung yêu cầu bắt buộc tại Điều 2 của Quyết định này là cơ sở để các cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường tiến hành kiểm tra, thanh tra việc thực hiện công tác bảo vệ môi trường của Dự án.

Điều 4. Trường hợp có những thay đổi về nội dung của Báo cáo đánh giá tác động môi trường được phê duyệt trong quá trình triển khai thực hiện Dự án, Chủ dự án phải có văn bản báo cáo và chỉ được thực hiện những nội dung thay đổi đó sau khi có văn bản chấp thuận của cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường có thẩm quyền.

Điều 5. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với UBND huyện Vĩnh Cửu và các cơ quan hữu quan có liên quan thực hiện giám sát, kiểm tra và xác nhận việc thực hiện các nội dung bảo vệ môi trường trong Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt và các yêu cầu bắt buộc nêu tại Điều 2 của Quyết định này.

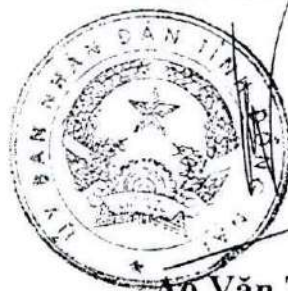
Điều 6. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Xây dựng, Chủ tịch UBND huyện Vĩnh Cửu, Chủ dự án - Công ty TNHH sản xuất thương mại phân hữu cơ sinh học Thanh Bình và các tổ chức, cá nhân liên quan có trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như điều 6;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- TTTU, TTHĐND tỉnh (để b/c);
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Chánh, Phó Văn phòng CNN;
- Lưu: VT, TH (CNN, KT).

QBETM. Xứuôngxphânhuuco-CtyThanhBình.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Áo Văn Thịnh

ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ THIỆN TÂN

Số: 844 /UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thiện Tân, ngày 31 tháng 12 năm 2024

V/v chấp thuận cho Công ty TNHH Sản xuất – Thương mại phân hữu cơ sinh học Thanh Bình được đấu nối tạm tuyến thoát nước mưa ra mương nước hiện hữu tại ấp Vàm, xã Thiện Tân.

Kính gửi: Công ty TNHH Sản xuất – Thương mại phân hữu cơ sinh học Thanh Bình, địa chỉ: Ấp Vàm, xã Thiện Tân, huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai.

UBND xã Thiện Tân nhận được Văn bản số 09/2024/VB ngày 20/12/2024 của Công ty TNHH Sản xuất – Thương mại phân hữu cơ sinh học Thanh Bình V/v xin đấu nối tuyến thoát nước mưa tạm của Công ty TNHH SX-TM phân hữu cơ sinh học Thanh Bình.

Ngày 25/12/2024, UBND xã tiến hành kiểm tra hiện trạng và khảo sát vị trí xin đấu nối tuyến thoát nước mưa của Công ty TNHH Sản xuất – Thương mại phân hữu cơ sinh học Thanh Bình, ấp Vàm, Thiện Tân ghi nhận hiện trạng: Vị trí xin đấu nối tuyến nước mưa tại một phần thửa đất số 0, tờ bản đồ số 39 tiếp giáp với các thửa đất số 412, 414, 415, tờ bản đồ số 39, xã Thiện Tân do Công ty đang sử dụng để làm nhà máy. Thửa đất số 0, tờ bản đồ số 39, xã Thiện Tân là đất giao thông do UBND xã Thiện Tân quản lý, hiện trạng một phần diện tích thửa số 0, tờ bản đồ số 39, xã Thiện Tân là mương nước hở, hiện hữu, hình thành do dòng chảy tự nhiên của nước mưa trong khu vực đổ về các thửa ruộng tiếp giáp đường Sờ Quýt.

Qua kiểm tra và khảo sát thực tế, việc đấu nối tuyến thoát nước mưa của Công ty TNHH Sản xuất – Thương mại phân hữu cơ sinh học Thanh Bình là nhu cầu thiết yếu, giảm việc ngập úng trong khu vực, tránh ảnh hưởng hoạt động kinh doanh, sản xuất của công ty. UBND xã Thiện Tân chấp thuận cho Công ty TNHH Sản xuất – Thương mại phân hữu cơ sinh học Thanh Bình được đấu nối tuyến thoát nước mưa tạm vào mương nước hiện hữu thuộc một phần diện tích thửa đất số 0, tờ bản đồ số 39, xã Thiện Tân.

Đề nghị Công ty TNHH Sản xuất – Thương mại phân hữu cơ sinh học Thanh Bình chấp hành đúng các nội dung của Luật bảo vệ môi trường, đảm bảo việc sử dụng mương nước để thoát nước mưa và có phương án đấu nối tuyến thoát nước mưa lâu dài khi được UBND huyện chấp thuận đấu nối tuyến nước mưa vào hệ thống thoát nước mưa của Đường Kỳ Lân.

Trên đây là ý kiến của UBND xã Thiện Tân về việc chấp thuận đầu nối tuyến thoát nước mưa tạm của Công ty TNHH SX-TM phân hữu cơ sinh học Thanh Bình /.

Nơi nhận :

- Như trên;
 - CT; các PCT xã
 - Lưu: VT.
- D/Đoàn/VB/2024 (03)

KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Quang Lợi

Thị trấn Tân, ngày 25 tháng 12 năm 2024

BIÊN BẢN LÀM VIỆC

V/v kiểm tra hiện trạng và khảo sát vị trí xin đầu nổi tuyến thoát nước mưa của Công ty TNHH Sản xuất – Thương mại phân hữu cơ sinh học Thanh Bình ra mương nước hiện hữu tại ấp Vàm, xã Thiện Tân, huyện Vĩnh Cửu.

UBND xã nhận được Văn bản số 09/2024/VB ngày 20/12/2024 của Công ty TNHH Sản xuất – Thương mại phân hữu cơ sinh học Thanh Bình V/v xin đầu nổi tuyến thoát nước mưa của Công ty ra mương nước hiện hữu tại thửa đất số 0, tờ bản đồ số 39, xã Thiện Tân.

Vào lúc 08 giờ 30 phút ngày 25 tháng 12 năm 2024, UBND xã tiến hành làm việc với Công ty TNHH Sản xuất – Thương mại phân hữu cơ sinh học Thanh Bình về kiểm tra hiện trạng và khảo sát vị trí xin đầu nổi tuyến thoát nước mưa của Công ty ra mương nước hiện hữu tại ấp Vàm như sau:

I. THÀNH PHẦN THAM DỰ

1. Đại diện UBND xã Thiện Tân:

- Ông: Nguyễn Quang Lợi, chức vụ: Phó Chủ tịch, đơn vị công tác: UBND xã Thiện Tân;

- Ông: Bùi Bá Đoàn; chức vụ: Công chức ĐC-XD-NN-MT xã, đơn vị công tác: UBND xã Thiện Tân;

2. Đại diện Công ty TNHH Sản xuất – Thương mại phân hữu cơ sinh học Thanh Bình:

- Ông: Nguyễn Tất Linh, chức vụ: Giám đốc.

II. NỘI DUNG LÀM VIỆC

1. Kết quả khảo sát thực tế và kiểm tra hiện trạng ghi nhận như sau:

- Tại một phần diện tích thửa đất số 0, tờ bản đồ số 39, xã Thiện Tân tiếp giáp các thửa đất số 412, 414, 415, tờ bản đồ số 39 hiện trạng là mương hở chiều rộng khoảng 01m chạy dọc theo thửa đất chiều dài khoảng 100m dẫn nước chảy ra các thửa đất ruộng tiếp giáp đường Sở Quýt.

- Về nguồn gốc: Thửa đất số 0, tờ bản đồ số 39, diện tích 1667m² mục đích sử dụng là đất giao thông do UBND xã quản lý. Mương nước tự nhiên hình thành



do dòng chảy tự nhiên do nước mưa trong khu vực đổ về các thửa đất ruộng tiếp giáp đường Sở Quýt.

2. Ý kiến trình của Đại diện Công ty TNHH Sản xuất – Thương mại phân hữu cơ Thanh Bình:

- Hiện nay Công ty đang xin chuyển đổi ĐTM sang Giấy phép môi trường theo ý kiến của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đồng Nai đề nghị Công ty bổ sung hồ sơ thỏa thuận đấu nối thoát nước mưa.

Do mương nước hiện hữu tại một phần diện tích thửa đất số 0, tờ bản đồ số 39, xã Thiện Tân đã có từ lâu nên Công ty kính đề nghị UBND xã Thiện Tân cho phép được đấu nối tạm tuyến thoát nước mưa của Công ty để tránh ngập úng, ổn định sản xuất. Công ty cam kết thực hiện thủ tục cấp phép môi trường theo quy định, không xả thải khác vào mương nước, không làm thay đổi hiện trạng mương nước, hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật nếu xảy ra vi phạm.

III. KẾT LUẬN

Thông nhất ghi nhận kết quả khảo sát thực tế và kiểm tra hiện trạng, UBND xã Thiện Tân sẽ báo cáo UBND huyện và các phòng ban chuyên môn cho ý kiến về việc đấu nối tạm tuyến thoát nước mưa của Công ty ra mương nước hiện hữu tại một phần thửa đất số 0, tờ bản đồ số 39, xã Thiện Tân.

Buổi làm việc kết thúc vào lúc 10 giờ 00 phút cùng ngày và đã đọc cho các bên tham gia nghe và thống nhất ký tên./.

Người ghi biên bản



Bùi Bá Đoàn

**ĐẠI DIỆN CÔNG TY TNHH TM-SM
PHÂN HỮU CƠ THANH BÌNH**



Nguyễn Tấn Linh

**ĐẠI DIỆN UBND XÃ THIỆN TÂN
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Quang Lợi



**ỦY BAN NHÂN DÂN
PHƯỜNG TRẮNG DÀI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 1391 /UBND-KTHT

Trăng Dài, ngày 17 tháng 12 năm 2025

V/v xác nhận Đăng ký công trình khai
thác nước dưới đất của Công ty TNHH
Sản xuất - Thương mại phân hữu cơ
sinh học Thanh Bình tại số 1A, khu phố
Vàm, phường Trăng Dài, tỉnh Đồng Nai

Kính gửi: Công ty TNHH Sản xuất – Thương mại phân hữu
cơ sinh học Thanh Bình, địa chỉ số 1A, khu phố
Vàm, phường Trăng Dài, tỉnh Đồng Nai

UBND phường Trăng Dài nhận được hồ sơ Đăng ký công trình khai thác
nước dưới đất của Công ty TNHH Sản xuất - Thương mại phân hữu cơ sinh học
Thanh Bình tại hồ sơ số H19.156-251208-4673 ngày 09/12/2025.

Theo đề nghị của Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị tại Tờ trình số 654/TTr-
PKTHTĐT ngày 15/12/2025 về việc xác nhận Đăng ký công trình khai thác nước
dưới đất của Công ty TNHH Sản xuất - Thương mại phân hữu cơ sinh học Thanh
Bình tại số 1A, khu phố Vàm, phường Trăng Dài, tỉnh Đồng Nai. Chủ tịch UBND
phường Trăng Dài xác nhận nội dung như sau:

1. Thông tin về công trình khai thác:

- Tên công trình: Công trình khai thác nước dưới đất tại địa chỉ số 1A, khu
phố Vàm, phường Trăng Dài của Công ty TNHH Sản xuất – Thương mại phân
hữu cơ sinh học Thanh Bình.
- Mục đích khai thác nước: Phục vụ sản xuất, sinh hoạt và tưới cây
- Vị trí công trình: trong khuôn viên đất của Công ty TNHH Sản xuất –
Thương mại phân hữu cơ sinh học Thanh Bình địa chỉ số 1A, khu phố Vàm,
phường Trăng Dài, tỉnh Đồng Nai.
- Tổng số giếng khai thác: 02 giếng khoan.
- Tổng lượng nước khai thác của 02 giếng là 09 m³/ngày đêm.
- Tầng chứa nước khai thác: Khe nứt Jura (J₁₋₂).
- Vị trí tọa độ, lưu lượng và các thông số từng giếng cụ thể như sau:

TT	Tên công trình/số hiệu giếng	Vị trí (cấp xã/ tỉnh)	Tọa độ (X,Y) theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực, múi chiều 3°	Chiều sâu giếng (m)	Lượng nước khai thác (m ³ /ngày đêm)	Tầng chứa nước khai thác	Chế độ khai thác nước
1	Số hiệu giếng khoan NN1	Số 1A, khu phố Vàm, phường Trảng Dài, tỉnh Đồng Nai	X: 1217035 Y: 407327	47	5	Khe nứt Jura (J ₁₋₂)	8 giờ/ngày; 365 ngày/năm
2	Số hiệu giếng khoan NN2	Số 1A, khu phố Vàm, phường Trảng Dài, tỉnh Đồng Nai	X: 1217104 Y: 407372	47	4	Khe nứt Jura (J ₁₋₂)	8 giờ/ngày; 365 ngày/năm
Tổng lượng nước khai thác của công trình (bao gồm tổng lượng nước của tất cả các giếng tại công trình khai thác): 09 (m ³ /ngày đêm)							

2. Các yêu cầu đối với của Công ty TNHH Sản xuất - Thương mại phân hữu cơ sinh học Thanh Bình (sau đây gọi là chủ cơ sở):

Tuân thủ các nội dung quy định tại mục 1 của văn bản này; chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính trung thực, chính xác của thông tin, số liệu trong hồ sơ Đăng ký khai thác nước dưới đất và những ảnh hưởng bất lợi của công trình đến đến xã hội và môi trường. Trong quá trình khai thác phát hiện gây sụt lún, ô nhiễm hoặc xảy ra sự cố công trình thì phải dừng ngay việc khai thác, kịp thời báo cáo cơ quan chức năng để xử lý và chịu trách nhiệm, bồi thường thiệt hại theo quy định pháp luật.

Trường hợp khu vực đã có hệ thống cấp nước sạch tập trung, chủ cơ sở phải thực hiện đầu nối, sử dụng nguồn nước cấp tập trung theo quy định; nếu không còn nhu cầu khai thác nước dưới đất thì báo cáo UBND phường Trảng Dài (qua Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị) để được hướng dẫn, giám sát việc trám lấp giếng, bảo đảm an toàn và phòng ngừa ô nhiễm nguồn nước.

3. Giao Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị theo dõi, giám sát hoạt động khai thác, sử dụng nước dưới đất của công trình này./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Chủ tịch, các PCT UBND phường;
- CVP, PCVP HĐND và UBND;
- Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị
- Lưu: VT.KTHTĐT-MT(Thuy)

**KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Huỳnh Văn Tuấn

TỈNH ĐỒNG NAI
UBND HUYỆN VINH CỬU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Vinh Cửu, ngày 24 tháng 6 năm 2008

GIẤY PHÉP XÂY DỰNG

Số: 1230 /GPXD

Công trình: Xây dựng mới

1. Cấp cho: **CÔNG TY TNHH SX-TM PHÂN HCSH THANH BÌNH**

Đại diện là ông: **DƯƠNG HOÀNG THANH** - Chức vụ: **Giám đốc**

Địa chỉ trụ sở chính: Kp 6, phường Trường Thọ, quận Thủ Đức, Tp. HCM.

2. Được phép xây dựng công trình: Nhà xưởng công nghiệp, nhà dân dụng.

Theo bản vẽ thiết kế có ký hiệu: KT 01, 02, 03, 04, 05, 06, 07, 08, 09, 10, 11, 12, 13, 14, 15, 16, 17, 18, 19, 20, 21; N 01; KC 01, 02, 03, 04, 05; CC 01, 02, 03; BN 01 do CTy TNHH Kiểm định và Tư vấn xây dựng 3T lập; CTy TNHH Tư vấn Đầu tư Xây dựng AIC thẩm định tại văn bản số 131/KQTD ngày 15 tháng 6 năm 2009.

Gồm các nội dung sau đây: Nhà xưởng: 1.550,0 m²; Nhà văn phòng: 190,4 m²; Nhà trực thuộc: 120,0 m²; Nhà bảo vệ: 9,0 m²; Nhà vệ sinh: 18,0 m²; Nhà để xe: 60,8 m²; Bể nước PCCC: 60,0 m² (90,0 m³).

- Tổng diện tích sàn xây dựng: 2.008,2 m².

- Chiều cao công trình: Nhà xưởng: 9,95 m; Nhà Văn phòng: 7,2 m; Nhà trực thuộc: 6,0 m; Nhà bảo vệ: 4,8 m; Nhà vệ sinh: 4,1 m; Nhà để xe: 2,9 m; Số tầng: một.

- Trên lô đất: Tờ BĐDC số 39; Thửa đất số: 415; Diện tích: 5.001,0 m²; Loại đất: Đất sản xuất kinh doanh và đất rừng trồng sản xuất (Trong đó xây dựng trên 4.500 m² đất sản xuất kinh doanh).

- Cao độ nền: từ 0,2m đến 0,45m; Chi giới xây dựng: Trừ hành lang lộ giới, hành lang an toàn lưới điện theo quy định (tính từ mặt bằng mái).

- Màu sắc công trình: Theo bản vẽ thiết kế.

- Địa điểm xây dựng: Ấp Vàm, xã Thiện Tân, huyện Vinh Cửu.

Giấy tờ về quyền sử dụng đất: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AL 122461, ngày 07/01/2008 của UBND huyện Vinh Cửu cấp do ông Lê Văn Đạo đứng tên và xác nhận ngày 31/10/2008 của Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất huyện Vinh Cửu xác nhận ông Dương Hoàng Thanh và bà Trần Thị Bình nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất trên kèm theo Sơ đồ giới thiệu địa điểm thửa đất xin xây dựng.

3. Giấy phép này có hiệu lực khởi công xây dựng trong thời hạn 01 năm kể từ ngày cấp, quá thời hạn trên thì phải xin gia hạn giấy phép.

Nơi nhận: Chứng thực bản sao

- Như trên; đúng bản chính 2

- Phòng Công thực Quyền sở

- Lưu VT. Ngày 3 tháng 6 năm 2008

PHÓ CHỦ TỊCH UBND

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Trần Văn Khoan

Nguyễn Ngọc Phức

CHỦ ĐẦU TƯ PHẢI THỰC HIỆN CÁC NỘI DUNG SAU ĐÂY:

1. Chủ đầu tư phải hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật nếu xâm phạm các quyền hợp pháp của các chủ sở hữu liên kề, phải tự chịu trách nhiệm trước pháp luật về độ an toàn, độ bền vững công trình của mình.

2. Phải thực hiện đúng các quy định của pháp luật về đất đai, về đầu tư xây dựng và Giấy phép xây dựng này.

3. Phải thông báo cho cơ quan cấp giấy phép xây dựng đến kiểm tra khi định vị công trình, xây móng và công trình ngầm (như hầm vệ sinh tự hoại, xử lý nước thải.....).

4. Xuất trình Giấy phép xây dựng cho chính quyền sở tại trước khi khởi công xây dựng và treo biển báo tại địa điểm xây dựng theo quy định.

5. Khi cần thay đổi thiết kế thì phải báo cáo và chờ quyết định của cơ quan cấp giấy phép xây dựng.

GIA HẠN GIẤY PHÉP

1. Nội dung gia hạn, điều chỉnh:

2. Thời gian có hiệu lực của giấy phép:

Vĩnh Cửu, ngày tháng năm 200

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

CÔNG AN TỈNH ĐỒNG NAI
PHÒNG CS PCCC&CNCH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số 22/PCCC-NT

Đồng Nai, ngày 5 tháng 7 năm 2010

"T/y: Văn bản nghiệm thu
hệ thống PCCC"

Kính gửi: Công ty TNHH SX-TM phân hữu cơ sinh học Thanh Bình.

Theo văn bản về việc nghiệm thu hệ thống phòng cháy chữa cháy (PCCC) của:
Công ty TNHH SX-TM phân hữu cơ sinh học Thanh Bình.

Sau khi xem xét hồ sơ nghiệm thu về phòng cháy chữa cháy do chủ đầu tư chuẩn bị và biên bản kiểm tra nghiệm thu hệ thống PCCC do đại diện Phòng cảnh sát PCCC & CNCH đã lập.

Phòng cảnh sát PCCC & CNCH – Công an tỉnh Đồng Nai đồng ý nghiệm thu về phòng cháy chữa cháy:

Công trình : Công ty TNHH SX-TM phân hữu cơ sinh học Thanh Bình.

Chủ đầu tư : Công ty TNHH SX-TM phân hữu cơ sinh học Thanh Bình.

Xây dựng tại : Ấp Vàm, xã Thiện Tân, huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai.

Các hệ thống phòng cháy và chữa cháy đã nghiệm thu gồm:

- Hệ thống cấp nước chữa cháy.
- Hệ thống chống sét đánh thẳng.
- Phương tiện chữa cháy tại chỗ.

Đồng thời đề nghị chủ đầu tư thực hiện các yêu cầu kèm theo sau đây:

- Thực hiện đầy đủ các kiến nghị nêu trong biên bản kiểm tra nghiệm thu hệ thống PCCC đã lập.

- Các hệ thống, thiết bị kỹ thuật khác có liên quan đến PCCC phải được kiểm tra, thử nghiệm và nghiệm thu đưa vào vận hành đảm bảo các yêu cầu về PCCC khi đưa công trình vào sử dụng.

Nơi nhận:

- Chủ đầu tư CT;
- Cục CS.PCCC&CNCH – BCA (Báo cáo);
- Lưu PC66.



Thượng tá: Văn Quyết Thắng

CÔNG AN TỈNH ĐỒNG NAI
PHÒNG CẢNH SÁT PCCC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc

Số: 22/TD-PCCC(PC23)

Biên Hòa, ngày 16 tháng 6 năm 2009

**GIẤY CHỨNG NHẬN
THẨM DUYỆT VỀ PHÒNG CHÁY VÀ CHỮA CHÁY**

- Căn cứ Luật Phòng cháy và chữa cháy ngày 29 tháng 6 năm 2001.
- Căn cứ Nghị định số 35/2003/NĐ-CP ngày 04 tháng 4 năm 2003 của chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật phòng cháy và chữa cháy.
- Căn cứ Thông tư số 04/2004/TT-BCA ngày 31 tháng 3 năm 2004 của Bộ công an.
- Xét hồ sơ và văn bản đề nghị thẩm duyệt về PCCC ngày 12/6/2009 của : Công ty TNHH sản xuất - thương mại phân hữu cơ sinh học Thanh Bình.

Người đại diện là Ông: Dương Hoàng Thanh. Chức vụ: Giám Đốc.

**PHÒNG CẢNH SÁT PHÒNG CHÁY VÀ CHỮA CHÁY
CHỨNG NHẬN**

NHÀ MÁY SẢN XUẤT PHÂN HỮU CƠ SINH HỌC THANH BÌNH

Địa điểm : Ấp Vàm, xã Thiện Tân – Vĩnh Cửu – Đồng Nai.

Chủ đầu tư : Công ty TNHH SX-TM phân hữu cơ sinh học Thanh Bình.

Đơn vị thiết kế : Công ty cổ phần tư vấn đầu tư xây dựng Trí Đức.

Đã được thẩm duyệt về PCCC theo các nội dung sau: Bậc chịu lửa, đường giao thông, lối thoát nạn, hệ thống cấp nước chữa cháy, hệ thống chống sét, phương tiện chữa cháy tại chỗ.

Theo các bản vẽ kỹ thuật được thẩm duyệt PCCC: KT-01÷KT-21; KC-01÷KC-05; CC-01÷CC-03.

Các yêu cầu kèm theo :

1. Đường giao thông xe chữa cháy hoạt động xung quanh nhà xưởng có chiều rộng thông thủy $\geq 3,5\text{m}$, cao $\geq 4,25\text{m}$. Thiết kế ≥ 02 cửa thoát nạn cho nhà xưởng, cửa có chiều rộng $\geq 0,8\text{m}$, cao $\geq 2\text{m}$, bố trí phân tán, lắp đặt đèn chỉ dẫn thoát nạn bố trí tại các cửa thoát nạn. Bể nước chữa cháy có khối tích $\geq 108 \text{ m}^3$, bể nước cách nhà $\geq 10\text{m}$. Thiết kế 01 trụ nước chữa cháy ngoài nhà, trụ cách nhà $\geq 5\text{m}$. Trang bị thêm 01 máy bơm chữa cháy dự phòng có công suất tương đương công suất của máy bơm chính (TCVN 2622-1995).

2. Thiết kế chi tiết hệ thống điện cho công trình.

3. Trang bị phương tiện chữa cháy tại chỗ theo TCVN 7435-1:2004 và theo hướng dẫn của cơ quan cảnh sát PCCC.

Chủ đầu tư và đơn vị thi công thi công theo bản vẽ thẩm duyệt PCCC và theo các tiêu chuẩn Việt Nam hiện hành. Trước khi đưa công trình vào hoạt động phải được nghiệm thu về PCCC theo quy định. *N*

Nơi nhận:

- Chủ đầu tư.
- Lưu PC23.



Thương tá : Văn Quyết Thắng

BỘ NÔNG NGHIỆP
VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN
CỤC TRỒNG TRỌT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**GIẤY PHÉP SẢN XUẤT
PHÂN BÓN HỮU CƠ VÀ PHÂN BÓN KHÁC
(License for organic and other fertilizer production)**

Mã số Giấy phép (license code): 08.67.0616
(do Cục Trồng trọt cấp-issued by Department of Crop Production)

Cấp lần đầu (first issue): ngày (date) 30 tháng (month) 6 năm (year) 2016

1. Tên cơ sở sản xuất (name of organization/individual)

Tên bằng tiếng Việt (in Vietnamese): CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI
PHÂN HỮU CƠ SINH HỌC THANH BÌNH

Tên bằng tiếng nước ngoài (in foreign language): THANH BÌNH COMPOST BIO
ORGANIC FERTILIZER PRODUCTION AND TRADING COMPANY LIMITED

Tên viết tắt (Name in abbreviation):

Mã số doanh nghiệp-company code (nếu có-if having): 0304323098

2. Người đại diện theo pháp luật của cơ sở sản xuất (legal representative of organization/individual)

Chức danh (Title): Giám đốc

Họ và tên (Full name): Dương Hoàng Thanh

Giới tính (Male/female): Nam

Sinh ngày (Date of birth): 29/12/1925

Dân tộc (Ethnic group): Kinh

Quốc tịch (Nationality): Việt Nam

Loại giấy chứng thực cá nhân (ID card): Chứng minh nhân dân

Số (No.): 020406859

Ngày cấp (Date of issue): 30/05/2011

Nơi cấp (Place of issue): Công an thành phố Hồ Chí Minh.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú (Permanent place of residence): Số 8, Đường 3,
Khu phố 6, Phường Trường Thọ, Quận Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh.

Chỗ ở hiện tại (Present residence): Số 8, Đường 3, Khu phố 6, Phường Trường Thọ,
Quận Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh.

3. Địa chỉ trụ sở chính (head quarter)

Địa chỉ (Address): Số 8, Đường 3, Khu phố 6, Phường Trường Thọ, Quận Thủ
Đức, TP. Hồ Chí Minh.

Điện thoại (Tel): 0613.928.226

Fax: 0613.928.226

E-mail: nguyenhua579@gmail.com

Website: www.phanhuucosinhhocthanhbinh.com.vn

4. Danh mục phân bón được phép sản xuất (List of permitted fertilizer produce)

Địa điểm sản xuất (Address):

Địa chỉ: Số 1 A, ấp Vàm, xã Thiện Tân, huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai.



Điện thoại: 0613.928.226

Fax: 0613.928.226

E-mail: nguyenhua579@gmail.com

Website: www.tabimix.com.vn

Danh mục phân bón đăng ký sản xuất:

STT	Loại phân bón (Kind of fertilizer)	Tên phân bón (Name of fertilizer)	Công suất sản xuất (Capacity) (tấn/năm)	Phương thức bón - applied method (rễ-for root/lá-for leaf)	Màu sắc (color), mùi (odour), dạng phân bón (form)	Tiêu chuẩn công bố áp dụng (thành phần-substance, hàm lượng-content)	Cảnh báo an toàn-Safety notice (nếu có-if having)
1	Phân bón hữu cơ sinh học	TABIMIX 2	5.000	Bón rễ	Màu nâu đen, dạng hạt, bột	Hữu cơ : 25%; N: 5%; P ₂ O ₅ : 3%; K ₂ O: 3%; Axit humix: 2,5%; độ ẩm: 25%	- Dùng găng tay, khẩu trang khi sử dụng. - Rửa sạch tay chân sau khi sử dụng. - Để xa nguồn thực phẩm và tầm tay trẻ em. - Đậy kín miệng bao khi không sử dụng.
2	Phân bón hữu cơ sinh học	TABIMIX 3	5.000	Bón rễ	Màu xám đen, dạng hạt, bột	Hữu cơ: 25%; N: 4%; P ₂ O ₅ : 4%; K ₂ O: 5%; Axit humix: 2,5%; độ ẩm: 25%	
3	Phân bón hữu cơ sinh học	TABIMIX 4	5.000	Bón rễ	Màu nâu đen, dạng hạt, bột	Hữu cơ: 25%; N: 3%; P ₂ O ₅ : 2%; K ₂ O: 5%; Axit humix: 2,5%; độ ẩm: 25%	
4	Phân bón hữu cơ vi sinh	Thanh Bình 1	5.000	Bón rễ	Màu nâu đen, dạng hạt, bột	Hữu cơ: 15%; N: 1%; P ₂ O ₅ : 1%; K ₂ O: 1%; Bacillus: 1x 10 ⁶ Cfù/g; độ ẩm: 30%	
5	Phân bón hữu cơ vi sinh	Thanh Bình 2	200	Bón rễ	Màu nâu đen, dạng hạt, dạng bột	Hữu cơ: 15 %; N: 2%; P ₂ O ₅ : 1%; K ₂ O: 2%; Trichoderma: 1x 10 ⁶ Cfù/g; độ ẩm: 30%	
6	Phân bón hữu cơ vi sinh	Thanh Bình 3	100	Bón rễ	Màu nâu đen, dạng hạt, bột	Hữu cơ: 15 %; Ca: 2%; Mg: 2%; Aspergillus: 1x 10 ⁷ Cfù/g; Độ ẩm: 30%	
7	Phân bón hữu cơ vi sinh	Thanh Bình 4	5.000	Bón rễ	Màu nâu đen, dạng hạt, bột	Hữu cơ: 15 %; Azotobacter: 1 x 10 ⁶ Cfù/g; Độ ẩm: 30%	

5. Nghĩa vụ của cơ sở sản xuất phân bón được cấp Giấy phép (Responsibility for organization/individual)

Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Phân hữu cơ sinh học Thanh Bình phải thực hiện đầy đủ trách nhiệm được quy định tại Nghị định số 202/2013/NĐ - CP ngày 27 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ về quản lý phân bón; Thông tư số 41/2014/TT-BNNPTNT ngày 13 tháng 11 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về hướng dẫn một số điều của Nghị định số 202/2013/NĐ-CP ngày 27/11/2013 của Chính phủ về quản lý phân bón thuộc trách nhiệm quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các quy định pháp luật khác có liên quan (must take responsibility stipulated in Decree No. 202/NĐ-CP on 27/11/2013 of Government on fertilizer control; in Regulation No 41/2014/TT-BNNPTNT guideline for Decree No. 202/NĐ-CP and other related regulation issue)/.

**KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG
(Vice Director)**



Nguyễn Như Cường



TIÊU CHUẨN CƠ SỞ

Tiêu chuẩn: TCCS 06:2015/ THANH BÌNH

PHÂN BÓN

Thương hiệu: Phân Tabimix 1

(Dạng lỏng)

Tên tổ chức , cá nhân: Công ty TNHH Sản Xuất thương mại phân hữu cơ sinh học Thanh Bình

Địa chỉ: Số 1G, Đường 4, Phường Trường Thọ, quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

Điện thoại: 025 1392 8226

Fax: 025 1392 8226

1. Lời nói đầu:

Tiêu chuẩn cơ sở: Tiêu chuẩn: TCCS 06:2015/ THANH BÌNH do Công ty TNHH Sản Xuất thương mại phân hữu cơ sinh học Thanh Bình xây dựng dựa trên quá trình thử nghiệm thực tế các chỉ tiêu sản phẩm Phân Tabimix 1 mà công ty sản xuất.

Quá trình xây dựng tiêu chuẩn cơ sở này công ty đã tham khảo và tuân thủ các quy định bắt buộc về các chỉ tiêu chất lượng trong thông tư 29/2014/TT-BCT.

2. Phạm vi áp dụng:

Tiêu chuẩn cơ sở: Tiêu chuẩn: TCCS 06:2015/ THANH BÌNH do Công ty TNHH Sản Xuất thương mại phân hữu cơ sinh học Thanh Bình xây dựng để đáp ứng quy định tại điều 23 luật chất lượng sản phẩm hàng hóa và ghi nhãn theo quy định tại nghị định 89 về ghi nhãn hàng hóa.

Tiêu chuẩn này được áp dụng cho sản phẩm Phân Tabimix 1.

3. Yêu cầu kỹ thuật:

CHỈ TIÊU KỸ THUẬT VÀ MỨC CHẤT LƯỢNG

STT	CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ TÍNH	MỨC CHẤT LƯỢNG	PHƯƠNG PHÁP THỬ
1	N ts	%	5,0	TCVN 8557: 2010
2	P ₂ O ₅ hh	%	5,0	TCVN 8559: 2010
3	K ₂ O _{hh}	%	5,0	TCVN 8560: 2010
4	Axit humic(axit humic)	%	2,5	TCVN 8561:2010
5	pH _{H2O}		6,5	TCVN 6492: 2011
6	Tỉ trọng		1,18	TCVN 3731:2007

4. Về ghi nhãn:

Việc ghi nhãn của sản phẩm Phân Tabimix 1 được ghi theo nghị định 89/2006/NĐ-CP ngày 30/08/2006 của chính phủ về ghi nhãn hàng hóa và thông tư số 09/2007/TT-BKHCN ngày 06/04/2007 hướng dẫn thi hành một số điều của nghị định 89/2006/NĐ-CP



ngày 30/08/2006 của chính phủ, thông tư số 14/2007/TT-BKHCN ngày 25/07/2007 bổ sung thông tư số 09/2007/TT-BKHCN ngày 06/04/2007 hướng dẫn thi hành một số điều của nghị định 89/2006/NĐ-CP ngày 30/08/2006 của chính phủ về ghi nhãn hàng hóa với các nội dung bắt buộc như sau:

- Tên hàng hóa
- Tên và địa chỉ của tổ chức, cá nhân chịu trách nhiệm về hàng hóa
- Thành phần
- Định lượng
- Ngày sản xuất
- Hạn sử dụng
- Thông tin cảnh báo an toàn
- Hướng dẫn sử dụng
- Hướng dẫn bảo quản

5. Hướng dẫn sử dụng:

- Cây công nghiệp (cây cà phê, tiêu): Pha 25ml/bình 8 lít, phun cách nhau 7 ngày.
- Rau, hoa màu: pha 15-20 ml/bình 8 lít, phun cách nhau 7 ngày/lần.
- Lúa:
 - Lần 1 pha 25 ml/bình 8 lít, 4 bình/1000m², xịt 10-15 ngày sau khi sạ.
 - Lần 2 pha 25 ml/bình 8 lít, 4 bình/1000 m², 20 ngày sau sạ.
 - Lần 3 pha 25 ml/bình 8 lít, 55-60, 4 bình/1000m², bón thêm 10 kg urea và 15-20 kg kali giúp cây lúa đón đòng và trở bông hàng loạt.
 - Lần 4: pha 30 lít/bình 8 lít, 4 bình/1000m², sau khi lúa trổ 1 tuần lễ, lúa bắt đầu ngâm sữa, xịt 2-3 lần cách nhau 7 ngày/lần. Phun xịt vào buổi chiều.

6. Bao gói và bảo quản

- Bao gói: Sản phẩm được đựng trong chai nhựa hoặc can nhựa với thể tích tịnh 1lít hoặc tùy theo yêu cầu của khách hàng, có ghi rõ trên nhãn.
- Bảo quản nơi khô ráo thoáng mát.
- Hạn sử dụng: 2 năm kể từ ngày sản xuất.

Đồng nai, ngày 10 tháng 11 năm 2016

Công ty TNHH SX TM phân hữu cơ sinh học Thanh Bình



Nguyễn Lát Linh



TIÊU CHUẨN CƠ SỞ

Tiêu chuẩn: TCCS 07:2015/ THANH BÌNH

PHÂN BÓN

Thương hiệu: Phân Tabimix 2

(Dạng rắn)

Tên tổ chức , cá nhân: Công ty TNHH Sản Xuất thương mại phân hữu cơ sinh học Thanh Bình

Địa chỉ: Số 1G, Đường 4, Phường Trường Thọ, quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

Điện thoại: 025 1392 8226

Fax: 025 1392 8226

1. Lời nói đầu:

Tiêu chuẩn cơ sở: Tiêu chuẩn: TCCS 07:2015/ THANH BÌNH do Công ty TNHH Sản Xuất thương mại phân hữu cơ sinh học Thanh Bình xây dựng dựa trên quá trình thử nghiệm thực tế các chỉ tiêu sản phẩm Phân Tabimix 2 mà công ty sản xuất.

Quá trình xây dựng tiêu chuẩn cơ sở này công ty đã tham khảo và tuân thủ các quy định bắt buộc về các chỉ tiêu chất lượng trong thông tư 29/2014/TT-BCT.

2. Phạm vi áp dụng:

Tiêu chuẩn cơ sở: Tiêu chuẩn: TCCS 07:2015/ THANH BÌNH do Công ty TNHH Sản Xuất thương mại phân hữu cơ sinh học Thanh Bình xây dựng để đáp ứng quy định tại điều 23 luật chất lượng sản phẩm hàng hóa và ghi nhãn theo quy định tại nghị định 89 về ghi nhãn hàng hóa.

Tiêu chuẩn này được áp dụng cho sản phẩm Phân Tabimix 2.

3. Yêu cầu kỹ thuật:

CHỈ TIÊU KỸ THUẬT VÀ MỨC CHẤT LƯỢNG

STT	CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ TÍNH	MỨC CHẤT LƯỢNG	PHƯƠNG PHÁP THỬ
1	N ts	%	5,0	TCVN 8557: 2010
2	P ₂ O ₅ hh	%	5,0	TCVN 8559: 2010
3	K ₂ O _{hh}	%	5,0	TCVN 8560: 2010
4	Axit humic(axit humic)	%	2,5	TCVN 8561:2010
5	pH _{H2O}		7	TCVN 6492: 2011
6	Chất hữu cơ	%	25,0	TCVN 3731:2007

4. Về ghi nhãn:

Việc ghi nhãn của sản phẩm Phân Tabimix 2 được ghi theo nghị định 89/2006/NĐ- CP ngày 30/08/2006 của chính phủ về ghi nhãn hàng hóa và thông tư số 09/2007/TT-BKHCN ngày 06/04/2007 hướng dẫn thi hành một số điều của nghị định



89/2006/NĐ-CP ngày 30/08/2006 của chính phủ, thông tư số 14/2007/TT-BKHCN ngày 25/07/2007 bổ sung thông tư số 09/2007/TT-BKHCN ngày 06/04/2007 hướng dẫn thi hành một số điều của nghị định 89/2006/NĐ-CP ngày 30/08/2006 của chính phủ về ghi nhãn hàng hóa với các nội dung bắt buộc như sau:

- Tên hàng hóa
- Tên và địa chỉ của tổ chức, cá nhân chịu trách nhiệm về hàng hóa
- Thành phần
- Định lượng
- Ngày sản xuất
- Hạn sử dụng
- Thông tin cảnh báo an toàn
- Hướng dẫn sử dụng
- Hướng dẫn bảo quản

5. Hướng dẫn sử dụng:

Xử dụng cho nhóm cây ăn lá và hoa kiểng:

- Bón lót 100 kg/1000m², 7 ngày trước khi cấy cây con, trộn lẫn trong đất lên lớp rau.
- Bón thúc: lần 1: 15 ngày sau khi trồng, bón 50 kg Tabimix 2 với 20 kg NPK 20-20-15. Lần 2: 20 ngày sau khi trồng, bón 50 kg Tabimix 2 với 20 kg NPK 20-20-15, riêng 30 ngày đối với bắp cải.

6. Bao gói và bảo quản

- Bao gói: Sản phẩm được đựng trong bao PE hoặc bao PP với khối lượng tịnh 50 kg hoặc tùy theo yêu cầu của khách hàng, có ghi rõ trên nhãn.
- Bảo quản nơi khô ráo thoáng mát.
- Hạn sử dụng: 2 năm kể từ ngày sản xuất.



Đồng nai, ngày 10 tháng 11 năm 2016

Công ty TNHH SX TM phân hữu cơ sinh học Thanh Bình



GIÁM ĐỐC

Nguyễn Tất Linh

TIÊU CHUẨN CƠ SỞ

Tiêu chuẩn: TCCS 08:2015/ THANH BÌNH

PHÂN BÓN

Thương hiệu: Phân Tabimix 3

(Dạng rắn)

Tên tổ chức , cá nhân: Công ty TNHH Sản Xuất thương mại phân hữu cơ sinh học Thanh Bình

Địa chỉ: Số 1G, Đường 4, Phường Trường Thọ, quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

Điện thoại: 025 1392 8226

Fax: 025 1392 8226

1. Lời nói đầu:

Tiêu chuẩn cơ sở: Tiêu chuẩn: TCCS 08:2015/ THANH BÌNH do Công ty TNHH Sản Xuất thương mại phân hữu cơ sinh học Thanh Bình xây dựng dựa trên quá trình thử nghiệm thực tế các chỉ tiêu sản phẩm Phân Tabimix 3 mà công ty sản xuất.

Quá trình xây dựng tiêu chuẩn cơ sở này công ty đã tham khảo và tuân thủ các quy định bắt buộc về các chỉ tiêu chất lượng trong thông tư 29/2014/TT-BCT.

2. Phạm vi áp dụng:

Tiêu chuẩn cơ sở: Tiêu chuẩn: TCCS 08:2015/ THANH BÌNH do Công ty TNHH Sản Xuất thương mại phân hữu cơ sinh học Thanh Bình xây dựng để đáp ứng quy định tại điều 23 luật chất lượng sản phẩm hàng hóa và ghi nhãn theo quy định tại nghị định 89 về ghi nhãn hàng hóa.

Tiêu chuẩn này được áp dụng cho sản phẩm Phân Tabimix 3.

3. Yêu cầu kỹ thuật:

CHỈ TIÊU KỸ THUẬT VÀ MỨC CHẤT LƯỢNG

STT	CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ TÍNH	MỨC CHẤT LƯỢNG	PHƯƠNG PHÁP THỬ
1	N ts	%	4,0	TCVN 8557: 2010
2	P ₂ O ₅ hh	%	4,0	TCVN 8559: 2010
3	K ₂ O _{hh}	%	5,0	TCVN 8560: 2010
4	Axit humic(axit humic)	%	2,5	TCVN 8561:2010
5	pH _{H2O}		7	TCVN 5979:2007
6	Chất hữu cơ	%	25,0	TCVN 3731:2007

4. Về ghi nhãn:

Việc ghi nhãn của sản phẩm Phân Tabimix 3 được ghi theo nghị định 89/2006/NĐ- CP ngày 30/08/2006 của chính phủ về ghi nhãn hàng hóa và thông tư số 09/2007/TT-BKHCN ngày 06/04/2007 hướng dẫn thi hành một số điều của nghị định



89/2006/NĐ-CP ngày 30/08/2006 của chính phủ, thông tư số 14/2007/TT-BKHCN ngày 25/07/2007 bổ sung thông tư số 09/2007/TT-BKHCN ngày 06/04/2007 hướng dẫn thi hành một số điều của nghị định 89/2006/NĐ-CP ngày 30/08/2006 của chính phủ về ghi nhãn hàng hóa với các nội dung bắt buộc như sau:

- Tên hàng hóa
- Tên và địa chỉ của tổ chức, cá nhân chịu trách nhiệm về hàng hóa
- Thành phần
- Định lượng
- Ngày sản xuất
- Hạn sử dụng
- Thông tin cảnh báo an toàn
- Hướng dẫn sử dụng
- Hướng dẫn bảo quản

5. Hướng dẫn sử dụng:

Xử dụng cho các loại cây ăn trái (cam, quýt, bưởi):

- Cây con: bón 1 kg/gốc, vào tháng 4,7,10 mỗi năm.
- Cây kinh doanh: bón từ 2-5 kg/gốc, vào tháng 4,7,10 mỗi năm bón theo rìa tán lá phát triển của cây.

6. Bao gói và bảo quản

- Bao gói: Sản phẩm được đựng trong bao PE hoặc bao PP với khối lượng tịnh 50 kg hoặc tùy theo yêu cầu của khách hàng, có ghi rõ trên nhãn.
- Bảo quản nơi khô ráo thoáng mát.
- Hạn sử dụng: 2 năm kể từ ngày sản xuất.

Đồng nai, ngày 10 tháng 11 năm 2016

Công ty TNHH SX TM phân hữu cơ sinh học Thanh Bình

GIÁM ĐỐC



Nguyễn Tất Linh



TIÊU CHUẨN CƠ SỞ

Tiêu chuẩn: TCCS 09:2015/ THANH BÌNH

PHÂN BÓN

Thương hiệu: Phân Tabimix 4

(Dạng rắn)

Tên tổ chức , cá nhân: Công ty TNHH Sản Xuất thương mại phân hữu cơ sinh học Thanh Bình

Địa chỉ: Số 1G, Đường 4, Phường Trường Thọ, quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

Điện thoại: 025 1392 8226

Fax: 025 1392 8226

1. Lời nói đầu:

Tiêu chuẩn cơ sở: Tiêu chuẩn: TCCS 09:2015/ THANH BÌNH do Công ty TNHH Sản Xuất thương mại phân hữu cơ sinh học Thanh Bình xây dựng dựa trên quá trình thử nghiệm thực tế các chỉ tiêu sản phẩm Phân Tabimix 4 mà công ty sản xuất.

Quá trình xây dựng tiêu chuẩn cơ sở này công ty đã tham khảo và tuân thủ các quy định bắt buộc về các chỉ tiêu chất lượng trong thông tư 29/2014/TT-BCT.

2. Phạm vi áp dụng:

Tiêu chuẩn cơ sở: Tiêu chuẩn: TCCS 09:2015/ THANH BÌNH do Công ty TNHH Sản Xuất thương mại phân hữu cơ sinh học Thanh Bình xây dựng để đáp ứng quy định tại điều 23 luật chất lượng sản phẩm hàng hóa và ghi nhãn theo quy định tại nghị định 89 về ghi nhãn hàng hóa.

Tiêu chuẩn này được áp dụng cho sản phẩm Phân Tabimix 4.

3. Yêu cầu kỹ thuật:

CHỈ TIÊU KỸ THUẬT VÀ MỨC CHẤT LƯỢNG

STT	CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ TÍNH	MỨC CHẤT LƯỢNG	PHƯƠNG PHÁP THỬ
1	N ts	%	3,0	TCVN 8557: 2010
2	P ₂ O ₅ hh	%	2,0	TCVN 8559: 2010
3	K ₂ O _{hh}	%	5,0	TCVN 8560: 2010
4	Axit humic(axit humic)	%	2,5	TCVN 8561:2010
5	pH _{H2O}		7	TCVN 5979:2007
6	Chất hữu cơ	%	25,0	TCVN 3731:2007

4. Về ghi nhãn:

Việc ghi nhãn của sản phẩm Phân Tabimix 4 được ghi theo nghị định 89/2006/NĐ- CP ngày 30/08/2006 của chính phủ về ghi nhãn hàng hóa và thông tư số 09/2007/TT-BKHCN ngày 06/04/2007 hướng dẫn thi hành một số điều của nghị định



89/2006/NĐ-CP ngày 30/08/2006 của chính phủ, thông tư số 14/2007/TT-BKHCN ngày 25/07/2007 bổ sung thông tư số 09/2007/TT-BKHCN ngày 06/04/2007 hướng dẫn thi hành một số điều của nghị định 89/2006/NĐ-CP ngày 30/08/2006 của chính phủ về ghi nhãn hàng hóa với các nội dung bắt buộc như sau:

- Tên hàng hóa
- Tên và địa chỉ của tổ chức, cá nhân chịu trách nhiệm về hàng hóa
- Thành phần
- Định lượng
- Ngày sản xuất
- Hạn sử dụng
- Thông tin cảnh báo an toàn
- Hướng dẫn sử dụng
- Hướng dẫn bảo quản

5. Hướng dẫn sử dụng:

- Hồ tiêu: 2kg/gốc bón 3 lần /năm, đào 2 lỗ chôn xuống đất. Bón vào đầu mùa mưa, giữa mùa mưa và cuối mùa mưa.
- Cây cà phê: 2 kg/gốc bón 2 lần/năm, đầu mùa mưa bón 50 kg phân NPK/1000 m² để nuôi trái. Bón vào đầu mùa mưa và cuối mùa mưa.
- Cây ca cao: 2 kg/gốc, bón vào đầu mùa mưa và cuối mùa mưa.
- Cây cao su: 3 kg/gốc + 50 kg kali/1000m² bón vào đầu mùa mưa và cuối mùa mưa.

6. Bao gói và bảo quản

- Bao gói: Sản phẩm được đựng trong bao PE hoặc bao PP với khối lượng tịnh 50 kg hoặc tùy theo yêu cầu của khách hàng, có ghi rõ trên nhãn.
- Bảo quản nơi khô ráo thoáng mát.
- Hạn sử dụng: 2 năm kể từ ngày sản xuất.

Đồng nai, ngày 10 tháng 11 năm 2016

Công ty TNHH SX TM phân hữu cơ sinh học Thanh Bình

GIÁM ĐỐC



Nguyễn Tất Linh



TIÊU CHUẨN CƠ SỞ

Tiêu chuẩn: TCCS 10:2015/ THANH BÌNH

PHÂN BÓN

Thương hiệu: Phân Thanh Bình 1

(Dạng rắn)

Tên tổ chức , cá nhân: Công ty TNHH Sản Xuất thương mại phân hữu cơ sinh học Thanh Bình

Địa chỉ: Số 1G, Đường 4, Phường Trường Thọ, quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

Điện thoại: 025 1392 8226

Fax: 025 1392 8226

1. Lời nói đầu:

Tiêu chuẩn cơ sở: Tiêu chuẩn: TCCS 10:2015/ THANH BÌNH do Công ty TNHH Sản Xuất thương mại phân hữu cơ sinh học Thanh Bình xây dựng dựa trên quá trình thử nghiệm thực tế các chỉ tiêu sản phẩm Phân Thanh Bình 1 mà công ty sản xuất.

Quá trình xây dựng tiêu chuẩn cơ sở này công ty đã tham khảo và tuân thủ các quy định bắt buộc về các chỉ tiêu chất lượng trong thông tư 29/2014/TT-BCT.

2. Phạm vi áp dụng:

Tiêu chuẩn cơ sở: Tiêu chuẩn: TCCS 10:2015/ THANH BÌNH do Công ty TNHH Sản Xuất thương mại phân hữu cơ sinh học Thanh Bình xây dựng để đáp ứng quy định tại điều 23 luật chất lượng sản phẩm hàng hóa và ghi nhãn theo quy định tại nghị định 89 về ghi nhãn hàng hóa.

Tiêu chuẩn này được áp dụng cho sản phẩm Phân Thanh Bình 1.

3. Yêu cầu kỹ thuật:

CHỈ TIÊU KỸ THUẬT VÀ MỨC CHẤT LƯỢNG

STT	CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ TÍNH	MỨC CHẤT LƯỢNG	PHƯƠNG PHÁP THỬ
1	Chất hữu cơ	%	15,0	TCVN 9294:2012
2	Bacillus	CFU/g	1×10^6	TCVN 6168:2002
3	pH _{H2O}		7	TCVN 5979:2007

4. Về ghi nhãn:

Việc ghi nhãn của sản phẩm Phân Thanh Bình 1 được ghi theo nghị định 89/2006/NĐ- CP ngày 30/08/2006 của chính phủ về ghi nhãn hàng hóa và thông tư số 09/2007/TT-BKHCN ngày 06/04/2007 hướng dẫn thi hành một số điều của nghị định 89/2006/NĐ-CP ngày 30/08/2006 của chính phủ, thông tư số 14/2007/TT-BKHCN ngày 25/07/2007 bổ sung thông tư số 09/2007/TT-BKHCN ngày 06/04/2007 hướng dẫn thi



hành một số điều của nghị định 89/2006/NĐ-CP ngày 30/08/2006 của chính phủ về ghi nhãn hàng hóa với các nội dung bắt buộc như sau:

- Tên hàng hóa
- Tên và địa chỉ của tổ chức, cá nhân chịu trách nhiệm về hàng hóa
- Thành phần
- Định lượng
- Ngày sản xuất
- Hạn sử dụng
- Thông tin cảnh báo an toàn
- Hướng dẫn sử dụng
- Hướng dẫn bảo quản

5. Hướng dẫn sử dụng:

- Cây công nghiệp (ca cao, cà phê, cao su): 800-1000 kg/ha, bón vào đầu mùa mưa và giữa mùa mưa.

- Cây ăn trái (chôm chôm, bưởi) dùng 800-1000 kg/ha, bón 2 lần/năm. Vào thời điểm đầu mùa mưa và cuối mùa mưa.

Có thể tăng hoặc giảm lượng phân bón tùy theo từng loại đất.

6. Bao gói và bảo quản

- Bao gói: Sản phẩm được đựng trong bao PE hoặc bao PP với khối lượng tịnh 50 kg hoặc tùy theo yêu cầu của khách hàng, có ghi rõ trên nhãn.
- Bảo quản nơi khô ráo thoáng mát.
- Hạn sử dụng: 2 năm kể từ ngày sản xuất.

Đồng nai, ngày 10 tháng 11 năm 2016

Công ty TNHH SX TM phân hữu cơ sinh học Thanh Bình

GIÁM ĐỐC



Nguyễn Tất Linh



TIÊU CHUẨN CƠ SỞ

Tiêu chuẩn: TCCS 05:2015/ THANH BÌNH

PHÂN BÓN

Thương hiệu: Phân Thanh Bình 4

(Dạng rắn)

Tên tổ chức , cá nhân: Công ty TNHH Sản Xuất thương mại phân hữu cơ sinh học Thanh Bình

Địa chỉ: Số 1G, Đường 4, Phường Trường Thọ, quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

Điện thoại: 025 1392 8226

Fax: 025 1392 8226

1. Lời nói đầu:

Tiêu chuẩn cơ sở: Tiêu chuẩn: TCCS 05:2015/ THANH BÌNH do Công ty TNHH Sản Xuất thương mại phân hữu cơ sinh học Thanh Bình xây dựng dựa trên quá trình thử nghiệm thực tế các chỉ tiêu sản phẩm Phân Thanh Bình 4 mà công ty sản xuất.

Quá trình xây dựng tiêu chuẩn cơ sở này công ty đã tham khảo và tuân thủ các quy định bắt buộc về các chỉ tiêu chất lượng trong thông tư 29/2014/TT-BCT.

2. Phạm vi áp dụng:

Tiêu chuẩn cơ sở: Tiêu chuẩn: TCCS 05:2015/ THANH BÌNH do Công ty TNHH Sản Xuất thương mại phân hữu cơ sinh học Thanh Bình xây dựng để đáp ứng quy định tại điều 23 luật chất lượng sản phẩm hàng hóa và ghi nhãn theo quy định tại nghị định 89 về ghi nhãn hàng hóa.

Tiêu chuẩn này được áp dụng cho sản phẩm Phân Thanh Bình 4.

3. Yêu cầu kỹ thuật:

CHỈ TIÊU KỸ THUẬT VÀ MỨC CHẤT LƯỢNG

STT	CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ TÍNH	MỨC CHẤT LƯỢNG	PHƯƠNG PHÁP THỬ
1	Chất hữu cơ	%	15,0	TCVN 9294:2012
2	Azotobacter spp	CFU/g	1×10^6	TCVN 6166:2002
3	pH _{H2O}		7	TCVN 5979:2007

4. Về ghi nhãn:

Việc ghi nhãn của sản phẩm Phân Thanh Bình 4 được ghi theo nghị định 89/2006/NĐ- CP ngày 30/08/2006 của chính phủ về ghi nhãn hàng hóa và thông tư số 09/2007/TT-BKHCN ngày 06/04/2007 hướng dẫn thi hành một số điều của nghị định 89/2006/NĐ-CP ngày 30/08/2006 của chính phủ, thông tư số 14/2007/TT-BKHCN ngày 25/07/2007 bổ sung thông tư số 09/2007/TT-BKHCN ngày 06/04/2007 hướng dẫn thi



hành một số điều của nghị định 89/2006/NĐ-CP ngày 30/08/2006 của chính phủ về ghi nhãn hàng hóa với các nội dung bắt buộc như sau:

- Tên hàng hóa
- Tên và địa chỉ của tổ chức, cá nhân chịu trách nhiệm về hàng hóa
- Thành phần
- Định lượng
- Ngày sản xuất
- Hạn sử dụng
- Thông tin cảnh báo an toàn
- Hướng dẫn sử dụng
- Hướng dẫn bảo quản

5. Hướng dẫn sử dụng:

Trộn đều trong đất khi trồng cây.

- Cây thanh long và các loại cây ăn trái khác: dùng 3 kg/gốc, bón 2 lần/năm. Lần 1 vào lúc cây chuẩn bị ra hoa (tháng 2 – 3), lần 2 tháng 9-10 sau giai đoạn cho trái rộ, giai đoạn sinh cành mới và chuẩn bị nuôi trái vụ.

Cách bón: xới nhẹ xung quang gốc, cách gốc 15-30 cm, cho phân đều khắp tán và dùng rơm rạ, cỏ ủ gốc.

- Các loại rau: rải đều 300 kg/1000m², bón lót trước khi trồng.

6. Bao gói và bảo quản

- Bao gói: Sản phẩm được đựng trong bao PE hoặc bao PP với khối lượng tịnh 50 kg hoặc tùy theo yêu cầu của khách hàng, có ghi rõ trên nhãn.
- Bảo quản nơi khô ráo thoáng mát.
- Hạn sử dụng: 2 năm kể từ ngày sản xuất.

Đồng nai, ngày 10 tháng 11 năm 2016

Công ty TNHH SX TM phân hữu cơ sinh học Thanh Bình

GIÁM ĐỐC



Nguyễn Tất Linh



TIÊU CHUẨN CƠ SỞ

Tiêu chuẩn: TCCS 04:2015/ THANH BÌNH

PHÂN BÓN

Thương hiệu: Phân Thanh Bình 3

(Dạng rắn)

Tên tổ chức , cá nhân: Công ty TNHH Sản Xuất thương mại phân hữu cơ sinh học Thanh Bình

Địa chỉ: Số 1G, Đường 4, Phường Trường Thọ, quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

Điện thoại: 025 1392 8226

Fax: 025 1392 8226

1. Lời nói đầu:

Tiêu chuẩn cơ sở: Tiêu chuẩn: TCCS 04:2015/ THANH BÌNH do Công ty TNHH Sản Xuất thương mại phân hữu cơ sinh học Thanh Bình xây dựng dựa trên quá trình thử nghiệm thực tế các chỉ tiêu sản phẩm Phân Thanh Bình 3 mà công ty sản xuất.

Quá trình xây dựng tiêu chuẩn cơ sở này công ty đã tham khảo và tuân thủ các quy định bắt buộc về các chỉ tiêu chất lượng trong thông tư 29/2014/TT-BCT.

2. Phạm vi áp dụng:

Tiêu chuẩn cơ sở: Tiêu chuẩn: TCCS 04:2015/ THANH BÌNH do Công ty TNHH Sản Xuất thương mại phân hữu cơ sinh học Thanh Bình xây dựng để đáp ứng quy định tại điều 23 luật chất lượng sản phẩm hàng hóa và ghi nhãn theo quy định tại nghị định 89 về ghi nhãn hàng hóa.

Tiêu chuẩn này được áp dụng cho sản phẩm Phân Thanh Bình 3.

3. Yêu cầu kỹ thuật:

CHỈ TIÊU KỸ THUẬT VÀ MỨC CHẤT LƯỢNG

STT	CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ TÍNH	MỨC CHẤT LƯỢNG	PHƯƠNG PHÁP THỬ
1	Ca	%	2,0	TCVN 8557: 2010
2	Chất hữu cơ	%	15,0	TCVN 9294:2012
3	Mg	%	2,0	TCVN 8560: 2010
4	Aspergillus sp	CFU/g	1×10^7	TCVN 6167:1996
5	pH _{H2O}		7	TCVN 5979:2007

4. Về ghi nhãn:

Việc ghi nhãn của sản phẩm Phân Thanh Bình 3 được ghi theo nghị định 89/2006/NĐ- CP ngày 30/08/2006 của chính phủ về ghi nhãn hàng hóa và thông tư số 09/2007/TT-BKHCN ngày 06/04/2007 hướng dẫn thi hành một số điều của nghị định 89/2006/NĐ-CP ngày 30/08/2006 của chính phủ, thông tư số 14/2007/TT-BKHCN ngày



25/07/2007 bổ sung thông tư số 09/2007/TT-BKHCN ngày 06/04/2007 hướng dẫn thi hành một số điều của nghị định 89/2006/NĐ-CP ngày 30/08/2006 của chính phủ về ghi nhãn hàng hóa với các nội dung bắt buộc như sau:

- Tên hàng hóa
- Tên và địa chỉ của tổ chức, cá nhân chịu trách nhiệm về hàng hóa
- Thành phần
- Định lượng
- Ngày sản xuất
- Hạn sử dụng
- Thông tin cảnh báo an toàn
- Hướng dẫn sử dụng
- Hướng dẫn bảo quản

5. Hướng dẫn sử dụng:

- Cây công nghiệp lâu năm (cây cà phê, chè, ca cao, cao su): bón 600-1000kg/ha khi cây được 1 năm tuổi trở lên. Bón vào đầu mùa mưa và giữa mùa mưa, bón xong nên ủ cỏ hay rơm rạ cách gốc 30 cm. Bón theo tán cây.

Có thể tăng hoặc giảm lượng phân bón theo tùy từng loại đất.

6. Bao gói và bảo quản

- Bao gói: Sản phẩm được đựng trong bao PE hoặc bao PP với khối lượng tịnh 50 kg hoặc tùy theo yêu cầu của khách hàng, có ghi rõ trên nhãn.
- Bảo quản nơi khô ráo thoáng mát.
- Hạn sử dụng: 2 năm kể từ ngày sản xuất.

Đồng nai, ngày 10 tháng 11 năm 2016

Công ty TNHH SX TM phân hữu cơ sinh học Thanh Bình

GIÁM ĐỐC



Nguyễn Lát Linh



TIÊU CHUẨN CƠ SỞ

Tiêu chuẩn: TCCS 04:2015/ THANH BÌNH

PHÂN BÓN

Thương hiệu: Phân Thanh Bình 3

(Dạng rắn)

Tên tổ chức , cá nhân: Công ty TNHH Sản Xuất thương mại phân hữu cơ sinh học Thanh Bình

Địa chỉ: Số 1G, Đường 4, Phường Trường Thọ, quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

Điện thoại: 025 1392 8226

Fax: 025 1392 8226

1. Lời nói đầu:

Tiêu chuẩn cơ sở: Tiêu chuẩn: TCCS 04:2015/ THANH BÌNH do Công ty TNHH Sản Xuất thương mại phân hữu cơ sinh học Thanh Bình xây dựng dựa trên quá trình thử nghiệm thực tế các chỉ tiêu sản phẩm Phân Thanh Bình 3 mà công ty sản xuất.

Quá trình xây dựng tiêu chuẩn cơ sở này công ty đã tham khảo và tuân thủ các quy định bắt buộc về các chỉ tiêu chất lượng trong thông tư 29/2014/TT-BCT.

2. Phạm vi áp dụng:

Tiêu chuẩn cơ sở: Tiêu chuẩn: TCCS 04:2015/ THANH BÌNH do Công ty TNHH Sản Xuất thương mại phân hữu cơ sinh học Thanh Bình xây dựng để đáp ứng quy định tại điều 23 luật chất lượng sản phẩm hàng hóa và ghi nhãn theo quy định tại nghị định 89 về ghi nhãn hàng hóa.

Tiêu chuẩn này được áp dụng cho sản phẩm Phân Thanh Bình 3.

3. Yêu cầu kỹ thuật:

CHỈ TIÊU KỸ THUẬT VÀ MỨC CHẤT LƯỢNG

STT	CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ TÍNH	MỨC CHẤT LƯỢNG	PHƯƠNG PHÁP THỬ
1	Ca	%	2,0	TCVN 8557: 2010
2	Chất hữu cơ	%	15,0	TCVN 9294:2012
3	Mg	%	2,0	TCVN 8560: 2010
4	Aspergillus sp	CFU/g	1×10^7	TCVN 6167:1996
5	pH _{H2O}		7	TCVN 5979:2007

4. Về ghi nhãn:

Việc ghi nhãn của sản phẩm Phân Thanh Bình 3 được ghi theo nghị định 89/2006/NĐ- CP ngày 30/08/2006 của chính phủ về ghi nhãn hàng hóa và thông tư số 09/2007/TT-BKHCN ngày 06/04/2007 hướng dẫn thi hành một số điều của nghị định 89/2006/NĐ-CP ngày 30/08/2006 của chính phủ, thông tư số 14/2007/TT-BKHCN ngày



25/07/2007 bổ sung thông tư số 09/2007/TT-BKHCN ngày 06/04/2007 hướng dẫn thi hành một số điều của nghị định 89/2006/NĐ-CP ngày 30/08/2006 của chính phủ về ghi nhãn hàng hóa với các nội dung bắt buộc như sau:

- Tên hàng hóa
- Tên và địa chỉ của tổ chức, cá nhân chịu trách nhiệm về hàng hóa
- Thành phần
- Định lượng
- Ngày sản xuất
- Hạn sử dụng
- Thông tin cảnh báo an toàn
- Hướng dẫn sử dụng
- Hướng dẫn bảo quản

5. Hướng dẫn sử dụng:

- Cây công nghiệp lâu năm (cây cà phê, chè, ca cao, cao su): bón 600-1000kg/ha khi cây được 1 năm tuổi trở lên. Bón vào đầu mùa mưa và giữa mùa mưa, bón xong nên ủ cỏ hay rơm rạ cách gốc 30 cm. Bón theo tán cây.

Có thể tăng hoặc giảm lượng phân bón theo tùy từng loại đất.

6. Bao gói và bảo quản

- Bao gói: Sản phẩm được đựng trong bao PE hoặc bao PP với khối lượng tịnh 50 kg hoặc tùy theo yêu cầu của khách hàng, có ghi rõ trên nhãn.
- Bảo quản nơi khô ráo thoáng mát.
- Hạn sử dụng: 2 năm kể từ ngày sản xuất.

Đồng nai, ngày 10 tháng 11 năm 2016

Công ty TNHH SX TM phân hữu cơ sinh học Thanh Bình

GIÁM ĐỐC



Nguyễn Tất Linh



TIÊU CHUẨN CƠ SỞ

Tiêu chuẩn: TCCS 03:2015/ THANH BÌNH

PHÂN BÓN

Thương hiệu: Phân Thanh Bình 2

(Dạng rắn)

Tên tổ chức , cá nhân: Công ty TNHH Sản Xuất thương mại phân hữu cơ sinh học Thanh Bình

Địa chỉ: Số 1G, Đường 4, Phường Trường Thọ, quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

Điện thoại: 025 1392 8226

Fax: 025 1392 8226

1. Lời nói đầu:

Tiêu chuẩn cơ sở: Tiêu chuẩn: TCCS 03:2015/ THANH BÌNH do Công ty TNHH Sản Xuất thương mại phân hữu cơ sinh học Thanh Bình xây dựng dựa trên quá trình thử nghiệm thực tế các chỉ tiêu sản phẩm Phân Thanh Bình 2 mà công ty sản xuất.

Quá trình xây dựng tiêu chuẩn cơ sở này công ty đã tham khảo và tuân thủ các quy định bắt buộc về các chỉ tiêu chất lượng trong thông tư 29/2014/TT-BCT.

2. Phạm vi áp dụng:

Tiêu chuẩn cơ sở: Tiêu chuẩn: TCCS 03:2015/ THANH BÌNH do Công ty TNHH Sản Xuất thương mại phân hữu cơ sinh học Thanh Bình xây dựng để đáp ứng quy định tại điều 23 luật chất lượng sản phẩm hàng hóa và ghi nhãn theo quy định tại nghị định 89 về ghi nhãn hàng hóa.

Tiêu chuẩn này được áp dụng cho sản phẩm Phân Thanh Bình 2.

3. Yêu cầu kỹ thuật:

CHỈ TIÊU KỸ THUẬT VÀ MỨC CHẤT LƯỢNG

STT	CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ TÍNH	MỨC CHẤT LƯỢNG	PHƯƠNG PHÁP THỬ
1	N ts	%	2,0	TCVN 8557: 2010
2	Chất hữu cơ	%	15,0	TCVN 9294:2012
3	K ₂ O _{hh}	%	2,0	TCVN 8560: 2010
4	Trichoderma	CFU/g	1x10 ⁶	TCVN 12560-1:2018
5	pH _{H2O}		7	TCVN 5979:2007

4. Về ghi nhãn:

Việc ghi nhãn của sản phẩm Phân Thanh Bình 2 được ghi theo nghị định 89/2006/NĐ- CP ngày 30/08/2006 của chính phủ về ghi nhãn hàng hóa và thông tư số 09/2007/TT-BKHCN ngày 06/04/2007 hướng dẫn thi hành một số điều của nghị định 89/2006/NĐ-CP ngày 30/08/2006 của chính phủ, thông tư số 14/2007/TT-BKHCN ngày



25/07/2007 bổ sung thông tư số 09/2007/TT-BKHCN ngày 06/04/2007 hướng dẫn thi hành một số điều của nghị định 89/2006/NĐ-CP ngày 30/08/2006 của chính phủ về ghi nhãn hàng hóa với các nội dung bắt buộc như sau:

- Tên hàng hóa
- Tên và địa chỉ của tổ chức, cá nhân chịu trách nhiệm về hàng hóa
- Thành phần
- Định lượng
- Ngày sản xuất
- Hạn sử dụng
- Thông tin cảnh báo an toàn
- Hướng dẫn sử dụng
- Hướng dẫn bảo quản

5. Hướng dẫn sử dụng:

- Cây công nghiệp (ca cao, cà phê, cao su), Cây ăn trái (chôm chôm, bưởi):
Cách ủ phân hữu cơ: sử dụng 1kg/100-200 lít nước phun và ủ 5-6 m³ chất hữu cơ.
 - Trải 1 lớp chất hữu cơ dày 10-15 cm trên bề mặt sân, dùng xoa phun đều lên bề mặt phân có độ ẩm 50-60%.
 - Dùng bạt đậy kín sau 10 ngày đảo và bổ sung nước để giữ ẩm và đậy kín lại.
 - Chờ 4-5 tuần cho chất hữu cơ được phân giải sẽ đem ra bón cho cây trồng.
- Xử lý đất: Dùng 2-3 kg/ 100-200 lít nước phun đều lên 1000m² để phòng ngừa bệnh cho cây.

6. Bao gói và bảo quản

- Bao gói: Sản phẩm được đựng trong bao PE hoặc bao PP với khối lượng tịnh 1kg hoặc tùy theo yêu cầu của khách hàng, có ghi rõ trên nhãn.
- Bảo quản nơi khô ráo thoáng mát.
- Hạn sử dụng: 2 năm kể từ ngày sản xuất.



Đồng nai, ngày 10 tháng 11 năm 2016

Công ty TNHH SX TM phân hữu cơ sinh học Thanh Bình

GIÁM ĐỐC



Nguyễn Tất Linh

CÔNG TY TNHH MT TRÀ NGUYÊN
Số:1420/2025/HĐKT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc.

HỢP ĐỒNG KINH TẾ

(V/v: Thu gom rác thải sinh hoạt)

- Căn cứ bộ luật dân sự số 91/2015/QH13 ngày 24/11/2015 có hiệu lực từ ngày 01/01/2017;
- Căn cứ Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24/4/2015 của Chính phủ về quản lý chất thải và phế liệu;
- Căn cứ Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật bảo vệ môi trường;
- Căn cứ vào luật bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17/11/2020 có hiệu lực ngày 01/01/2022;
- Căn cứ chức năng, nhiệm vụ, nhu cầu và khả năng thực hiện của hai bên ;

Hôm nay, ngày 09 tháng 03 năm 2025 tại văn phòng CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG TRÀ NGUYÊN hai bên gồm có:

Bên A: CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG TRÀ NGUYÊN

Do Bà : Hà Thị Nguyễn

Chức vụ: Giám Đốc (làm đại diện)

ĐT: 0703802532

MST : 3603729863

TK : 143704070004066. Tại : Ngân hàng HDB chi nhánh Ấp 1, Xã Thanh Phú, Vĩnh Cửu, Đồng Nai

CCCD: 034178019773

Nơi cấp : Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội

Địa chỉ: 33/13, Tổ 1, Khu phố 5, Phường Trảng Dài, TP Biên Hoà, Tỉnh Đồng Nai

Bên B: CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT – THƯƠNG MẠI PHÂN HỮU CƠ SINH HỌC THANH BÌNH

Do Ông: Nguyễn Tất Linh

Chức vụ: Giám đốc (làm đại diện)

ĐT: 02513 928 226

MST: 0304323098

Địa chỉ: Số 1A, Ấp Vàm, Xã Thiện Tân, Huyện Vĩnh Cửu, Tỉnh Đồng Nai

Sau khi bàn bạc hai bên thống nhất ký hợp đồng thu gom rác thải sinh hoạt với nội dung sau:

Điều 1: Nội dung hợp đồng.

- Bên A đồng ý thu gom và vận chuyển rác thải sinh hoạt cho bên B gọn gàng sạch sẽ đảm bảo vệ sinh môi trường (không thu gom và vận chuyển chất thải nguy hại, chất thải y tế và chất gây cháy nổ lẫn trong rác thải sinh hoạt).

Điều 2: Hình thức giao nhận.

- Bên A sẽ cho xe đến gom rác thải sinh hoạt tại CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT – THƯƠNG MẠI PHÂN HỮU CƠ SINH HỌC THANH BÌNH, địa chỉ: Số 1A, Ấp Vàm, Xã Thiện Tân, Huyện Vĩnh Cửu, Tỉnh Đồng Nai một tuần 3 lần đảm bảo vệ sinh sạch sẽ. Đảm bảo vệ sinh môi trường sạch sẽ không để gây ô nhiễm môi trường.

ĐIỀU 3: Hiệu lực của hợp đồng.

- Thời gian hiệu lực hợp đồng: Từ ngày 09/03/2025 đến hết ngày 08/03/2026.
- Trong thời gian hợp đồng có hiệu lực nếu những quy định của pháp luật có liên quan ảnh hưởng đến hợp đồng hoặc hai bên có nhu cầu điều chỉnh nội dung hợp đồng. Hai bên sẽ điều chỉnh bổ sung bằng phụ lục hợp đồng.
- Hai bên có thể kết thúc hợp đồng trước thời hạn, và việc kết thúc hợp đồng phải được thông báo cho bên kia trước **15 ngày** bằng văn bản.
- Sau khi hợp đồng hết hiệu lực và các bên đã thực hiện hoàn tất nghĩa vụ tài chính với nhau, hai bên không có nhu cầu tiếp tục thực hiện hợp đồng thì hợp đồng được xem như chính thức thanh lý.

Điều 4: Khối lượng, đơn giá và hình thức thanh toán.

- Bên B sẽ thanh toán tiền thu gom rác thải sinh hoạt cho bên A với giá là : 10.000.000 đồng/năm (bằng chữ: Mười triệu đồng chẵn) . Chưa bao gồm VAT.
- Bên B thanh toán tiền cho bên A bằng tiền mặt / chuyển khoản

Điều 5: Cam kết chung.

- Trách nhiệm bên A:

- + Bên A sẽ cho xe thu gom rác cho bên B đúng thời gian như điều 2. Và không để tồn đọng rác trong công ty và không làm ảnh hưởng đến môi trường sản xuất của công ty.



- + Đảm bảo việc thực hiện vận chuyển an toàn vệ sinh, sạch sẽ khu vực lấy rác thải, hạn chế rơi vãi trong quá trình thu gom.
- + Bố trí phương tiện vận chuyển tại địa điểm giao rác thải của Bên B theo đúng lịch trình đã được thỏa thuận giữa hai bên.

- Trách nhiệm bên B :

- + Bên B phải tập trung rác thải sinh hoạt vào đúng nơi quy định để thuận tiện cho bên A thu gom và vận chuyển.
- + Bên B không để chất thải nguy hại, chất thải y tế và chất gây cháy nổ lẫn vào rác thải sinh hoạt trường hợp trong quá trình thu gom bên A phát hiện ra chất thải nguy hại và chất thải y tế chất gây cháy nổ lẫn vào rác thải sinh hoạt bên A có quyền không thu gom rác cho bên B.

- Trách nhiệm chung:

- + Hai bên cam kết thực hiện đúng và nghiêm túc các điều khoản trong hợp đồng. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, nếu có những khó khăn, trở ngại phát sinh, hai bên sẽ cùng nhau giải quyết bằng thương lượng trên tinh thần hợp tác và hai bên cùng có lợi. Nếu hai bên thương lượng không đạt được kết quả, sẽ đưa ra Tòa án Nhân dân Thành phố Biên Hòa để giải quyết, kết quả phán quyết của Tòa án là kết quả cuối cùng, mọi chi phí phát sinh tại Tòa án do bên thua kiện chi trả.
- + Hợp đồng này được lập thành 2 bản có giá trị pháp lý như nhau, mỗi bên giữ một bản và có hiệu lực kể từ ngày 09/03/2025.

ĐẠI DIỆN BÊN A



HÀ THỊ NGUYỄN

ĐẠI DIỆN BÊN B



NGUYỄN TÁT LINH



**CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG
SEN VÀNG**

Địa chỉ: Tầng 2, 238 Ngô Gia Tự, Khu dân cư
Chánh Nghĩa, Phường Chánh Nghĩa, Thành
phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương
Tel: 0274.246.5533
E-mail: moitruongsenvang@gmail.com
Web: moitruongsenvang.com

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc

Số: ~~757~~ HD/SV-2024

Bình Dương, ngày ...01... tháng ...11... năm 2024

HỢP ĐỒNG KINH TẾ

V/v : Xử lý chất thải nguy hại, công nghiệp.

- Căn cứ Bộ luật Dân sự số: 91/2015/QH13 đã được Quốc hội Nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam thông qua ngày ngày 24 tháng 11 năm 2015 và có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2017;
- Căn cứ Luật thương mại số: 36/2005/QH11 đã được Quốc hội Nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam thông qua ngày ngày 14 tháng 06 năm 2005 và có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2006;
- Căn cứ Luật Bảo vệ Môi trường của Nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam số 55/2014/QH13 ngày 23/06/2014;
- Căn cứ Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 quy định chi tiết một số điều của Luật bảo vệ môi trường;
- Căn cứ Thông tư 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật bảo vệ môi trường;
- Căn cứ Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mã số: 3701224331 do Sở Kế Hoạch và Đầu Tư Tỉnh Bình Dương cấp thay đổi lần 16, ngày 10 tháng 03 năm 2022.
- Căn cứ giấy phép xử lý chất thải nguy hại mã số QLCTNH: 5-6.038.VX (Cấp lần thứ hai) của Công ty TNHH Môi Trường Sen Vàng được Bộ tài nguyên Môi trường cấp ngày 03/02/2021.
- Căn cứ theo yêu cầu thu gom, vận chuyển xử lý chất thải của Công ty TNHH Sản Xuất – Thương Mại Phân Hữu Cơ Sinh Học Thanh Bình.

ĐẠI DIỆN HAI BÊN GỒM:

BÊN A : CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT - THƯƠNG MẠI PHÂN HỮU CƠ SINH HỌC THANH BÌNH

Địa chỉ : Số 1A, Ấp vàm, Xã Thiện Tân, Huyện Vĩnh Cửu, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam.
Điện thoại : 0251 629 3399
Mã số thuế : 0304323098
Người đại diện : **NGUYỄN TẮT LINH** Chức vụ : **Giám Đốc.**
Tài khoản số : 180180689393999 tại NH Eximbank – CN Đồng Nai

BÊN B : CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG SEN VÀNG

Địa chỉ : Tầng 2, 238 Ngô Gia Tự, Khu dân cư Chánh Nghĩa, Phường Chánh Nghĩa, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương.
Điện thoại : 0274.246.5533
Mã số thuế : 3701224331
Người đại diện : **NGUYỄN VĂN HÒA** Chức vụ: **Tổng Giám Đốc.**
Tài khoản số : 5500201014922 tại NH Nông nghiệp & Phát triển nông thôn Bình Dương

Hai bên cùng thỏa thuận ký kết hợp đồng với các điều khoản như sau:

ĐIỀU 1 : NỘI DUNG VÀ THỜI HẠN HỢP ĐỒNG

- Bên B nhận thực hiện việc thu gom, vận chuyển, lưu giữ và xử lý chất thải nguy hại, chất thải công nghiệp phát sinh từ quá trình hoạt động của Bên A.
- Thời hạn hợp đồng: 01 (một) năm kể từ ngày ký kết hợp đồng.

ĐIỀU 2 : SỐ LƯỢNG, ĐƠN GIÁ XỬ LÝ

- 2.1 Khối lượng của từng loại chất thải:** là tổng khối lượng bao gồm cả bao bì chứa loại chất thải đó, được tiến hành cân tại kho lưu trữ chất thải của Bên A. Trong trường hợp không xác định được khối lượng tại kho của Bên A thì sẽ căn cứ theo phiếu cân tại bàn cân điện tử của Bên B hoặc phiếu cân tại bàn cân điện tử do Bên A chỉ định.
- 2.2 Số lượng chất thải giao nhận:** Sẽ được xác định bằng biên bản giao nhận (hoặc chứng từ chất thải nguy hại) theo thực tế giao nhận giữa hai Bên. Trường hợp phát sinh chất thải ngoài danh mục báo giá tại mục 2.3 Điều 2 thì bên A thông báo bằng văn bản cho bên B để hai bên thỏa thuận giá cả và phương thức thu gom trước khi tiến hành thu gom.

2.3 Đơn giá:

STT	Loại chất thải	Mã CTNH	Phương án xử lý	ĐVT	Đơn giá xử lý (VNĐ/ĐVT)
1	Hộp mực in thải	080204	TĐ-HR	NĂM	10.000.000
2	Bóng đèn huỳnh quang	160106	Nghiên-HR		
3	Dầu nhiên liệu và dầu diesel	170203	TĐ-HR		
4	Các loại dầu truyền nhiệt và cách điện thải khác	170303	TĐ-HR		
5	Các loại dầu thải khác	120604	TĐ-HR		
6	Bao bì cứng thải bằng kim loại	180102	Súc rửa-TC		
7	Bao bì cứng thải bằng nhựa	180103	Súc rửa-TC		
8	Chất hấp thụ, giẻ lau	180201	TĐ-HR		
9	Pin, ắc quy chì thải	190601	Tẩy rửa-TC		
10	Bao bì mềm	180101	TĐ-HR		
11	Chất thải công nghiệp	-	TĐ-HR		

Ghi chú:

- Đơn giá trên bao gồm chi phí thu gom, vận chuyển và xử lý.
- Đơn giá trên áp dụng với lượng chất thải nguy hại và chất thải công nghiệp không vượt quá **400 kg/năm**. Ngoài số lượng trên nếu phát sinh thêm sẽ được tính chất thải nguy hại **5.000 đ/kg** và chất thải công nghiệp **2.500đ/kg**.
- Ngoài hai lần vận chuyển và xử lý. Nếu có yêu cầu thu gom, xử lý thêm thì sẽ tính chi phí xử lý chất thải nguy hại là **5.000 đ/kg** chất thải nguy hại, chất thải công nghiệp **2.500đ/kg** và chi phí vận chuyển là **1.000.000 đ/lần**.
- Bao bì chứa chất thải không hoàn trả sau khi xử lý.
- Đơn giá xử lý chất thải chưa gồm thuế GTGT.

ĐIỀU 3: THỜI GIAN – ĐỊA ĐIỂM THU GOM – SĐT LIÊN HỆ THU GOM, PHẢN ÁNH

- Thời gian thu gom: 02 lần/năm. Theo yêu cầu của Bên A. Ngày thu gom cụ thể (trừ ngày lễ và chủ nhật) Bên A thông báo trước 03 ngày cho Bên B thực hiện thu gom.
- Địa điểm giao nhận: tại Công ty TNHH Sản Xuất – Thương Mại Phân Hữu Cơ Sinh Học Thanh Bình - địa chỉ: Số 1A, Ấp vàm, Xã Thiện Tân, Huyện Vĩnh Cửu, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam.
- Số điện thoại liên hệ thu gom: 0274 246 5533.
- Số điện thoại liên hệ phản ánh: 0937 442 360.

ĐIỀU 4: PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN

- Bên A thanh toán cho Bên B bằng chuyển khoản hoặc tiền mặt cho Bên B 100% giá trị hợp đồng trong vòng 07 ngày ký kết.
- Phần khối lượng vượt (nếu có) hoặc thu gom phát sinh bên B sẽ xuất hóa đơn cho bên A sau khi thu gom thực tế.
- Bên A thanh toán cho Bên B chậm nhất trong vòng 10 (mười) ngày sau khi nhận hóa đơn GTGT do Bên B phát hành. Khi có sự thay đổi thông tin trên hóa đơn Bên A phải thông báo cho Bên B bằng văn bản. Nếu Bên A không thông báo thì Bên B sẽ không chịu trách nhiệm khi đã xuất hóa đơn.

ĐIỀU 5: TRÁCH NHIỆM CỦA HAI BÊN

5.1 Trách nhiệm Bên A:

- Phân loại chất thải nguy hại, chất thải công nghiệp thành từng loại riêng biệt theo đúng quy định môi trường hiện hành. Các loại chất thải sau khi phân loại phải chứa trong các thùng chứa riêng biệt, không để rò rỉ ra môi trường, có dán nhãn chất thải và lưu trữ tại một khu vực cố định trước khi bàn giao cho bên B.
- Chuyển giao chất thải đúng như thỏa thuận quy định tại Điều 2. Nếu ngày giao nhận chất thải theo quy định tại Điều 2, xe của bên B đến công ty bên A mà bên A không giao chất thải cho bên B thì bên A phải ký biên bản xác nhận không bàn giao chất thải, đồng thời chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật và thanh toán chi phí vận chuyển cho bên B là 1.000.000đ/lần.
- Trong quá trình giao nhận nếu Bên B phát hiện Bên A để lẫn Chất thải nguy hại vào Các loại chất thải khác thì Bên B không nhận lô hàng đó.
- Khi bàn giao chất thải nguy hại Bên A phải cử người cân xác nhận khối lượng chất thải chuyển giao.
- Bố trí nhân sự, phương tiện hỗ trợ Bên B trong quá trình giao nhận chất thải tại kho của Bên A. Tạo điều kiện thuận lợi cho Bên B đến thu gom. Cung cấp những thông tin cần thiết về chất thải (phù hợp với công việc của hợp đồng) khi bên B yêu cầu.
- Trong thời còn giá trị hợp đồng Bên A không được giao chất thải cho đơn vị khác hoặc tự tiêu hủy chất thải. Nếu vi phạm Bên A chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật.
- Thanh toán tiền xử lý chất thải đúng như Điều 4.
- Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

5.2 Trách nhiệm Bên B:

- Chịu trách nhiệm thu gom, vận chuyển chất thải của Bên A và lưu giữ, xử lý chúng tại nhà máy của Bên B (tại Khu phố 1B, Phường Chánh Phú Hòa, Thị xã Bến Cát, Tỉnh Bình Dương) theo quy định hiện hành về quản lý chất thải nguy hại, chất thải công nghiệp của Nhà nước Việt Nam.
- Hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật nếu để chất thải rò rỉ ra môi trường sau khi chất thải đã được vận chuyển ra khỏi kho của Bên A.
- Thu gom chất thải đúng ngày đã thỏa thuận tại Điều 3 của Hợp đồng. Nếu không, Bên B phải chịu trách nhiệm về việc lưu trữ quá hạn chất thải nguy hại của bên A, và xem như là đã vi phạm hợp đồng (trừ khi hai bên có thỏa thuận khác).
- Có trách nhiệm giữ vệ sinh, đảm bảo an toàn trong suốt quá trình thu gom, vận chuyển và xử lý toàn bộ lượng chất thải đã được Bên A giao theo đúng quy định. Trong quá trình thu gom tất cả nhân viên của Bên B phải tuân thủ các nội quy của Bên A về an toàn lao động, môi trường, vệ sinh, bảo vệ tài sản.
- Không nhận chất thải ngoài danh mục đã báo giá cũng như chất thải có tính chất khác biệt so với mẫu báo giá.
- Thực hiện kiểm tra, xác nhận và chuyển giao lại Chứng từ chất thải nguy hại cho Bên A, trong vòng 1 tháng (30 ngày) kể từ ngày nhận chất thải nguy hại.
- Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

ĐIỀU 6: CÁC TRƯỜNG HỢP TẠM NGỪNG – CHẤM DỨT HỢP ĐỒNG

- Hợp đồng tự động chấm dứt khi hợp đồng và/ hoặc phụ lục hợp đồng hết hiệu lực, hoặc một trong hai bên vi phạm pháp luật về môi trường.
- Bên B được quyền thông báo tạm ngưng thu gom chất thải bằng văn bản cho bên A nếu trong quá trình thực hiện hợp đồng có phát sinh một số trường hợp sau:
 - + Do Bên A vi phạm hợp đồng.
 - + Do Bên A thanh toán trễ hạn quá 30 ngày kể từ ngày nhận hóa đơn.

- + Theo yêu cầu của cơ quan chức năng.
- + Do các trường hợp bất khả kháng: thiên tai, lũ lụt...
- Bên B được quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng trong trường hợp Bên A vi phạm một trong các nội dung của hợp đồng này hoặc do bên A vi phạm các quy định hiện hành mà gây ảnh hưởng đến hoạt động của Bên B, sau 15 ngày kể từ ngày Bên B gửi văn bản chính thức đến Bên A.
- Bên A được quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng trong trường hợp Bên B vi phạm một trong các nội dung của hợp đồng này hoặc do bên B vi phạm các quy định hiện hành mà gây ảnh hưởng đến hoạt động của bên A, sau 15 ngày kể từ ngày Bên A gửi văn bản chính thức đến Bên B.
- Một trong hai bên muốn chấm dứt hợp đồng trước thời hạn thì phải báo trước cho bên còn lại 30 (ba mươi) ngày, đồng thời trong thời gian này hai bên phải hoàn thành nghĩa vụ hợp đồng đối với bên còn lại.

ĐIỀU 7: ĐIỀU KHOẢN CHUNG

- Hai bên cam kết thực hiện đúng và đầy đủ các điều khoản đã thỏa thuận trong hợp đồng, không bên nào được tự ý thay đổi nội dung hoặc đơn phương chấm dứt hợp đồng khi chưa có thỏa thuận bằng văn bản của hai bên (trừ mục 1 của Điều 5). Bên nào vi phạm sẽ phải bồi thường thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra cho bên bị thiệt hại.
- Mọi tranh chấp phát sinh giữa các Bên liên quan đến hợp đồng đều được ưu tiên giải quyết thông qua thương lượng và hòa giải. Trường hợp không giải quyết được bằng thương lượng, sẽ đưa ra Tòa án có thẩm quyền giải quyết, quyết định của Tòa án kinh tế Tỉnh Bình Dương là quyết định cuối cùng có hiệu lực buộc các Bên phải thi hành.
- Sau khi hết hạn hợp đồng, nếu hai Bên không tiến hành thủ tục thanh lý hợp đồng thì hợp đồng này tự động hết hạn.
- Hợp đồng được lập thành 04 (bốn) bản tiếng Việt với đầy đủ các chữ ký và con dấu của hai Bên. Mỗi bên giữ 02 (hai) bản có giá trị pháp lý như nhau và có hiệu lực kể từ ngày ký.



NGUYỄN TẮT LINH



NGUYỄN VĂN HÒA



CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG
SEN VÀNG

238 Ngô Gia Tự, KDC Chánh Nghĩa,
P. Chánh Nghĩa, TDM, Bình Dương.
Tel: 0274.246.1222
Email: moitruongsenvang@gmail.com
Website: moitruongsenvang.vn

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc

Bình Dương, ngày 30 tháng 11 năm 2023

PHIẾU GIAO NHẬN CHẤT THẢI

Số hợp đồng.....

- Chủ xử lý: **CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG SEN VÀNG**
- Chủ nguồn thải: **CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT - THƯƠNG MẠI PHÂN HỮU CƠ SINH HỌC THANH BÌNH**
- Địa chỉ thu gom: Số 1A, Ấp vàm, Xã Thiện Tân, Huyện Vĩnh Cửu, Tỉnh Đồng Nai
- Điện thoại :
- Số xe vận chuyển: 61C-10569...chuyến.....chuyến.....chuyến

S TT	Tên chất thải/Phế liệu	Mã CT	ĐVT	Số lượng	Trạng thái			Ghi chú
					Rắ n	Lỏn g	Bù n	
1	Hộp mực in thải		Kg	1				
2	Bóng đèn huỳnh quang		Kg	2				
3	Dầu nhiên liệu và dầu diesel		Kg					
4	Các loại dầu truyền nhiệt và cách điện thải khác		Kg					
5	Các loại dầu thải khác		Kg	3				
6	Bao bì cứng thải bằng kim loại		Kg					
7	Bao bì cứng thải bằng nhựa		Kg					
8	Chất hấp thụ, giẻ lau		Kg	20				
9	Pin, ắc quy chì thải		Kg					
10	Bao bì mềm		Kg	125				
11	Chất thải công nghiệp		Kg					
12			Kg					
13			Kg					
14			Kg					
15			Kg					

Ghi chú: - Chỉ lấy những chất thải nằm trong danh mục như trên (nếu có phát sinh chất thải mới thì gọi báo về văn phòng)

- Tất cả các loại chất thải đều phải cân, đo, đếm và ghi số lượng rõ ràng.

Chủ nguồn thải
(Ký ghi rõ họ tên)

Tôn Nữ Phương Thảo

Nhân viên thu gom
(Ký ghi rõ họ tên)

Phạm Thị Thanh

TỈNH/THÀNH PHỐ
BÌNH DƯƠNG

BIÊN BẢN BÀN GIAO CHẤT THẢI RẮN CÔNG NGHIỆP
THÔNG THƯỜNG

Số:

1. Bên giao (chủ nguồn thải, chủ thu gom, vận chuyển): Cty Thanh Bình

Địa chỉ văn phòng: ĐT:

Địa chỉ cơ sở: ĐT:

2. Bên nhận (chủ thu gom, vận chuyển hoặc chủ xử lý): **CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG SEN VÀNG**

Địa chỉ văn phòng: 238 Ngô Gia Tự, KDC Chánh Nghĩa, p. Chánh Nghĩa, tp TDM, tỉnh Bình Dương ĐT: 0274 2461222

Địa chỉ cơ sở: KP 1B P, P. Chánh Phú Hòa, TX Bến Cát, tỉnh Bình Dương ĐT: 0948152094

Biển số xe vận chuyển: 61C-18949

3. Khối lượng: CTCNTT chuyển giao

Số TT	Các loại chất thải	CTCNTT chuyển giao (kg)	Ghi chú
01	Tái sử dụng, tái chế để làm nguyên liệu, nhiên liệu cho ngành sản xuất khác(chuyển giao cho tổ chức, cá nhân tiếp nhận CTCNTT)		
02	Chất thải phải xử lý	<u>70 kg</u>	x
03	Tổng khối lượng		

4. Bên giao, Bên nhận xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-3

....., ngày 30 tháng 05 năm 2024..

Bên giao

(Chữ ký, đóng dấu nếu có)

Họ và tên

Tôn Nữ Phương Thảo

....., ngày 30 tháng 5 năm 2024..

Bên nhận

(Chữ ký, đóng dấu nếu có)

Họ và tên

Nguyễn Văn Tân



CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG
SEN VÀNG

238 Ngô Gia Tự, KDC Chánh Nghĩa,
P. Chánh Nghĩa, TDM, Bình Dương.
Tel: 0274.246.1222
Email: moitruongsenvang@gmail.com
Website: moitruongsenvang.vn

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc

Bình Dương, ngày 30 tháng 5 năm 2024

PHIẾU GIAO NHẬN CHẤT THẢI

Số hợp đồng:.....

- Chủ xử lý: **CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG SEN VÀNG**
- Chủ nguồn thải: **CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT - THƯƠNG MẠI PHÂN HỮU CƠ SINH HỌC THANH BÌNH**
- Địa chỉ thu gom: Số 1A, Ấp vàm, Xã Thiện Tân, Huyện Vĩnh Cửu, Tỉnh Đồng Nai
- Điện thoại :
- Số xe vận chuyển: 6K-18949.....chuyến.....chuyến.....chuyến

S TT	Tên chất thải/Phế liệu	Mã CT	ĐV T	Số lượng	Trạng thái			Ghi chú
					Rắ n	Lỏn g	Bù n	
1	Hộp mực in thải		Kg	2				
2	Bóng đèn huỳnh quang		Kg	3				
3	Dầu nhiên liệu và dầu diesel		Kg					
4	Các loại dầu truyền nhiệt và cách điện thải khác		Kg					
5	Các loại dầu thải khác		Kg	2				
6	Bao bì cứng thải bằng kim loại		Kg					
7	Bao bì cứng thải bằng nhựa		Kg					
8	Chất hấp thụ, giẻ lau		Kg	18				
9	Pin, ắc quy chì thải		Kg					
10	Bao bì mềm		Kg	113				
11	Chất thải công nghiệp		Kg					
12			Kg					
13			Kg					
14			Kg					
15			Kg					

Ghi chú: - Chỉ lấy những chất thải nằm trong danh mục như trên (nếu có phát sinh chất thải mới thì gọi báo về văn phòng)

- Tất cả các loại chất thải đều phải cân, đo, đếm và ghi số lượng rõ ràng.

Chủ nguồn thải
(Ký ghi rõ họ tên)

Nhân viên thu gom
(Ký ghi rõ họ tên)

TỈNH/THÀNH PHỐ
BÌNH DƯƠNG

BIÊN BẢN GIAO CHẤT THẢI RẮN CÔNG NGHIỆP
THÔNG THƯỜNG

Số:

1. Bên giao (chủ nguồn thải, chủ thu gom, vận chuyển).....

Địa chỉ văn phòng:

ĐT:

Địa chỉ cơ sở:

ĐT:

2. Bên nhận (chủ thu gom, vận chuyển hoặc chủ xử lý): **CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG SEN VÀNG**

Địa chỉ văn phòng: 238 Ngô Gia Tự, KDC Chánh Nghĩa, p. Chánh Nghĩa, tp TDM, tỉnh Bình Dương

ĐT: 0274 2461222

Địa chỉ cơ sở: KP 1B P, P. Chánh Phú Hòa, TX Bến Cát, tỉnh Bình Dương

ĐT: 0948152094

Biển số xe vận chuyển: 61C - 105.69

3. Khối lượng: CTRCNTT chuyển giao

Số TT	Các loại chất thải	CTRCNTT chuyển giao (kg)	Ghi chú
01	Tái sử dụng, tái chế để làm nguyên liệu, nhiên liệu cho ngành sản xuất khác (chuyển giao cho tổ chức, cá nhân tiếp nhận CTRCNTT)		
02	Chất thải phải xử lý	80 kg	x
03	Tổng khối lượng		

4. Bên giao, Bên nhận xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-3

....., ngày 30 tháng 11 năm 2023

Bên giao

(Chữ ký, đóng dấu nếu có)

Họ và tên

Tôn Nữ Phương Thảo

....., ngày 30 tháng 11 năm 2023

Bên nhận

(Chữ ký, đóng dấu nếu có)

Họ và tên

Đặng Xuân Sinh



CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG
SEN VÀNG

238 Ngõ Gia Tự, KDC Chánh Nghĩa,
P. Chánh Nghĩa, TDM, Bình Dương.
Tel: 0274.246.1222
Email: moitruongsenvang@gmail.com
Website: moitruongsenvang.vn

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc

Bình Dương, ngày 20...tháng 12 năm 2021.

PHIẾU GIAO NHẬN CHẤT THẢI

Số hợp đồng.....

- Chủ xử lý: **CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG SEN VÀNG**
- Chủ nguồn thải: **CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT - THƯƠNG MẠI PHÂN HỮU CƠ SINH HỌC THANH BÌNH**
- Địa chỉ thu gom: Số 1A, Ấp vàm, Xã Thiện Tân, Huyện Vĩnh Cửu, Tỉnh Đồng Nai
- Điện thoại :
- Số xe vận chuyển: 6118949.....chuyến.....chuyến.....chuyến

S TT	Tên chất thải/Phế liệu	Mã CT	DV T	Số lượng	Trạng thái			Ghi chú
					Rắ n	Lỏn g	Bù n	
1	Hộp mực in thải		Kg	1				
2	Bóng đèn huỳnh quang		Kg	1				
3	Dầu nhiên liệu và dầu diesel		Kg	2				
4	Các loại dầu truyền nhiệt và cách điện thải khác		Kg					
5	Các loại dầu thải khác		Kg	2				
6	Bao bì cứng thải bằng kim loại		Kg					
7	Bao bì cứng thải bằng nhựa		Kg					
8	Chất hấp thụ, giẻ lau		Kg	11				
9	Pin, ắc quy chì thải		Kg					
10	Bao bì mềm		Kg	126				
11	Chất thải công nghiệp		Kg					

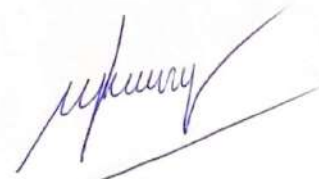
Ghi chú: - Chỉ lấy những chất thải nằm trong danh mục như trên (nếu có phát sinh chất thải mới thì gọi báo về văn phòng)

- Tất cả các loại chất thải đều phải cân, đo, đếm và ghi số lượng rõ ràng.

Chủ nguồn thải
(Ký ghi rõ họ tên)

Nhân viên thu gom
(Ký ghi rõ họ tên)


Tôn Nữ Phương Thảo


Lê Nguyễn Hoàng

TỈNH/THÀNH PHỐ
BÌNH DƯƠNG

BIÊN BẢN GIAO CHẤT THẢI RẮN CÔNG NGHIỆP
THƯỜNG THÔNG

Số:

1. Bên giao (chủ nguồn thải, chủ thu gom, vận chuyển): CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT - THƯƠNG MẠI PHÂN HỮU CƠ SINH HỌC THANH BÌNH

Địa chỉ văn phòng: ĐT:

Địa chỉ cơ sở: Số 1A, Ấp vàm, Xã Thiện Tân, Huyện Vĩnh Cửu, Tỉnh Đồng Nai ĐT:

2. Bên nhận (chủ thu gom, vận chuyển hoặc chủ xử lý): CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG SEN VÀNG

Địa chỉ văn phòng: 238 Ngô Gia Tự, KDC Chánh Nghĩa, p. Chánh Nghĩa, tp TDM, tỉnh Bình Dương ĐT: 0274 2461222

Địa chỉ cơ sở: KP 1B P, P. Chánh Phú Hòa, TX Bến Cát, tỉnh Bình Dương ĐT: 0948152094

Biển số xe vận chuyển: 61C.18949

3. Khối lượng: CTCNTT chuyển giao

Số TT	Các loại chất thải	CTCNTT chuyển giao (kg)	Ghi chú
01	Tái sử dụng, tái chế để làm nguyên liệu, nhiên liệu cho ngành sản xuất khác(chuyển giao cho tổ chức, cá nhân tiếp nhận CTCNTT)		
02	Chất thải phải xử lý	51	x
03	Tổng khối lượng		

4. Bên giao, Bên nhận xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-3

Đồng Nai, ngày 20 tháng 12 năm 2024

Bên giao

(Chữ ký, đóng dấu nếu có)

Họ và tên

Tôn Nữ Phương Thảo

Đồng Nai, ngày 20 tháng 12 năm 2024

Bên nhận

(Chữ ký, đóng dấu nếu có)

Họ và tên

Lê Nguyễn Thuồng



CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG
SEN VÀNG

Tầng 2, 238 Ngô Gia Tự, P.Thủ Dầu Một
Thành phố Hồ Chí Minh
Tel: 0274.246.1222
Email: moitruongsenvang@gmail.com
Website: moitruongsenvang.vn

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc

....., ngày 8 tháng 12 năm 2025

PHIẾU GIAO NHẬN CHẤT THẢI

Số hợp đồng.....

- Chủ xử lý: **CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG SEN VÀNG**
- Chủ nguồn thải: **CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT - THƯƠNG MẠI PHÂN HỮU CƠ SINH HỌC THANH BÌNH**
- Địa chỉ thu gom:
- Điện thoại :
- Số xe vận chuyển: Biển số 51 chuyênchuyên.....chuyên

S TT	Tên chất thải/Phế liệu	Mã CT	ĐVT	Số lượng	Trạng thái			Ghi chú
					Rắ n	Lỏ ng	Bù n	
1	Hộp mực in thải		Kg	1				
2	Bóng đèn huỳnh quang		Kg					
3	Dầu nhiên liệu và dầu diesel		Kg	5				
4	Các loại dầu truyền nhiệt và cách điện thải khác		Kg					
5	Các loại dầu thải khác		Kg					
6	Bao bì cứng thải bằng kim loại		Kg					
7	Bao bì cứng thải bằng nhựa		Kg					
8	Chất hấp thụ, giẻ lau		Kg	8				
9	Pin, ắc quy chì thải		Kg					
10	Bao bì mềm		Kg	148				
11	Chất thải công nghiệp		Kg					
12			Kg					
13			Kg					
14			Kg					
15			Kg					

Ghi chú: - Chỉ lấy những chất thải nằm trong danh mục như trên (nếu có phát sinh chất thải mới thì gọi báo về văn phòng)

- Tất cả các loại chất thải đều phải cân, đo, đếm và ghi số lượng rõ ràng.

Chủ nguồn thải
(Ký ghi rõ họ tên)

Nhân viên thu gom
(Ký ghi rõ họ tên)

Tôn Nữ Phương Thảo

Nguyễn Văn Đức

THÀNH PHỐ
HỒ CHÍ MINH

**BIÊN BẢN BÀN GIAO CHẤT THẢI RẮN
CÔNG NGHIỆP THÔNG THƯỜNG**

Số:

1. Bên giao (chủ nguồn thải, chủ thu gom, vận chuyển):

.....

Địa chỉ văn phòng:ĐT:

Địa chỉ cơ sở:ĐT:

2. Bên nhận (chủ thu gom, vận chuyển hoặc chủ xử lý):

CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG SEN VÀNG

Địa chỉ văn phòng: Tầng 02, 238 Ngô Gia Tự, Khu dân cư Chánh Nghĩa, Phường Thủ Dầu Một,
Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

ĐT: 0274 246 1222

Địa chỉ cơ sở xử lý: Khu phố 1B, Phường Chánh Phú Hòa, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
ĐT: 0948 152 094

3. Khối lượng: CTRCNTT chuyển giao:

TT	Các loại chất thải	CTRCNTT chuyển giao (kg)	Ghi chú
1	Tái sử dụng, tái chế để làm nguyên liệu, nhiên liệu cho ngành sản xuất khác (chuyển giao cho tổ chức, cá nhân tiếp nhận CTRCNTT)	52 Kg	
2	Chất thải phải xử lý		
3	Tổng khối lượng		

4. Bên giao, Bên nhận xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-3

Đồng Nai, ngày 08 tháng 12 năm 2025

Bên giao

(Chữ ký, đóng dấu nếu có)


Tôn Nữ Phương Thảo

....., ngày 12 tháng 12 năm 2025

Bên nhận

(Chữ ký, đóng dấu nếu có)


Nguyễn Văn Hoàng

Số hiệu phương tiện vận chuyển: 06430

❖ Vui lòng ghi **PHIẾU ĐÁNH GIÁ** (mặt sau)



CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG
SEN VÀNG

238 Ngô Gia Tự, KDC Chánh Nghĩa,
P. Thủ Dầu Một, TP Hồ Chí Minh.
Tel: 0274.246.1222
Email: moitruongsenvang@gmail.com
Website: moitruongsenvang.vn

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc

....., ngày...9...tháng...7...năm 2025.

PHIẾU GIAO NHẬN CHẤT THẢI

Số hợp đồng.....

- Chủ xử lý: **CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG SEN VÀNG**
- Chủ nguồn thải: **CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT - THƯƠNG MẠI PHÂN HỮU CƠ SINH HỌC THANH BÌNH**
- Địa chỉ thu gom:
- Điện thoại :
- Số xe vận chuyển: 61C-02.439.....chuyếnchuyến.....chuyến

S TT	Tên chất thải/Phế liệu	Mã CT	ĐV T	Số lượng	Trạng thái			Ghi chú
					Rắ n	Lỏn g	Bù n	
1	Hộp mực in thải		Kg	1				
2	Bóng đèn huỳnh quang		Kg					
3	Dầu nhiên liệu và dầu diesel		Kg	3				
4	Các loại dầu truyền nhiệt và cách điện thải khác		Kg					
5	Các loại dầu thải khác		Kg					
6	Bao bì cứng thải bằng kim loại		Kg					
7	Bao bì cứng thải bằng nhựa		Kg					
8	Chất hấp thụ, giẻ lau		Kg	9				
9	Pin, ắc quy chì thải		Kg					
10	Bao bì mềm		Kg	128				
11	Chất thải công nghiệp		Kg					
12			Kg					
13			Kg					
14			Kg					
15			Kg					

Ghi chú: - Chỉ lấy những chất thải nằm trong danh mục như trên (nếu có phát sinh chất thải mới thì gọi báo về văn phòng)

- Tất cả các loại chất thải đều phải cân, đo, đếm và ghi số lượng rõ ràng.

Chủ nguồn thải
(Ký ghi rõ họ tên)

Nhân viên thu gom
(Ký ghi rõ họ tên)

Tôn Nữ Phương Thảo

Huyết

THÀNH PHỐ
HỒ CHÍ MINH

BIÊN BẢN BÀN GIAO CHẤT THẢI RÁC CÔNG NGHIỆP
THÔNG THƯỜNG
Số:

1. Bên giao (chủ nguồn thải, chủ thu gom, vận chuyển): CT TNHH Sản xuất - TM Phân bón HCSH Thanh Bình

Địa chỉ văn phòng: ĐT:

Địa chỉ cơ sở: ĐT:

2. Bên nhận (chủ thu gom, vận chuyển hoặc chủ xử lý): CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG SEN VÀNG

Địa chỉ văn phòng: 238 Ngô Gia Tự, Phường Thủ Dầu Một, Thành phố P Hồ Chí Minh ĐT: 0274 2461222

Địa chỉ cơ sở: KP 1B P, Phường Chánh Phú Hòa, Thành phố P Hồ Chí Minh ĐT: 0948152094

Biển số xe vận chuyển: 61C - 064.39

3. Khối lượng: CTCNTT chuyển giao

Số TT	Các loại chất thải	CTRCNTT chuyển giao (kg)	Ghi chú
01	Tái sử dụng, tái chế để làm nguyên liệu, nhiên liệu cho ngành sản xuất khác (chuyển giao cho tổ chức, cá nhân tiếp nhận CTCNTT)		
02	Chất thải phải xử lý	62	x
03	Tổng khối lượng		

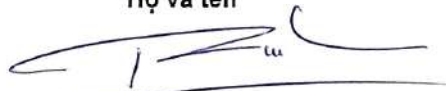
4. Bên giao, Bên nhận xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-3

....., ngày 09 tháng 02 năm 2025

Bên giao

(Chữ ký, đóng dấu nếu có)

Họ và tên

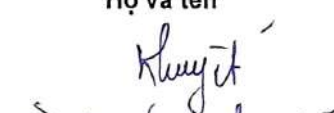

Trần Thị Phương Thảo

....., ngày 9 tháng 2 năm 2025

Bên nhận

(Chữ ký, đóng dấu nếu có)

Họ và tên


Huỳnh Văn Khuyết

TỈNH/THÀNH PHỐ
HỒ CHÍ MINH

CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI
Số: 1902 /2025/5-6.038.VX

1. Chủ CS DV XL CTNH 1: CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG SEN VÀNG
Địa chỉ văn phòng: Tầng 2, 238 Ngô Gia Tự, KDC Chánh Nghĩa, P. Thủ Dầu Một, TP.HCM . ĐT: 0274.2461222
Địa chỉ cơ sở: KLH xử lý chất thải rắn Nam Bình Dương, KP IB, P. Chánh Phú Hòa, TP.HCM . ĐT: 0274.2461222

Mã số QLCTNH: 5-6.038.VX

2. Chủ CS DV XL CTNH 2: Số Giấy phép môi trường/Mã số QLCTNH (nếu có):
Địa chỉ văn phòng: ĐT:
Địa chỉ cơ sở: ĐT:

3. Chủ nguồn thải: CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT - THƯƠNG MẠI PHÂN HỮU CƠ SINH HỌC THANH BÌNH Giấy
phép môi trường/Mã số QLCTNH:
Địa chỉ văn phòng: Số 1A Khu Phố Vàm, Phường Trảng Dài, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam. ĐT:
Địa chỉ cơ sở: Số 1A Khu Phố Vàm, Phường Trảng Dài, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam. ĐT:

4. kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không ghi đủ)

Số TT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã CTNH	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý (hoặc tái sử dụng)
		Rắn	Lỏng	Bùn			
01	Hộp chứa mực in thải	X			080204	1	TĐ-HR
02	Dầu nhiên liệu và dầu diesel		X		170203	3	TĐ-HR
03	Các loại dầu thải khác	X			120604	-	TĐ-HR
04	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải	X			160106	-	Nghiên-HR
05	Bao bì mềm thải	X			180101	128	TĐ-HR
06	Chất hấp thụ, vật liệu lọc, giẻ lau, vải bảo vệ thải	X			180201	9	TĐ-HR
Tổng Cộng						141	

Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hoà); PT (Phân
tách/chiết/lọc/kết tủa); OH (Oxy hoá); SH (Sinh học); ĐX (Đồng xử lý); TĐ (Thiêu đốt); HR (Hoá rắn); CL (Cô lập/đóng kén);
C (Chôn lấp); Khác (ghi rõ tên phương pháp); Trường hợp tái sử dụng thì ghi: TSD

5. Xuất khẩu CTNH (nếu có) Nước nhập khẩu: Cửa khẩu nhập:
Số hiệu phương tiện: Ngày xuất cảng: Cửa khẩu xuất:

7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4 Số hiệu phương tiện vận chuyển: 61C-06439

7.1. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 1: Huỳnh Văn Khuyết Ký:.....Ngày: 09 /07 /2025

7.2. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 2:Ký: Ngày:

6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thông nhất để kê khai chính xác
các thông tin ở mục 1 - 4 (hoặc 5)
Đồng Nai, ngày 09 tháng 07 năm 2025

Nguyễn Lân Linh

8. Chủ CS DV XL CTNH (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành
việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê
khai ở mục 4 (hoặc chủ tài sử dụng xác nhận đã tái sử dụng
CTNH đúng mục đích ban đầu)
TP Hồ Chí Minh, ngày 26... tháng 11... năm 2025

Tổng Giám Đốc
NGUYỄN VĂN HÒA

(ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)

(ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)

Liên số: 1□ - 2□ 3□ - 4□

TỈNH/THÀNH PHỐ
HỒ CHÍ MINH

CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI
Số: .../2025/5-6.038.VX

1. Chủ CS DV XL CTNH 1: **CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG SEN VÀNG**
Địa chỉ văn phòng: Tầng 2, 238 Ngô Gia Tự, KDC Chánh Nghĩa, P. Thủ Dầu Một, TP.HCM . ĐT: 0274.2461222
Địa chỉ cơ sở: KLH xử lý chất thải rắn Nam Bình Dương, KP 1B, P. Chánh Phú Hòa, TP.HCM . ĐT: 0274.2461222

Mã số QLCTNH: 5-6.038.VX

2. Chủ CS DV XL CTNH 2: Số Giấy phép môi trường/Mã số QLCTNH (nếu có):
Địa chỉ văn phòng: ĐT:
Địa chỉ cơ sở: ĐT:

3. Chủ nguồn thải:**CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT - THƯƠNG MẠI PHÂN HỮU CƠ SINH HỌC THANH BÌNH** Giấy
phép môi trường/Mã số QLCTNH:
Địa chỉ văn phòng: Số 1A Khu Phố Vàm, Phường Trảng Dài, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam. ĐT:
Địa chỉ cơ sở: Số 1A Khu Phố Vàm, Phường Trảng Dài, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam. ĐT:

4. kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không ghi đủ)

Số TT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã CTNH	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý (hoặc tái sử dụng)
		Rắn	Lỏng	Bùn			
01	Hộp chứa mực in thải	X			080204	1	TĐ-HR
02	Dầu nhiên liệu và dầu diesel		X		170203	3	TĐ-HR
03	Các loại dầu thải khác	X			120604	-	TĐ-HR
04	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải	X			160106	-	Nghiên-HR
05	Bao bì mềm thải	X			180101	128	TĐ-HR
06	Chất hấp thụ, vật liệu lọc, giẻ lau, vải bảo vệ thải	X			180201	9	TĐ-HR
Tổng Cộng						141	

Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hoà); PT (Phân
tách/chiết/lọc/kết tủa); OH (Oxy hoá); SH (Sinh học); ĐX (Đồng xử lý); TĐ (Thiêu đốt); HR (Hoá rắn); CL (Cô lập/đóng kén);
C (Chôn lấp); Khác (ghi rõ tên phương pháp); Trường hợp tái sử dụng thì ghi: TSD

5. Xuất khẩu CTNH (nếu có) Nước nhập khẩu: Cửa khẩu nhập:
Số hiệu phương tiện: Ngày xuất cảng: Cửa khẩu xuất:

7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4 Số hiệu phương tiện vận chuyển: 61C-06439

7.1. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 1: Huỳnh Văn Khuyết Ký:.....Ngày: 09 /07 /2025

7.2. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 2: Ký: Ngày:

6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1 - 4 (hoặc 5)
Đồng Nai, ngày 09 tháng 07 năm 2025

8. Chủ CS DV XL CTNH (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4 (hoặc chủ tài sử dụng xác nhận đã tái sử dụng CTNH đúng mục đích ban đầu)
TP Hồ Chí Minh, ngày 26 ... tháng 11 ... năm 2025

(ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)

(ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)

©Liên số: 1□ - 2□ 3□ - 4□

BIÊN BẢN GIAO CTRSH, CTCNTT

Tháng...01.../2025.....

1. Bên giao (chủ nguồn thải, chủ thu gom, vận chuyển): CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT – THƯƠNG MẠI PHÂN HỮU CƠ SINH HỌC THANH BÌNH

Địa chỉ văn phòng: Số 1A, Ấp vàm, Xã Thiện Tân, Huyện Vĩnh Cửu, Tỉnh Đồng Nai

Địa chỉ cơ sở thu gom : Số 1A, Ấp vàm, Xã Thiện Tân, Huyện Vĩnh Cửu, Tỉnh Đồng Nai

ĐT: 0936713670

2. Bên nhận (chủ thu gom, vận chuyển hoặc chủ xử lý): CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG TRÀ NGUYÊN

Địa chỉ văn phòng: 33/13, Tổ 1, Khu phố 5, Phường Trảng Dài, TP Biên Hoà, Tỉnh Đồng Nai

ĐT: 0703802532

3. Khối lượng: CTRSH, CTCNTT chuyển giao

TT	Các loại chất thải	CTRSH, CTCNTT chuyển giao (kg)	Ghi chú
1	Rác sinh hoạt	40kg	03/01/2025 BSX: 60C-A7825
2	Rác sinh hoạt	35kg	07/01/2025 BSX: 60C-A7825
3	Rác sinh hoạt	30kg	10/01/2025 BSX: 60C-A7825
4	Rác sinh hoạt	40kg	14/01/2025 BSX: 60C-A7825
5	Rác sinh hoạt	30kg	17/01/2025 BSX: 60C-A7825
6	Rác sinh hoạt	40kg	21/01/2025 BSX: 60C-A7825
7	Rác sinh hoạt	40kg	24/01/2025 BSX: 60C-A7825
8	Rác sinh hoạt	60kg	27/01/2025 BSX: 60C-A7825
9			
10			
11			
12			
	Tổng khối lượng		

4. Bên giao, bên nhận xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1 - 3

Đồng Nai, ngày 27 tháng 01 năm 2025

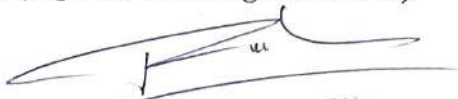
Đồng Nai, ngày 27 tháng 01 năm 2025

Bên giao

Bên nhận

(Ký, ghi họ tên, đóng dấu nếu có)

(Ký, ghi họ tên, đóng dấu nếu có)


Tôn Nữ Phương Thảo


Trà Thị Nguyên

BIÊN BẢN GIAO CTRSH, CTRCNTT

Tháng 02... / 2025.....

1. Bên giao (chủ nguồn thải, chủ thu gom, vận chuyển): CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT – THƯƠNG MẠI PHÂN HỮU CƠ SINH HỌC THANH BÌNH

Địa chỉ văn phòng: Số 1A, Ấp vàm, Xã Thiện Tân, Huyện Vĩnh Cửu, Tỉnh Đồng Nai

Địa chỉ cơ sở thu gom : Số 1A, Ấp vàm, Xã Thiện Tân, Huyện Vĩnh Cửu, Tỉnh Đồng Nai

ĐT: 0936713670

2. Bên nhận (chủ thu gom, vận chuyển hoặc chủ xử lý): CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG TRÀ NGUYÊN

Địa chỉ văn phòng: 33/13, Tổ 1, Khu phố 5, Phường Trảng Dài, TP Biên Hoà, Tỉnh Đồng Nai

ĐT: 0703802532

3. Khối lượng: CTRSH, CTRCNTT chuyển giao

TT	Các loại chất thải	CTRSH, CTRCNTT chuyển giao (kg)	Ghi chú
1	Rác sinh hoạt	65kg	10/02/2025 BSX: 60C-A7825
2	Rác sinh hoạt	30kg	11/02/2025 BSX: 60C-A7825
3	Rác sinh hoạt	30kg	11/02/2025 BSX: 60C-A7825
4	Rác sinh hoạt	10kg	18/02/2025 BSX: 60C-A7825
5	Rác sinh hoạt	20kg	21/02/2025 BSX: 60C-A7825
6	Rác sinh hoạt	30kg	25/02/2025 BSX: 60C-A7825
7	Rác sinh hoạt	20kg	28/02/2025 BSX: 60C-A7825
8			
9			
10			
11			
12			
	Tổng khối lượng		

4. Bên giao, bên nhận xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1 - 3

Đã...Nêu..., ngày 28... tháng 02... năm 2025

Bên giao

(Ký, ghi họ tên, đóng dấu nếu có)


Trần Thị Phương Hoa

Đã...Nêu..., ngày 28... tháng 02... năm 2025

Bên nhận

(Ký, ghi họ tên, đóng dấu nếu có)


Hà Thị Nguyễn

BIÊN BẢN GIAO CTRSH, CTCNTT

Tháng...03.../2025.....

1. Bên giao (chủ nguồn thải, chủ thu gom, vận chuyển): CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT – THƯƠNG MẠI PHÂN HỮU CƠ SINH HỌC THANH BÌNH

Địa chỉ văn phòng: Số 1A, Ấp vàm, Xã Thiện Tân, Huyện Vĩnh Cửu, Tỉnh Đồng Nai

Địa chỉ cơ sở thu gom : Số 1A, Ấp vàm, Xã Thiện Tân, Huyện Vĩnh Cửu, Tỉnh Đồng Nai

ĐT: 0936713670

2. Bên nhận (chủ thu gom, vận chuyển hoặc chủ xử lý): CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG TRÀ NGUYÊN

Địa chỉ văn phòng: 33/13, Tổ 1, Khu phố 5, Phường Trảng Dài, TP Biên Hoà, Tỉnh Đồng Nai

ĐT: 0703802532

3. Khối lượng: CTRSH, CTCNTT chuyển giao

TT	Các loại chất thải	CTRSH, CTCNTT chuyển giao (kg)	Ghi chú
1	Rác sinh hoạt	30kg	04/03/2025 BSX: 60C - A7825
2	Rác sinh hoạt	40kg	06/03/2025 BSX: 60C - A7825
3	Rác sinh hoạt	40kg	08/03/2025 BSX: 60C - A7825
4	Rác sinh hoạt	20kg	11/03/2025 BSX: 60C - A7825
5	Rác sinh hoạt	30kg	13/03/2025 BSX: 60C - A7825
6	Rác sinh hoạt	25kg	15/03/2025 BSX: 60C - A7825
7	Rác sinh hoạt	35kg	18/03/2025 BSX: 60C - A7825
8	Rác sinh hoạt	40kg	20/03/2025 BSX: 60C - A7825
9	Rác sinh hoạt	40kg	22/03/2025 BSX: 60C - A7825
10	Rác sinh hoạt	30kg	25/03/2025 BSX: 60C - A7825
11	Rác sinh hoạt	25kg	27/03/2025 BSX: 60C - A7825
12	Rác sinh hoạt	25kg	29/03/2025 BSX: 60C - A7825
	Tổng khối lượng		

4. Bên giao, bên nhận xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1 - 3

Đã...Nai..., ngày 29. tháng 03.. năm 2025

Bên giao

(Ký, ghi họ tên, đóng dấu nếu có)


Ton Nữ Phương Thảo

Đã...Nai..., ngày 29. tháng 03... năm 2025

Bên nhận

(Ký, ghi họ tên, đóng dấu nếu có)


Hà Thị Nguyễn

BIÊN BẢN GIAO CTRSH, CTCRNTT

Tháng...04.../2025....

1. Bên giao (chủ nguồn thải, chủ thu gom, vận chuyển): CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT – THƯƠNG MẠI PHÂN HỮU CƠ SINH HỌC THANH BÌNH

Địa chỉ văn phòng: Số 1A, Ấp vàm, Xã Thiện Tân, Huyện Vĩnh Cửu, Tỉnh Đồng Nai

Địa chỉ cơ sở thu gom : Số 1A, Ấp vàm, Xã Thiện Tân, Huyện Vĩnh Cửu, Tỉnh Đồng Nai

ĐT: 0936713670

2. Bên nhận (chủ thu gom, vận chuyển hoặc chủ xử lý): CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG TRÀ NGUYÊN

Địa chỉ văn phòng: 33/13, Tổ 1, Khu phố 5, Phường Trảng Dài, TP Biên Hoà, Tỉnh Đồng Nai

ĐT: 0703802532

3. Khối lượng: CTRSH, CTCRNTT chuyển giao

TT	Các loại chất thải	CTRSH, CTCRNTT chuyển giao (kg)	Ghi chú
1	Rác sinh hoạt	30kg	01/04/2025 BSX: 60C-AF825
2	Rác sinh hoạt	20kg	03/04/2025 BSX: 60C-AF825
3	Rác sinh hoạt	30kg	05/04/2025 BSX: 60C-AF825
4	Rác sinh hoạt	25kg	08/04/2025 BSX: 60C-AF825
5	Rác sinh hoạt	30kg	10/04/2025 BSX: 60C-AF825
6	Rác sinh hoạt	20kg	12/04/2025 BSX: 60C-AF825
7	Rác sinh hoạt	30kg	15/04/2025 BSX: 60C-AF825
8	Rác sinh hoạt	25kg	17/04/2025 BSX: 60C-AF825
9	Rác sinh hoạt	40kg	19/04/2025 BSX: 60C-AF825
10	Rác sinh hoạt	40kg	22/04/2025 BSX: 60C-AF825
11	Rác sinh hoạt	20kg	26/04/2025 BSX: 60C-AF825
12	Rác sinh hoạt	25kg	29/04/2025 BSX: 60C-AF825
	Tổng khối lượng		

4. Bên giao, bên nhận xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1 - 3

Đồng Nai, ngày 29. tháng 04. năm 2025

Bên giao

(Ký, ghi họ tên, đóng dấu nếu có)

Trần Thị Phương Hoa

Đồng Nai, ngày 29. tháng 04. năm 2025

Bên nhận

(Ký, ghi họ tên, đóng dấu nếu có)



Trà Thị Nguyên

BIÊN BẢN BẢO GIAO CTRSH, CTCRNTT

Tháng 05.../2025.....

1. Bên giao (chủ nguồn thải, chủ thu gom, vận chuyển): CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT – THƯƠNG MẠI PHÂN HỮU CƠ SINH HỌC THANH BÌNH

Địa chỉ văn phòng: Số 1A, Ấp vàm, Xã Thiện Tân, Huyện Vĩnh Cửu, Tỉnh Đồng Nai

Địa chỉ cơ sở thu gom : Số 1A, Ấp vàm, Xã Thiện Tân, Huyện Vĩnh Cửu, Tỉnh Đồng Nai

ĐT: 0936713670

2. Bên nhận (chủ thu gom, vận chuyển hoặc chủ xử lý): CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG TRÀ NGUYÊN

Địa chỉ văn phòng: 33/13, Tổ 1, Khu phố 5, Phường Trảng Dài, TP Biên Hoà, Tỉnh Đồng Nai

ĐT: 0703802532

3. Khối lượng: CTRSH, CTCRNTT chuyển giao

TT	Các loại chất thải	CTRSH, CTCRNTT chuyển giao (kg)	Ghi chú
1	Rác sinh hoạt	30kg	03/05/2025 BSX: GOC-A7825
2	Rác sinh hoạt	30kg	06/05/2025 BSX: GOC-A7825
3	Rác sinh hoạt	25kg	08/05/2025 BSX: GOC-A7825
4	Rác sinh hoạt	30kg	10/05/2025 BSX: GOC-A7825
5	Rác sinh hoạt	40kg	13/05/2025 BSX: GOC-A7825
6	Rác sinh hoạt	30kg	15/05/2025 BSX: GOC-A7825
7	Rác sinh hoạt	20kg	17/05/2025 BSX: GOC-A7825
8	Rác sinh hoạt	50kg	20/05/2025 BSX: GOC-A7825
9	Rác sinh hoạt	40kg	22/05/2025 BSX: GOC-A7825
10	Rác sinh hoạt	20kg	24/05/2025 BSX: GOC-A7825
11	Rác sinh hoạt	25kg	27/05/2025 BSX: GOC-A7825
12	Rác sinh hoạt	20kg	29/05/2025 BSX: GOC-A7825
	Tổng khối lượng		

4. Bên giao, bên nhận xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1 - 3

Đồng Nai, ngày 29. tháng 05.... năm 2025

Bên giao

(Ký, ghi họ tên, đóng dấu nếu có)

Tôn Nữ Phương Thảo

Đồng Nai, ngày 29. tháng 05.... năm 2025

Bên nhận

(Ký, ghi họ tên, đóng dấu nếu có)



Trà Thị Nguyên

BIÊN BẢN BẢO GIAO CTRSH, CTRCNTT

Tháng... 06... /2025.....

1. Bên giao (chủ nguồn thải, chủ thu gom, vận chuyển): CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT – THƯƠNG MẠI PHÂN HỮU CƠ SINH HỌC THANH BÌNH

Địa chỉ văn phòng: Số 1A, Ấp vàm, Xã Thiện Tân, Huyện Vĩnh Cửu, Tỉnh Đồng Nai

Địa chỉ cơ sở thu gom : Số 1A, Ấp vàm, Xã Thiện Tân, Huyện Vĩnh Cửu, Tỉnh Đồng Nai

ĐT: 0936713670

2. Bên nhận (chủ thu gom, vận chuyển hoặc chủ xử lý): CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG TRÀ NGUYÊN

Địa chỉ văn phòng: 33/13, Tổ 1, Khu phố 5, Phường Trảng Dài, TP Biên Hoà, Tỉnh Đồng Nai

ĐT: 0703802532

3. Khối lượng: CTRSH, CTRCNTT chuyển giao

TT	Các loại chất thải	CTRSH, CTRCNTT chuyển giao (kg)	Ghi chú
1	Rác sinh hoạt	30kg	03/06/2025 BSX: 60C-AF825
2	Rác sinh hoạt	30kg	05/06/2025 BSX: 60C-AF825
3	Rác sinh hoạt	50kg	07/06/2025 BSX: 60C-AF825
4	Rác sinh hoạt	30kg	10/06/2025 BSX: 60C-AF825
5	Rác sinh hoạt	20kg	14/06/2025 BSX: 60C-AF825
6	Rác sinh hoạt	40kg	17/06/2025 BSX: 60C-AF825
7	Rác sinh hoạt	25kg	19/06/2025 BSX: 60C-AF825
8	Rác sinh hoạt	35kg	21/06/2025 BSX: 60C-AF825
9	Rác sinh hoạt	40kg	24/06/2025 BSX: 60C-AF825
10	Rác sinh hoạt	30kg	26/06/2025 BSX: 60C-AF825
11	Rác sinh hoạt	30kg	28/06/2025 BSX: 60C-AF825
12			
	Tổng khối lượng		

4. Bên giao, bên nhận xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1 - 3

Đồng Nai, ngày 28. tháng 06... năm 2025

Bên giao

(Ký, ghi họ tên, đóng dấu nếu có)

Tôn Nữ Phương Thảo

Đồng Nai, ngày 28.. tháng 06... năm 2025

Bên nhận

(Ký, ghi họ tên, đóng dấu nếu có)



Hà Thị Nguyễn

BIÊN BẢN BÀN GIAO CTRSH, CTCNTTTháng 07 / 2025....**1. Bên giao (chủ nguồn thải, chủ thu gom, vận chuyển): CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT – THƯƠNG MẠI PHÂN HỮU CƠ SINH HỌC THANH BÌNH**

Địa chỉ văn phòng: Số 1A, Ấp vàm, Xã Thiện Tân, Huyện Vĩnh Cửu, Tỉnh Đồng Nai

Địa chỉ cơ sở thu gom : Số 1A, Ấp vàm, Xã Thiện Tân, Huyện Vĩnh Cửu, Tỉnh Đồng Nai

ĐT: 0936713670

2. Bên nhận (chủ thu gom, vận chuyển hoặc chủ xử lý): CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG TRÀ NGUYÊN

Địa chỉ văn phòng: 33/13, Tổ 1, Khu phố 5, Phường Trảng Dài, TP Biên Hoà, Tỉnh Đồng Nai

ĐT: 0703802532

3. Khối lượng: CTRSH, CTCNTT chuyển giao

TT	Các loại chất thải	CTRSH, CTCNTT chuyển giao (kg)	Ghi chú
1	Rác sinh hoạt	45 kg	01/07/2025 BSX: 60c - A7825
2	Rác sinh hoạt	30 kg	03/07/2025 BSX: 60c - A7825
3	Rác sinh hoạt	40 kg	05/07/2025 BSX: 60c - A7825
4	Rác sinh hoạt	40 kg	08/07/2025 BSX: 60c - A7825
5	Rác sinh hoạt	30 kg	12/07/2025 BSX: 60c - A7825
6	Rác sinh hoạt	25 kg	15/07/2025 BSX: 60c - A7825
7	Rác sinh hoạt	50 kg	17/07/2025 BSX: 60c - A7825
8	Rác sinh hoạt	40 kg	19/07/2025 BSX: 60c - A7825
9	Rác sinh hoạt	30 kg	22/07/2025 BSX: 60c - A7825
10	Rác sinh hoạt	30 kg	26/07/2025 BSX: 60c - A7825
11	Rác sinh hoạt	40 kg	29/07/2025 BSX: 60c - A7825
12	Rác sinh hoạt	50 kg	31/07/2025 BSX: 60c - A7825
	Tổng khối lượng		

4. Bên giao, bên nhận xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1 - 3

Đã...Nêu..., ngày 31... tháng 07... năm 2025

Bên giao

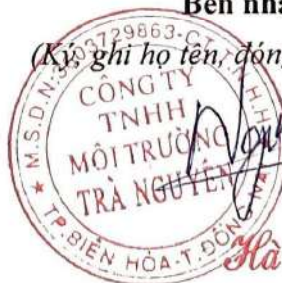
(Ký, ghi họ tên, đóng dấu nếu có)

Nguyễn Thị Phương Thảo

Đã...Nhận..., ngày 31... tháng 07... năm 2025

Bên nhận

(Ký, ghi họ tên, đóng dấu nếu có)



Hà Thị Nguyễn

BIÊN BẢN BÀN GIAO CTRSH, CTCRNTT

Tháng...08.../2025.....

1. Bên giao (chủ nguồn thải, chủ thu gom, vận chuyển): CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT – THƯƠNG MẠI PHÂN HỮU CƠ SINH HỌC THANH BÌNH

Địa chỉ văn phòng: Số 1A, Ấp vàm, Xã Thiện Tân, Huyện Vĩnh Cửu, Tỉnh Đồng Nai

Địa chỉ cơ sở thu gom : Số 1A, Ấp vàm, Xã Thiện Tân, Huyện Vĩnh Cửu, Tỉnh Đồng Nai

ĐT: 0936713670

2. Bên nhận (chủ thu gom, vận chuyển hoặc chủ xử lý): CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG TRÀ NGUYÊN

Địa chỉ văn phòng: 33/13, Tổ 1, Khu phố 5, Phường Trảng Dài, TP Biên Hoà, Tỉnh Đồng Nai

ĐT: 0703802532

3. Khối lượng: CTRSH, CTCRNTT chuyển giao

TT	Các loại chất thải	CTRSH, CTCRNTT chuyển giao (kg)	Ghi chú
1	Rác sinh hoạt	50kg	02/08/2025 BSX: 60C - A7825
2	Rác sinh hoạt	30kg	05/08/2025 BSX: 60C - A7825
3	Rác sinh hoạt	40kg	07/08/2025 BSX: 60C - A7825
4	Rác sinh hoạt	40kg	09/08/2025 BSX: 60C - A7825
5	Rác sinh hoạt	35kg	12/08/2025 BSX: 60C - A7825
6	Rác sinh hoạt	40kg	14/08/2025 BSX: 60C - A7825
7	Rác sinh hoạt	40kg	16/08/2025 BSX: 60C - A7825
8	Rác sinh hoạt	30kg	21/08/2025 BSX: 60C - A7825
9	Rác sinh hoạt	30kg	23/08/2025 BSX: 60C - A7825
10	Rác sinh hoạt	35kg	26/08/2025 BSX: 60C - A7825
11	Rác sinh hoạt	40kg	28/08/2025 BSX: 60C - A7825
12	Rác sinh hoạt	20kg	30/08/2025 BSX: 60C - A7825
	Tổng khối lượng		

4. Bên giao, bên nhận xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1 - 3

Đã...Nai, ngày 30... tháng 08... năm 2025

Đã...Nai, ngày 30... tháng 08... năm 2025

Bên giao

(Ký, ghi họ tên, đóng dấu nếu có)

Tôn Nữ Phương Thảo

Bên nhận

(Ký, ghi họ tên, đóng dấu nếu có)



Hà Thị Nguyễn

BIÊN BẢN GIAO CTRSH, CTCRNTT

Tháng 09.../2025.....

1. Bên giao (chủ nguồn thải, chủ thu gom, vận chuyển): CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT – THƯƠNG MẠI PHÂN HỮU CƠ SINH HỌC THANH BÌNH

Địa chỉ văn phòng: Số 1A, Ấp vàm, Xã Thiện Tân, Huyện Vĩnh Cửu, Tỉnh Đồng Nai

Địa chỉ cơ sở thu gom : Số 1A, Ấp vàm, Xã Thiện Tân, Huyện Vĩnh Cửu, Tỉnh Đồng Nai

ĐT: 0936713670

2. Bên nhận (chủ thu gom, vận chuyển hoặc chủ xử lý): CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG TRÀ NGUYỄN

Địa chỉ văn phòng: 33/13, Tổ 1, Khu phố 5, Phường Trảng Dài, TP Biên Hoà, Tỉnh Đồng Nai

ĐT: 0703802532

3. Khối lượng: CTRSH, CTCRNTT chuyển giao

TT	Các loại chất thải	CTRSH, CTCRNTT chuyển giao (kg)	Ghi chú
1	Rác sinh hoạt	30kg	07/09/2025 BSX: 60C - A#825
2	Rác sinh hoạt	20kg	08/09/2025 BSX: 60C - A#825
3	Rác sinh hoạt	30kg	09/09/2025 BSX: 60C - A#825
4	Rác sinh hoạt	30kg	11/09/2025 BSX: 60C - A#825
5	Rác sinh hoạt	25kg	13/09/2025 BSX: 60C - A#825
6	Rác sinh hoạt	40kg	16/09/2025 BSX: 60C - A#825
7	Rác sinh hoạt	40kg	18/09/2025 BSX: 60C - A#825
8	Rác sinh hoạt	35kg	20/09/2025 BSX: 60C - A#825
9	Rác sinh hoạt	30kg	23/09/2025 BSX: 60C - A#825
10	Rác sinh hoạt	30kg	25/09/2025 BSX: 60C - A#825
11	Rác sinh hoạt	35kg	22/09/2025 BSX: 60C - 42825
12	Rác sinh hoạt	50kg	30/09/2025 BSX: 60C - 42825
	Tổng khối lượng		

4. Bên giao, bên nhận xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1 - 3

Đồng Nai..., ngày 30... tháng 09... năm 2025

Đồng Nai, ngày 30... tháng 09... năm 2025

Bên giao

(Ký, ghi họ tên, đóng dấu nếu có)

Tôn Nữ Phương Thảo

Bên nhận

(Ký, ghi họ tên, đóng dấu nếu có)



Hà Thị Nguyễn

BIÊN BẢN BÀN GIAO CTRSH, CTCRNTT

Tháng 10.../2025...

1. Bên giao (chủ nguồn thải, chủ thu gom, vận chuyển): CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT – THƯƠNG MẠI PHÂN HỮU CƠ SINH HỌC THANH BÌNH

Địa chỉ văn phòng: Số 1A, Ấp vàm, Xã Thiện Tân, Huyện Vĩnh Cửu, Tỉnh Đồng Nai

Địa chỉ cơ sở thu gom : Số 1A, Ấp vàm, Xã Thiện Tân, Huyện Vĩnh Cửu, Tỉnh Đồng Nai

ĐT: 0936713670

2. Bên nhận (chủ thu gom, vận chuyển hoặc chủ xử lý): CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG TRÀ NGUYÊN

Địa chỉ văn phòng: 33/13, Tổ 1, Khu phố 5, Phường Trảng Dài, TP Biên Hoà, Tỉnh Đồng Nai

ĐT: 0703802532

3. Khối lượng: CTRSH, CTCRNTT chuyển giao

TT	Các loại chất thải	CTRSH, CTCRNTT chuyển giao (kg)	Ghi chú
1	Rác sinh hoạt	40 Kg	02/10/2025 BSX. 60C-42825
2	Rác sinh hoạt	20 Kg	04/10/2025 BSX. 60C-42825
3	Rác sinh hoạt	20 Kg	07/10/2025 BSX. 60C-42825
4	Rác sinh hoạt	30 Kg	11/10/2025 BSX. 60C-42825
5	Rác sinh hoạt	30 Kg	14/10/2025 BSX. 60C-42825
6	Rác sinh hoạt	40 Kg	16/10/2025 BSX. 60C-42825
7	Rác sinh hoạt	30 Kg	18/10/2025 BSX. 60C-42825
8	Rác sinh hoạt	25 Kg	21/10/2025 BSX. 60C-42825
9	Rác sinh hoạt	35 Kg	23/10/2025 BSX. 60C-42825
10	Rác sinh hoạt	30 Kg	25/10/2025 BSX. 60C-42825
11	Rác sinh hoạt	40 Kg	28/10/2025 BSX. 60C-42825
12	Rác sinh hoạt	30 Kg	30/10/2025 BSX. 60C-42825
	Tổng khối lượng		

4. Bên giao, bên nhận xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1 - 3

Đồng Nai, ngày 30 tháng 10 năm 2025

Đồng Nai, ngày 30 tháng 10 năm 2025

Bên giao

(Ký, ghi họ tên, đóng dấu nếu có)



Tôn Nữ Phương Thảo

Bên nhận

(Ký, ghi họ tên, đóng dấu nếu có)



Trà Thị Nguyên

BIÊN BẢN GIAO CTRSH, CTCNTT

Tháng..11..../20..25....

1. Bên giao (chủ nguồn thải, chủ thu gom, vận chuyển): CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT – THƯƠNG MẠI PHÂN HỮU CƠ SINH HỌC THANH BÌNH

Địa chỉ văn phòng: Số 1A, Ấp vàm, Xã Thiện Tân, Huyện Vĩnh Cửu, Tỉnh Đồng Nai

Địa chỉ cơ sở thu gom : Số 1A, Ấp vàm, Xã Thiện Tân, Huyện Vĩnh Cửu, Tỉnh Đồng Nai

ĐT: 0936713670

2. Bên nhận (chủ thu gom, vận chuyển hoặc chủ xử lý): CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG TRÀ NGUYÊN

Địa chỉ văn phòng: 33/13, Tổ 1, Khu phố 5, Phường Trảng Dài, TP Biên Hoà, Tỉnh Đồng Nai

ĐT: 0703802532

3. Khối lượng: CTRSH, CTCNTT chuyển giao

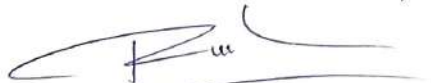
TT	Các loại chất thải	CTRSH, CTCNTT chuyển giao (kg)	Ghi chú
1	Rác sinh hoạt	30 kg	01/11/2025
2	Rác sinh hoạt	40 kg	04/11/2025
3	Rác sinh hoạt	40 kg	07/11/2025
4	Rác sinh hoạt	30 kg	11/11/2025
5	Rác sinh hoạt	30 kg	15/11/2025
6	Rác sinh hoạt	30 kg	18/11/2025
7	Rác sinh hoạt	25 kg	20/11/2025
8	Rác sinh hoạt	30 kg	22/11/2025
9	Rác sinh hoạt	50 kg	25/11/2025
10	Rác sinh hoạt	40 kg	27/11/2025
11	Rác sinh hoạt	30 kg	29/11/2025
12			
	Tổng khối lượng		

4. Bên giao, bên nhận xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1 - 3

Đồng Nai....., ngày 29. tháng 11. năm 2025

Bên giao

(Ký, ghi họ tên, đóng dấu nếu có)



Tên Nữ Nguyễn Tháo

Đồng Nai., ngày 30. tháng 11. năm 2025

Bên nhận

(Ký, ghi họ tên, đóng dấu nếu có)




Trà Thị Nguyên

**CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT –THƯƠNG MẠI PHÂN
HỮU CƠ SINH HỌC THANH BÌNH**

Số 1A, Ấp Vàm, Xã Thiện Tân, Huyện Vĩnh Cửu, Tỉnh Đồng Nai

MST: 0304323098



SỔ THEO DÕI LƯU LƯỢNG NƯỚC

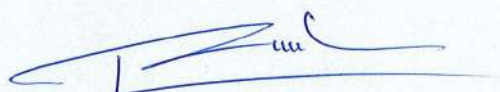
NĂM 2023

SỔ THEO DÕI LƯU LƯỢNG NƯỚC SỬ DỤNG HÀNG NGÀY THÁNG 1/2023

Vị trí : Số 1A, Ấp Vàm, Xã Thiện Tân, Huyện Vĩnh Cửu, Tỉnh Đồng Nai

	GIẾNG KHOAN SỐ 1			GIẾNG KHOAN SỐ 2		
NGÀY THÁNG	CHỈ SỐ ĐỒNG HỒ		LƯU LƯỢNG KHAI THÁC NƯỚC (M ³)	CHỈ SỐ ĐỒNG HỒ		LƯU LƯỢNG KHAI THÁC NƯỚC (M ³)
	SỐ ĐẦU (M ³)	SỐ CUỐI (M ³)		SỐ ĐẦU (M ³)	SỐ CUỐI (M ³)	
01/01/2023	2293	2293	-	1424	1425	1
02/01/2023	2293	2293	-	1425	1426	1
03/01/2023	2293	2297	4	1426	1429	3
04/01/2023	2297	2300	3	1429	1432	3
05/01/2023	2300	2304	4	1432	1434	2
06/01/2023	2304	2308	4	1434	1436	2
07/01/2023	2308	2311	3	1436	1438	2
08/01/2023	2311	2311	-	1438	1439	1
09/01/2023	2311	2315	4	1439	1442	3
10/01/2023	2315	2320	5	1442	1445	3
11/01/2023	2320	2324	4	1445	1447	2
12/01/2023	2324	2328	4	1447	1449	2
13/01/2023	2328	2331	3	1449	1451	2
14/01/2023	2331	2335	4	1451	1453	2
15/01/2023	2335	2335	-	1453	1454	1
16/01/2023	2335	2339	4	1454	1457	3
17/01/2023	2339	2343	4	1457	1459	2
18/01/2023	2343	2343	-	1459	1460	1
19/01/2023	2343	2343	-	1460	1461	1
20/01/2023	2343	2343	-	1461	1462	1
21/01/2023	2343	2343	-	1462	1463	1
22/01/2023	2343	2343	-	1463	1464	1
23/01/2023	2343	2343	-	1464	1465	1
24/01/2023	2343	2343	-	1465	1466	1
25/01/2023	2343	2343	-	1466	1467	1
26/01/2023	2343	2343	-	1467	1468	1
27/01/2023	2343	2343	-	1468	1469	1
28/01/2023	2343	2343	-	1469	1471	2
29/01/2023	2343	2343	-	1471	1472	1
30/01/2023	2343	2343	-	1472	1473	1
31/01/2023	2343	2343	-	1473	1474	1
	TỔNG CỘNG GIẾNG 1		50	TỔNG CỘNG GIẾNG 2		50

Người lập


Nguyễn Nữ Phương Thảo



Đồng Nai, ngày 31 tháng 01 năm 2023

Giám đốc


Nguyễn Đức Hiền

SỔ THEO DÕI LƯU LƯỢNG NƯỚC SỬ DỤNG HÀNG NGÀY THÁNG 2/2023

Vị trí : Số 1A, Ấp Vàm, Xã Thiện Tân, Huyện Vĩnh Cửu, Tỉnh Đồng Nai

NGÀY THÁNG	GIẾNG KHOAN SỐ 1			GIẾNG KHOAN SỐ 2		
	CHỈ SỐ ĐỒNG HỒ		LƯU LƯỢNG KHAİ THÁC NƯỚC (M ³)	CHỈ SỐ ĐỒNG HỒ		LƯU LƯỢNG KHAİ THÁC NƯỚC (M ³)
	SỐ ĐẦU (M ³)	SỐ CUỐI (M ³)		SỐ ĐẦU (M ³)	SỐ CUỐI (M ³)	
01/02/2023	2343	2347	4	1474	1476	2
02/02/2023	2347	2350	3	1476	1479	3
03/02/2023	2350	2354	4	1479	1482	3
04/02/2023	2354	2357	3	1482	1485	3
05/02/2023	2357	2357	-	1485	1486	1
06/02/2023	2357	2360	3	1486	1489	3
07/02/2023	2360	2364	4	1489	1492	3
08/02/2023	2364	2368	4	1492	1495	3
09/02/2023	2368	2371	3	1495	1497	2
10/02/2023	2371	2375	4	1497	1500	3
11/02/2023	2375	2378	3	1500	1502	2
12/02/2023	2378	2378	-	1502	1503	1
13/02/2023	2378	2382	4	1503	1506	3
14/02/2023	2382	2385	3	1506	1508	2
15/02/2023	2385	2388	3	1508	1511	3
16/02/2023	2388	2392	4	1511	1513	2
17/02/2023	2392	2395	3	1513	1516	3
18/02/2023	2395	2399	4	1516	1518	2
19/02/2023	2399	2399	-	1518	1519	1
20/02/2023	2399	2403	4	1519	1522	3
21/02/2023	2403	2406	3	1522	1525	3
22/02/2023	2406	2409	3	1525	1527	2
23/02/2023	2409	2413	4	1527	1529	2
24/02/2023	2413	2416	3	1529	1531	2
25/02/2023	2416	2419	3	1531	1534	3
26/02/2023	2419	2419	-	1534	1535	1
27/02/2023	2419	2422	3	1535	1537	2
28/02/2023	2422	2426	4	1537	1539	2
	TỔNG CỘNG GIẾNG 1		83	TỔNG CỘNG GIẾNG 2		65

Người lập


Tôn Nữ Phương Thảo

Đồng Nai, ngày 28 tháng 02 năm 2023



Giám đốc


Nguyễn Đức Hiệu

SỐ THEO DÕI LƯU LƯỢNG NƯỚC SỬ DỤNG HÀNG NGÀY THÁNG 5/2023

Vị trí : Số 1A, Ấp Vàm, Xã Thiện Tân, Huyện Vĩnh Cửu, Tỉnh Đồng Nai

NGÀY THÁNG	GIẾNG KHOAN SỐ 1			GIẾNG KHOAN SỐ 2		
	CHỈ SỐ ĐỒNG HỒ		LƯU LƯỢNG KHAI THÁC NƯỚC (M3)	CHỈ SỐ ĐỒNG HỒ		LƯU LƯỢNG KHAI THÁC NƯỚC (M3)
	SỐ ĐẦU (M ³)	SỐ CUỐI (M ³)		SỐ ĐẦU (M ³)	SỐ CUỐI (M ³)	
01/05/2023	2615	2615	-	1669	1670	1
02/05/2023	2615	2615	-	1670	1671	1
03/05/2023	2615	2615	-	1671	1673	2
04/05/2023	2615	2619	4	1673	1676	3
05/05/2023	2619	2623	4	1676	1678	2
06/05/2023	2623	2627	4	1678	1680	2
07/05/2023	2627	2627	-	1680	1681	1
08/05/2023	2627	2631	4	1681	1683	2
09/05/2023	2631	2635	4	1683	1686	3
10/05/2023	2635	2639	4	1686	1688	2
11/05/2023	2639	2643	4	1688	1690	2
12/05/2023	2643	2647	4	1690	1693	3
13/05/2023	2647	2651	4	1693	1695	2
14/05/2023	2651	2651	-	1695	1695	-
15/05/2023	2651	2655	4	1695	1697	2
16/05/2023	2655	2659	4	1697	1700	3
17/05/2023	2659	2663	4	1700	1702	2
18/05/2023	2663	2667	4	1702	1705	3
19/05/2023	2667	2670	3	1705	1707	2
20/05/2023	2670	2674	4	1707	1709	2
21/05/2023	2674	2674	-	1709	1710	1
22/05/2023	2674	2678	4	1710	1712	2
23/05/2023	2678	2682	4	1712	1714	2
24/05/2023	2682	2686	4	1714	1717	3
25/05/2023	2686	2690	4	1717	1719	2
26/05/2023	2690	2694	4	1719	1721	2
27/05/2023	2694	2698	4	1721	1724	3
28/05/2023	2698	2698	-	1724	1724	-
29/05/2023	2698	2702	4	1724	1727	3
30/05/2023	2702	2706	4	1727	1729	2
31/05/2023	2706	2710	4	1729	1732	3
	TỔNG CỘNG GIẾNG 1		95	TỔNG CỘNG GIẾNG 2		63

Người lập

Trần Nữ Phương Thảo



Đồng Nai, ngày 31 tháng 05 năm 2023

Giám đốc

Nguyễn Đức Hiệu

SỔ THEO DÕI LƯU LƯỢNG NƯỚC SỬ DỤNG HÀNG NGÀY THÁNG 6/2023

Vị trí : Số 1A, Ấp Vàm, Xã Thiện Tân, Huyện Vĩnh Cửu, Tỉnh Đồng Nai

	GIẾNG KHOAN SỐ 1			GIẾNG KHOAN SỐ 2		
NGÀY THÁNG	CHỈ SỐ ĐỒNG HỒ		LƯU LƯỢNG KHAI THÁC NƯỚC (M3)	CHỈ SỐ ĐỒNG HỒ		LƯU LƯỢNG KHAI THÁC NƯỚC (M3)
	SỐ ĐẦU (M³)	SỐ CUỐI (M³)		SỐ ĐẦU (M³)	SỐ CUỐI (M³)	
01/06/2023	2710	2714	4	1732	1735	3
02/06/2023	2714	2718	4	1735	1737	2
03/06/2023	2718	2721	3	1737	1739	2
04/06/2023	2721	2721	-	1739	1740	1
05/06/2023	2721	2725	4	1740	1743	3
06/06/2023	2725	2728	3	1743	1745	2
07/06/2023	2728	2732	4	1745	1747	2
08/06/2023	2732	2735	3	1747	1749	2
09/06/2023	2735	2739	4	1749	1751	2
10/06/2023	2739	2742	3	1751	1754	3
11/06/2023	2742	2742	-	1754	1754	-
12/06/2023	2742	2746	4	1754	1757	3
13/06/2023	2746	2750	4	1757	1760	3
14/06/2023	2750	2754	4	1760	1762	2
15/06/2023	2754	2758	4	1762	1764	2
16/06/2023	2758	2761	3	1764	1767	3
17/06/2023	2761	2765	4	1767	1769	2
18/06/2023	2765	2765	-	1769	1770	1
19/06/2023	2765	2769	4	1770	1772	2
20/06/2023	2769	2772	3	1772	1774	2
21/06/2023	2772	2776	4	1774	1777	3
22/06/2023	2776	2780	4	1777	1779	2
23/06/2023	2780	2784	4	1779	1781	2
24/06/2023	2784	2787	3	1781	1784	3
25/06/2023	2787	2787	-	1784	1784	-
26/06/2023	2787	2790	3	1784	1787	3
27/06/2023	2790	2794	4	1787	1790	3
28/06/2023	2794	2798	4	1790	1792	2
29/06/2023	2798	2801	3	1792	1794	2
30/06/2023	2801	2804	3	1794	1797	3
	TỔNG CỘNG GIẾNG 1		94	TỔNG CỘNG GIẾNG 2		65

Người lập

Tôn Nữ Phương Thảo

Đồng Nai, ngày 30 tháng 06 năm 2023



Giám đốc

Nguyễn Đức Hiệu

SƠ THEO DÕI LƯU LƯỢNG NƯỚC SỬ DỤNG HÀNG NGÀY THÁNG 7/2023

Vị trí : Số 1A, Ấp Vàm, Xã Thiện Tân, Huyện Vĩnh Cửu, Tỉnh Đồng Nai

NGÀY THÁNG	GIẾNG KHOAN SỐ 1			GIẾNG KHOAN SỐ 2		
	CHỈ SỐ ĐỒNG HỒ		LƯU LƯỢNG KHAI THÁC NƯỚC (M ³)	CHỈ SỐ ĐỒNG HỒ		LƯU LƯỢNG KHAI THÁC NƯỚC (M ³)
	SỐ ĐẦU (M ³)	SỐ CUỐI (M ³)		SỐ ĐẦU (M ³)	SỐ CUỐI (M ³)	
01/07/2023	2804	2808	4	1797	1799	2
02/07/2023	2808	2808	-	1799	1800	1
03/07/2023	2808	2812	4	1800	1802	2
04/07/2023	2812	2815	3	1802	1804	2
05/07/2023	2815	2819	4	1804	1806	2
06/07/2023	2819	2822	3	1806	1808	2
07/07/2023	2822	2826	4	1808	1810	2
08/07/2023	2826	2829	3	1810	1811	1
09/07/2023	2829	2829	-	1811	1812	1
10/07/2023	2829	2833	4	1812	1815	3
11/07/2023	2833	2837	4	1815	1817	2
12/07/2023	2837	2841	4	1817	1819	2
13/07/2023	2841	2845	4	1819	1822	3
14/07/2023	2845	2849	4	1822	1824	2
15/07/2023	2849	2853	4	1824	1825	1
16/07/2023	2853	2853	-	1825	1826	1
17/07/2023	2853	2857	4	1826	1828	2
18/07/2023	2857	2861	4	1828	1831	3
19/07/2023	2861	2865	4	1831	1834	3
20/07/2023	2865	2868	3	1834	1836	2
21/07/2023	2868	2872	4	1836	1838	2
22/07/2023	2872	2876	4	1838	1839	1
23/07/2023	2876	2876	-	1839	1839	-
24/07/2023	2876	2880	4	1839	1841	2
25/07/2023	2880	2883	3	1841	1843	2
26/07/2023	2883	2887	4	1843	1845	2
27/07/2023	2887	2890	3	1845	1848	3
28/07/2023	2890	2893	3	1848	1851	3
29/07/2023	2893	2897	4	1851	1852	1
30/07/2023	2897	2897	-	1852	1852	-
31/07/2023	2897	2900	3	1852	1854	2
	TỔNG CỘNG GIẾNG 1		96	TỔNG CỘNG GIẾNG 2		57

Người lập

Nguyễn Đức Hiền

Đồng Nai, ngày 31 tháng 07 năm 2023



Nguyễn Đức Hiền

SỔ THEO DÕI LƯU LƯỢNG NƯỚC SỬ DỤNG HÀNG NGÀY THÁNG 8/2023

Vị trí : Số 1A, Ấp Vàm, Xã Thiện Tân, Huyện Vĩnh Cửu, Tỉnh Đồng Nai

NGÀY THÁNG	GIẾNG KHOAN SỐ 1			GIẾNG KHOAN SỐ 2		
	CHỈ SỐ ĐỒNG HỒ		LƯU LƯỢNG KHAI THÁC NƯỚC (M ³)	CHỈ SỐ ĐỒNG HỒ		LƯU LƯỢNG KHAI THÁC NƯỚC (M ³)
	SỐ ĐẦU (M ³)	SỐ CUỐI (M ³)		SỐ ĐẦU (M ³)	SỐ CUỐI (M ³)	
01/08/2023	2900	2904	4	1854	1856	2
02/08/2023	2904	2908	4	1856	1859	3
03/08/2023	2908	2912	4	1859	1861	2
04/08/2023	2912	2916	4	1861	1863	2
05/08/2023	2916	2919	3	1863	1866	3
06/08/2023	2919	2919	-	1866	1866	-
07/08/2023	2919	2922	3	1866	1868	2
08/08/2023	2922	2926	4	1868	1871	3
09/08/2023	2926	2929	3	1871	1874	3
10/08/2023	2929	2933	4	1874	1876	2
11/08/2023	2933	2936	3	1876	1878	2
12/08/2023	2936	2940	4	1878	1881	3
13/08/2023	2940	2940	-	1881	1881	-
14/08/2023	2940	2944	4	1881	1884	3
15/08/2023	2944	2947	3	1884	1886	2
16/08/2023	2947	2950	3	1886	1888	2
17/08/2023	2950	2953	3	1888	1891	3
18/08/2023	2953	2958	5	1891	1894	3
19/08/2023	2958	2961	3	1894	1896	2
20/08/2023	2961	2961	-	1896	1896	-
21/08/2023	2961	2965	4	1896	1898	2
22/08/2023	2965	2968	3	1898	1901	3
23/08/2023	2968	2971	3	1901	1904	3
24/08/2023	2971	2975	4	1904	1907	3
25/08/2023	2975	2979	4	1907	1909	2
26/08/2023	2979	2982	3	1909	1911	2
27/08/2023	2982	2982	-	1911	1911	-
28/08/2023	2982	2985	3	1911	1913	2
29/08/2023	2985	2988	3	1913	1915	2
30/08/2023	2988	2991	3	1915	1917	2
31/08/2023	2991	2994	3	1917	1919	2
TỔNG CỘNG GIẾNG 1			94	TỔNG CỘNG GIẾNG 2		65

Người lập

Cô Nguyễn Phương Thảo



Đồng Nai, ngày 31 tháng 08 năm 2023

Giám đốc

Nguyễn Đức Hiền

SƠ THEO DÕI LƯU LƯỢNG NƯỚC SỬ DỤNG HÀNG NGÀY THÁNG 9/2023

Vị trí : Số 1A, Ấp Vàm, Xã Thiện Tân, Huyện Vĩnh Cửu, Tỉnh Đồng Nai

NGÀY THÁNG	GIẾNG KHOAN SỐ 1			GIẾNG KHOAN SỐ 2		
	CHỈ SỐ ĐỒNG HỒ		LƯU LƯỢNG KHAI THÁC NƯỚC (M ³)	CHỈ SỐ ĐỒNG HỒ		LƯU LƯỢNG KHAI THÁC NƯỚC (M ³)
	SỐ ĐẦU (M ³)	SỐ CUỐI (M ³)		SỐ ĐẦU (M ³)	SỐ CUỐI (M ³)	
01/09/2023	2994	2994	-	1919	1920	1
02/09/2023	2994	2994	-	1920	1921	1
03/09/2023	2994	2994	-	1921	1921	-
04/09/2023	2994	2998	4	1921	1924	3
05/09/2023	2998	3002	4	1924	1927	3
06/09/2023	3002	3006	4	1927	1929	2
07/09/2023	3006	3010	4	1929	1931	2
08/09/2023	3010	3014	4	1931	1932	1
09/09/2023	3014	3018	4	1932	1934	2
10/09/2023	3018	3018	-	1934	1934	-
11/09/2023	3018	3022	4	1934	1936	2
12/09/2023	3022	3026	4	1936	1939	3
13/09/2023	3026	3030	4	1939	1942	3
14/09/2023	3030	3034	4	1942	1944	2
15/09/2023	3034	3038	4	1944	1946	2
16/09/2023	3038	3042	4	1946	1948	2
17/09/2023	3042	3042	-	1948	1949	1
18/09/2023	3042	3046	4	1949	1951	2
19/09/2023	3046	3049	3	1951	1952	1
20/09/2023	3049	3052	3	1952	1954	2
21/09/2023	3052	3056	4	1954	1957	3
22/09/2023	3056	3059	3	1957	1959	2
23/09/2023	3059	3063	4	1959	1961	2
24/09/2023	3063	3063	-	1961	1961	-
25/09/2023	3063	3067	4	1961	1963	2
26/09/2023	3067	3071	4	1963	1965	2
27/09/2023	3071	3074	3	1965	1967	2
28/09/2023	3074	3077	3	1967	1970	3
29/09/2023	3077	3080	3	1970	1972	2
30/09/2023	3080	3083	3	1972	1974	2
TỔNG CỘNG GIẾNG 1			89	TỔNG CỘNG GIẾNG 2		55

Người lập


Tôn Nữ Phương Thảo



Đồng Nai, ngày 30 tháng 09 năm 2023

Giám đốc

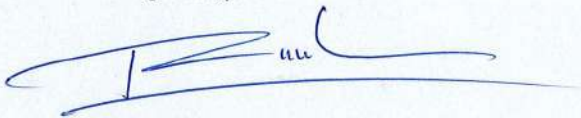
Nguyễn Đức Hiệu

SỔ THEO DÕI LƯU LƯỢNG NƯỚC SỬ DỤNG HÀNG NGÀY THÁNG 10/2023

Vị trí : Số 1A, Ấp Vàm, Xã Thiện Tân, Huyện Vĩnh Cửu, Tỉnh Đồng Nai

NGÀY THÁNG	GIẾNG KHOAN SỐ 1			GIẾNG KHOAN SỐ 2		
	CHỈ SỐ ĐỒNG HỒ		LƯU LƯỢNG KHAI THÁC NƯỚC (M3)	CHỈ SỐ ĐỒNG HỒ		LƯU LƯỢNG KHAI THÁC NƯỚC (M3)
	SỐ ĐẦU (M ³)	SỐ CUỐI (M ³)		SỐ ĐẦU (M ³)	SỐ CUỐI (M ³)	
01/10/2023	3083	3083	-	1974	1975	1
02/10/2023	3083	3087	4	1975	1977	2
03/10/2023	3087	3090	3	1977	1979	2
04/10/2023	3090	3094	4	1979	1981	2
05/10/2023	3094	3097	3	1981	1984	3
06/10/2023	3097	3100	3	1984	1987	3
07/10/2023	3100	3104	4	1987	1988	1
08/10/2023	3104	3104	-	1988	1988	-
09/10/2023	3104	3108	4	1988	1990	2
10/10/2023	3108	3112	4	1990	1993	3
11/10/2023	3112	3116	4	1993	1996	3
12/10/2023	3116	3119	3	1996	1998	2
13/10/2023	3119	3123	4	1998	2000	2
14/10/2023	3123	3127	4	2000	2003	3
15/10/2023	3127	3127	-	2003	2004	1
16/10/2023	3127	3130	3	2004	2006	2
17/10/2023	3130	3134	4	2006	2009	3
18/10/2023	3134	3137	3	2009	2011	2
19/10/2023	3137	3140	3	2011	2014	3
20/10/2023	3140	3144	4	2014	2016	2
21/10/2023	3144	3148	4	2016	2019	3
22/10/2023	3148	3148	-	2019	2020	1
23/10/2023	3148	3152	4	2020	2022	2
24/10/2023	3152	3156	4	2022	2022	-
25/10/2023	3156	3159	3	2022	2024	2
26/10/2023	3159	3163	4	2024	2027	3
27/10/2023	3163	3167	4	2027	2029	2
28/10/2023	3167	3170	3	2029	2032	3
29/10/2023	3170	3170	-	2032	2033	1
30/10/2023	3170	3174	4	2033	2035	2
31/10/2023	3174	3177	3	2035	2037	2
TỔNG CỘNG GIẾNG 1			91	TỔNG CỘNG GIẾNG 2		61

Người lập



Trần Nữ Phương Thảo



Đồng Nai, ngày 31 tháng 10 năm 2023

Giám đốc


Nguyễn Đức Hiệu

SỔ THEO DÕI LƯU LƯỢNG NƯỚC SỬ DỤNG HÀNG NGÀY THÁNG 11/2023

Vị trí : Số 1A, Ấp Vàm, Xã Thiện Tân, Huyện Vĩnh Cửu, Tỉnh Đồng Nai

NGÀY THÁNG	GIẾNG KHOAN SỐ 1			GIẾNG KHOAN SỐ 2		
	CHỈ SỐ ĐỒNG HỒ		LƯU LƯỢNG KHAI THÁC NƯỚC (M ³)	CHỈ SỐ ĐỒNG HỒ		LƯU LƯỢNG KHAI THÁC NƯỚC (M ³)
	SỐ ĐẦU (M ³)	SỐ CUỐI (M ³)		SỐ ĐẦU (M ³)	SỐ CUỐI (M ³)	
01/11/2023	3177	3180	3	2037	2039	2
02/11/2023	3180	3184	4	2039	2041	2
03/11/2023	3184	3187	3	2041	2043	2
04/11/2023	3187	3190	3	2043	2045	2
05/11/2023	3190	3190	-	2045	2045	-
06/11/2023	3190	3194	4	2045	2047	2
07/11/2023	3194	3197	3	2047	2049	2
08/11/2023	3197	3200	3	2049	2051	2
09/11/2023	3200	3204	4	2051	2053	2
10/11/2023	3204	3207	3	2053	2055	2
11/11/2023	3207	3210	3	2055	2056	1
12/11/2023	3210	3210	-	2056	2057	1
13/11/2023	3210	3214	4	2057	2059	2
14/11/2023	3214	3218	4	2059	2061	2
15/11/2023	3218	3222	4	2061	2063	2
16/11/2023	3222	3226	4	2063	2066	3
17/11/2023	3226	3230	4	2066	2068	2
18/11/2023	3230	3233	3	2068	2070	2
19/11/2023	3233	3233	-	2070	2070	-
20/11/2023	3233	3237	4	2070	2072	2
21/11/2023	3237	3240	3	2072	2074	2
22/11/2023	3240	3244	4	2074	2076	2
23/11/2023	3244	3247	3	2076	2078	2
24/11/2023	3247	3250	3	2078	2080	2
25/11/2023	3250	3254	4	2080	2081	1
26/11/2023	3254	3254	-	2081	2082	1
27/11/2023	3254	3257	3	2082	2084	2
28/11/2023	3257	3261	4	2084	2087	3
29/11/2023	3261	3265	4	2087	2089	2
30/11/2023	3265	3269	4	2089	2091	2
	TỔNG CỘNG GIẾNG 1		92	TỔNG CỘNG GIẾNG 2		54

Người lập

Trần Nữ Phương Thảo

Đồng Nai, ngày 30 tháng 11 năm 2023



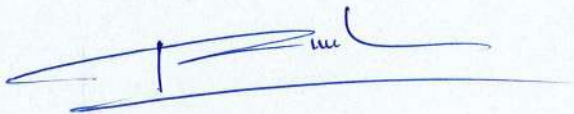
Nguyễn Đức Hiền

SỔ THEO DÕI LƯU LƯỢNG NƯỚC SỬ DỤNG HÀNG NGÀY THÁNG 12/2023

Vị trí : Số 1A, Ấp Vàm, Xã Thiện Tân, Huyện Vĩnh Cửu, Tỉnh Đồng Nai

NGÀY THÁNG	GIẾNG KHOAN SỐ 1			GIẾNG KHOAN SỐ 2		
	CHỈ SỐ ĐỒNG HỒ		LƯU LƯỢNG KHAI THÁC NƯỚC (M3)	CHỈ SỐ ĐỒNG HỒ		LƯU LƯỢNG KHAI THÁC NƯỚC (M3)
	SỐ ĐẦU (M ³)	SỐ CUỐI (M ³)		SỐ ĐẦU (M ³)	SỐ CUỐI (M ³)	
01/12/2023	3269	3272	3	2091	2092	1
02/12/2023	3272	3275	3	2092	2094	2
03/12/2023	3275	3275	-	2094	2095	1
04/12/2023	3275	3279	4	2095	2097	2
05/12/2023	3279	3282	3	2097	2099	2
06/12/2023	3282	3286	4	2099	2101	2
07/12/2023	3286	3289	3	2101	2103	2
08/12/2023	3289	3292	3	2103	2105	2
09/12/2023	3292	3295	3	2105	2107	2
10/12/2023	3295	3295	-	2107	2108	1
11/12/2023	3295	3299	4	2108	2110	2
12/12/2023	3299	3303	4	2110	2113	3
13/12/2023	3303	3306	3	2113	2115	2
14/12/2023	3306	3309	3	2115	2118	3
15/12/2023	3309	3313	4	2118	2120	2
16/12/2023	3313	3317	4	2120	2122	2
17/12/2023	3317	3317	-	2122	2123	1
18/12/2023	3317	3320	3	2123	2125	2
19/12/2023	3320	3324	4	2125	2127	2
20/12/2023	3324	3327	3	2127	2130	3
21/12/2023	3327	3330	3	2130	2132	2
22/12/2023	3330	3334	4	2132	2134	2
23/12/2023	3334	3338	4	2134	2137	3
24/12/2023	3338	3338	-	2137	2137	-
25/12/2023	3338	3342	4	2137	2139	2
26/12/2023	3342	3346	4	2139	2141	2
27/12/2023	3346	3350	4	2141	2143	2
28/12/2023	3350	3354	4	2143	2145	2
29/12/2023	3354	3358	4	2145	2147	2
30/12/2023	3358	3362	4	2147	2149	2
31/12/2023	3362	3362	-	2149	2149	-
TỔNG CỘNG GIẾNG 1			93	TỔNG CỘNG GIẾNG 2		58

Người lập


Trần Nữ Phương Châu

Đồng Nai, ngày 31 tháng 12 năm 2023



Giám đốc


Nguyễn Đức Hiện



**CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT –THƯƠNG MẠI PHÂN
HỮU CƠ SINH HỌC THANH BÌNH**

Số 1A, Ấp Vàm, Xã Thiện Tân, Huyện Vĩnh Cửu, Tỉnh Đồng Nai

MST: 0304323098



SỔ THEO DÕI LƯU LƯỢNG NƯỚC

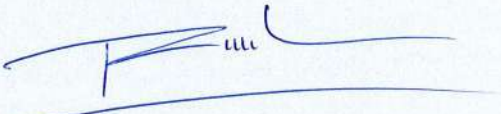
NĂM 2024

SỐ THEO DÕI LƯU LƯỢNG NƯỚC SỬ DỤNG HÀNG NGÀY THÁNG 9/2024

Vị trí : Số 1A, Ấp Vàm, Xã Thiện Tân, Huyện Vĩnh Cửu, Tỉnh Đồng Nai

NGÀY THÁNG	GIẾNG KHOAN SỐ 1			GIẾNG KHOAN SỐ 2		
	CHỈ SỐ ĐỒNG HỒ		LƯU LƯỢNG KHAI THÁC NƯỚC (M3)	CHỈ SỐ ĐỒNG HỒ		LƯU LƯỢNG KHAI THÁC NƯỚC (M3)
	SỐ ĐẦU (M ³)	SỐ CUỐI (M ³)		SỐ ĐẦU (M ³)	SỐ CUỐI (M ³)	
01/09/2024	4038	4038	-	2636	2636	-
02/09/2024	4038	4038	-	2636	2636	-
03/09/2024	4038	4038	-	2636	2637	1
04/09/2024	4038	4041	3	2637	2639	2
05/09/2024	4041	4043	2	2639	2642	3
06/09/2024	4043	4047	4	2642	2644	2
07/09/2024	4047	4050	3	2644	2647	3
08/09/2024	4050	4050	-	2647	2647	-
09/09/2024	4050	4052	2	2647	2649	2
10/09/2024	4052	4056	4	2649	2651	2
11/09/2024	4056	4058	2	2651	2653	2
12/09/2024	4058	4061	3	2653	2656	3
13/09/2024	4061	4062	1	2656	2658	2
14/09/2024	0	3	3	2658	2661	3
15/09/2024	3	3	-	2661	2661	-
16/09/2024	3	6	3	2661	2664	3
17/09/2024	6	9	3	2664	2667	3
18/09/2024	9	11	2	2667	2668	1
19/09/2024	11	15	4	2668	2671	3
20/09/2024	15	18	3	2671	2674	3
21/09/2024	18	22	4	2674	2676	2
22/09/2024	22	22	-	2676	2676	-
23/09/2024	22	25	3	2676	2679	3
24/09/2024	25	28	3	2679	2681	2
25/09/2024	28	32	4	2681	2683	2
26/09/2024	32	35	3	2683	2685	2
27/09/2024	35	37	2	2685	2686	1
28/09/2024	37	41	4	3	3	-
29/09/2024	41	41	-	3	3	-
30/09/2024	41	44	3	1	4	3
	TỔNG CỘNG GIẾNG 1		68	TỔNG CỘNG GIẾNG 2		53

Người lập


Tôn Nữ Phương Thảo

Đồng Nai, ngày 30 tháng 09 năm 2024

 Giám đốc

Nguyễn Đức Hiên

SỐ THEO DÕI LƯU LƯỢNG NƯỚC SỬ DỤNG HÀNG NGÀY THÁNG 8/2024

Vị trí : Số 1A, Ấp Vàm, Xã Thiện Tân, Huyện Vĩnh Cửu, Tỉnh Đồng Nai

NGÀY THÁNG	GIẾNG KHOAN SỐ 1			GIẾNG KHOAN SỐ 2		
	CHỈ SỐ ĐỒNG HỒ		LƯU LƯỢNG KHAI THÁC NƯỚC (M3)	CHỈ SỐ ĐỒNG HỒ		LƯU LƯỢNG KHAI THÁC NƯỚC (M3)
	SỐ ĐẦU (M ³)	SỐ CUỐI (M ³)		SỐ ĐẦU (M ³)	SỐ CUỐI (M ³)	
01/08/2024	3952	3956	4	2573	2576	3
02/08/2024	3956	3959	3	2576	2578	2
03/08/2024	3959	3963	4	2578	2580	2
04/08/2024	3963	3963	-	2580	2581	1
05/08/2024	3963	3967	4	2581	2583	2
06/08/2024	3967	3970	3	2583	2585	2
07/08/2024	3970	3974	4	2585	2588	3
08/08/2024	3974	3978	4	2588	2590	2
09/08/2024	3978	3981	3	2590	2593	3
10/08/2024	3981	3984	3	2593	2596	3
11/08/2024	3984	3984	-	2596	2596	-
12/08/2024	3984	3987	3	2596	2598	2
13/08/2024	3987	3991	4	2598	2600	2
14/08/2024	3991	3994	3	2600	2603	3
15/08/2024	3994	3997	3	2603	2605	2
16/08/2024	3997	3999	2	2605	2608	3
17/08/2024	3999	4002	3	2608	2610	2
18/08/2024	4002	4002	-	2610	2611	1
19/08/2024	4002	4005	3	2611	2613	2
20/08/2024	4005	4008	3	2613	2615	2
21/08/2024	4008	4011	3	2615	2617	2
22/08/2024	4011	4014	3	2617	2619	2
23/08/2024	4014	4017	3	2619	2622	3
24/08/2024	4017	4020	3	2622	2624	2
25/08/2024	4020	4020	-	2624	2624	-
26/08/2024	4020	4023	3	2624	2626	2
27/08/2024	4023	4026	3	2626	2628	2
28/08/2024	4026	4030	4	2628	2630	2
29/08/2024	4030	4033	3	2630	2633	3
30/08/2024	4033	4035	2	2633	2634	1
31/08/2024	4035	4038	3	2634	2636	2
	TỔNG CỘNG GIẾNG 1		86	TỔNG CỘNG GIẾNG 2		63

Người lập



Tôn Nữ Phương Thảo



Đồng Nai, ngày 31 tháng 08 năm 2024

Giám đốc


Nguyễn Đức Hiện

SỐ THEO DÕI LƯU LƯỢNG NƯỚC SỬ DỤNG HÀNG NGÀY THÁNG 7/2024

Vị trí : Số 1A, Ấp Vàm, Xã Thiện Tân, Huyện Vĩnh Cửu, Tỉnh Đồng Nai

NGÀY THÁNG	GIẾNG KHOAN SỐ 1			GIẾNG KHOAN SỐ 2		
	CHỈ SỐ ĐỒNG HỒ		LƯU LƯỢNG KHAI THÁC NƯỚC (M3)	CHỈ SỐ ĐỒNG HỒ		LƯU LƯỢNG KHAI THÁC NƯỚC (M3)
	SỐ ĐẦU (M ³)	SỐ CUỐI (M ³)		SỐ ĐẦU (M ³)	SỐ CUỐI (M ³)	
01/07/2024	3858	3861	3	2517	2519	2
02/07/2024	3861	3865	4	2519	2520	1
03/07/2024	3865	3868	3	2520	2522	2
04/07/2024	3868	3871	3	2522	2525	3
05/07/2024	3871	3875	4	2525	2527	2
06/07/2024	3875	3878	3	2527	2528	1
07/07/2024	3878	3878	-	2528	2529	1
08/07/2024	3878	3882	4	2529	2531	2
09/07/2024	3882	3885	3	2531	2534	3
10/07/2024	3885	3889	4	2534	2535	1
11/07/2024	3889	3892	3	2535	2537	2
12/07/2024	3892	3896	4	2537	2540	3
13/07/2024	3896	3899	3	2540	2542	2
14/07/2024	3899	3899	-	2542	2542	-
15/07/2024	3899	3903	4	2542	2544	2
16/07/2024	3903	3906	3	2544	2546	2
17/07/2024	3906	3910	4	2546	2549	3
18/07/2024	3910	3914	4	2549	2551	2
19/07/2024	3914	3917	3	2551	2553	2
20/07/2024	3917	3921	4	2553	2554	1
21/07/2024	3921	3921	-	2554	2554	-
22/07/2024	3921	3924	3	2554	2556	2
23/07/2024	3924	3928	4	2556	2558	2
24/07/2024	3928	3932	4	2558	2560	2
25/07/2024	3932	3935	3	2560	2563	3
26/07/2024	3935	3938	3	2563	2565	2
27/07/2024	3938	3942	4	2565	2566	1
28/07/2024	3942	3942	-	2566	2566	-
29/07/2024	3942	3945	3	2566	2568	2
30/07/2024	3945	3949	4	2568	2571	3
31/07/2024	3949	3952	3	2571	2573	2
	TỔNG CỘNG GIẾNG 1		94	TỔNG CỘNG GIẾNG 2		56

Người lập

Tôn Nữ Phương Thảo

Đồng Nai, ngày 31 tháng 07 năm 2024
Giám đốc

Nguyễn Đức Hiệu

SỔ THEO DÕI LƯU LƯỢNG NƯỚC SỬ DỤNG HÀNG NGÀY THÁNG 6/2024

Vị trí : Số 1A, Ấp Vàm, Xã Thiện Tân, Huyện Vĩnh Cửu, Tỉnh Đồng Nai

NGÀY THÁNG	GIẾNG KHOAN SỐ 1			GIẾNG KHOAN SỐ 2		
	CHỈ SỐ ĐỒNG HỒ		LƯU LƯỢNG KHAI THÁC NƯỚC (M3)	CHỈ SỐ ĐỒNG HỒ		LƯU LƯỢNG KHAI THÁC NƯỚC (M3)
	SỐ ĐẦU (M ³)	SỐ CUỐI (M ³)		SỐ ĐẦU (M ³)	SỐ CUỐI (M ³)	
01/06/2024	3771	3775	4	2456	2458	2
02/06/2024	3775	3775	-	2458	2458	-
03/06/2024	3775	3779	4	2458	2461	3
04/06/2024	3779	3782	3	2461	2463	2
05/06/2024	3782	3786	4	2463	2466	3
06/06/2024	3786	3789	3	2466	2468	2
07/06/2024	3789	3793	4	2468	2470	2
08/06/2024	3793	3796	3	2470	2471	1
09/06/2024	3796	3796	-	2471	2471	-
10/06/2024	3796	3800	4	2471	2474	3
11/06/2024	3800	3803	3	2474	2476	2
12/06/2024	3803	3807	4	2476	2479	3
13/06/2024	3807	3810	3	2479	2481	2
14/06/2024	3810	3814	4	2481	2483	2
15/06/2024	3814	3817	3	2483	2486	3
16/06/2024	3817	3817	-	2486	2487	1
17/06/2024	3817	3821	4	2487	2489	2
18/06/2024	3821	3825	4	2489	2492	3
19/06/2024	3825	3828	3	2492	2494	2
20/06/2024	3828	3832	4	2494	2496	2
21/06/2024	3832	3836	4	2496	2499	3
22/06/2024	3836	3839	3	2499	2501	2
23/06/2024	3839	3839	-	2501	2501	-
24/06/2024	3839	3842	3	2501	2504	3
25/06/2024	3842	3845	3	2504	2506	2
26/06/2024	3845	3848	3	2506	2509	3
27/06/2024	3848	3852	4	2509	2511	2
28/06/2024	3852	3855	3	2511	2514	3
29/06/2024	3855	3858	3	2514	2517	3
30/06/2024	3858	3858	-	2517	2517	-
TỔNG CỘNG GIẾNG 1			87	TỔNG CỘNG GIẾNG 2		61

Người lập



Trần Nữ Phương Châu

Đồng Nai, ngày 30 tháng 06 năm 2024



Nguyễn Đức Hiệp

SỔ THEO DÕI LƯU LƯỢNG NƯỚC SỬ DỤNG HÀNG NGÀY THÁNG 5/2024

Vị trí : Số 1A, Ấp Vàm, Xã Thiện Tân, Huyện Vĩnh Cửu, Tỉnh Đồng Nai

NGÀY THÁNG	GIẾNG KHOAN SỐ 1			GIẾNG KHOAN SỐ 2		
	CHỈ SỐ ĐỒNG HỒ		LƯU LƯỢNG KHAI THÁC NƯỚC (M3)	CHỈ SỐ ĐỒNG HỒ		LƯU LƯỢNG KHAI THÁC NƯỚC (M3)
	SỐ ĐẦU (M ³)	SỐ CUỐI (M ³)		SỐ ĐẦU (M ³)	SỐ CUỐI (M ³)	
01/05/2024	3682	3685	3	2389	2390	1
02/05/2024	3685	3688	3	2390	2393	3
03/05/2024	3688	3692	4	2393	2395	2
04/05/2024	3692	3695	3	2395	2397	2
05/05/2024	3695	3695	-	2397	2398	1
06/05/2024	3695	3698	3	2398	2400	2
07/05/2024	3698	3702	4	2400	2403	3
08/05/2024	3702	3706	4	2403	2405	2
09/05/2024	3706	3709	3	2405	2408	3
10/05/2024	3709	3713	4	2408	2410	2
11/05/2024	3713	3716	3	2410	2412	2
12/05/2024	3716	3716	-	2412	2413	1
13/05/2024	3716	3719	3	2413	2415	2
14/05/2024	3719	3722	3	2415	2417	2
15/05/2024	3722	3723	1	2417	2419	2
16/05/2024	3723	3727	4	2419	2422	3
17/05/2024	3727	3731	4	2422	2425	3
18/05/2024	3731	3734	3	2425	2427	2
19/05/2024	3734	3734	-	2427	2427	-
20/05/2024	3734	3738	4	2427	2430	3
21/05/2024	3738	3741	3	2430	2432	2
22/05/2024	3741	3744	3	2432	2434	2
23/05/2024	3744	3748	4	2434	2437	3
24/05/2024	3748	3751	3	2437	2439	2
25/05/2024	3751	3754	3	2439	2441	2
26/05/2024	3754	3754	-	2441	2442	1
27/05/2024	3754	3758	4	2442	2445	3
28/05/2024	3758	3762	4	2445	2448	3
29/05/2024	3762	3765	3	2448	2450	2
30/05/2024	3765	3768	3	2450	2453	3
31/05/2024	3768	3771	3	2453	2456	3
TỔNG CỘNG GIẾNG 1			89	TỔNG CỘNG GIẾNG 2		67

Người lập



Phan Thị Phương Loan



Đồng Nai, ngày 31 tháng 05 năm 2024

THƯƠNG MẠI PHÂN HỮU CƠ SINH HỌC THANH BÌNH Giám đốc


Nguyễn Đức Hi

SỔ THEO DÕI LƯU LƯỢNG NƯỚC SỬ DỤNG HÀNG NGÀY THÁNG 4/2024

Vị trí : Số 1A, Ấp Vàm, Xã Thiện Tân, Huyện Vĩnh Cửu, Tỉnh Đồng Nai

NGÀY THÁNG	GIẾNG KHOAN SỐ 1			GIẾNG KHOAN SỐ 2		
	CHỈ SỐ ĐỒNG HỒ		LƯU LƯỢNG KHAI THÁC NƯỚC (M3)	CHỈ SỐ ĐỒNG HỒ		LƯU LƯỢNG KHAI THÁC NƯỚC (M3)
	SỐ ĐẦU (M ³)	SỐ CUỐI (M ³)		SỐ ĐẦU (M ³)	SỐ CUỐI (M ³)	
01/04/2024	3599	3602	3	2329	2332	3
02/04/2024	3602	3606	4	2332	2335	3
03/04/2024	3606	3609	3	2335	2337	2
04/04/2024	3609	3612	3	2337	2339	2
05/04/2024	3612	3616	4	2339	2341	2
06/04/2024	3616	3619	3	2341	2343	2
07/04/2024	3619	3619	-	2343	2343	-
08/04/2024	3619	3622	3	2343	2346	3
09/04/2024	3622	3625	3	2346	2348	2
10/04/2024	3625	3628	3	2348	2350	2
11/04/2024	3628	3632	4	2350	2353	3
12/04/2024	3632	3635	3	2353	2355	2
13/04/2024	3635	3638	3	2355	2357	2
14/04/2024	3638	3638	-	2357	2358	1
15/04/2024	3638	3642	4	2358	2360	2
16/04/2024	3642	3645	3	2360	2363	3
17/04/2024	3645	3649	4	2363	2365	2
18/04/2024	3649	3649	-	2365	2365	-
19/04/2024	3649	3652	3	2365	2368	3
20/04/2024	3652	3656	4	2368	2370	2
21/04/2024	3656	3656	-	2370	2371	1
22/04/2024	3656	3659	3	2371	2373	2
23/04/2024	3659	3663	4	2373	2376	3
24/04/2024	3663	3667	4	2376	2378	2
25/04/2024	3667	3671	4	2378	2380	2
26/04/2024	3671	3675	4	2380	2383	3
27/04/2024	3675	3679	4	2383	2386	3
28/04/2024	3679	3679	-	2386	2386	-
29/04/2024	3679	3682	3	2386	2388	2
30/04/2024	3682	3682	-	2388	2389	1
TỔNG CỘNG GIẾNG 1			83	TỔNG CỘNG GIẾNG 2		60

Người lập

Trần Nữ Phương Thảo

Đồng Nai, ngày 30 tháng 04 năm 2024

Giám đốc

Nguyễn Đức Hiên

SỔ THEO DÕI LƯU LƯỢNG NƯỚC SỬ DỤNG HÀNG NGÀY THÁNG 3/2024

Vị trí : Số 1A, Ấp Vàm, Xã Thiện Tân, Huyện Vĩnh Cửu, Tỉnh Đồng Nai

NGÀY THÁNG	GIẾNG KHOAN SỐ 1			GIẾNG KHOAN SỐ 2		
	CHỈ SỐ ĐỒNG HỒ		LƯU LƯỢNG KHAI THÁC NƯỚC (M ³)	CHỈ SỐ ĐỒNG HỒ		LƯU LƯỢNG KHAI THÁC NƯỚC (M ³)
	SỐ ĐẦU (M ³)	SỐ CUỐI (M ³)		SỐ ĐẦU (M ³)	SỐ CUỐI (M ³)	
01/03/2024	3507	3510	3	2.264	2.267	3
02/03/2024	3510	3514	4	2.267	2.268	1
03/03/2024	3514	3514	-	2.268	2.271	3
04/03/2024	3514	3518	4	2.271	2.274	3
05/03/2024	3518	3521	3	2.274	2.276	2
06/03/2024	3521	3525	4	2.276	2.279	3
07/03/2024	3525	3528	3	2.279	2.282	3
08/03/2024	3528	3532	4	2.282	2.284	2
09/03/2024	3532	3535	3	2.284	2.286	2
10/03/2024	3535	3535	-	2.286	2.286	-
11/03/2024	3535	3539	4	2.286	2.288	2
12/03/2024	3539	3543	4	2.288	2.290	2
13/03/2024	3543	3547	4	2.290	2.293	3
14/03/2024	3547	3550	3	2.293	2.295	2
15/03/2024	3550	3554	4	2.295	2.297	2
16/03/2024	3554	3557	3	2.297	2.299	2
17/03/2024	3557	3557	-	2.299	2.299	-
18/03/2024	3557	3560	3	2.299	2.301	2
19/03/2024	3560	3564	4	2.301	2.304	3
20/03/2024	3564	3567	3	2.304	2.306	2
21/03/2024	3567	3570	3	2.306	2.309	3
22/03/2024	3570	3573	3	2.309	2.311	2
23/03/2024	3573	3576	3	2.311	2.314	3
24/03/2024	3576	3576	-	2.314	2.315	1
25/03/2024	3576	3580	4	2.315	2.317	2
26/03/2024	3580	3583	3	2.317	2.319	2
27/03/2024	3583	3587	4	2.319	2.322	3
28/03/2024	3587	3591	4	2.322	2.324	2
29/03/2024	3591	3595	4	2.324	2.326	2
30/03/2024	3595	3599	4	2.326	2.329	3
31/03/2024	3599	3599	-	2.329	2.329	-
	TỔNG CỘNG GIẾNG 1		92	TỔNG CỘNG GIẾNG 2		65

Người lập


Trần Nữ Phương Châu

Đồng Nai, ngày 31 tháng 03 năm 2024

 Giám đốc

Nguyễn Đức Thi

SỔ THEO DÕI LƯU LƯỢNG NƯỚC SỬ DỤNG HÀNG NGÀY THÁNG 2/2024

Vị trí : Số 1A, Ấp Vàm, Xã Thiện Tân, Huyện Vĩnh Cửu, Tỉnh Đồng Nai

NGÀY THÁNG	GIẾNG KHOAN SỐ 1			GIẾNG KHOAN SỐ 2		
	CHỈ SỐ ĐỒNG HỒ		LƯU LƯỢNG KHAI THÁC NƯỚC (M ³)	CHỈ SỐ ĐỒNG HỒ		LƯU LƯỢNG KHAI THÁC NƯỚC (M ³)
	SỐ ĐẦU (M ³)	SỐ CUỐI (M ³)		SỐ ĐẦU (M ³)	SỐ CUỐI (M ³)	
01/02/2024	3451	3454	3	2217	2219	2
02/02/2024	3454	3458	4	2219	2222	3
03/02/2024	3458	3462	4	2222	2225	3
04/02/2024	3462	3462	-	2225	2225	-
05/02/2024	3462	3462	-	2225	2226	1
06/02/2024	3462	3462	-	2226	2226	-
07/02/2024	3462	3462	-	2226	2227	1
08/02/2024	3462	3462	-	2227	2227	-
09/02/2024	3462	3462	-	2227	2228	1
10/02/2024	3462	3462	-	2228	2228	-
11/02/2024	3462	3462	-	2228	2229	1
12/02/2024	3462	3462	-	2229	2229	-
13/02/2024	3462	3462	-	2229	2230	1
14/02/2024	3462	3462	-	2230	2230	-
15/02/2024	3462	3466	4	2230	2233	3
16/02/2024	3466	3469	3	2233	2236	3
17/02/2024	3469	3472	3	2236	2238	2
18/02/2024	3472	3472	-	2238	2239	1
19/02/2024	3472	3476	4	2239	2242	3
20/02/2024	3476	3480	4	2242	2244	2
21/02/2024	3480	3483	3	2244	2247	3
22/02/2024	3483	3486	3	2247	2250	3
23/02/2024	3486	3489	3	2250	2253	3
24/02/2024	3489	3492	3	2253	2255	2
25/02/2024	3492	3492	-	2255	2255	-
26/02/2024	3492	3496	4	2255	2258	3
27/02/2024	3496	3500	4	2258	2260	2
28/02/2024	3500	3504	4	2260	2262	2
29/02/2024	3504	3507	3	2262	2264	2
	TỔNG CỘNG GIẾNG 1		56	TỔNG CỘNG GIẾNG 2		47

Người lập

Nguyễn Phương Thảo

Đồng Nai, ngày 29 tháng 02 năm 2024
Giám đốc
Nguyễn Đức Hải

SỔ THEO DÕI LƯU LƯỢNG NƯỚC SỬ DỤNG HÀNG NGÀY THÁNG 1/2024

Vị trí : Số 1A, Ấp Vàm, Xã Thiện Tân, Huyện Vĩnh Cửu, Tỉnh Đồng Nai

NGÀY THÁNG	GIẾNG KHOAN SỐ 1			GIẾNG KHOAN SỐ 2		
	CHỈ SỐ ĐỒNG HỒ		LƯU LƯỢNG KHAI THÁC NƯỚC (M ³)	CHỈ SỐ ĐỒNG HỒ		LƯU LƯỢNG KHAI THÁC NƯỚC (M ³)
	SỐ ĐẦU (M ³)	SỐ CUỐI (M ³)		SỐ ĐẦU (M ³)	SỐ CUỐI (M ³)	
01/01/2024	3362	3362	-	2149	2150	1
02/01/2024	3362	3365	3	2150	2153	3
03/01/2024	3365	3369	4	2153	2155	2
04/01/2024	3369	3372	3	2155	2158	3
05/01/2024	3372	3375	3	2158	2160	2
06/01/2024	3375	3379	4	2160	2163	3
07/01/2024	3379	3379	-	2163	2163	-
08/01/2024	3379	3383	4	2163	2165	2
09/01/2024	3383	3386	3	2165	2167	2
10/01/2024	3386	3389	3	2167	2170	3
11/01/2024	3389	3393	4	2170	2172	2
12/01/2024	3393	3396	3	2172	2175	3
13/01/2024	3396	3399	3	2175	2176	1
14/01/2024	3399	3399	-	2176	2176	-
15/01/2024	3399	3403	4	2176	2179	3
16/01/2024	3403	3406	3	2179	2181	2
17/01/2024	3406	3409	3	2181	2184	3
18/01/2024	3409	3412	3	2184	2187	3
19/01/2024	3412	3415	3	2187	2190	3
20/01/2024	3415	3419	4	2190	2193	3
21/01/2024	3419	3419	-	2193	2193	-
22/01/2024	3419	3422	3	2193	2196	3
23/01/2024	3422	3425	3	2196	2199	3
24/01/2024	3425	3429	4	2199	2202	3
25/01/2024	3429	3433	4	2202	2204	2
26/01/2024	3433	3436	3	2204	2206	2
27/01/2024	3436	3440	4	2206	2209	3
28/01/2024	3440	3440	-	2209	2209	-
29/01/2024	3440	3443	3	2209	2212	3
30/01/2024	3443	3447	4	2212	2215	3
31/01/2024	3447	3451	4	2215	2217	2
	TỔNG CỘNG GIẾNG 1		89	TỔNG CỘNG GIẾNG 2		68

Người lập


Trần Nữ Phương Thảo

Đồng Nai, ngày 31 tháng 01 năm 2024
Giám đốc

Nguyễn Đức Hiền

**CÔNG TY TNHH SX-TM PHÂN HỮU CƠ SINH HỌC
THANH BÌNH**

Số 1A, Ấp Vàm, Xã Thiện Tân, Huyện Vĩnh Cửu, Tỉnh Đồng Nai

MST: 0304323098



SỔ THEO DÕI LƯU LƯỢNG NƯỚC

NĂM 2025

Nơi nhận :

- Lưu tại Công ty

SỔ THEO DÕI LƯU LƯỢNG NƯỚC SỬ DỤNG HÀNG NGÀY THÁNG 11/2025

Vị trí : Số 1A, Ấp Vàm, Xã Thiện Tân, Huyện Vĩnh Cửu, Tỉnh Đồng Nai

NGÀY THÁNG	GIẾNG KHOAN SỐ 1			GIẾNG KHOAN SỐ 2		
	CHỈ SỐ ĐỒNG HỒ		LƯU LƯỢNG KHAI THÁC NƯỚC (M3)	CHỈ SỐ ĐỒNG HỒ		LƯU LƯỢNG KHAI THÁC NƯỚC (M3)
	SỐ ĐẦU (M ³)	SỐ CUỐI (M ³)		SỐ ĐẦU (M ³)	SỐ CUỐI (M ³)	
01/11/2025	164	168	4	771	772	1
02/11/2025	168	168	-	772	772	-
03/11/2025	168	172	4	772	774	2
04/11/2025	172	175	3	774	776	2
05/11/2025	175	178	3	776	778	2
06/11/2025	178	182	4	778	780	2
07/11/2025	182	185	3	780	781	1
08/11/2025	185	189	4	781	784	3
09/11/2025	189	189	-	784	784	-
10/11/2025	189	193	4	784	785	1
11/11/2025	193	197	4	785	787	2
12/11/2025	197	201	4	787	789	2
13/11/2025	201	204	3	789	792	3
14/11/2025	204	208	4	792	794	2
15/11/2025	208	212	4	794	797	3
16/11/2025	212	212	-	797	797	-
17/11/2025	212	215	3	797	800	3
18/11/2025	215	219	4	800	802	2
19/11/2025	219	223	4	802	804	2
20/11/2025	223	227	4	804	806	2
21/11/2025	227	231	4	806	809	3
22/11/2025	231	234	3	809	812	3
23/11/2025	234	234	-	812	812	-
24/11/2025	234	238	4	812	815	3
25/11/2025	238	242	4	815	817	2
26/11/2025	242	245	3	817	819	2
27/11/2025	245	248	3	819	821	2
28/11/2025	248	250	2	821	823	2
29/11/2025	250	253	3	823	826	3
30/11/2025	253	253	-	826	826	-
TỔNG CỘNG GIẾNG 1			89	TỔNG CỘNG GIẾNG 2		55

Người lập

Tôn Nữ Phương Thảo

Đồng Nai, ngày 30 tháng 11 năm 2025

Giám đốc



SỔ THEO DÕI LƯU LƯỢNG NƯỚC SỬ DỤNG HÀNG NGÀY THÁNG 10/2025

Vị trí : Số 1A, Ấp Vàm, Xã Thiện Tân, Huyện Vĩnh Cửu, Tỉnh Đồng Nai

	GIẾNG KHOAN SỐ 1			GIẾNG KHOAN SỐ 2		
Y THÁNG	CHỈ SỐ ĐỒNG HỒ		LƯU LƯỢNG KHAI THÁC NƯỚC (M3)	CHỈ SỐ ĐỒNG HỒ		LƯU LƯỢNG KHAI THÁC NƯỚC (M3)
	SỐ ĐẦU (M ³)	SỐ CUỐI (M ³)		SỐ ĐẦU (M ³)	SỐ CUỐI (M ³)	
1/10/2025	78	82	4	723	725	2
2/10/2025	82	85	3	725	727	2
3/10/2025	85	89	4	727	729	2
4/10/2025	89	91	2	729	732	3
5/10/2025	91	91	-	732	732	-
6/10/2025	91	94	3	732	734	2
7/10/2025	94	98	4	734	737	3
8/10/2025	98	101	3	737	739	2
9/10/2025	101	104	3	739	742	3
10/10/2025	104	107	3	742	744	2
11/10/2025	107	110	3	744	745	1
12/10/2025	110	110	-	745	745	-
13/10/2025	110	114	4	745	746	1
14/10/2025	114	116	2	746	748	2
15/10/2025	116	119	3	748	750	2
16/10/2025	119	122	3	750	753	3
17/10/2025	122	126	4	753	754	1
18/10/2025	126	130	4	754	757	3
19/10/2025	130	130	-	757	757	-
20/10/2025	130	133	3	757	759	2
21/10/2025	133	135	2	759	761	2
22/10/2025	135	138	3	761	763	2
23/10/2025	138	142	4	763	764	1
24/10/2025	142	145	3	764	764	-
25/10/2025	145	149	4	764	766	2
26/10/2025	149	149	-	766	766	-
27/10/2025	149	152	3	766	766	-
28/10/2025	152	155	3	766	767	1
29/10/2025	155	159	4	767	768	1
30/10/2025	159	162	3	768	770	2
31/10/2025	162	164	2	770	771	1
	TỔNG CỘNG GIẾNG 1		86	TỔNG CỘNG GIẾNG 2		48

Người lập

Trần Nữ Phương Thảo

Đồng Nai, ngày 31 tháng 10 năm 2025



Giám đốc

Nguyễn Cát Linh

SỔ THEO DÕI LƯU LƯỢNG NƯỚC SỬ DỤNG HÀNG NGÀY THÁNG 09/2025

Vị trí : Số 1A, Ấp Vàm, Xã Thiện Tân, Huyện Vĩnh Cửu, Tỉnh Đồng Nai

GÀY THÁNG	GIẾNG KHOAN SỐ 1			GIẾNG KHOAN SỐ 2		
	CHỈ SỐ ĐỒNG HỒ		LƯU LƯỢNG KHAI THÁC NƯỚC (M3)	CHỈ SỐ ĐỒNG HỒ		LƯU LƯỢNG KHAI THÁC NƯỚC (M3)
	SỐ ĐẦU (M ³)	SỐ CUỐI (M ³)		SỐ ĐẦU (M ³)	SỐ CUỐI (M ³)	
01/09/2025	2	2	-	676	676	-
02/09/2025	2	2	-	676	676	-
03/09/2025	2	5	3	676	679	3
04/09/2025	5	8	3	679	682	3
05/09/2025	8	12	4	682	683	1
06/09/2025	12	14	2	683	685	2
07/09/2025	14	14	-	685	685	-
08/09/2025	14	17	3	685	686	1
09/09/2025	17	21	4	686	688	2
10/09/2025	21	24	3	688	690	2
11/09/2025	24	26	2	690	693	3
12/09/2025	26	30	4	693	695	2
13/09/2025	30	33	3	695	696	1
14/09/2025	33	33	-	696	696	-
15/09/2025	33	37	4	696	699	3
16/09/2025	37	40	3	699	701	2
17/09/2025	40	42	2	701	702	1
18/09/2025	42	45	3	702	704	2
19/09/2025	45	49	4	704	707	3
20/09/2025	49	51	2	707	708	1
21/09/2025	51	51	-	708	708	-
22/09/2025	51	55	4	708	710	2
23/09/2025	55	57	2	710	712	2
24/09/2025	57	61	4	712	714	2
25/09/2025	61	64	3	714	715	1
26/09/2025	64	67	3	715	717	2
27/09/2025	67	71	4	717	719	2
28/09/2025	71	71	-	719	719	-
29/09/2025	71	75	4	719	721	2
30/09/2025	75	78	3	721	723	2
TỔNG CỘNG GIẾNG 1			76	TỔNG CỘNG GIẾNG 2		47

Người lập

Lên Nữ Phương Thảo



Nguyễn Tất Linh

SỔ THEO DÕI LƯU LƯỢNG NƯỚC SỬ DỤNG HÀNG NGÀY THÁNG 08/2025

Vị trí : Số 1A, Ấp Vàm, Xã Thiện Tân, Huyện Vĩnh Cửu, Tỉnh Đồng Nai

HÀNG NGÀY THÁNG	GIẾNG KHOAN SỐ 1			GIẾNG KHOAN SỐ 2		
	CHỈ SỐ ĐỒNG HỒ		LƯU LƯỢNG KHAİ THÁC NƯỚC (M3)	CHỈ SỐ ĐỒNG HỒ		LƯU LƯỢNG KHAİ THÁC NƯỚC (M3)
	SỐ ĐẦU (M ³)	SỐ CUỐI (M ³)		SỐ ĐẦU (M ³)	SỐ CUỐI (M ³)	
01/08/2025	728	730	2	626	628	2
02/08/2025	730	733	3	628	630	2
03/08/2025	733	733	-	630	630	-
04/08/2025	733	736	3	630	632	2
05/08/2025	736	740	4	632	635	3
06/08/2025	740	741	1	635	638	3
07/08/2025	741	744	3	638	640	2
08/08/2025	744	746	2	640	642	2
09/08/2025	746	749	3	642	645	3
10/08/2025	749	749	-	645	645	-
11/08/2025	749	751	2	645	647	2
12/08/2025	751	754	3	647	650	3
13/08/2025	754	757	3	650	652	2
14/08/2025	757	759	2	652	655	3
15/08/2025	759	762	3	655	657	2
16/08/2025	762	765	3	657	658	1
17/08/2025	765	765	-	658	658	-
18/08/2025	765	767	2	658	658	-
19/08/2025	767	770	3	658	660	2
20/08/2025	770	774	4	660	662	2
21/08/2025	774	776	2	662	663	1
22/08/2025	776	778	2	663	665	2
23/08/2025	778	781	3	665	666	1
24/08/2025	781	781	-	666	666	-
25/08/2025	781	783	2	666	668	2
26/08/2025	783	786	3	668	670	2
27/08/2025	786	788	2	670	671	1
28/08/2025	788	789	1	671	672	1
29/08/2025	789	789	-	672	674	2
30/08/2025	0	2	2	674	676	2
31/08/2025	2	2	-	676	676	-
	TỔNG CỘNG GIẾNG 1		63	TỔNG CỘNG GIẾNG 2		50

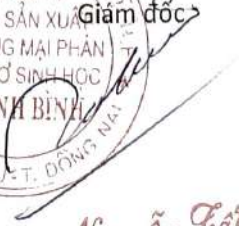
Người lập


Tôn Nữ Phương Thảo

Đồng Nai, ngày 31 tháng 08 năm 2025



Giám đốc

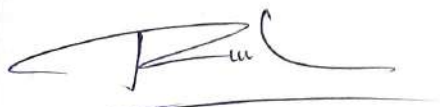

Nguyễn Lê Linh

SỔ THEO DÕI LƯU LƯỢNG NƯỚC SỬ DỤNG HÀNG NGÀY THÁNG 07/2025

Vị trí : Số 1A, Ấp Vàm, Xã Thiện Tân, Huyện Vĩnh Cửu, Tỉnh Đồng Nai

GÀY THÁNG	GIẾNG KHOAN SỐ 1			GIẾNG KHOAN SỐ 2		
	CHỈ SỐ ĐỒNG HỒ		LƯU LƯỢNG KHAI THÁC NƯỚC (M3)	CHỈ SỐ ĐỒNG HỒ		LƯU LƯỢNG KHAI THÁC NƯỚC (M3)
	SỐ ĐẦU (M ³)	SỐ CUỐI (M ³)		SỐ ĐẦU (M ³)	SỐ CUỐI (M ³)	
01/07/2025	658	660	2	560	562	2
02/07/2025	660	664	4	562	564	2
03/07/2025	664	667	3	564	568	4
04/07/2025	667	670	3	568	570	2
05/07/2025	670	674	4	570	572	2
06/07/2025	674	674	-	572	572	-
07/07/2025	674	677	3	572	573	1
08/07/2025	677	679	2	573	575	2
09/07/2025	679	682	3	575	577	2
10/07/2025	682	685	3	577	580	3
11/07/2025	685	687	2	580	582	2
12/07/2025	687	690	3	582	584	2
13/07/2025	690	690	-	584	584	-
14/07/2025	690	692	2	584	586	2
15/07/2025	692	695	3	586	589	3
16/07/2025	695	699	4	589	591	2
17/07/2025	699	701	2	591	595	4
18/07/2025	701	703	2	595	598	3
19/07/2025	703	706	3	598	600	2
20/07/2025	706	706	-	600	600	-
21/07/2025	706	708	2	600	602	2
22/07/2025	708	710	2	602	605	3
23/07/2025	710	713	3	605	607	2
24/07/2025	713	715	2	607	610	3
25/07/2025	715	717	2	610	612	2
26/07/2025	717	720	3	612	615	3
27/07/2025	720	720	-	615	615	-
28/07/2025	720	722	2	615	618	3
29/07/2025	722	724	2	618	620	2
30/07/2025	724	726	2	620	622	2
31/07/2025	726	728	2	622	626	4
TỔNG CỘNG GIẾNG 1			70	TỔNG CỘNG GIẾNG 2		66

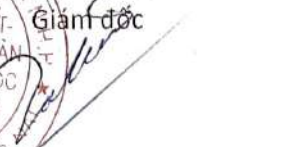
Người lập


Tôn Nữ Phương Thảo



Đồng Nai, ngày 31 tháng 07 năm 2025

Giám đốc


Nguyễn Cát Linh

SỔ THEO DÕI LƯU LƯỢNG NƯỚC SỬ DỤNG HÀNG NGÀY THÁNG 06/2025

Vị trí : Số 1A, Ấp Vàm, Xã Thiện Tân, Huyện Vĩnh Cửu, Tỉnh Đồng Nai

NGÀY THÁNG	GIẾNG KHOAN SỐ 1			GIẾNG KHOAN SỐ 2		
	CHỈ SỐ ĐỒNG HỒ		LƯU LƯỢNG KHAI THÁC NƯỚC (M ³)	CHỈ SỐ ĐỒNG HỒ		LƯU LƯỢNG KHAI THÁC NƯỚC (M ³)
	SỐ ĐẦU (M ³)	SỐ CUỐI (M ³)		SỐ ĐẦU (M ³)	SỐ CUỐI (M ³)	
01/06/2025	591	591	-	501	501	-
02/06/2025	591	594	3	501	503	2
03/06/2025	594	597	3	503	507	4
04/06/2025	597	600	3	507	509	2
05/06/2025	600	604	4	509	511	2
06/06/2025	604	606	2	511	513	2
07/06/2025	606	608	2	513	515	2
08/06/2025	608	608	-	515	515	-
09/06/2025	608	610	2	515	516	1
10/06/2025	610	613	3	516	518	2
11/06/2025	613	615	2	518	520	2
12/06/2025	615	618	3	520	523	3
13/06/2025	618	621	3	523	525	2
14/06/2025	621	623	2	525	527	2
15/06/2025	623	623	-	527	527	-
16/06/2025	623	625	2	527	530	3
17/06/2025	625	627	2	530	532	2
18/06/2025	627	630	3	532	535	3
19/06/2025	630	633	3	535	538	3
20/06/2025	633	635	2	538	540	2
21/06/2025	635	638	3	540	542	2
22/06/2025	638	638	-	542	542	-
23/06/2025	638	641	3	542	545	3
24/06/2025	641	643	2	545	548	3
25/06/2025	643	645	2	548	549	1
26/06/2025	645	648	3	549	553	4
27/06/2025	648	651	3	553	555	2
28/06/2025	651	653	2	555	558	3
29/06/2025	653	655	2	558	558	-
30/06/2025	655	658	3	558	560	2
TỔNG CỘNG GIẾNG 1			67	TỔNG CỘNG GIẾNG 2		59

Người lập

Tôn Nữ Phương Thảo



Đồng Nai, ngày 30 tháng 06 năm 2025

Giám đốc

Nguyễn Tất Linh

SỔ THEO DÕI LƯU LƯỢNG NƯỚC SỬ DỤNG HÀNG NGÀY THÁNG 05/2025

Vị trí : Số 1A, Ấp Vàm, Xã Thiện Tân, Huyện Vĩnh Cửu, Tỉnh Đồng Nai

NGÀY THÁNG	GIẾNG KHOAN SỐ 1			GIẾNG KHOAN SỐ 2		
	CHỈ SỐ ĐỒNG HỒ		LƯU LƯỢNG KHAI THÁC NƯỚC (M3)	CHỈ SỐ ĐỒNG HỒ		LƯU LƯỢNG KHAI THÁC NƯỚC (M3)
	SỐ ĐẦU (M ³)	SỐ CUỐI (M ³)		SỐ ĐẦU (M ³)	SỐ CUỐI (M ³)	
01/05/2025	518	518	-	438	438	-
02/05/2025	518	520	2	438	440	2
03/05/2025	520	523	3	440	442	2
04/05/2025	523	523	-	442	442	-
05/05/2025	523	527	4	442	445	3
06/05/2025	527	530	3	445	447	2
07/05/2025	530	533	3	447	450	3
08/05/2025	533	535	2	450	452	2
09/05/2025	535	538	3	452	454	2
10/05/2025	538	541	3	454	455	1
11/05/2025	541	541	-	455	455	-
12/05/2025	541	543	2	455	458	3
13/05/2025	543	547	4	458	460	2
14/05/2025	547	549	2	460	463	3
15/05/2025	549	552	3	463	467	4
16/05/2025	552	555	3	467	470	3
17/05/2025	555	559	4	470	472	2
18/05/2025	559	559	-	472	472	-
19/05/2025	559	561	2	472	475	3
20/05/2025	561	564	3	475	477	2
21/05/2025	564	566	2	477	479	2
22/05/2025	566	570	4	479	482	3
23/05/2025	570	573	3	482	485	3
24/05/2025	573	575	2	485	489	4
25/05/2025	575	575	-	489	489	-
26/05/2025	575	577	2	489	492	3
27/05/2025	577	580	3	492	494	2
28/05/2025	580	582	2	494	495	1
29/05/2025	582	584	2	495	497	2
30/05/2025	584	588	4	497	498	1
31/05/2025	588	591	3	498	501	3
TỔNG CỘNG GIẾNG 1			73	TỔNG CỘNG GIẾNG 2		63

Người lập

Tôn Nữ Phương Thảo

Đồng Nai, ngày 31 tháng 05 năm 2025

Giám đốc



Nguyễn Tất Linh

SỔ THEO DÕI LƯU LƯỢNG NƯỚC SỬ DỤNG HÀNG NGÀY THÁNG 04/2025

Vị trí : Số 1A, Ấp Vàm, Xã Thiện Tân, Huyện Vĩnh Cửu, Tỉnh Đồng Nai

NGÀY THÁNG	GIẾNG KHOAN SỐ 1			GIẾNG KHOAN SỐ 2		
	CHỈ SỐ ĐỒNG HỒ		LƯU LƯỢNG KHAI THÁC NƯỚC (M ³)	CHỈ SỐ ĐỒNG HỒ		LƯU LƯỢNG KHAI THÁC NƯỚC (M ³)
	SỐ ĐẦU (M ³)	SỐ CUỐI (M ³)		SỐ ĐẦU (M ³)	SỐ CUỐI (M ³)	
01/04/2025	453	455	2	380	382	2
02/04/2025	455	458	3	382	385	3
03/04/2025	458	462	4	385	386	1
04/04/2025	462	464	2	386	388	2
05/04/2025	464	467	3	388	390	2
06/04/2025	467	467	-	390	390	-
07/04/2025	467	467	-	390	390	-
08/04/2025	467	470	3	390	392	2
09/04/2025	470	473	3	392	395	3
10/04/2025	473	477	4	395	398	3
11/04/2025	477	479	2	398	400	2
12/04/2025	479	481	2	400	402	2
13/04/2025	481	481	-	402	402	-
14/04/2025	481	484	3	402	405	3
15/04/2025	484	486	2	405	407	2
16/04/2025	486	488	2	407	409	2
17/04/2025	488	489	1	409	410	1
18/04/2025	489	493	4	410	414	4
19/04/2025	493	496	3	414	417	3
20/04/2025	496	496	-	417	417	-
21/04/2025	496	500	4	417	420	3
22/04/2025	500	503	3	420	423	3
23/04/2025	503	505	2	423	425	2
24/04/2025	505	506	1	425	427	2
25/04/2025	506	509	3	427	430	3
26/04/2025	509	511	2	430	432	2
27/04/2025	511	511	-	432	432	-
28/04/2025	511	514	3	432	435	3
29/04/2025	514	518	4	435	438	3
30/04/2025	518	518	-	438	438	-
	TỔNG CỘNG GIẾNG 1		65	TỔNG CỘNG GIẾNG 2		58

Người lập

Tôn Nữ Phương Thảo

Đồng Nai, ngày 30 tháng 04 năm 2025

Giám đốc



Nguyễn Tất Linh

SỔ THEO DÕI LƯU LƯỢNG NƯỚC SỬ DỤNG HÀNG NGÀY THÁNG 03/2025

Vị trí : Số 1A, Ấp Vàm, Xã Thiện Tân, Huyện Vĩnh Cửu, Tỉnh Đồng Nai

HÀNG NGÀY THÁNG	GIẾNG KHOAN SỐ 1			GIẾNG KHOAN SỐ 2		
	CHỈ SỐ ĐỒNG HỒ		LƯU LƯỢNG KHAI THÁC NƯỚC (M ³)	CHỈ SỐ ĐỒNG HỒ		LƯU LƯỢNG KHAI THÁC NƯỚC (M ³)
	SỐ ĐẦU (M ³)	SỐ CUỐI (M ³)		SỐ ĐẦU (M ³)	SỐ CUỐI (M ³)	
01/03/2025	378	381	3	312	314	2
02/03/2025	381	381	-	314	314	-
03/03/2025	381	383	2	314	317	3
04/03/2025	383	386	3	317	320	3
05/03/2025	386	389	3	320	322	2
06/03/2025	389	392	3	322	325	3
07/03/2025	392	396	4	325	328	3
08/03/2025	396	400	4	328	332	4
09/03/2025	400	400	-	332	332	-
10/03/2025	400	402	2	332	335	3
11/03/2025	402	405	3	335	337	2
12/03/2025	405	407	2	337	339	2
13/03/2025	407	410	3	339	340	1
14/03/2025	410	412	2	340	343	3
15/03/2025	412	415	3	343	345	2
16/03/2025	415	415	-	345	345	-
17/03/2025	415	418	3	345	347	2
18/03/2025	418	420	2	347	350	3
19/03/2025	420	422	2	350	352	2
20/03/2025	422	425	3	352	355	3
21/03/2025	425	429	4	355	358	3
22/03/2025	429	433	4	358	362	4
23/03/2025	433	433	-	362	362	-
24/03/2025	433	436	3	362	365	3
25/03/2025	436	439	3	365	368	3
26/03/2025	439	441	2	368	370	2
27/03/2025	441	444	3	370	372	2
28/03/2025	444	447	3	372	375	3
29/03/2025	447	451	4	375	378	3
30/03/2025	451	451	-	378	378	-
31/03/2025	451	453	2	378	380	2
TỔNG CỘNG GIẾNG 1			75	TỔNG CỘNG GIẾNG 2		68

Người lập

Tôn Nữ Phương Thảo



Đồng Nai, ngày 31 tháng 03 năm 2025

Giám đốc

Nguyễn Tất Linh

SỔ THEO DÕI LƯU LƯỢNG NƯỚC SỬ DỤNG HÀNG NGÀY THÁNG 02/2025

Vị trí : Số 1A, Ấp Vàm, Xã Thiện Tân, Huyện Vĩnh Cửu, Tỉnh Đồng Nai

Ngày THÁNG	GIẾNG KHOAN SỐ 1			GIẾNG KHOAN SỐ 2		
	CHỈ SỐ ĐỒNG HỒ		LƯU LƯỢNG KHAI THÁC NƯỚC (M3)	CHỈ SỐ ĐỒNG HỒ		LƯU LƯỢNG KHAI THÁC NƯỚC (M3)
	SỐ ĐẦU (M ³)	SỐ CUỐI (M ³)		SỐ ĐẦU (M ³)	SỐ CUỐI (M ³)	
01/02/2025	322	322	-	258	258	-
02/02/2025	322	322	-	258	258	-
03/02/2025	322	322	-	258	258	-
04/02/2025	322	322	-	258	258	-
05/02/2025	322	322	-	258	258	-
06/02/2025	322	325	3	258	261	3
07/02/2025	325	328	3	261	265	4
08/02/2025	328	331	3	265	267	2
09/02/2025	331	331	-	267	267	-
10/02/2025	331	334	3	267	270	3
11/02/2025	334	337	3	270	273	3
12/02/2025	337	340	3	273	275	2
13/02/2025	340	342	2	275	278	3
14/02/2025	342	345	3	278	280	2
15/02/2025	345	348	3	280	284	4
16/02/2025	348	348	-	284	284	-
17/02/2025	348	350	2	284	287	3
18/02/2025	350	353	3	287	290	3
19/02/2025	353	358	5	290	293	3
20/02/2025	358	360	2	293	295	2
21/02/2025	360	362	2	295	298	3
22/02/2025	362	365	3	298	300	2
23/02/2025	365	365	-	300	300	-
24/02/2025	365	366	1	300	301	1
25/02/2025	366	369	3	301	305	4
26/02/2025	369	372	3	305	307	2
27/02/2025	372	375	3	307	309	2
28/02/2025	375	378	3	309	312	3
	TỔNG CỘNG GIẾNG 1		56	TỔNG CỘNG GIẾNG 2		54

Người lập

Lân Nữ Phương Thảo



Đồng Nai, ngày 28 tháng 02 năm 2025

Giám đốc

Nguyễn Tất Linh

SỔ THEO DÕI LƯU LƯỢNG NƯỚC SỬ DỤNG HÀNG NGÀY THÁNG 1/2025

Vị trí : Số 1A, Ấp Vàm, Xã Thiện Tân, Huyện Vĩnh Cửu, Tỉnh Đồng Nai

HÀNG NGÀY THÁNG	GIẾNG KHOAN SỐ 1			GIẾNG KHOAN SỐ 2		
	CHỈ SỐ ĐỒNG HỒ		LƯU LƯỢNG KHAI THÁC NƯỚC (M ³)	CHỈ SỐ ĐỒNG HỒ		LƯU LƯỢNG KHAI THÁC NƯỚC (M ³)
	SỐ ĐẦU (M ³)	SỐ CUỐI (M ³)		SỐ ĐẦU (M ³)	SỐ CUỐI (M ³)	
01/01/2025	251	253	2	199	201	2
02/01/2025	253	257	4	201	205	4
03/01/2025	257	260	3	205	207	2
04/01/2025	260	263	3	207	210	3
05/01/2025	263	263	-	210	210	-
06/01/2025	263	265	2	210	213	3
07/01/2025	265	268	3	213	215	2
08/01/2025	268	272	4	215	218	3
09/01/2025	272	275	3	218	219	1
10/01/2025	275	278	3	219	222	3
11/01/2025	278	280	2	222	224	2
12/01/2025	280	280	-	224	224	-
13/01/2025	280	284	4	224	227	3
14/01/2025	284	285	1	227	229	2
15/01/2025	285	288	3	229	233	4
16/01/2025	288	290	2	233	235	2
17/01/2025	290	292	2	235	238	3
18/01/2025	292	295	3	238	240	2
19/01/2025	295	295	-	240	240	-
20/01/2025	295	298	3	240	244	4
21/01/2025	298	311	13	244	246	2
22/01/2025	311	313	2	246	247	1
23/01/2025	313	315	2	247	250	3
24/01/2025	315	318	3	250	254	4
25/01/2025	318	322	4	254	258	4
26/01/2025	322	322	-	258	258	-
27/01/2025	322	322	-	258	258	-
28/01/2025	322	322	-	258	258	-
29/01/2025	322	322	-	258	258	-
30/01/2025	322	322	-	258	258	-
31/01/2025	322	322	-	258	258	-
TỔNG CỘNG GIẾNG 1			71	TỔNG CỘNG GIẾNG 2		59

Người lập

Tôn Nữ Phương Thảo



Đồng Nai, ngày 31 tháng 01 năm 2025

Giám đốc

Nguyễn Tất Linh



CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG DƯƠNG HUỲNH
DUONG HUYNH ENVIRONMENT COMPANY LIMITED



Số/No: 24.11.14696/1-1

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

08/11/2024
Trang/Page: 1/1

Đơn vị yêu cầu/ Customer

: CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT – THƯƠNG MẠI
PHÂN HỮU CƠ SINH HỌC THANH BÌNH

Địa điểm lấy mẫu/ Sampling location

: CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT – THƯƠNG MẠI PHÂN
HỮU CƠ SINH HỌC THANH BÌNH

Địa chỉ/ Address

: Ấp Vàm, xã Thiện Tân, huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai

Loại mẫu/ Type of sample

: Khí thải

Ký hiệu mẫu/ Mark of sample

: KT.103101 – Sau HTXL khí thải lò sấy, công suất 58.000
m³/h

Ngày lấy (nhận) mẫu/ Sampling (receiving) date

: 31/10/2024

Ngày thử nghiệm/ Date of testing

: 01/11/2024 – 07/11/2024

Điều kiện lấy mẫu/ Sampling conditions

: Trời nắng và các hoạt động diễn ra bình thường

Kết quả thử nghiệm/ Testing results

:

TT No	Thông số Parameters	Đơn vị tính Unit	Phương pháp lấy mẫu Sampling method	Phương pháp thử Test method	Kết quả Result	QCVN 19:2009/ BTNMT, CỘT B (Kp=0,9; Kv=1,0)
1	Lưu lượng	m ³ /h	US EPA Method 2	US EPA Method 2(*)	30.150	-
2	Bụi	mg/Nm ³	US EPA Method 5	US EPA Method 5(*)	71,5	180
3	NO _x (tính theo NO ₂)	mg/Nm ³	ĐNHT-KT03	ĐNHT-KT03(*)	197	765
4	SO ₂	mg/Nm ³	ĐNHT-KT03	ĐNHT-KT03(*)	78,6	450
5	CO	mg/Nm ³	ĐNHT-KT03	ĐNHT-KT03(*)	472	900

Ghi chú/ Note:

(*): Phương pháp đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường công nhận/ Method is accredited by MONRE.

KPH: không phát hiện/ Not detected; MDL: giới hạn phát hiện của phương pháp/ Method detection limit.

Phụ trách phòng thử nghiệm
The officer is in charge of the laboratory

Ths. Huỳnh Ngọc Thúy

Giám đốc
Director



Dương Hoàng Thành

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị trên mẫu phân tích và tại thời điểm đo./Test results in this test report are only valid for the testing sample and at the time of measurement..

2. Không được sao chép kết quả này, một phần hay toàn bộ nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của công ty TNHH Môi trường Dương Huỳnh./This result shall not be reproduced, partly or fully, unless written approval of Duong Huynh Environment Co., LTD.

BM01-QT7.8

BH/SD:02/01

Ngày BH: 12/04/2019

TRỤ SỞ CHÍNH

↳ 528/5A Vườn Lài, P. An Phú Đông, Q.12, Tp.HCM
CN: 1527/5A Vườn Lài, P. An Phú Đông, Q.12, Tp. HCM
☎ 0949 825 262
✉ duonghuynh.vimcerts241@gmail.com

CHI NHÁNH NINH THUẬN

↳ Số 73, Trương Định, P. Phước Mỹ,
Tp. Phan Rang - Tháp Chàm, Tỉnh Ninh Thuận
✉ duonghuynh.vimcerts241@gmail.com

CHI NHÁNH HÀ NỘI

↳ Số 5, Ngõ 5/102, Hoàng Quốc Việt, Tổ 2
P. Nghĩa Đô, Q. Cầu Giấy, Tp. Hà Nội
✉ duonghuynh.vimcerts241@gmail.com
🌐 http://duonghuynhenv.vn



CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG DƯƠNG HUỲNH
DUONG HUYNH ENVIRONMENT COMPANY LIMITED



Số/No: 24.11.14696/1-1

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

08/11/2024
Trang/Page: 1/1

Đơn vị yêu cầu/ Customer

: CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT – THƯƠNG MẠI
PHÂN HỮU CƠ SINH HỌC THANH BÌNH

Địa điểm lấy mẫu/ Sampling location

: CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT – THƯƠNG MẠI PHÂN
HỮU CƠ SINH HỌC THANH BÌNH

Địa chỉ/ Address

: Ấp Vàm, xã Thiện Tân, huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai

Loại mẫu/ Type of sample

: Khí thải

Ký hiệu mẫu/ Mark of sample

: KT.103101 – Sau HTXL khí thải lò sấy, công suất 58.000
m³/h

Ngày lấy (nhận) mẫu/ Sampling (receiving) date

: 31/10/2024

Ngày thử nghiệm/ Date of testing

: 01/11/2024 – 07/11/2024

Điều kiện lấy mẫu/ Sampling conditions

: Trời nắng và các hoạt động diễn ra bình thường

Kết quả thử nghiệm/ Testing results

:

TT No	Thông số Parameters	Đơn vị tính Unit	Phương pháp lấy mẫu Sampling method	Phương pháp thử Test method	Kết quả Result	QCVN 19:2009/ BTNMT, CỘT B (Kp=0,9; Kv=1,0)
1	Lưu lượng	m ³ /h	US EPA Method 2	US EPA Method 2(*)	30.150	-
2	Bụi	mg/Nm ³	US EPA Method 5	US EPA Method 5(*)	71,5	180
3	NO _x (tính theo NO ₂)	mg/Nm ³	ĐNHT-KT03	ĐNHT-KT03(*)	197	765
4	SO ₂	mg/Nm ³	ĐNHT-KT03	ĐNHT-KT03(*)	78,6	450
5	CO	mg/Nm ³	ĐNHT-KT03	ĐNHT-KT03(*)	472	900

Ghi chú/ Note:

(*): Phương pháp đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường công nhận/ Method is accredited by MONRE.

KPH: không phát hiện/ Not detected; MDL: giới hạn phát hiện của phương pháp/ Method detection limit.

Phụ trách phòng thử nghiệm
The officer is in charge of the laboratory

Ths. Huỳnh Ngọc Thúy

Giám đốc
Director



Dương Hoàng Thành

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị trên mẫu phân tích và tại thời điểm đo./Test results in this test report are only valid for the testing sample and at the time of measurement..

2. Không được sao chép kết quả này, một phần hay toàn bộ nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của công ty TNHH Môi trường Dương Huỳnh./This result shall not be reproduced, party or fully, unless written approval of Duong Huynh Environment Co., LTD.

BM01-QT7.8

BH/SD:02/01

Ngày BH: 12/04/2019

TRỤ SỞ CHÍNH

↳ 528/5A Vườn Lài, P. An Phú Đông, Q.12, Tp.HCM
CN: 1527/5A Vườn Lài, P. An Phú Đông, Q.12, Tp. HCM
☎ 0949 825 262
✉ duonghuynh.vimcerts241@gmail.com

CHI NHÁNH NINH THUẬN

↳ Số 73, Trương Định, P. Phước Mỹ,
Tp. Phan Rang - Tháp Chàm, Tỉnh Ninh Thuận
✉ duonghuynh.vimcerts241@gmail.com

CHI NHÁNH HÀ NỘI

↳ Số 5, Ngõ 5/102, Hoàng Quốc Việt, Tổ 2
P. Nghĩa Đô, Q. Cầu Giấy, Tp. Hà Nội
✉ duonghuynh.vimcerts241@gmail.com
🌐 http://duonghuynhenv.vn



CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG DƯƠNG HUỲNH
DUONG HUYNH ENVIRONMENT COMPANY LIMITED



Số/No: 25.06.6019	KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT	18/06/2025 Trang/Page: 1/5
-------------------	---	-------------------------------

Đơn vị yêu cầu/ Customer

: CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI PHÂN
HỮU CƠ SINH HỌC THANH BÌNH

Địa điểm lấy mẫu/ Sampling location

: CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI PHÂN
HỮU CƠ SINH HỌC THANH BÌNH

Địa chỉ/ Address

: Ấp Vàm, xã Thiện Tân, huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai

Ngày lấy (nhận) mẫu/ Sampling (receiving) date : 10/06/2025

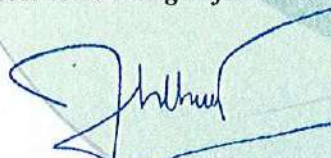
Ngày thử nghiệm/ Date of testing

: 11/06/2025 – 17/06/2025

Kết quả thử nghiệm/ Testing results

: Xem trang tiếp theo

Phụ trách phòng thử nghiệm
The officer is in charge of the laboratory


Ths. Huỳnh Ngọc Thúy

P. Giám đốc
Vice Director




Dương Hoàng Thành

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị trên mẫu phân tích và tại thời điểm đo./Test results in this test report are only valid for the testing sample and at the time of measurement..
2. Không được sao chép kết quả này, một phần hay toàn bộ nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của công ty TNHH Môi trường Dương Huỳnh./This result shall not be reproduced, partly or fully, unless written approval of Duong Huynh Environment Co., LTD.

BM01-QT7.8

BH/SĐ.02/01

Ngày BH: 12/04/2019

TRỤ SỞ CHÍNH

✦ 528/5A Vườn Lài, P. An Phú Đông, Q.12, Tp.HCM ✦
CN: 1527/5A Vườn Lài, P. An Phú Đông, Q.12, Tp. HCM
☎ 0949 825 282
✉ duonghuynh.vimcerts241@gmail.com

CHI NHÁNH NINH THUẬN

✦ Số 73, Trương Định, P. Phước Mỹ,
Tp. Phan Rang - Tháp Chàm, Tỉnh Ninh Thuận ✦
✉ duonghuynh.vimcerts241@gmail.com

CHI NHÁNH HÀ NỘI

✦ Số 5, Ngõ 5/102, Hoàng Quốc Việt, Tổ 23,
P. Nghĩa Đô, Q. Cầu Giấy, Tp. Hà Nội ✦
✉ duonghuynh.vimcerts241@gmail.com
🌐 http://duonghuynhenv.vn



CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG DƯƠNG HUỲNH
DUONG HUYNH ENVIRONMENT COMPANY LIMITED



Số/No: 25.06.6019	KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT	18/06/2025 Trang/Page: 2/5
-------------------	---	-------------------------------

Loại mẫu/ Type of sample	: Tiếng ồn, vi khí hậu & không khí xung quanh
Ký hiệu mẫu/ Mark of sample	: KX.061011 – Khu vực trước cổng chính

TT No	Thông số Parameters	Đơn vị tính Unit	Phương pháp lấy mẫu Sampling method	Phương pháp thử Test method	Kết quả Result	QCVN 26:2010/ BTNMT	QCVN 05:2023/ BTNMT
1	Độ ồn	dBA	TCVN 7878-2:2018	TCVN 7878-2:2018 ^(*)	56,0	≤70	-
2	Nhiệt độ	°C	QCVN 46:2022/BTNMT	QCVN 46:2022/BTNMT ^(*)	32,1	-	-
3	Tốc độ gió	m/s	ĐNHT-KK01	ĐNHT-KK01 ^(*)	0,5	-	-
4	Bụi	µg/Nm ³	TCVN 5067:1995	TCVN 5067:1995 ^(*)	129	-	300
5	NO ₂	µg/Nm ³	TCVN 6137:2009	TCVN 6137:2009 ^(*)	42,5	-	200
6	SO ₂	µg/Nm ³	TCVN 5971:1995	TCVN 5971:1995 ^(*)	54,8	-	350
7	CO	µg/Nm ³	HDLM-KK05	HDPT-KK01 ^(*)	<10.333 ^(a)	-	30.000

Ghi chú/ Note:

(*) Phương pháp đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường công nhận/ Method is accredited by MONRE.

(a): Giới hạn định lượng của phương pháp/ Limit of Quantitation of Method (LOQ).

KPH: không phát hiện/ Not detected; MDL: giới hạn phát hiện của phương pháp/ Method detection limit.

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị trên mẫu phân tích và tại thời điểm đo./Test results in this test report are only valid for the testing sample and at the time of measurement..

2. Không được sao chép kết quả này, một phần hay toàn bộ nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của công ty TNHH Môi trường Dương Huỳnh./This result shall not be reproduced, partly or fully, unless written approval of Duong Huynh Environment Co., LTD.

BM01-QT7.8

BH/SD:02/01

Ngày BH: 12/04/2019

TRỤ SỞ CHÍNH

↳ 528/5A Vườn Lài, P. An Phú Đông, Q.12, Tp.HCM
CN: 1527/5A Vườn Lài, P. An Phú Đông, Q.12, Tp. HCM
☎ 0949 825 262
✉ duonghuynh.vimcerts241@gmail.com

CHI NHÁNH NINH THUẬN

↳ Số 73, Trương Định, P. Phước Mỹ,
Tp. Phan Rang - Tháp Chàm, Tỉnh Ninh Thuận
✉ duonghuynh.vimcerts241@gmail.com

CHI NHÁNH HÀ NỘI

↳ Số 5, Ngõ 5/102, Hoàng Quốc Việt, Tổ 23,
P. Nghĩa Đô, Q. Cầu Giấy, Tp. Hà Nội
✉ duonghuynh.vimcerts241@gmail.com
🌐 http://duonghuynhenv.vn



CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG DƯƠNG HUỲNH
DUONG HUYNH ENVIRONMENT COMPANY LIMITED



Số/No: 25.06.6019	KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT	18/06/2025 Trang/Page: 3/5
-------------------	---	-------------------------------

Loại mẫu/ Type of sample	: Tiếng ồn, vi khí hậu & không khí xung quanh
Ký hiệu mẫu/ Mark of sample	: KX.061012 – Khu vực cuối hướng gió

TT No	Thông số Parameters	Đơn vị tính Unit	Phương pháp lấy mẫu Sampling method	Phương pháp thử Test method	Kết quả Result	QCVN 26:2010/ BTNMT	QCVN 05:2023/ BTNMT
1	Độ ồn	dBA	TCVN 7878-2:2018	TCVN 7878-2:2018 ^(*)	52,7	≤70	-
2	Nhiệt độ	°C	QCVN 46:2022/BTNMT	QCVN 46:2022/BTNMT ^(*)	32,3	-	-
3	Tốc độ gió	m/s	ĐNHT-KK01	ĐNHT-KK01 ^(*)	0,6	-	-
4	Bụi	µg/Nm ³	TCVN 5067:1995	TCVN 5067:1995 ^(*)	138	-	300
5	NO ₂	µg/Nm ³	TCVN 6137:2009	TCVN 6137:2009 ^(*)	37,7	-	200
6	SO ₂	µg/Nm ³	TCVN 5971:1995	TCVN 5971:1995 ^(*)	<26,7 ^(a)	-	350
7	CO	µg/Nm ³	HDLM-KK05	HDPT-KK01 ^(*)	KPH (MDL=3.100)	-	30.000

Ghi chú/ Note:

(*) : Phương pháp đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường công nhận/ Method is accredited by MONRE.

(a): Giới hạn định lượng của phương pháp/ Limit of Quantitation of Method (LOQ).

KPH: không phát hiện/ Not detected; MDL: giới hạn phát hiện của phương pháp/ Method detection limit.

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị trên mẫu phân tích và tại thời điểm đo./Test results in this test report are only valid for the testing sample and at the time of measurement..

2. Không được sao chép kết quả này, một phần hay toàn bộ nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của công ty TNHH Môi trường Dương Huỳnh./This result shall not be reproduced, partly or fully, unless written approval of Duong Huynh Environment Co., LTD.

BM01-QT7.8

BH/SD:02/01

Ngày BH: 12/04/2019

TRỤ SỞ CHÍNH

↳ 528/5A Vườn Lài, P. An Phú Đông, Q.12, Tp.HCM
CN: 1527/5A Vườn Lài, P. An Phú Đông, Q.12, Tp. HCM
☎ 0949 825 262
✉ duonghuynh.vimcerts241@gmail.com

CHI NHÁNH NINH THUẬN

↳ Số 73, Trương Định, P. Phước Mỹ,
Tp. Phan Rang - Tháp Chàm, Tỉnh Ninh Thuận
✉ duonghuynh.vimcerts241@gmail.com

CHI NHÁNH HÀ NỘI

↳ Số 5, Ngõ 5/102, Hoàng Quốc Việt, Tổ 23,
P. Nghĩa Đô, Q. Cầu Giấy, Tp. Hà Nội
✉ duonghuynh.vimcerts241@gmail.com
🌐 http://duonghuynhenv.vn



CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG DƯƠNG HUỲNH
DUONG HUYNH ENVIRONMENT COMPANY LIMITED



Số/No: 25.06.6019	KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT	18/06/2025 Trang/Page: 4/5
-------------------	---	-------------------------------

Loại mẫu/ Type of sample	: Nước thải
Ký hiệu mẫu/ Mark of sample	: NT.061029 – Sau hệ thống xử lý nước thải
Phương pháp lấy mẫu/ Sampling method	: TCVN 6663-3:2016, TCVN 5999:1995, TCVN 6663-1:2011, TCVN 8880:2011

TT No	Thông số Parameters	Đơn vị tính Unit	Phương pháp thử Test method	Kết quả Result	QCVN 40:2011/ BTNMT, CỘT A
1	pH	--	TCVN 6492:2011 ^(*)	7,29	6 – 9
2	TSS	mg/L	TCVN 6625:2000 ^(*)	31	50
3	BOD ₅	mg/L	TCVN 6001-1:2021 ^(*)	24	30
4	COD	mg/L	SMEWW 5220C:2023 ^(*)	58	75
5	NH ₄ ⁺ _N	mg/L	TCVN 6179-1:1996 ^(*)	2,69	5
6	Tổng Photpho	mg/L	TCVN 6202:2008 ^(*)	1,77	4
7	Tổng Nitơ	mg/L	TCVN 6638:2000 ^(*)	14,2	20
8	Florua	mg/L	SMEWW 4500-F.B&D:2023 ^(*)	KPH (MDL=0,04)	5
9	As	mg/L	SMEWW 3114B:2023 ^(*)	KPH (MDL=0,0003)	0,05
10	Dầu, mỡ khoáng	mg/L	SMEWW 5520B&F:2023 ^(*)	KPH (MDL=1,1)	5
11	Coliforms	MPN/100mL	SMEWW 9221B:2023 ^(*)	2.300	3.000

Ghi chú/ Note:

(*): Phương pháp đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường công nhận Method is accredited by MONRE.
KPH: không phát hiện Not detected; MDL: giới hạn phát hiện của phương pháp Method detection limit.

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị trên mẫu phân tích và tại thời điểm đo./Test results in this test report are only valid for the testing sample and at the time of measurement.

2. Không được sao chép kết quả này, một phần hay toàn bộ nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của công ty TNHH Môi trường Dương Huỳnh./This result shall not be reproduced, partly or fully, unless written approval of Duong Huynh Environment Co., LTD.

BM01-QT7.8

BH/SĐ:02/01

Ngày BH: 12/04/2019

TRỤ SỞ CHÍNH

✦ 528/5A Vườn Lài, P. An Phú Đông, Q.12, Tp.HCM
CN: 1527/5A Vườn Lài, P. An Phú Đông, Q.12, Tp. HCM
☎ 0949 825 262
✉ duonghuynh.vimcerts241@gmail.com

CHI NHÁNH NINH THUẬN

✦ Số 73, Trương Định, P. Phước Mỹ,
Tp. Phan Rang - Tháp Chàm, Tỉnh Ninh Thuận
✉ duonghuynh.vimcerts241@gmail.com

CHI NHÁNH HÀ NỘI

✦ Số 5, Ngõ 5/102, Hoàng Quốc Việt, Tổ 23,
P. Nghĩa Đô, Q. Cầu Giấy, Tp. Hà Nội
✉ duonghuynh.vimcerts241@gmail.com
🌐 http://duonghuynhenv.vn



CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG DƯƠNG HUỲNH
DUONG HUYNH ENVIRONMENT COMPANY LIMITED



Số/No: 25.06.6019	KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT	18/06/2025 Trang/Page: 5/5
-------------------	---	-------------------------------

Loại mẫu/ Type of sample	: Tiếng ồn, vi khí hậu & không khí môi trường lao động
Ký hiệu mẫu/ Mark of sample	: KL.061006 – Đầu xưởng sản xuất KL.061007 – Cuối xưởng sản xuất

PHƯƠNG PHÁP LẤY MẪU VÀ PHÂN TÍCH

TT No	Thông số Parameters	Phương pháp lấy mẫu Sampling method	Phương pháp thử Test method
1	Độ ồn	QCVN 24:2016/BYT	QCVN 24:2016/BYT
2	Nhiệt độ	QCVN 26:2016/BYT	QCVN 26:2016/BYT
3	Độ ẩm	QCVN 26:2016/BYT	QCVN 26:2016/BYT
4	Bụi	QCVN 02:2019/BYT	QCVN 02:2019/BYT
5	Hơi khí độc	QCVN 03:2019/BYT	QCVN 03:2019/BYT

KẾT QUẢ ĐO CÁC YẾU TỐ TRONG MÔI TRƯỜNG LAO ĐỘNG

TT No	Thông số Parameters	Đơn vị tính Unit	Kết quả Result		QCVN 02:2019/ BYT	QCVN 03:2019/ BYT	QCVN 24:2016/ BYT	QCVN 26:2016/ BYT
			KL.061006	KL.061007				
1	Độ ồn ^(b)	dBA	72,0	74,4	-	-	≤85	-
2	Nhiệt độ ^(b)	°C	31,4	31,6	-	-	-	18-32
3	Độ ẩm ^(b)	%	68,2	67,7	-	-	-	40-80
4	Bụi ^(b)	mg/m ³	0,30	0,35	8	-	-	-
5	NO ₂ ^(b)	mg/m ³	0,12	0,16	-	5	-	-
6	SO ₂ ^(b)	mg/m ³	0,18	0,20	-	5	-	-
7	CO ^(b)	mg/m ³	<10,3 ^(a)	<10,3 ^(a)	-	20	-	-
8	NH ₃ ^(b)	mg/m ³	0,09	0,14	-	17	-	-

Ghi chú/ Note:

(a): Giới hạn định lượng của phương pháp Limit of Quantitation of Method (LOQ).

(b): Chỉ tiêu được công nhận theo QĐ 6686 SYT-NVT.

KPH: không phát hiện Not detected; MDL: giới hạn phát hiện của phương pháp Method detection limit.

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị trên mẫu phân tích và tại thời điểm đo./Test results in this test report are only valid for the testing sample and at the time of measurement..

2. Không được sao chép kết quả này, một phần hay toàn bộ nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của công ty TNHH Môi trường Dương Huỳnh./This result shall not be reproduced, partly or fully, unless written approval of Duong Huynh Environment Co., LTD.

BM01-QT7.8

BH/SĐ:02/01

Ngày BH: 12/04/2019

TRỤ SỞ CHÍNH

528/5A Vườn Lài, P. An Phú Đông, Q.12, Tp.HCM

CN: 1527/5A Vườn Lài, P. An Phú Đông, Q.12, Tp. HCM

☎ 0949 825 262

✉ duonghuynh.vimcerts241@gmail.com

CHI NHÁNH NINH THUẬN

Số 73, Trương Định, P. Phước Mỹ,

Tp. Phan Rang - Tháp Chàm, Tỉnh Ninh Thuận

✉ duonghuynh.vimcerts241@gmail.com

CHI NHÁNH HÀ NỘI

Số 5, Ngõ 5/102, Hoàng Quốc Việt, Tổ 23,

P. Nghĩa Đô, Q. Cầu Giấy, Tp. Hà Nội

✉ duonghuynh.vimcerts241@gmail.com

🌐 http://duonghuynhenv.vn



CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG DƯƠNG HUỲNH
DUONG HUYNH ENVIRONMENT COMPANY LIMITED



Số/No: 25.03.2055	KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT	18/03/2025 Trang/Page: 1/3
-------------------	---	-------------------------------

Đơn vị yêu cầu/ Customer

: CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI PHÂN HỮU CƠ SINH HỌC THANH BÌNH

Địa điểm lấy mẫu/ Sampling location

: CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI PHÂN HỮU CƠ SINH HỌC THANH BÌNH

Địa chỉ/ Address

: Ấp Vàm, xã Thiện Tân, huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai

Ngày lấy (nhận) mẫu/ Sampling (receiving) date : 10/03/2025

Ngày thử nghiệm/ Date of testing

: 11/03/2025 – 17/03/2025

Kết quả thử nghiệm/ Testing results

: Xem trang tiếp theo

Phụ trách phòng thử nghiệm
The officer is in charge of the laboratory

Ths. Huỳnh Ngọc Thúy

P. Giám đốc
Vice Director



Dương Hoàng Thành

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị trên mẫu phân tích và tại thời điểm đo./Test results in this test report are only valid for the testing sample and at the time of measurement.
2. Không được sao chép kết quả này, một phần hay toàn bộ nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của công ty TNHH Môi trường Dương Huỳnh./This result shall not be reproduced, partly or fully, unless written approval of Duong Huynh Environment Co., LTD.

BM01-QT7.8

BH/SD:02/01

Ngày BH: 12/04/2019

TRỤ SỞ CHÍNH

✦ 528/5A Vườn Lài, P. An Phú Đông, Q.12, Tp.HCM
CN: 1527/5A Vườn Lài, P. An Phú Đông, Q.12, Tp. HCM
☎ 0949 825 262
✉ duonghuynh.vimcerts241@gmail.com

CHI NHÁNH NINH THUẬN

✦ Số 73, Trương Định, P. Phước Mỹ,
Tp. Phan Rang - Tháp Chàm, Tỉnh Ninh Thuận
✉ duonghuynh.vimcerts241@gmail.com

CHI NHÁNH HÀ NỘI

✦ Số 5, Ngõ 5/102, Hoàng Quốc Việt, Tổ 23,
P. Nghĩa Đô, Q. Cầu Giấy, Tp. Hà Nội
✉ duonghuynh.vimcerts241@gmail.com
🌐 http://duonghuynhenv.vn



CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG DƯƠNG HUỲNH
DUONG HUYNH ENVIRONMENT COMPANY LIMITED



Số/No: 25.03.2055	KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT	18/03/2025 Trang/Page: 2/3
-------------------	---	-------------------------------

Loại mẫu/ Type of sample	: Khí thải
Ký hiệu mẫu/ Mark of sample	: KT.031001 – Lò sấy công suất 58.000 m ³ /giờ

TT No	Thông số Parameters	Đơn vị tính Unit	Phương pháp lấy mẫu Sampling method	Phương pháp thử Test method	Kết quả Result	QCVN 19:2009/ BTNMT, CỘT B (K _p =0,9; K _v =1,0)
1	Nhiệt độ	°C	ĐNHT-KT01	ĐNHT-KT01(*)	96	-
2	Lưu lượng	m ³ /h	US EPA Method 2	US EPA Method 2(*)	12.072	-
3	Bụi	mg/Nm ³	US EPA Method 5	US EPA Method 5(*)	53	180
4	NO _x (tính theo NO ₂)	mg/Nm ³	ĐNHT-KT03	ĐNHT-KT03(*)	9,41	765
5	SO ₂	mg/Nm ³	ĐNHT-KT03	ĐNHT-KT03(*)	0	450
6	CO	mg/Nm ³	ĐNHT-KT03	ĐNHT-KT03(*)	82,4	900

Ghi chú/ Note:

(*): Phương pháp đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường công nhận/ Method is accredited by MONRE.

KPH: không phát hiện/ Not detected; MDL: giới hạn phát hiện của phương pháp/ Method detection limit.

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị trên mẫu phân tích và tại thời điểm đo./Test results in this test report are only valid for the testing sample and at the time of measurement.

2. Không được sao chép kết quả này, một phần hay toàn bộ nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của công ty TNHH Môi trường Dương Huỳnh./This result shall not be reproduced, partly or fully, unless written approval of Duong Huynh Environment Co., LTD.

BM01-QT7.8

BH/SĐ:02/01

Ngày BH: 12/04/2019

TRỤ SỞ CHÍNH

528/5A Vườn Lài, P. An Phú Đông, Q.12, Tp.HCM
CN: 1527/5A Vườn Lài, P. An Phú Đông, Q.12, Tp. HCM
☎ 0949 825 262
✉ duonghuynh.vimcerts241@gmail.com

CHI NHÁNH NINH THUẬN

Số 73, Trương Định, P. Phước Mỹ,
Tp. Phan Rang - Tháp Chàm, Tỉnh Ninh Thuận
✉ duonghuynh.vimcerts241@gmail.com

CHI NHÁNH HÀ NỘI

Số 5, Ngõ 5/102, Hoàng Quốc Việt, Tổ 23,
P. Nghĩa Đô, Q. Cầu Giấy, Tp. Hà Nội
✉ duonghuynh.vimcerts241@gmail.com
🌐 http://duonghuynhenv.vn



CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG DƯƠNG HUỲNH
DUONG HUYNH ENVIRONMENT COMPANY LIMITED



Số/No: 25.03.2055	KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT	18/03/2025 Trang/Page:3/3
-------------------	---	------------------------------

Loại mẫu/ Type of sample	: Nước thải
Ký hiệu mẫu/ Mark of sample	: NT.031011 – Sau hệ thống xử lý
Phương pháp lấy mẫu/ Sampling method	: TCVN 6663-3:2016, TCVN 5999:1995, TCVN 6663-1:2011, TCVN 8880:2011

TT No	Thông số Parameters	Đơn vị tính Unit	Phương pháp thử Test method	Kết quả Result	QCVN 40:2011/BTNMT CỘT A
1	pH	--	TCVN 6492:2011 ^(*)	7,12	6 – 9
2	TSS	mg/L	TCVN 6625:2000 ^(*)	43	50
3	BOD ₅	mg/L	TCVN 6001-1:2021 ^(*)	28	30
4	COD	mg/L	SMEWW 5220C:2023 ^(*)	66	75
5	NH ₄ ⁺ _N	mg/L	TCVN 6179-1:1996 ^(*)	4,07	5
6	Tổng Photpho	mg/L	TCVN 6202:2008 ^(*)	3,85	4
7	Tổng Nito	mg/L	TCVN 6638:2000 ^(*)	16,9	20
8	F ⁻	mg/L	SMEWW 4500F.B&D:2023 ^(*)	KPH (MDL=0,04)	5
9	As	mg/L	SMEWW 3114B:2023 ^(*)	KPH (MDL=0,0003)	0,05
10	Dầu, mỡ khoáng	mg/L	SMEWW 5520B&F:2023 ^(*)	KPH (MDL=1,1)	5
11	Coliforms	MPN/100mL	SMEWW 9221B:2023 ^(*)	2.400	3.000

Ghi chú/ Note:

(*) : Phương pháp đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường công nhận/ Method is accredited by MONRE.

KPH: không phát hiện/ Not detected; MDL: giới hạn phát hiện của phương pháp/ Method detection limit.

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị trên mẫu phân tích và tại thời điểm đo./Test results in this test report are only valid for the testing sample and at the time of measurement..

2. Không được sao chép kết quả này, một phần hay toàn bộ nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của công ty TNHH Môi trường Dương Huỳnh./This result shall not be reproduced, party or fully, unless written approval of Duong Huynh Environment Co., LTD.

BM01-QT7.8

BH/SĐ:02/01

Ngày BH: 12/04/2019

TRỤ SỞ CHÍNH

✦ 528/5A Vườn Lài, P. An Phú Đông, Q.12, Tp.HCM
CN: 1527/5A Vườn Lài, P. An Phú Đông, Q.12, Tp. HCM
☎ 0949 825 262
✉ duonghuynh.vimcerts241@gmail.com

CHI NHÁNH NINH THUẬN

✦ Số 73, Trương Định, P. Phước Mỹ,
Tp. Phan Rang - Tháp Chàm, Tỉnh Ninh Thuận
✉ duonghuynh.vimcerts241@gmail.com

CHI NHÁNH HÀ NỘI

✦ Số 5, Ngõ 5/102, Hoàng Quốc Việt, Tổ 20
P. Nghĩa Đô, Q. Cầu Giấy, Tp. Hà Nội
✉ duonghuynh.vimcerts241@gmail.com
🌐 http://duonghuynhenv.com



CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG DƯƠNG HUỲNH
DUONG HUYNH ENVIRONMENT COMPANY LIMITED



Số/No: 25.06.6019	KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT	18/06/2025 Trang/Page: 1/5
-------------------	---	-------------------------------

Đơn vị yêu cầu/ Customer

: CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI PHÂN
HỮU CƠ SINH HỌC THANH BÌNH

Địa điểm lấy mẫu/ Sampling location

: CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI PHÂN
HỮU CƠ SINH HỌC THANH BÌNH

Địa chỉ/ Address

: Ấp Vàm, xã Thiện Tân, huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai

Ngày lấy (nhận) mẫu/ Sampling (receiving) date : 10/06/2025

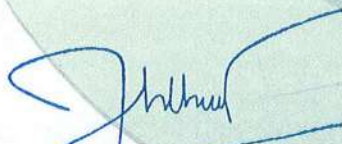
Ngày thử nghiệm/ Date of testing

: 11/06/2025 – 17/06/2025

Kết quả thử nghiệm/ Testing results

: Xem trang tiếp theo

Phụ trách phòng thử nghiệm
The officer is in charge of the laboratory


Ths. Huỳnh Ngọc Thúy

P. Giám đốc
Vice Director


Dương Hoàng Thành

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị trên mẫu phân tích và tại thời điểm đo./Test results in this test report are only valid for the testing sample and at the time of measurement..
2. Không được sao chép kết quả này, một phần hay toàn bộ nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của công ty TNHH Môi trường Dương Huỳnh./This result shall not be reproduced, partly or fully, unless written approval of Duong Huynh Environment Co., LTD.

BM01-QT7.8

BH/SD:02/01

Ngày BH: 12/04/2019

TRỤ SỞ CHÍNH

✦ 528/5A Vườn Lài, P. An Phú Đông, Q.12, Tp.HCM ✦
CN: 1527/5A Vườn Lài, P. An Phú Đông, Q.12, Tp. HCM
☎ 0949 825 262
✉ duonghuynh.vimcerts241@gmail.com

CHI NHÁNH NINH THUẬN

✦ Số 73, Trương Định, P. Phước Mỹ,
Tp. Phan Rang - Tháp Chàm, Tỉnh Ninh Thuận
✉ duonghuynh.vimcerts241@gmail.com

CHI NHÁNH HÀ NỘI

✦ Số 5, Ngõ 5/102, Hoàng Quốc Việt, Tổ 23
P. Nghĩa Đô, Q. Cầu Giấy, Tp. Hà Nội
✉ duonghuynh.vimcerts241@gmail.com
🌐 http://duonghuynhenv.vn



CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG DƯƠNG HUỲNH
DUONG HUYNH ENVIRONMENT COMPANY LIMITED



Số/No: 25.06.6019	KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT	18/06/2025 Trang/Page: 2/5
-------------------	---	-------------------------------

Loại mẫu/ Type of sample	: Tiếng ồn, vi khí hậu & không khí xung quanh
Ký hiệu mẫu/ Mark of sample	: KX.061011 – Khu vực trước cổng chính

TT No	Thông số Parameters	Đơn vị tính Unit	Phương pháp lấy mẫu Sampling method	Phương pháp thử Test method	Kết quả Result	QCVN 26:2010/ BTNMT	QCVN 05:2023/ BTNMT
1	Độ ồn	dBA	TCVN 7878-2:2018	TCVN 7878-2:2018 ^(*)	56,0	≤70	-
2	Nhiệt độ	°C	QCVN 46:2022/BTNMT	QCVN 46:2022/BTNMT ^(*)	32,1	-	-
3	Tốc độ gió	m/s	ĐNHT-KK01	ĐNHT-KK01 ^(*)	0,5	-	-
4	Bụi	µg/Nm ³	TCVN 5067:1995	TCVN 5067:1995 ^(*)	129	-	300
5	NO ₂	µg/Nm ³	TCVN 6137:2009	TCVN 6137:2009 ^(*)	42,5	-	200
6	SO ₂	µg/Nm ³	TCVN 5971:1995	TCVN 5971:1995 ^(*)	54,8	-	350
7	CO	µg/Nm ³	HDLM-KK05	HDPT-KK01 ^(*)	<10.333 ^(a)	-	30.000

Ghi chú/ Note:

(*): Phương pháp đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường công nhận/ Method is accredited by MONRE.

(a): Giới hạn định lượng của phương pháp/ Limit of Quantitation of Method (LOQ).

KPH: không phát hiện/ Not detected; MDL: giới hạn phát hiện của phương pháp/ Method detection limit.

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị trên mẫu phân tích và tại thời điểm đo./Test results in this test report are only valid for the testing sample and at the time of measurement.

2. Không được sao chép kết quả này, một phần hay toàn bộ nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của công ty TNHH Môi trường Dương Huỳnh./This result shall not be reproduced, party or fully, unless written approval of Duong Huynh Environment Co., LTD.

BM01-QT7.8

BH/SD:02/01

Ngày BH: 12/04/2019

TRỤ SỞ CHÍNH

✉ 528/5A Vườn Lài, P. An Phú Đông, Q.12, Tp.HCM
CN: 1527/5A Vườn Lài, P. An Phú Đông, Q.12, Tp. HCM
☎ 0949 825 262

✉ duonghuynh.vimcerts241@gmail.com

CHI NHÁNH NINH THUẬN

✉ Số 73, Trương Định, P. Phước Mỹ,
Tp. Phan Rang - Tháp Chàm, Tỉnh Ninh Thuận
✉ duonghuynh.vimcerts241@gmail.com

CHI NHÁNH HÀ NỘI

✉ Số 5, Ngõ 5/102, Hoàng Quốc Việt, Tổ 23
P. Nghĩa Đô, Q. Cầu Giấy, Tp. Hà Nội
✉ duonghuynh.vimcerts241@gmail.com

🌐 http://duonghuynhenv.com



CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG DƯƠNG HUỲNH
DUONG HUYNH ENVIRONMENT COMPANY LIMITED



Số/No: 25.06.6019	KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT	18/06/2025 Trang/Page: 3/5
-------------------	---	-------------------------------

Loại mẫu/ Type of sample	: Tiếng ồn, vi khí hậu & không khí xung quanh
Ký hiệu mẫu/ Mark of sample	: KX.061012 – Khu vực cuối hướng gió

TT No	Thông số Parameters	Đơn vị tính Unit	Phương pháp lấy mẫu Sampling method	Phương pháp thử Test method	Kết quả Result	QCVN 26:2010/ BTNMT	QCVN 05:2023/ BTNMT
1	Độ ồn	dBA	TCVN 7878-2:2018	TCVN 7878-2:2018 ^(*)	52,7	≤70	-
2	Nhiệt độ	°C	QCVN 46:2022/BTNMT	QCVN 46:2022/BTNMT ^(*)	32,3	-	-
3	Tốc độ gió	m/s	ĐNHT-KK01	ĐNHT-KK01 ^(*)	0,6	-	-
4	Bụi	µg/Nm ³	TCVN 5067:1995	TCVN 5067:1995 ^(*)	138	-	300
5	NO ₂	µg/Nm ³	TCVN 6137:2009	TCVN 6137:2009 ^(*)	37,7	-	200
6	SO ₂	µg/Nm ³	TCVN 5971:1995	TCVN 5971:1995 ^(*)	<26,7 ^(a)	-	350
7	CO	µg/Nm ³	HDLM-KK05	HDPT-KK01 ^(*)	KPH (MDL=3.100)	-	30.000

Ghi chú/ Note:

(*): Phương pháp đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường công nhận/ Method is accredited by MONRE.

(a): Giới hạn định lượng của phương pháp/ Limit of Quantitation of Method (LOQ).

KPH: không phát hiện/ Not detected; MDL: giới hạn phát hiện của phương pháp/ Method detection limit.

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị trên mẫu phân tích và tại thời điểm đo./Test results in this test report are only valid for the testing sample and at the time of measurement..

2. Không được sao chép kết quả này, một phần hay toàn bộ nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của công ty TNHH Môi trường Dương Huỳnh./This result shall not be reproduced, partly or fully, unless written approval of Duong Huynh Environment Co., LTD.

BM01-QT7.8

BH/SĐ:02/01

Ngày BH: 12/04/2019

TRỤ SỞ CHÍNH

✉ 528/5A Vườn Lài, P. An Phú Đông, Q.12, Tp.HCM ✉

CN: 1527/5A Vườn Lài, P. An Phú Đông, Q.12, Tp. HCM

☎ 0949 825 262

✉ duonghuynh.vimcerts241@gmail.com

CHI NHÁNH NINH THUẬN

✉ Số 73, Trương Định, P. Phước Mỹ,

Tp. Phan Rang - Tháp Chàm, Tỉnh Ninh Thuận

✉ duonghuynh.vimcerts241@gmail.com

CHI NHÁNH HÀ NỘI

✉ Số 5, Ngõ 5/102, Hoàng Quốc Việt, Tổ 23

P. Nghĩa Đô, Q. Cầu Giấy, Tp. Hà Nội

✉ duonghuynh.vimcerts241@gmail.com

🌐 http://duonghuynhenv.com



CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG DƯƠNG HUỲNH
DUONG HUYNH ENVIRONMENT COMPANY LIMITED



Số/No: 25.06.6019	KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT	18/06/2025 Trang/Page: 4/5
-------------------	---	-------------------------------

Loại mẫu/ Type of sample	: Nước thải
Ký hiệu mẫu/ Mark of sample	: NT.061029 – Sau hệ thống xử lý nước thải
Phương pháp lấy mẫu/ Sampling method	: TCVN 6663-3:2016, TCVN 5999:1995, TCVN 6663-1:2011, TCVN 8880:2011

TT No	Thông số Parameters	Đơn vị tính Unit	Phương pháp thử Test method	Kết quả Result	QCVN 40:2011/ BTNMT, CỘT A
1	pH	--	TCVN 6492:2011 ^(*)	7,29	6 – 9
2	TSS	mg/L	TCVN 6625:2000 ^(*)	31	50
3	BOD ₅	mg/L	TCVN 6001-1:2021 ^(*)	24	30
4	COD	mg/L	SMEWW 5220C:2023 ^(*)	58	75
5	NH ₄ ⁺ _N	mg/L	TCVN 6179-1:1996 ^(*)	2,69	5
6	Tổng Photpho	mg/L	TCVN 6202:2008 ^(*)	1,77	4
7	Tổng Nito	mg/L	TCVN 6638:2000 ^(*)	14,2	20
8	Florua	mg/L	SMEWW 4500-F.B&D:2023 ^(*)	KPH (MDL=0,04)	5
9	As	mg/L	SMEWW 3114B:2023 ^(*)	KPH (MDL=0,0003)	0,05
10	Dầu, mỡ khoáng	mg/L	SMEWW 5520B&F:2023 ^(*)	KPH (MDL=1,1)	5
11	Coliforms	MPN/100mL	SMEWW 9221B:2023 ^(*)	2.300	3.000

Ghi chú/ Note:

(*): Phương pháp đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường công nhận/ Method is accredited by MONRE.

KPH: không phát hiện/ Not detected; MDL: giới hạn phát hiện của phương pháp/ Method detection limit.

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị trên mẫu phân tích và tại thời điểm đo./Test results in this test report are only valid for the testing sample and at the time of measurement..

2. Không được sao chép kết quả này, một phần hay toàn bộ nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của công ty TNHH Môi trường Dương Huỳnh./This result shall not be reproduced, party or fully, unless written approval of Duong Huynh Environment Co., LTD.

BM01-QT7.8

BH/SD:02/01

Ngày BH: 12/04/2019

TRỤ SỞ CHÍNH

528/5A Vườn Lài, P. An Phú Đông, Q.12, Tp.HCM
Số 1527/5A Vườn Lài, P. An Phú Đông, Q.12, Tp. HCM
☎ 0949 825 262
✉ duonghuynh.vimcerts241@gmail.com

CHI NHÁNH NINH THUẬN

Số 73, Trương Định, P. Phước Mỹ,
Tp. Phan Rang - Tháp Chàm, Tỉnh Ninh Thuận
✉ duonghuynh.vimcerts241@gmail.com

CHI NHÁNH HÀ NỘI

Số 5, Ngõ 5/102, Hoàng Quốc Việt, Tổ 23
P. Nghĩa Đô, Q. Cầu Giấy, Tp. Hà Nội
✉ duonghuynh.vimcerts241@gmail.com
🌐 http://duonghuynhenv.vn



CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG DƯƠNG HUỲNH
DUONG HUYNH ENVIRONMENT COMPANY LIMITED



Số/No: 25.06.6019	KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT	18/06/2025 Trang/Page: 5/5
-------------------	---	-------------------------------

Loại mẫu/ Type of sample	: Tiếng ồn, vi khí hậu & không khí môi trường lao động
Ký hiệu mẫu/ Mark of sample	: KL.061006 – Đầu xưởng sản xuất KL.061007 – Cuối xưởng sản xuất

PHƯƠNG PHÁP LẤY MẪU VÀ PHÂN TÍCH

TT No	Thông số Parameters	Phương pháp lấy mẫu Sampling method	Phương pháp thử Test method
1	Độ ồn	QCVN 24:2016/BYT	QCVN 24:2016/BYT
2	Nhiệt độ	QCVN 26:2016/BYT	QCVN 26:2016/BYT
3	Độ ẩm		
4	Bụi	QCVN 02:2019/BYT	QCVN 02:2019/BYT
5	Hơi khí độc	QCVN 03:2019/BYT	QCVN 03:2019/BYT
		NO ₂ , SO ₂ , CO, NH ₃	

KẾT QUẢ ĐO CÁC YẾU TỐ TRONG MÔI TRƯỜNG LAO ĐỘNG

TT No	Thông số Parameters	Đơn vị tính Unit	Kết quả Result		QCVN 02:2019/ BYT	QCVN 03:2019/ BYT	QCVN 24:2016/ BYT	QCVN 26:2016/ BYT
			KL.061006	KL.061007				
1	Độ ồn ^(b)	dBA	72,0	74,4	-	-	≤85	-
2	Nhiệt độ ^(b)	°C	31,4	31,6	-	-	-	18-32
3	Độ ẩm ^(b)	%	68,2	67,7	-	-	-	40-80
4	Bụi ^(b)	mg/m ³	0,30	0,35	8	-	-	-
5	NO ₂ ^(b)	mg/m ³	0,12	0,16	-	5	-	-
6	SO ₂ ^(b)	mg/m ³	0,18	0,20	-	5	-	-
7	CO ^(b)	mg/m ³	<10,3 ^(a)	<10,3 ^(a)	-	20	-	-
8	NH ₃ ^(b)	mg/m ³	0,09	0,14	-	17	-	-

Ghi chú/ Note:

(a): Giới hạn định lượng của phương pháp/ Limit of Quantitation of Method (LOQ).

(b): Chỉ tiêu được công nhận theo QĐ 6686 SYT-NVY.

KPH: không phát hiện/ Not detected; MDL: giới hạn phát hiện của phương pháp/ Method detection limit.

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị trên mẫu phân tích và tại thời điểm đo./Test results in this test report are only valid for the testing sample and at the time of measurement..

2. Không được sao chép kết quả này, một phần hay toàn bộ nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của công ty TNHH Môi trường Dương Huỳnh./This result shall not be reproduced, partly or fully, unless written approval of Duong Huynh Environment Co., LTD.

BM01-QT7.8

BH/SĐ:02/01

Ngày BH: 12/04/2019

TRỤ SỞ CHÍNH

528/5A Vườn Lài, P. An Phú Đông, Q.12, Tp.HCM

CN: 1527/5A Vườn Lài, P. An Phú Đông, Q.12, Tp. HCM

☎ 0949 825 262

✉ duonghuynh.vimcerts241@gmail.com

CHI NHÁNH NINH THUẬN

Số 73, Trương Định, P. Phước Mỹ,

Tp. Phan Rang - Tháp Chàm, Tỉnh Ninh Thuận

✉ duonghuynh.vimcerts241@gmail.com

CHI NHÁNH HÀ NỘI

Số 5, Ngõ 5/102, Hoàng Quốc Việt, Tổ 23

P. Nghĩa Đô, Q. Cầu Giấy, Tp. Hà Nội

✉ duonghuynh.vimcerts241@gmail.com

🌐 http://duonghuynhenv.vn



CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG DƯƠNG HUỲNH
DUONG HUYNH ENVIRONMENT COMPANY LIMITED



Số/No: 25.06.6032	KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT	18/06/2025 Trang/Page: 1/2
-------------------	---	-------------------------------

Đơn vị yêu cầu/ Customer

: CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI PHÂN HỮU CƠ SINH HỌC THANH BÌNH

Địa điểm lấy mẫu/ Sampling location

: CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI PHÂN HỮU CƠ SINH HỌC THANH BÌNH

Địa chỉ/ Address

: Ấp Vàm, xã Thiện Tân, huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai

Ngày lấy (nhận) mẫu/ Sampling (receiving) date : 10/06/2025

Ngày thử nghiệm/ Date of testing

: 11/06/2025 – 17/06/2025

Kết quả thử nghiệm/ Testing results

: Xem trang tiếp theo

Phụ trách phòng thử nghiệm
The officer is in charge of the laboratory

Ths. Huỳnh Ngọc Thúy

P. Giám đốc
Vice Director



Dương Hoàng Thành

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị trên mẫu phân tích và tại thời điểm đo./Test results in this test report are only valid for the testing sample and at the time of measurement..
2. Không được sao chép kết quả này, một phần hay toàn bộ nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của công ty TNHH Môi trường Dương Huỳnh./This result shall not be reproduced, party or fully, unless written approval of Duong Huynh Environment Co., LTD.

BM01-QT7.8

BH/SD:02/01

Ngày BH: 12/04/2019

TRỤ SỞ CHÍNH

528/5A Vườn Lài, P. An Phú Đông, Q.12, Tp.HCM
CN: 1527/5A Vườn Lài, P. An Phú Đông, Q.12, Tp. HCM
☎ 0949 825 262
✉ duonghuynh.vimcerts241@gmail.com

CHI NHÁNH NINH THUẬN

Số 73, Trương Định, P. Phước Mỹ,
Tp. Phan Rang - Tháp Chàm, Tỉnh Ninh Thuận
✉ duonghuynh.vimcerts241@gmail.com

CHI NHÁNH HÀ NỘI

Số 5, Ngõ 5/102, Hoàng Quốc Việt, Tổ 23,
P. Nghĩa Đô, Q. Cầu Giấy, Tp. Hà Nội
✉ duonghuynh.vimcerts241@gmail.com
🌐 http://duonghuynhenv.vn



CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG DƯƠNG HUỲNH
DUONG HUYNH ENVIRONMENT COMPANY LIMITED



Số/No: 25.06.6032	KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT	18/06/2025 Trang/Page: 2/2
-------------------	---	-------------------------------

Loại mẫu/ Type of sample	: Khí thải
Ký hiệu mẫu/ Mark of sample	: KT.061001 – Lò sấy công suất 58.000 m ³ /giờ

TT No	Thông số Parameters	Đơn vị tính Unit	Phương pháp lấy mẫu Sampling method	Phương pháp thử Test method	Kết quả Result	QCVN 19:2009/ BTNMT, CỘT B (Kp=0,9; Kv=1,0)
1	Nhiệt độ	°C	ĐNHT-KT01	ĐNHT-KT01 ^(*)	118	-
2	Lưu lượng	m ³ /h	US EPA Method 2	US EPA Method 2 ^(*)	14.091	-
3	Bụi	mg/Nm ³	US EPA Method 5	US EPA Method 5 ^(*)	60	180
4	NO _x (tính theo NO ₂)	mg/Nm ³	ĐNHT-KT03	ĐNHT-KT03 ^(*)	5,64	765
5	SO ₂	mg/Nm ³	ĐNHT-KT03	ĐNHT-KT03 ^(*)	0	450
6	CO	mg/Nm ³	ĐNHT-KT03	ĐNHT-KT03 ^(*)	107	900

Ghi chú/ Note:

(*) : Phương pháp đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường công nhận/ Method is accredited by MONRE.
KPH: không phát hiện/ Not detected. MDL: giới hạn phát hiện của phương pháp/ Method detection limit.

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị trên mẫu phân tích và tại thời điểm đo./Test results in this test report are only valid for the testing sample and at the time of measurement
2. Không được sao chép kết quả này, một phần hay toàn bộ nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của công ty TNHH Môi trường Dương Huỳnh./This result shall not be reproduced, party or fully, unless written approval of Duong Huynh Environment Co., LTD.

BM01-QT7.8

BH/SD:02/01

Ngày BH: 12/04/2019

TRỤ SỞ CHÍNH

✦ 528/5A Vườn Lài, P. An Phú Đông, Q.12, Tp.HCM
CN: 1527/5A Vườn Lài, P. An Phú Đông, Q.12, Tp. HCM
☎ 0949 825 262
✉ duonghuynh.vimcerts241@gmail.com

CHI NHÁNH NINH THUẬN

✦ Số 73, Trương Định, P. Phước Mỹ,
Tp. Phan Rang - Tháp Chàm, Tỉnh Ninh Thuận
✉ duonghuynh.vimcerts241@gmail.com

CHI NHÁNH HÀ NỘI

✦ Số 5, Ngõ 5/102, Hoàng Quốc Việt, Tổ 23
P. Nghĩa Đô, Q. Cầu Giấy, Tp. Hà Nội
✉ duonghuynh.vimcerts241@gmail.com
🌐 http://duonghuynhenv.vn



CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG DƯƠNG HUỲNH
DUONG HUYNH ENVIRONMENT COMPANY LIMITED



Số/No: 25.10.11420

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

13/10/2025
Trang/Page: 1/2

Đơn vị yêu cầu/ Customer

**: CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI PHÂN
HỮU CƠ SINH HỌC THANH BÌNH**

Địa điểm lấy mẫu/ Sampling location

**: CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI PHÂN
HỮU CƠ SINH HỌC THANH BÌNH**

Địa chỉ/ Address

: Ấp Vàm, phường Trảng Dài, tỉnh Đồng Nai

Ngày lấy (nhận) mẫu/ Sampling (receiving) date : 04/10/2025

Ngày thử nghiệm/ Date of testing

: 06/10/2025 – 13/10/2025

Kết quả thử nghiệm/ Testing results

: Xem trang tiếp theo

Phụ trách phòng thử nghiệm
The officer is in charge of the laboratory

Ths. Huỳnh Ngọc Thúy

P. Giám đốc
Vice Director



Đương Hoàng Thành

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị trên mẫu phân tích và tại thời điểm đo./Test results in this test report are only valid for the testing sample and at the time of measurement.
2. Không được sao chép kết quả này, một phần hay toàn bộ nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của công ty TNHH Môi trường Dương Huỳnh./This result shall not be reproduced, party or fully, unless written approval of Duong Huynh Environment Co., LTD.

BM01-QT7.8

BH/SĐ:02/01

Ngày BH: 12/04/2019

TRỤ SỞ CHÍNH

528/5A Vườn Lài, P. An Phú Đông, Tp.HCM
CN: 1527/5A Vườn Lài, P. An Phú Đông, Tp. HCM
☎ 0949 825 262
✉ duonghuynh.vimcerts241@gmail.com

<http://duonghuynhenv.vn>



CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG DƯƠNG HUỲNH
DUONG HUYNH ENVIRONMENT COMPANY LIMITED



Số/No: 25.10.11420	KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT	13/10/2025 Trang/Page: 2/2
--------------------	---	-------------------------------

Loại mẫu/ Type of sample	: Nước thải
Ký hiệu mẫu/ Mark of sample	: NT.100409 – Sau hệ thống xử lý
Phương pháp lấy mẫu/ Sampling method	: TCVN 6663-3:2016, TCVN 5999:1995, TCVN 6663-1:2011, TCVN 8880:2011

TT No	Thông số Parameters	Đơn vị tính Unit	Phương pháp thử Test method	Kết quả Result	QCVN 40:2011/BTNMT CỘT A ^(W)
1	pH	--	TCVN 6492:2011 ^(*)	6,89	6 – 9
2	TSS	mg/L	TCVN 6625:2000 ^(*)	27	50
3	BOD ₅	mg/L	TCVN 6001-1:2021 ^(*)	22	30
4	COD	mg/L	SMEWW 5220C:2023 ^(*)	54	75
5	NH ₄ ⁺ _N	mg/L	TCVN 6179-1:1996 ^(*)	3,46	5
6	Tổng Photpho	mg/L	TCVN 6202:2008 ^(*)	1,70	4
7	Tổng Nito	mg/L	TCVN 6638:2000 ^(*)	18,5	20
8	F ⁻	mg/L	SMEWW 4500F.B&D:2023 ^(*)	KPH (MDL=0,04)	5
9	As	mg/L	SMEWW 3114B:2023 ^(*)	KPH (MDL=0,0003)	0,05
10	Dầu, mỡ khoáng	mg/L	SMEWW 5520B&F:2023 ^(*)	KPH (MDL=1,1)	5
11	Coliforms	MPN/100mL	SMEWW 9221B:2023 ^(*)	2.100	3.000

Ghi chú/ Note:

(*) : Phương pháp đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường công nhận/ Method is accredited by MONRE.

(W): Quy chuẩn so sánh do khách hàng yêu cầu, thông tin do khách hàng cung cấp.

KPH: không phát hiện/ Not detected; MDL: giới hạn phát hiện của phương pháp/ Method detection limit.

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị trên mẫu phân tích và tại thời điểm đo./Test results in this test report are only valid for the testing sample and at the time of measurement..

2. Không được sao chép kết quả này, một phần hay toàn bộ nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của công ty TNHH Môi trường Dương Huỳnh./This result shall not be reproduced, party or fully, unless written approval of Duong Huynh Environment Co., LTD.

BM01-QT7.8

BH/SD:02/01

Ngày BH: 12/04/2019

TRỤ SỞ CHÍNH

528/5A Vườn Lài, P. An Phú Đông, Tp.HCM

CN: 1527/5A Vườn Lài, P. An Phú Đông, Tp. HCM

☎ 0949 825 262

✉ duonghuynh.vimcerts241@gmail.com

🌐 <http://duonghuynhenv.com>



VIMCERT 266

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOA HỌC MÔI TRƯỜNG VÀ ATLĐ MIỀN NAM

Địa chỉ: Số B238, Tổ 18, Khu phố 5, P. Tam Hiệp, tỉnh Đồng Nai

MST: 0314630901

Điện thoại: (0932217059)

Email: moitruongmiennam.dongnai@gmail.com

Số: 25.10E01385

Đồng Nai, ngày 11 tháng 10 năm 2025

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

- Tên khách hàng : CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI PHÂN HỮU CƠ SINH HỌC THANH BÌNH
- Địa điểm lấy mẫu : Công ty TNHH Sản Xuất Thương Mại Phân Hữu Cơ Sinh Học Thanh Bình
- Địa chỉ : Ấp Vàm, phường Trảng Dài, tỉnh Đồng Nai.
- Thời gian lấy mẫu : 03/10/2025
- Loại mẫu : Khí thải Số lượng : 01 mẫu
- Vị trí lấy mẫu : 25.10E01385-KT1: Khí thải lò sấy công suất 58.000 m³/h.
(Tọa độ: X= 1217067; Y= 407359)
- Phương pháp phân tích

TT	Thông số	Phương pháp phân tích	Phương pháp lấy và bảo quản mẫu	Giới hạn phát hiện
1	Lưu lượng ^(a)	US EPA Method 2	-	0 ÷ 2.544.000 m ³ /h
2	Nhiệt độ ^(a)	PPNB 09	-	0 ÷ 1.370 ⁰ C
3	NO _x (tính theo NO ₂) ^(a)	PPNB 05	-	-
-	NO ^(a)		-	0 ÷ 4.920 mg/Nm ³
-	NO ₂ ^(a)		-	0 ÷ 940 mg/Nm ³
4	SO ₂ ^(a)	PPNB 06	-	0 ÷ 13.100 mg/Nm ³
5	CO ^(a)	PPNB 02	-	0 ÷ 11.400 mg/Nm ³
6	Tổng bụi (PM) ^(a)	US EPA Method 5	US EPA Method 5	0,5 mg/Nm ³

8. Kết quả phân tích

TT	Thông số	Đơn vị	25.10E01385-KT1	QCVN 19:2009/BTNMT cột B, hệ số Kv= 1,0 và Kp = 0,9
1	Lưu lượng ^(a)	m ³ /h	35.218	-
2	Nhiệt độ ^(a)	⁰ C	30,3	-
3	NO _x (tính theo NO ₂) ^(a)	mg/Nm ³	KPH	765
4	SO ₂ ^(a)	mg/Nm ³	KPH	450
5	CO ^(a)	mg/Nm ³	KPH	900
6	Tổng bụi (PM) ^(a)	mg/Nm ³	12,4	180



VIMCERT 266

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOA HỌC MÔI TRƯỜNG VÀ ATLĐ MIỀN NAM

Địa chỉ: Số B238, Tổ 18, Khu phố 5, P. Tam Hiệp, tỉnh Đồng Nai

MST: 0314630901

Điện thoại: (0932217059)

Email: moitruongmiennam.dongnai@gmail.com

Ghi chú: Kết quả phân tích chỉ có giá trị tại thời điểm đo đạc

(a): Chỉ tiêu được chứng nhận VIMCERTS 266

BỘ PHẬN PHÂN TÍCH

Nguyễn Thị Hạt

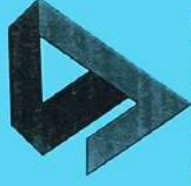


PHÓ GIÁM ĐỐC

Trương Quốc Bảo



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ MÔI TRƯỜNG VIỆT ĐỎ



Số 81/11A, Quốc lộ 1K, Phường Linh Xuân, TP. Thủ Đức, TP. HCM
Tel: 02866852239
www.vietdojsc.com

BẢN VẼ HOÀN CÔNG

Chủ đầu tư: CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT - THƯƠNG MẠI

PHÂN HỮU CƠ SINH HỌC THANH BÌNH

Dự án: NHÀ MÁY SẢN XUẤT PHÂN HỮU CƠ

Địa chỉ : Số 1A, ấp Vàm, Xã Thiện Tân, Huyện Vĩnh Cửu, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

ĐỒNG NAI, NĂM 2022

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ MÔI TRƯỜNG VIỆT ĐỎ



Số 81/11A, Quốc lộ 1K, Phường Linh Xuân, TP. Thủ Đức, TP. HCM
Tel: 02866852239
www.vietdojsc.com

BẢN VẼ HOÀN CÔNG

Chủ đầu tư: CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT - THƯƠNG MẠI

PHÂN HỮU CƠ SINH HỌC THANH BÌNH

Dự án: NHÀ MÁY SẢN XUẤT PHÂN HỮU CƠ

Địa chỉ : Số 1A, ấp Vàm, Xã Thiện Tân, Huyện Vĩnh Cửu, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Chủ đầu tư:

CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT - THƯƠNG MẠI
PHÂN HỮU CƠ SINH HỌC THANH BÌNH



Nguyễn Tất Linh

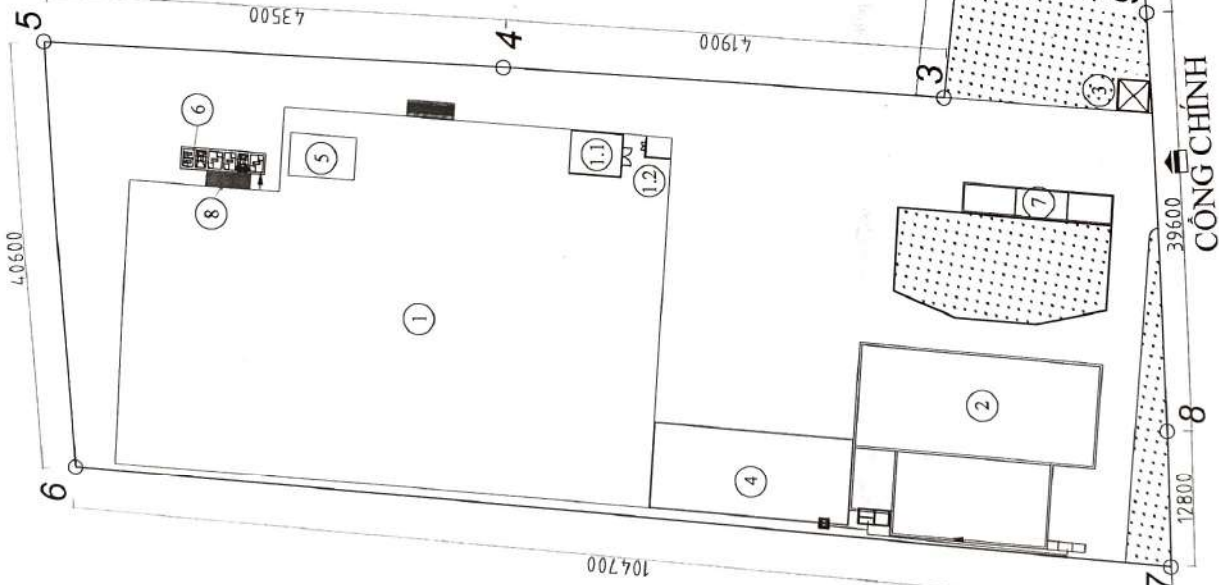
Nhà thầu:

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG
VÀ MÔI TRƯỜNG VIỆT ĐỎ



Võ Minh Sang

MẶT BẰNG TỔNG THỂ



BẢNG TỔNG HỢP CÁC HẠNG MỤC CÔNG TRÌNH

STT	HẠNG MỤC	SỐ LƯỢNG	DIỆN TÍCH (M2/CÔNG TRÌNH)	DIỆN TÍCH (M2)	TỶ LỆ CAO	TỶ LỆ (%)
I	Công trình xây dựng	1	1,960.0	2,426.4	1	48.5
1.1.1	Nhà xưởng	1		1,960.0		
1.1.1.1	Nhà chứa rác thải thông thường	1				
1.1.1.2	Nhà chứa rác thải nguy hại (Bên trong nhà xưởng)	1				
1.1.2	Nhà văn phòng	1	374.0	374.0		
1.1.3	Nhà bảo vệ	1	9.0	9.0		
1.1.4	Nhà bảo trì	1	78.0	78.0		
1.1.5	Bể nước PCCC	1				
1.1.6	Hệ thống xử lý nước thải	1				
1.1.7	Trạm cần	1				
1.1.8	Nhà vận hành HTXLNT	1	5.4	5.4		
III	Đất giao thông - sân bãi			1,414.0		28.3
IV	Đất cây xanh, thảm cỏ			1,160.6		23.2
	TỔNG			5,001.0		100.0

CHỦ THÍCH

- 1 NHÀ XƯỞNG CHÍNH
- 1.1 NHÀ CHỨA CHẤT THẢI THÔNG THƯỜNG
- 1.2 NHÀ CHỨA CHẤT THẢI NGUY HẠI
- 2 NHÀ VĂN PHÒNG
- 3 NHÀ BẢO VỆ
- 4 NHÀ BẢO TRÌ
- 5 BỂ NƯỚC PCCC
- 6 HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI
- 7 TRẠM CẦN

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ MÔI TRƯỜNG VIỆT ĐO

BAN VỆ HOÀN CÔNG

SAN ĐƯỜNG
CÂY XANH, THẨM CO
Ngày 10 tháng 10 năm 2022

TU VẤN GIÁM SÁT

CHỦ ĐẦU TƯ

ĐƯỜNG GIAO THÔNG

Ngo Triệu Phát Trần Văn Cui

CHỦ CHẾ

CHỦ ĐẦU TƯ

CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT - THƯƠNG MẠI
THIẾT BỊ VÀ CÔNG NGHỆ SINH HỌC THÀNH BÌNH



CÔNG TRÌNH

TU VẤN THIẾT KẾ

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG
VÀ MÔI TRƯỜNG VIỆT ĐO



Số 8/11A Quốc lộ 1K, P. Linh Xuân, TP. Thủ Đức
TP. Hồ Chí Minh
Tel: (84-28) 6880 2236 Website: www.vietdo.com

GIÁM ĐỐC



NGUYỄN KIM HUY

CHỦ TRƯỞNG

VÕ MINH SANG

VỀ

NGO TRIEU PHAT

KIỂM TRA

TRAN VAN CUI

TÊN BẢN VẼ:

MẶT BẰNG TỔNG THỂ

TY LỆ 1/100

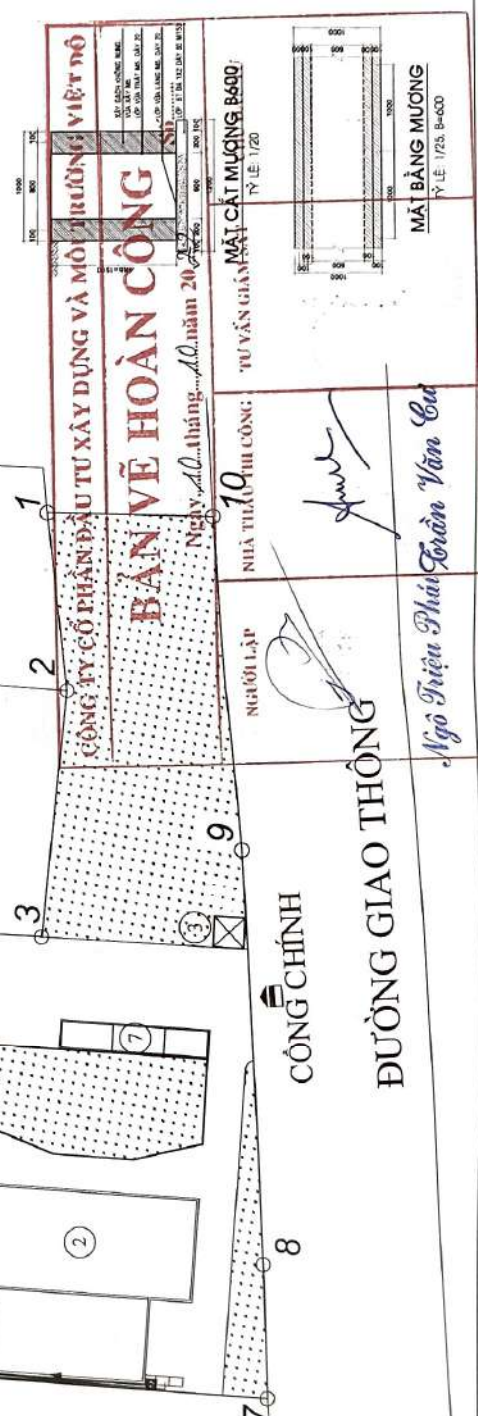
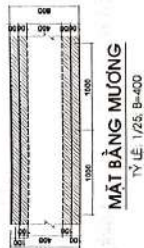
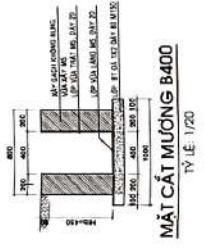
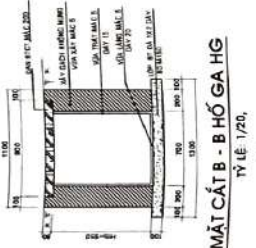
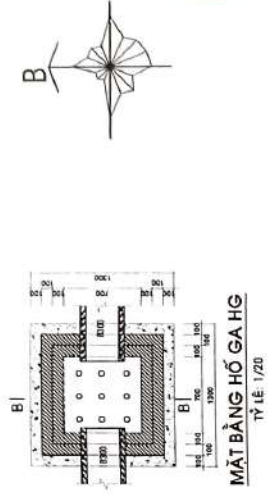
NGÀY HOÀN THÀNH
10/10/2022

BẢN VẼ SỐ

WVTS - TK - 01

THAY ĐỔI

MẶT BẰNG THOÁT NƯỚC MƯA



CÔNG CHÍNH

ĐƯỜNG GIAO THÔNG

Ngô Triều Phái Trần Văn Lư

CHÚ THÍCH

- ① NHÀ XUỐNG CHINH
- ①① NHÀ CHỮA CHẤT THẢI THÔNG THƯỜNG
- ①② NHÀ CHỮA CHẤT THẢI NGUY HẠI
- ② NHÀ VĂN PHÒNG
- ③ NHÀ BẢO VỆ
- ④ NHÀ BẢO TRÌ
- ⑤ BẾ NƯỚC PCCC
- ⑥ HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI
- ⑦ TRẠM CÁN
- ⑧ NHÀ VĂN HÓA HTXLT

	SÂN ĐƯỜNG
	CÂY XANH, TH
	SÂN ĐƯỜNG

MẶT CẮT MƯỜNG B400
Tỷ lệ 1:200

1026 1030

MẶT BẰNG MƯỜNG

TỶ LỆ 1/25, B=400

BẢN VẼ HOÀN CÔNG

TUYỂN GIẢNG VIÊN

MẶT BẰNG MƯỜNG
TỶ LỆ: 1/25, B=600

MẶT BẰNG THOÁT NƯỚC MƯA

NGÀY HOÀN THÀNH

TS - TK - 02	THAY ĐỔI
--------------	----------

--	--

TƯ VẤN THIẾT KẾ:

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG
VÀ MÔI TRƯỜNG VIỆT ĐỎ



Số 81/11A Quốc lộ 1K, P. Linh Xuân, TP Thủ Đức,
TP. Hồ Chí Minh
Tel: (84-28) 6085 2219 Website: www.vietdoyst.com

PLAM ĐOC

NGUYỄN KIM HUỆ

TRD

VÕ MINH SANG

NGỒ TRIỆU PHÁT

M TRA :

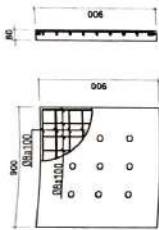
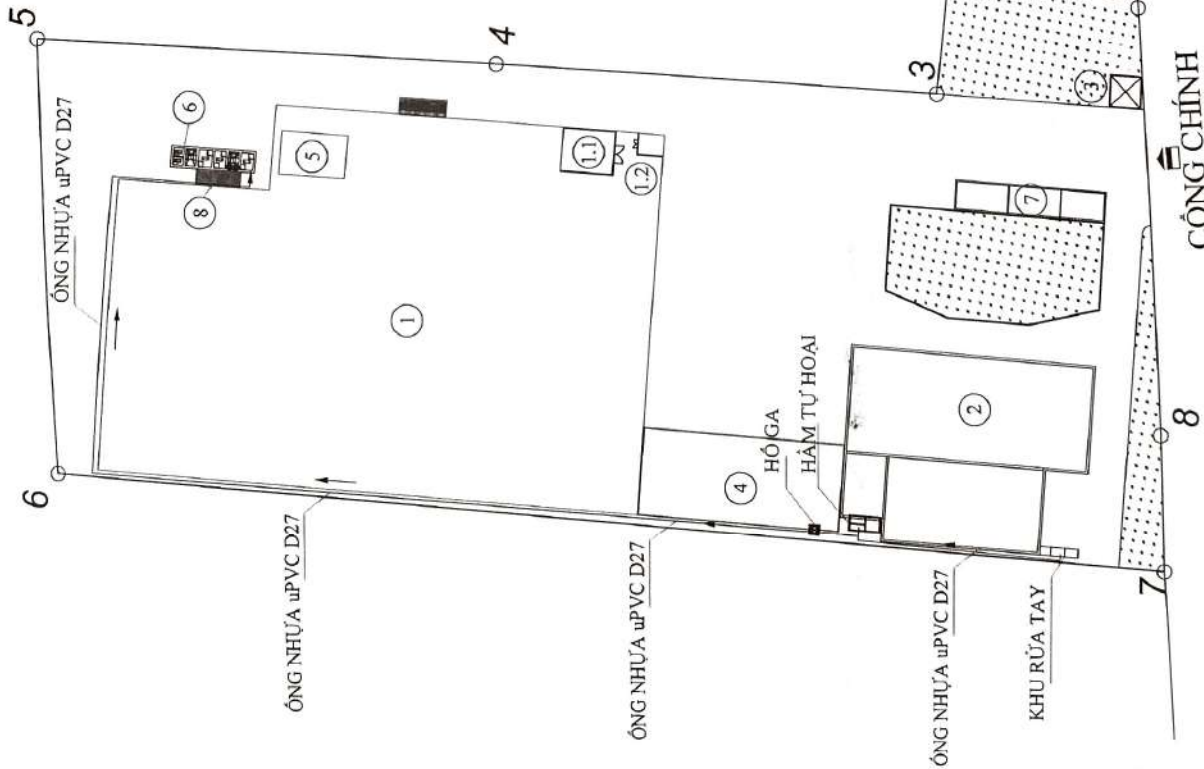
TRẦN

NGÀY HOÀN THÀNH

TS - TK - 02	THAY ĐỔI
--------------	----------

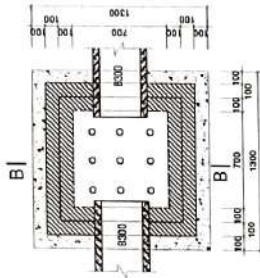
--	--

MẶT BẰNG THOÁT NƯỚC THẢI



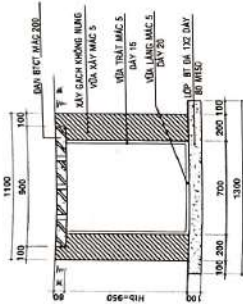
ĐƠN HỒ GA HG

TỶ LỆ: 1/20



MẶT BẰNG HỒ GA HG

TỶ LỆ: 1/20



MẶT CẮT B - B HỒ GA HG

TỶ LỆ: 1/20

CHÚ THÍCH

- 1 NHÀ XƯỞNG CHÍNH
- 1.1 NHÀ CHỨA CHẤT THẢI THÔNG THƯỜNG
- 1.2 NHÀ CHỨA CHẤT THẢI NGUY HẠI
- 2 NHÀ VĂN PHÒNG
- 3 NHÀ BẢO VỆ
- 4 NHÀ BẢO TRÌ
- 5 BỂ NƯỚC PCCC
- 6 HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI

TRẠM CÁN
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ MÔI TRƯỜNG VIỆT ĐỎ
NHÀ VĂN HÀNH HTXNT
SỐ.....
Ngày 10 tháng 10 năm 2022
BẢN VẼ HOÀN CÔNG
SẢN ĐƯỜNG
NGƯỜI LẬP: NGƯỜI THẢO THUYẾT CÔNG: CHỦ ĐẦU TƯ
NHÀ THẦU THI CÔNG: TƯ VẤN GIÁM SÁT: SAN ĐƯỜNG

CÔNG CHÍNH

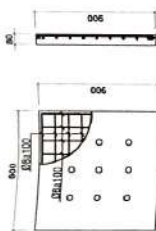
ĐƯỜNG GIAO THÔNG

ĐƯỜNG ống THU GOM NƯỚC THẢI

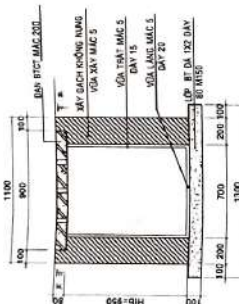
Ngô Triệu Phú Trần Văn Cư

CHỦ ĐẦU TƯ:		CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT - THƯƠNG MẠI THƯỜNG MẠI SINH HỌC THANH BÌNH	
CÔNG TRINH:		CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT - THƯƠNG MẠI THƯỜNG MẠI SINH HỌC THANH BÌNH	
TƯ VẤN THIẾT KẾ:		CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ MÔI TRƯỜNG VIỆT ĐỎ	
GIÁM ĐỐC:		NGUYỄN KIM HUY	
CHỦ TRƯ:		VŨ MINH SANG	
VẼ:		NGÔ TRIỆU PHẤT	
KIỂM TRA:		TRẦN VĂN CƯ	
TÊN BẢN VẼ:		MẶT BẰNG THOÁT NƯỚC THẢI	
TỶ LỆ: 1/100		NGÀY HOÀN THÀNH 10/10/2022	
BẢN VẼ SỐ		WVTS - TK - 03	
THAY ĐỔI:			

GHI CHO



MẶT BẰNG HỒ GA HG
TỶ LỆ: 1/20



tỷ lệ: 1/20.

CHÚ THÍCH

- ① NHÀ XƯỞNG CHÍNH
- ①.1 NHÀ CHỨA CHẤT THẢI THÔNG THƯỜNG
- ①.2 NHÀ CHỨA CHẤT THẢI NGUY HẠI
- ② NHÀ VĂN PHÒNG
- ③ NHÀ BẢO VỆ
- ④ NHÀ BẢO TRÌ
- ⑤ BẾ NƯỚC PCCC
- ⑥ HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM HÀ NỘI

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG
VÀ MÔI TRƯỜNG VIỆT ĐỎ



Số 81/11A Quốc lộ 1K, P. Linh Xuân, TP Thủ Đức.
TP. Hồ Chí Minh
Tel: (84-28) 6685 2739/ Website: www.vietdoz.com

GLÁM ĐÓC:

NGUYỄN KIM HUE

CHU TRI:

VŨ MINH SANG

VE:

NGỒ TRIỆU PHÁT

CÔNG CHÍNH

ĐƯỜNG GIAO THÔNG

ĐƯỜNG ống TẢI SỬ DỤNG uPVC D27

MẶT BẰNG TÀI SỬ DỤNG NƯỚC
SAU XỬ LÝ

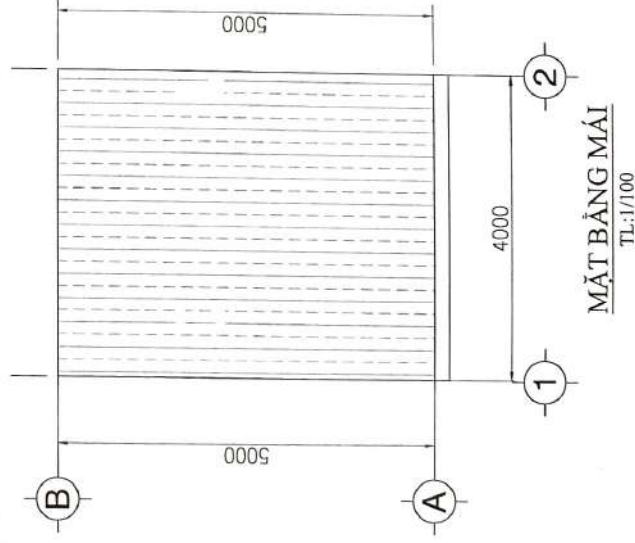
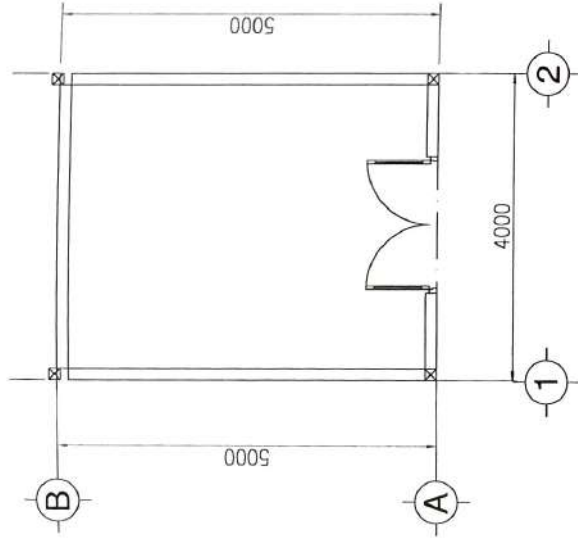
NGÀY HOÀN THÀNH

HANYIFU SÓ

HAN VẾ SỐ 9WTS-TK-04

THAY ĐỔI

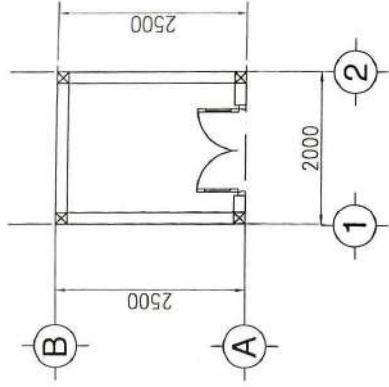
NHÀ CHỨA RÁC THẢI THÔNG THƯỜNG



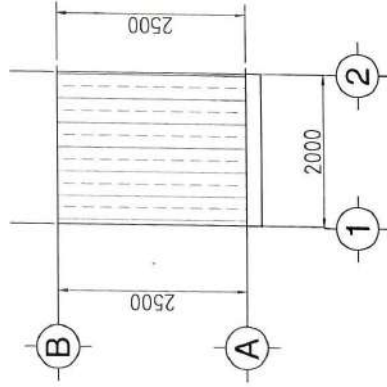
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ MÔI TRƯỜNG VIỆT ĐỎ
BẢN VẼ HOÀN CỘNG
 Ngày: 10 tháng 10 năm 2022
 NGƯỜI LẬP: NGƯỜI DÙNG: NGƯỜI KIỂM TRA: CHỮ ĐẤU TỬ:
 NHÀ THÁC: MẶT DƯNG: Mái lợp tole
 Ngô Triệu Phát Trần Văn Cử

GHI CHÚ:	
CHỦ ĐẦU TƯ:	CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ MÔI TRƯỜNG VIỆT ĐỎ	
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ MÔI TRƯỜNG VIỆT ĐỎ	
TƯ VẤN THIẾT KẾ:	
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ MÔI TRƯỜNG VIỆT ĐỎ	
SỐ 8/71A Quốc lộ 1K, P. Linh Xuân, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh	
Tel: (84-28) 6680 2236 Website: www.vietdo.vn	
GIẤY ĐÓNG:	
NGUYỄN KIM HUY	
CHỦ TRƯ:	VÕ MINH SANG
VẼ:	NGÔ TRIỆU PHÁT
KIỂM TRA:	TRẦN VĂN CỬ
TÊN BẢN VẼ:	
NHÀ CHỨA RÁC THẢI THÔNG THƯỜNG	
TỶ LỆ 1/100	NGÀY HOÀN THÀNH 10/10/2022
BẢN VẼ SỐ	WPTS - TR - 05
THAY ĐỔI	

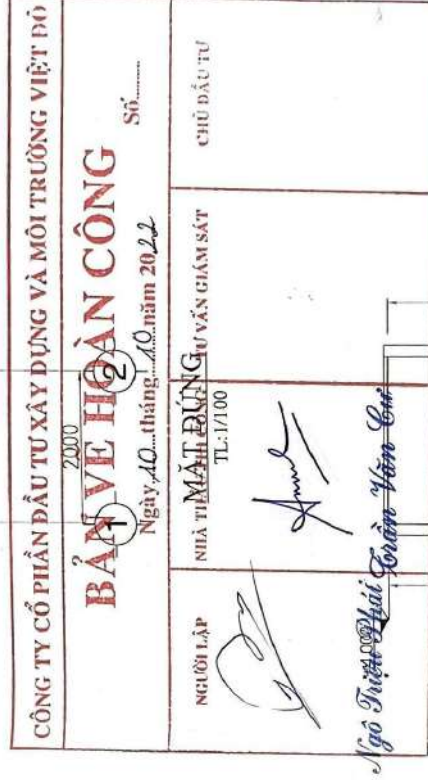
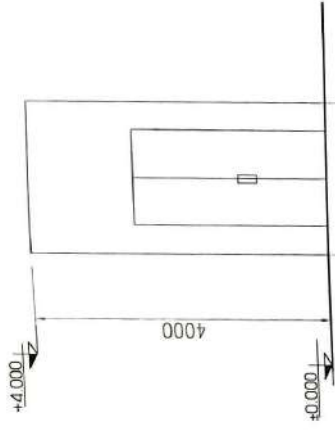
NHÀ CHỨA RÁC THẢI NGUY HẠI



MẶT BẰNG TRỆT
TL:1/100



MẶT BẰNG MÃI
TL:1/100



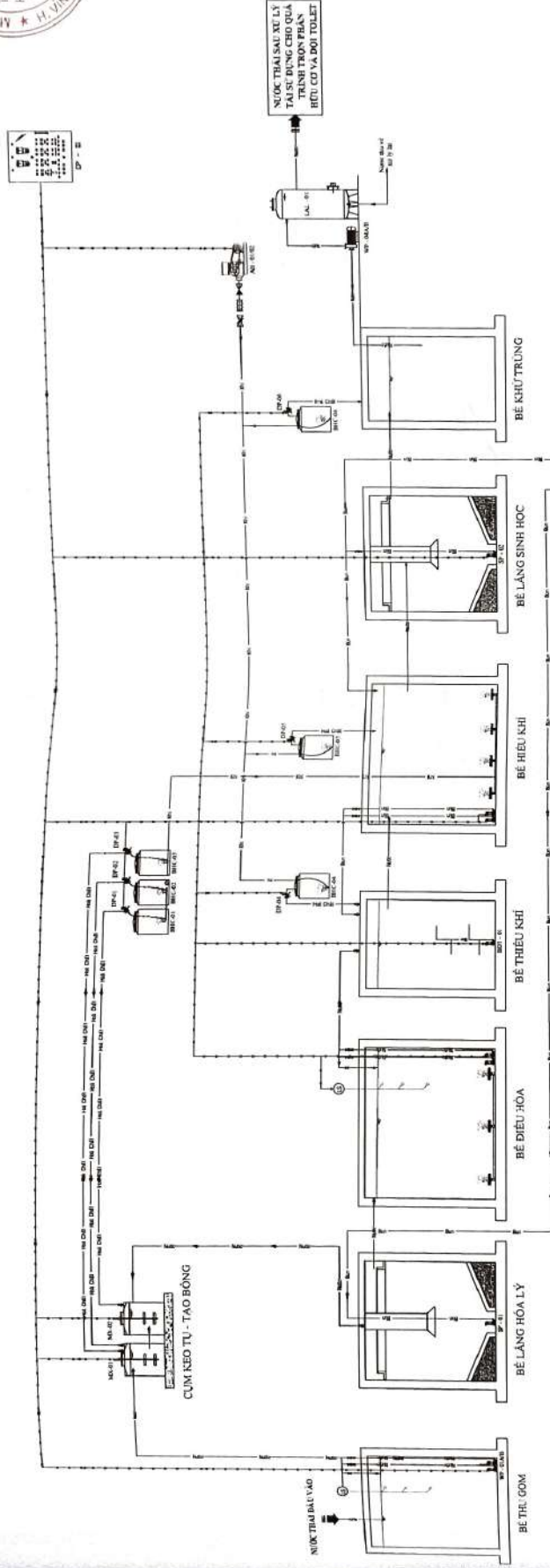
Ngô Triết Hải Trần Văn Cảnh

4000

MẶT CẮT
TL: 1/100

CHỦ ĐẦU TƯ		CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT - THƯƠNG MẠI HÀNG BÍNH CÔNG NGHỆ SỐ SINH HỌC THANH BÌNH				NGUYỄN TẤT DƯƠNG 10/10 Đường 10A, Phường Vĩnh Ngọc, Quận Hoàng Mai, Hà Nội	
CÔNG TRƯNG:							
TƯ VẤN THIẾT KẾ:		CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ MÔI TRƯỜNG VIỆT ĐỎ				Số 8/11A Quốc lộ 1K, P. Linh Xuân, TP Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh Tel: (84-28) 6685 2239 Website: www.vietdo.com.vn	
GIẢI ĐỐC:				NGUYỄN KIM HIỆ		CHỮ TRƯ:  VÕ MINH SANG VỊ:  NGỒ TRIỆU PHÁT KIỂM TRA:  TRẦN VĂN CƯ TÊN BAN VẼ:	
NHÀ CHỮA RÁC THẢI NGUY HẠI							
TỶ LỆ 1/100		NGÀY HOÀN THÀNH 10/10/2022				THAY ĐỔI	
BAN VẼ SỐ		WNTS - Tr. 06					

HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI - CÔNG SUẤT 10 M³/NGÀY
SƠ ĐỒ MẶT CẮT CÔNG NGHỆ XỬ LÝ



CHÚ THÍCH: MÁY THỜI KHÍ ĐÁ THỎI KHÍ BƠM PHA HÓA CHẤT TỦ ĐIỆN ĐIỀU KHIỂN BƠM HÓA CHẤT BƠM ĐẢO TRộn MÁY KHUẤY BƠM Bùn TUẦN HOÀN BƠM Bùn BƠM NƯỚC THẢI		CHI TIẾT ĐƯỜNG ỐNG ĐƯỜNG ỐNG NƯỚC THẢI ĐƯỜNG ỐNG CẤP KHÍ ĐƯỜNG ỐNG Bùn THẢI ĐƯỜNG ỐNG CẤP HÓA CHẤT ĐƯỜNG ỐNG CẤP ĐIỆN	
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ MÔI TRƯỜNG VIỆT ĐỎ BẢN Định kỳ họp đồng đem vị trí địa điểm... Ngày... tháng... năm... BÊ CHUÁ BUN		CHỦ ĐẦU TƯ TƯ VẤN GIÁM SÁT NHÀ THẦU THI CÔNG NGƯỜI LẬP	
		Ngô Triệu Phú Trần Văn Cui	

CHỦ ĐẦU TƯ:

CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT - THƯƠNG MẠI

PHẦN MỀM CÔNG NGHỆ XỬ LÝ NƯỚC THẢI



CÔNG TRÌNH:

TU VẤN THIẾT KẾ

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ MÔI TRƯỜNG VIỆT ĐỎ



Số 8/11A Quốc lộ 1K, P. Linh Xuân, TP Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh
Tel: (84-28) 6881 2236 Website: www.vietdo.com

GIÁM ĐỐC:



NGUYỄN KIM HUY

CHỦ TRƯ:

VÕ MINH SANG

VỀ:

NGÔ TRIỆU PHẤT

KIỂM TRA:

TRẦN VĂN CUI

TÊN BẢN VẼ:

SƠ ĐỒ MẶT CẮT CÔNG NGHỆ

TỶ LỆ 1/100

NGÀY HOÀN THÀNH

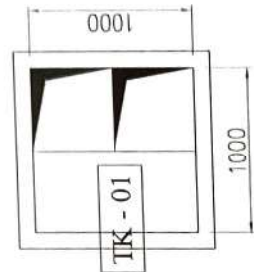
16/10/2022

BẢN VẼ SỐ

WVTS - TK - 07

THAY ĐỔI

7000



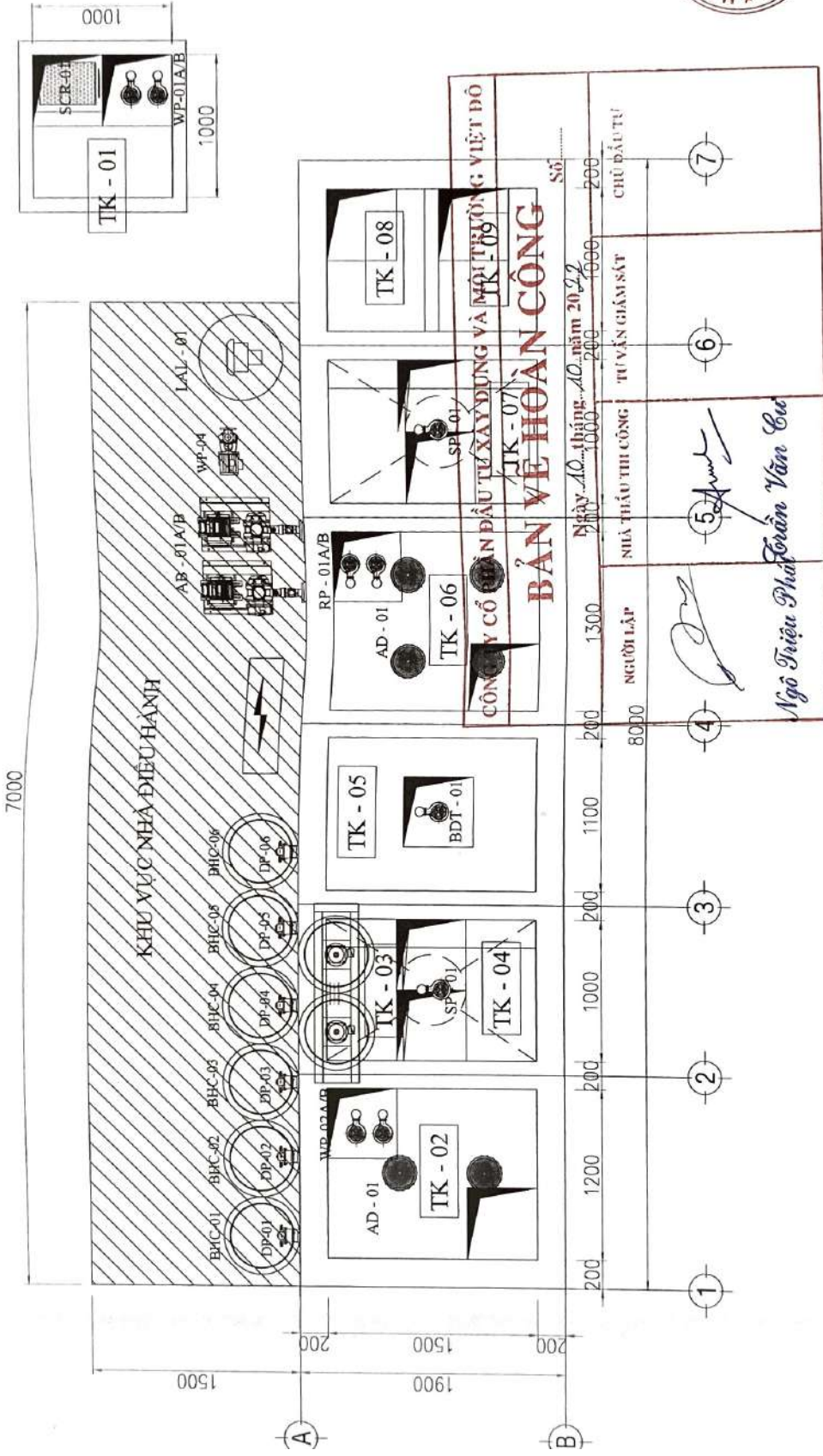
KÝ HIỆU	TÊN HÀNG MỤC	KÝ HIỆU	Tên Thiết Bị và Vật Liệu
TK. - 01	BỂ THU GOM	TK. - 06	BỂ HIẾU KHÍ
TK. - 02	CỤM KEO TỤ - TẠO BÓNG	TK. - 07	BỂ LẮNG SINH HỌC
TK. - 03	BỂ LẮNG HÓA LÝ	TK. - 08	BỂ KHỬ TRÙNG
TK. - 04	BỂ ĐIỀU HÒA	TK. - 09	BỂ CHỨA BÚN
TK. - 05	BỂ THIẾU KHÍ		

CHỦ TRÌ:	NGUYỄN KIM HUỆ
VỀ:	
Kiểm tra:	
Tên bản vẽ:	

MẶT BẢNG BỐ TRÍ CỤM BỀ XỬ LÝ

TỶ LỆ: 1/100	NGÀY HOÀN THÀNH 10/10/2022	
BÀN VẼ SỐ	WWTS - TK - 08	THAY ĐỔI

MẶT BẰNG BỐ TRÍ THIẾT BỊ XỬ LÝ



TÊN HÀNG MỤC	KÝ HIỆU	TÊN HÀNG MỤC	KÝ HIỆU	TÊN THIẾT BỊ	KÝ HIỆU	TÊN THIẾT BỊ	KÝ HIỆU	TÊN THIẾT BỊ
BỂ THU GOM	TK - 06	BỂ HIẾU KHÍ	AB-01/...	MÁY THỜI KHÍ	WP-01/...	BƠM NƯỚC THẢI	LAL-01/...	CỘT LỌC ÁP LỰC
CỤM KEO TỤ - TẠO BÓNG	TK - 07	BỂ LẮNG SINH HỌC	DP-01/...	BƠM ĐỊNH LƯỢNG	BHC-01/...	BÓN HÓA CHẤT	SCR-01/...	GIÒ TÁCH RÁC
BỂ LẮNG HÓA LÝ	TK - 08	BỂ KHỬ TRÙNG	MX-01/...	MÁY KHUẤY CHÌM	CP-01/...	TỦ ĐIỆN ĐIỀU KHIỂN		
BỂ ĐIỀU HÓA	TK - 09	BỂ CHỮA BÙN	SP-01/...	BƠM BÚN	AD-01/...	ĐĨA THỜI KHÍ		
BỂ THIẾU KHÍ			RP-01/...	BƠM TUẦN HOÀN		MOTOR KHUẤY TRỘN		

MẶT BẰNG BỐ TRÍ THIẾT BỊ XỬ LÝ

TYPE 1/100

BẢN VẼ SỐ

NGÀY HOÀN THÀNH
10/10/2000

TS-TK-09

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT ĐỎ

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG

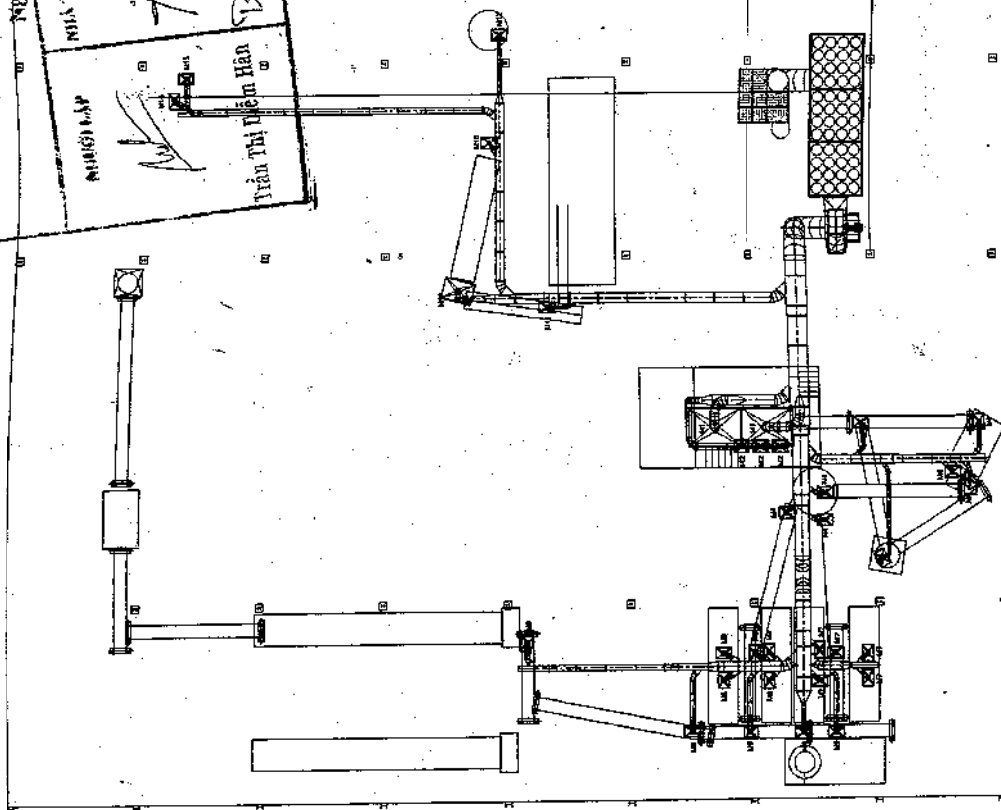
BAKED 10 min 200°F

[illegible]

1884

[illegible]

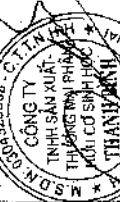
1300-1305



פתי כחמור

CHÚPULTL:

CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT - THƯƠNG MẠI
PHẦN CHUYỂN CÔNG NGHỆ HỌC THAM HI BÌNH



At the time of the trial, the defendant was a member of the Black Panther Party, a group known for its involvement in the civil rights movement.

CÔNG TRÌNH:

**HỆ THỐNG
XỬ LÝ BỤI PHẤN BÓN,
BÁNH MÀNG LƯỖA ĐỎ**

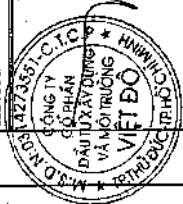
TU VÂN THỊ KHÉ

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG
VÀ MÔI TRƯỜNG VIỆT ĐỎ**



This is: 31/11/1A Quide W TE.2. Lamb Xong TT. The Edm. IT. EDCM.
you please: 14/11/1A Quide W TE.2. Lamb Xong TT. The Edm. IT. EDCM.
TE.2. 14/11/1A Quide W TE.2. Lamb Xong TT. The Edm. IT. EDCM.

3000



பெயர்:

CHATS HININ 04

25

TRẦN THỊ DIỄM HẸN

KIỂM TRA:

TÊN BẠN VẼ:

MẶT BẰNG ĐỊNH VỊ MẠNG HÚT

TABLE 1

BAM VET 50

ДЛЯ НАЧ. РАЙОНА

—

100% 200% 300% 400% 500% 600% 700% 800% 900% 1000% 1100% 1200% 1300% 1400% 1500% 1600% 1700% 1800% 1900% 2000% 2100% 2200% 2300% 2400% 2500% 2600% 2700% 2800% 2900% 3000% 3100% 3200% 3300% 3400% 3500% 3600% 3700% 3800% 3900% 4000% 4100% 4200% 4300% 4400% 4500% 4600% 4700% 4800% 4900% 5000% 5100% 5200% 5300% 5400% 5500% 5600% 5700% 5800% 5900% 6000% 6100% 6200% 6300% 6400% 6500% 6600% 6700% 6800% 6900% 7000% 7100% 7200% 7300% 7400% 7500% 7600% 7700% 7800% 7900% 8000% 8100% 8200% 8300% 8400% 8500% 8600% 8700% 8800% 8900% 9000% 9100% 9200% 9300% 9400% 9500% 9600% 9700% 9800% 9900% 10000% 10100% 10200% 10300% 10400% 10500% 10600% 10700% 10800% 10900% 11000% 11100% 11200% 11300% 11400% 11500% 11600% 11700% 11800% 11900% 12000% 12100% 12200% 12300% 12400% 12500% 12600% 12700% 12800% 12900% 13000% 13100% 13200% 13300% 13400% 13500% 13600% 13700% 13800% 13900% 14000% 14100% 14200% 14300% 14400% 14500% 14600% 14700% 14800% 14900% 15000% 15100% 15200% 15300% 15400% 15500% 15600% 15700% 15800% 15900% 16000% 16100% 16200% 16300% 16400% 16500% 16600% 16700% 16800% 16900% 17000% 17100% 17200% 17300% 17400% 17500% 17600% 17700% 17800% 17900% 18000% 18100% 18200% 18300% 18400% 18500% 18600% 18700% 18800% 18900% 19000% 19100% 19200% 19300% 19400% 19500% 19600% 19700% 19800% 19900% 20000% 20100% 20200% 20300% 20400% 20500% 20600% 20700% 20800% 20900% 21000% 21100% 21200% 21300% 21400% 21500% 21600% 21700% 21800% 21900% 22000% 22100% 22200% 22300% 22400% 22500% 22600% 22700% 22800% 22900% 23000% 23100% 23200% 23300% 23400% 23500% 23600% 23700% 23800% 23900% 24000% 24100% 24200% 24300% 24400% 24500% 24600% 24700% 24800% 24900% 25000% 25100% 25200% 25300% 25400% 25500% 25600% 25700% 25800% 25900% 26000% 26100% 26200% 26300% 26400% 26500% 26600% 26700% 26800% 26900% 27000% 27100% 27200% 27300% 27400% 27500% 27600% 27700% 27800% 27900% 28000% 28100% 28200% 28300% 28400% 28500% 28600% 28700% 28800% 28900% 29000% 29100% 29200% 29300% 29400% 29500% 29600% 29700% 29800% 29900% 30000% 30100% 30200% 30300% 30400% 30500% 30600% 30700% 30800% 30900% 31000% 31100% 31200% 31300% 31400% 31500% 31600% 31700% 31800% 31900% 32000% 32100% 32200% 32300% 32400% 32500% 32600% 32700% 32800% 32900% 33000% 33100% 33200% 33300% 33400% 33500% 33600% 33700% 33800% 33900% 34000% 34100% 34200% 34300% 34400% 34500% 34600% 34700% 34800% 34900% 35000% 35100% 35200% 35300% 35400% 35500% 35600% 35700% 35800% 35900% 36000% 36100% 36200% 36300% 36400% 36500% 36600% 36700% 36800% 36900% 37000% 37100% 37200% 37300% 37400% 37500% 37600% 37700% 37800% 37900% 38000% 38100% 38200% 38300% 38400% 38500% 38600% 38700% 38800% 38900% 39000% 39100% 39200% 39300% 39400% 39500% 39600% 39700% 39800% 39900% 40000% 40100% 40200% 40300% 40400% 40500% 40600% 40700% 40800% 40900% 41000% 41100% 41200% 41300% 41400% 41500% 41600% 41700% 41800% 41900% 42000% 42100% 42200% 42300% 42400% 42500% 42600% 42700% 42800% 42900% 43000% 43100% 43200% 43300% 43400% 43500% 43600% 43700% 43800% 43900% 44000% 44100% 44200% 44300% 44400% 44500% 44600% 44700% 44800% 44900% 45000% 45100% 45200% 45300% 45400% 45500% 45600% 45700% 45800% 45900% 46000% 46100% 46200% 46300% 46400% 46500% 46600% 46700% 46800% 46900% 47000% 47100% 47200% 47300% 47400% 47500% 47600% 47700% 47800% 47900% 48000% 48100% 48200% 48300% 48400% 48500% 48600% 48700% 48800% 48900% 49000% 49100% 49200% 49300% 49400% 49500% 49600% 49700% 49800% 49900% 50000% 50100% 50200% 50300% 50400% 50500% 50600% 50700% 50800% 50900% 51000% 51100% 51200% 51300% 51400% 51500% 51600% 51700% 51800% 51900% 52000% 52100% 52200% 52300% 52400% 52500% 52600% 52700% 52800% 52900% 53000% 53100% 53200% 53300% 53400% 53500% 53600% 53700% 53800% 53900% 54000% 54100% 54200% 54300% 54400% 54500% 54600% 54700% 54800% 54900% 55000% 55100% 55200% 55300% 55400% 55500% 55600% 55700% 55800% 55900% 56000% 56100% 56200% 56300% 56400% 56500% 56600% 56700% 56800% 56900% 57000% 57100% 57200% 57300% 57400% 57500% 57600% 57700% 57800% 57900% 58000% 58100% 58200% 58300% 58400% 58500% 58600% 58700% 58800% 58900% 59000% 59100% 59200% 59300% 59400% 59500% 59600% 59700% 59800% 59900% 60000% 60

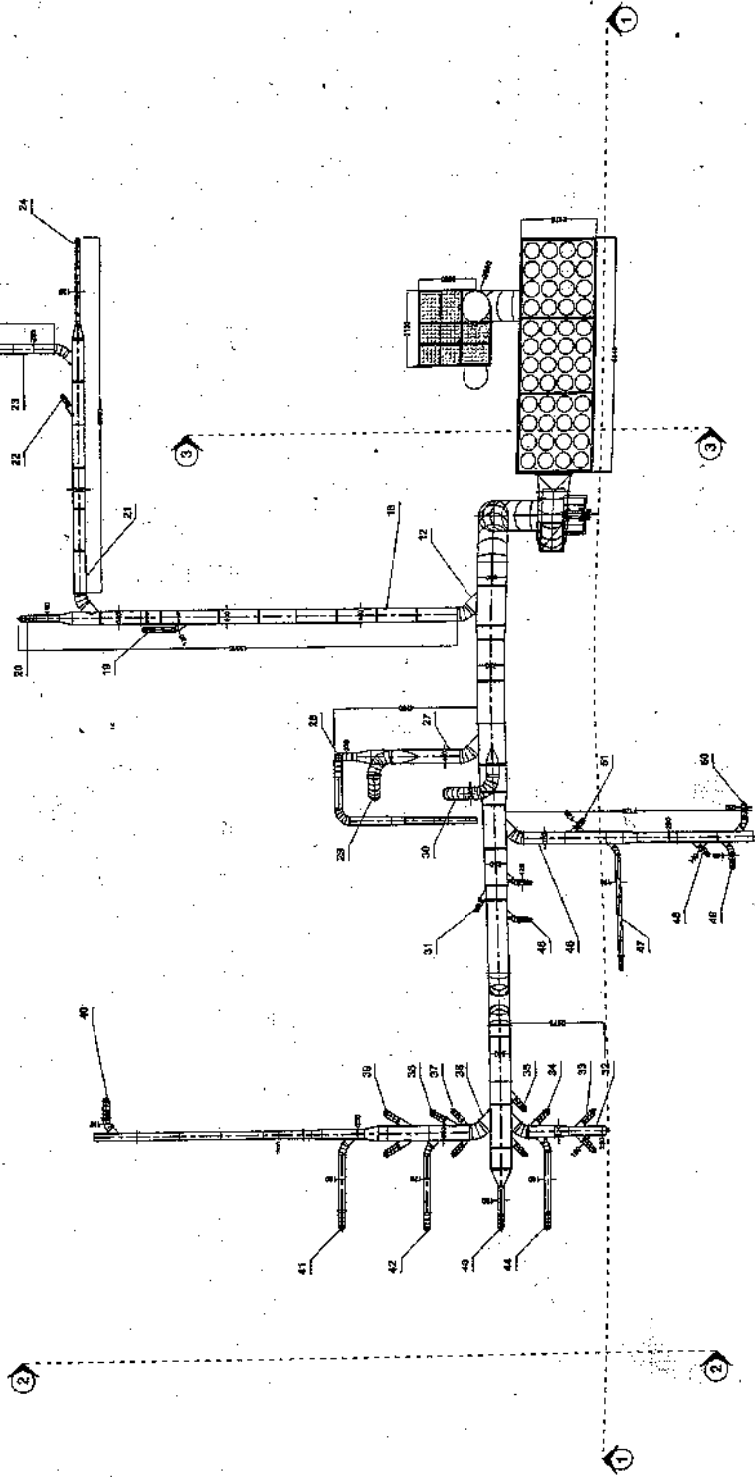
HỆ THỐNG XỬ LÝ BỤI PHÂN BÓN - CÔNG SUẤT 40.000 M³/H MẶT BẰNG CHI TIẾT ĐƯỜNG ống VÀ NHÁNH HỆ THỐNG XỬ LÝ

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ MÔI TRƯỜNG VIỆT ĐỎ

BẢN VẼ HOÀN CÔNG

Số: ---
Ngày 14 tháng 10 năm 2024

NGƯỜI LẬP	NHÀ THIẾT KẾ CÔNG	TƯ VẤN GIÁM SÁT	CHỦ ĐẦU TƯ
<i>[Signature]</i>	<i>[Signature]</i>	<i>[Signature]</i>	<i>[Signature]</i>
Trần Thị Diễm Hằng	Trần Văn Cường	Trần Văn Cường	Trần Văn Cường

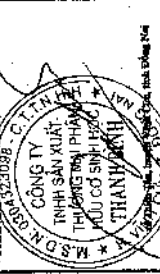


XEM CHI TIẾT CHÚ THÍCH TẠI BẢN VẼ: ETS - HC - 05

CHỈ DẪU:

CHỦ ĐẦU TƯ:

CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT - THƯƠNG MẠI
PHÂN PHỐI THIẾT BỊ CÔNG NGHIỆP



CÔNG TRÌNH:

[Signature]

HỆ THỐNG
XỬ LÝ BỤI PHÂN BÓN,
CÔNG SUẤT 40.000 M³/H

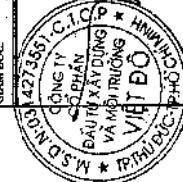
TU VẤN THIẾT KẾ:

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG
VÀ MÔI TRƯỜNG VIỆT ĐỎ



Địa chỉ: 10/10 Đường 10/10, Phường 10/10, Quận 10/10, TP. HCM
Số điện thoại: 0909 123 456 | Email: info@vietdo.vn

GIẤY ĐÓNG:



CHỦ TRÌ:

VÕ VĂN SANG

VỀ:

TRẦN THỊ DIỄM HẰNG

Kiểm tra:

TRẦN VĂN CƯỜNG

TÊN BẢN VẼ:

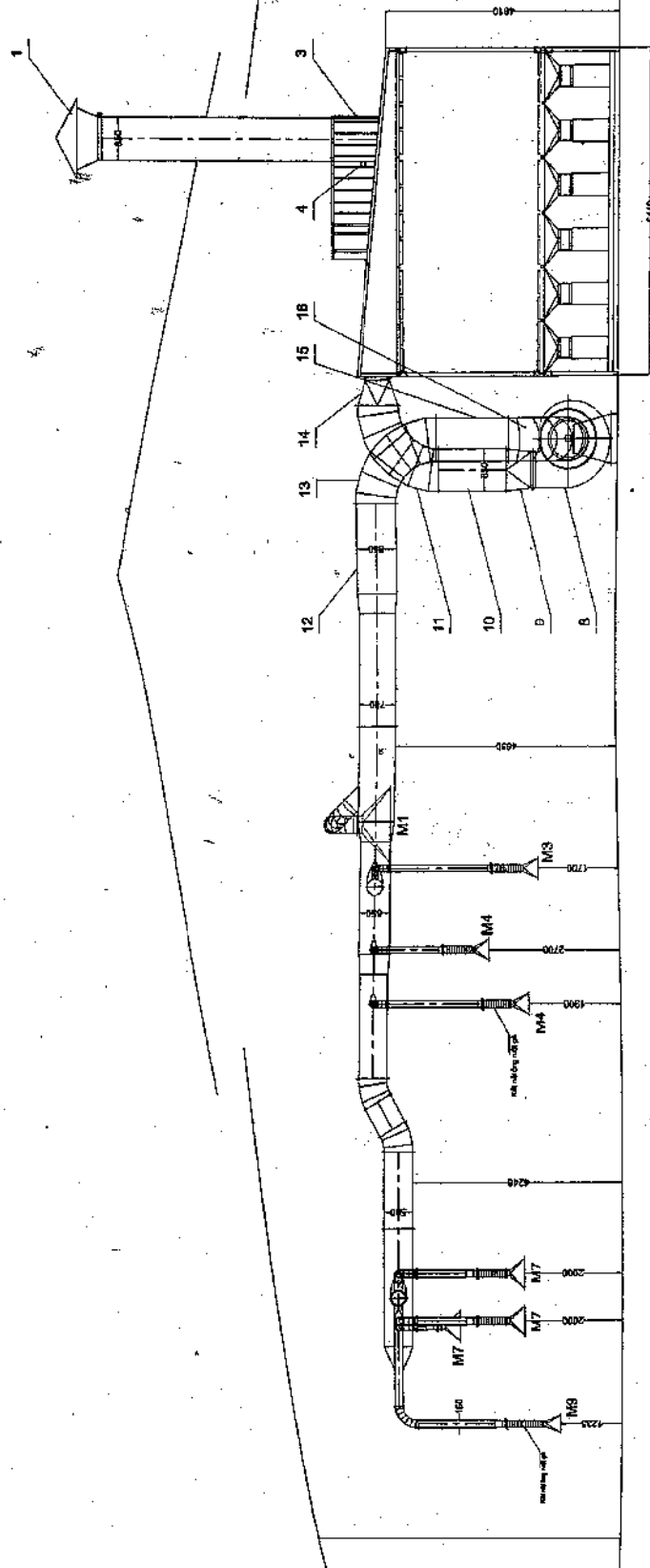
MẶT BẰNG CHI TIẾT ĐƯỜNG ống
VÀ NHÁNH HỆ THỐNG XỬ LÝ

NGÀY HOÀN THÀNH:

ETS - HC - 02

THAY ĐỔI:

**HỆ THỐNG XỬ LÝ BỤI - CÔNG SUẤT 40.000 M³/H
MẶT CẮT 1-1**



ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

CONFIDENTIAL

Page 44 along AD in 2008

1. The first step is to identify the problem or question that needs to be answered. This involves understanding the context and the specific requirements of the task.

Handwritten: *Handwritten signature*

Trần Thị Diễm Hằng

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG

MẶT CẮT 1 - 1

Ngày hoàn thành	1980-08-08
-----------------	------------

POSTALNYA

879-11C-2

MẶT CẮT 3-3

XEM CHI TIẾT CHÚ THÍCH TẠI BÀN VÉ: ETS.- MC - 05

சாப்பிடுதல்:

**CÔNG NHẬN XUẤT - THƯƠNG MẠI
HÀNG NHẬT CÓ SẴN ĐÓNG CHẤM**

0304323098 - C.T.N.H. *
CÔNG TY
TINH SẢN XUẤT
THI CÔNG MẠI PHÁP
HỮU CƠ SINH HỌC
THANH/ĐNH

CHINESE EDITION:

Newton East Park

**HỆ THỐNG
XỬ LÝ BỤI PHÂN BÓN,
CƠ SỞ NHÀ T. 40.000 M²**

पञ्चमः अध्यायः

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG
VÀ MÔI TRƯỜNG VIỆT ĐỎ**



Dogs coll. 68-8101A. Quail sp. leg. fr. 2-4th Xmas, YF. 7th Edm., TP. HCOM
YFM phobos M/TXN, during ad 6, growing 1st Xmas, TP. 1st Edm., TP. HCOM

English.

Page 10 of 10

NGUYỄN VĂN SANG

1985

DATE RECEIVED: 11/11/2011

STONY BROOK, N.Y. 11790

MẬT CẮT 2-2.3.3

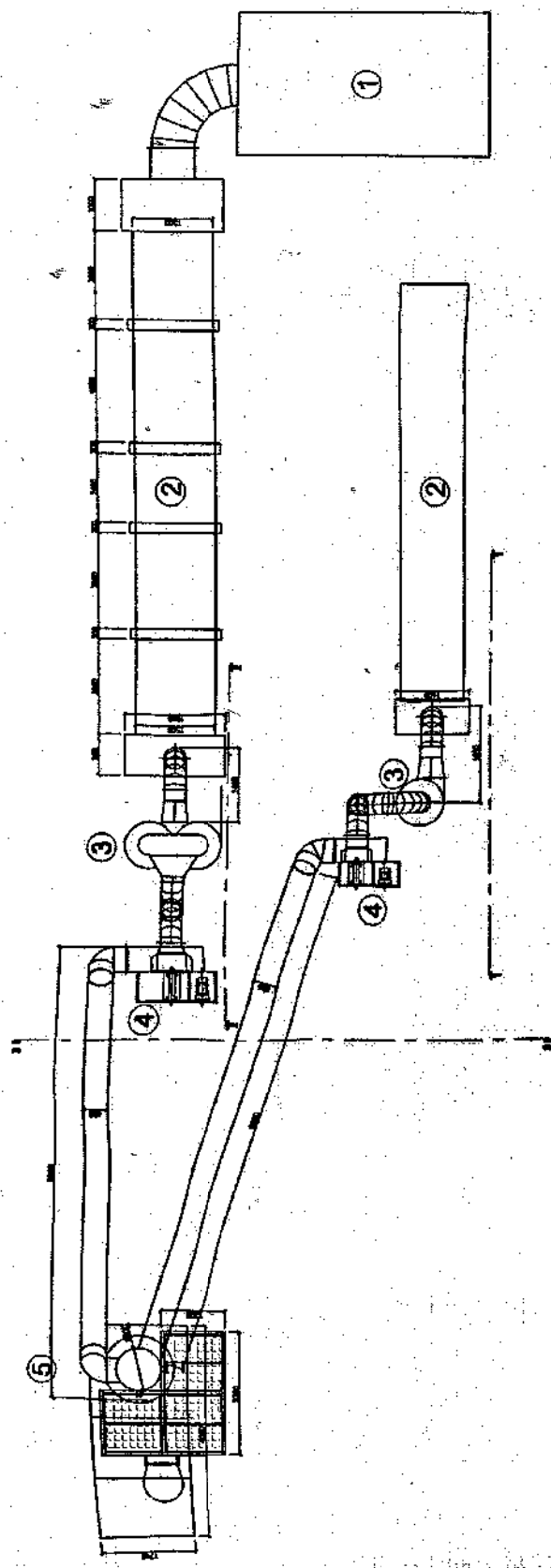
ΝΑΥΑΡΧΟΝ ΤΗΣ

THE

OSBAN YE

OSBAN YE

HỆ THỐNG XỬ LÝ KHÍ THẢI LÒ SẤY MẶT BẰNG TỔNG THỂ HỆ THỐNG XỬ LÝ



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ MÔI TRƯỜNG VIỆT ĐỎ

ĐƠN VỆ HẠNH CÔNG

Ngày: 01/05/2024 - năm 2024

MÃ THUỐC THUỐC		TÊN THUỐC THUỐC	
MÃ THUỐC THUỐC		TÊN THUỐC THUỐC	

Trần Thị Diễm Hân

STT	Tên gọi	Số lượng	Đơn vị
1	LÒ HƠI	01	Cái
2	TRỤC QUAY THU GOM	01	Bộ
3	LỌC BỤI CYCLONE	03	Bộ
4	QUẠT HÚT LỖ TẮM	02	Bộ
5	ỐNG THOÁT SẠU XỬ LÝ	01	Chiếc

CHỖ TẮM: ...

VỊ: ...

TÊN TÀI: ...

TÊN TÀI: ...

TÊN TÀI: ...

MÃ HÀNG TÊN TÀI

HỆ THỐNG XỬ LÝ

STT - HỌ - TÊN

STT - HỌ - TÊN

Scanned with CamScanner

BẢN VẼ HOÀN CÔNG

205



TU VẤN THIẾT KẾ
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG
VÀ MÔI TRƯỜNG VIỆT ĐỎ

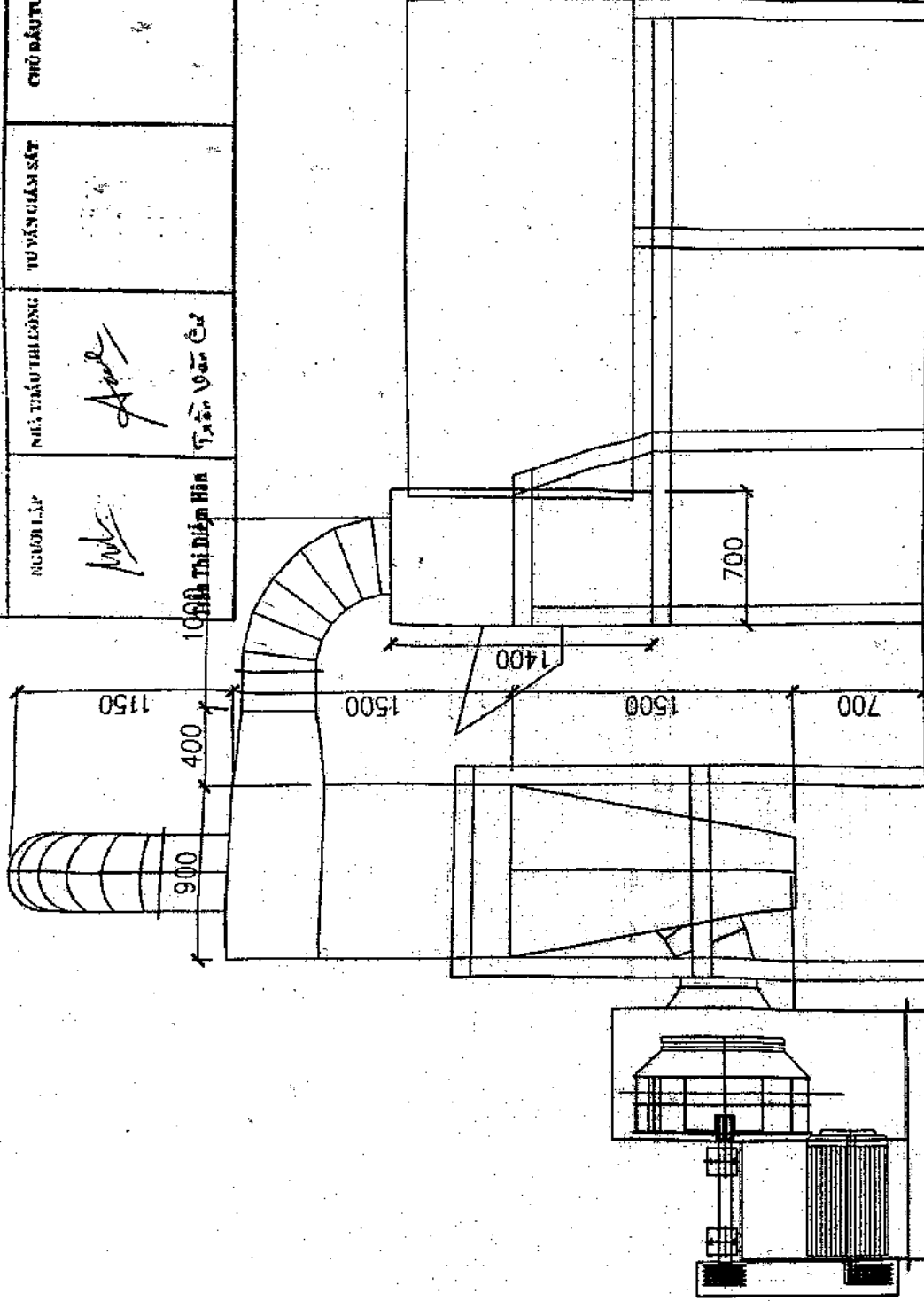


1997-1998 season. **Address:** 51000 1st Street, E.
Seattle, WA 98104. **Phone:** 206-764-2222. **Fax:** 206-764-2222. **E-mail:** info@seattlechamber.org



CHỖ TRƯỞNG	<i>[Signature]</i>
VỊ TRÍ	<i>[Signature]</i>
KÊNH TRUYỀN	<i>[Signature]</i>
TRẦN VĂN CH	
TRẦN VĂN CH	
TRẦN VĂN CH	

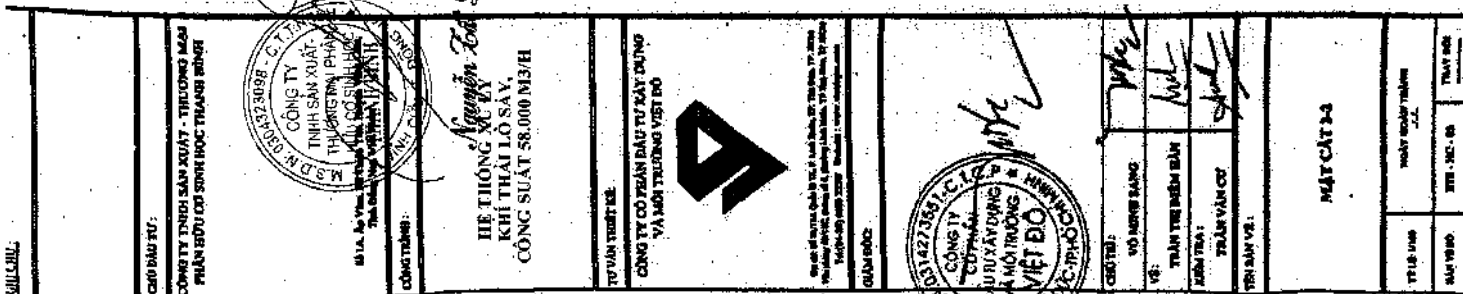
MAT CÂT 1-1

[illegible]

QUẠT HÚT LY TÂM 1 LỐC BỤI CYCLONE

TRỰC ÔNG THU GOM

Scanned with CamScanner



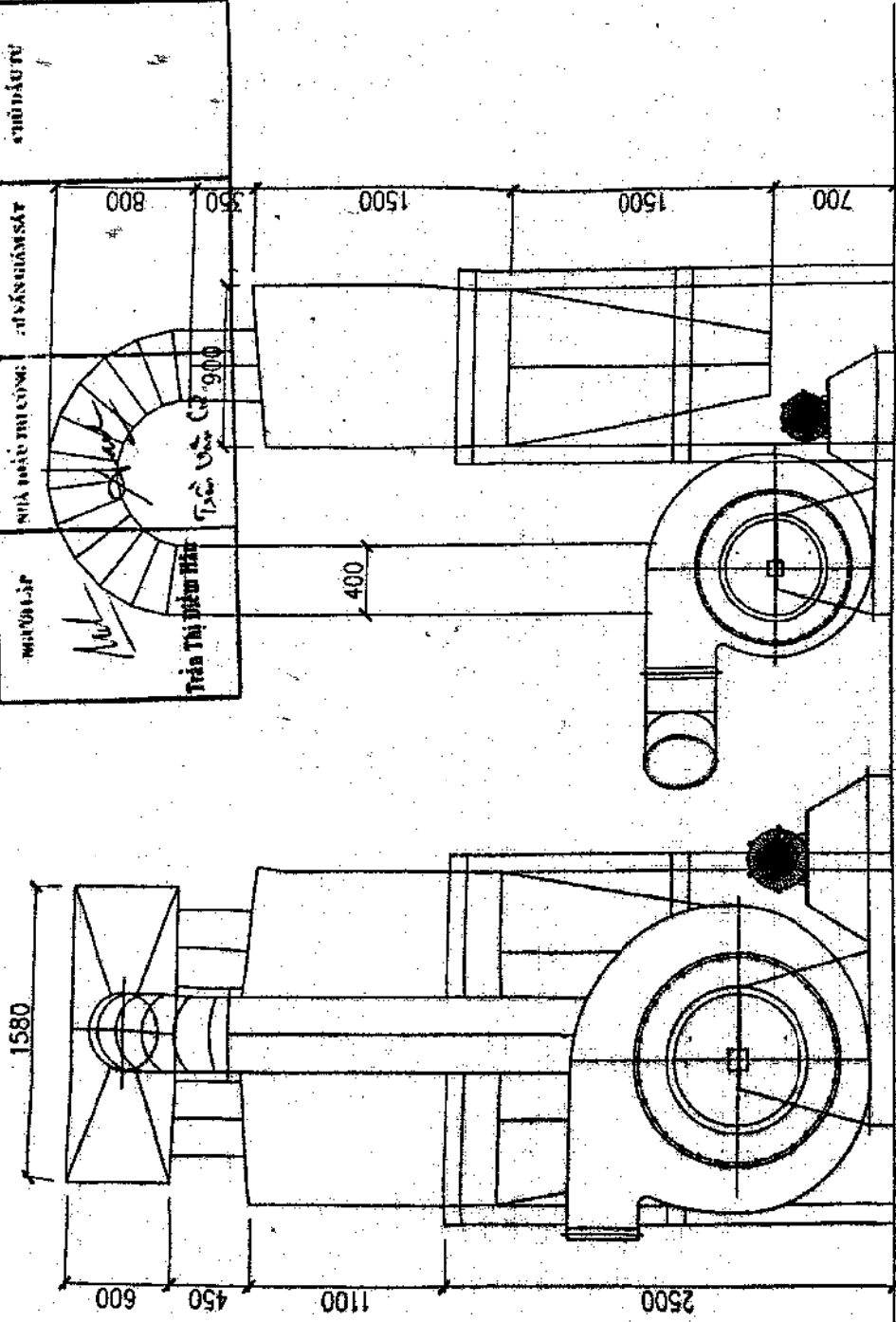
HỆ THỐNG XỬ LÝ KHÍ THẢI LÒ SẮT

MẶT CẮT CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ MÔI TRƯỜNG VIỆT ĐỎ

BẢN VẼ HOÀN CÔNG

Ngày: 20/11/2014

Số: 1

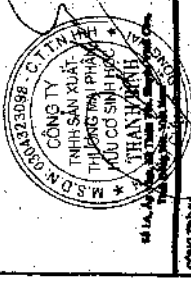


họ và tên	chức vụ	chữ ký
Trần Thị Bình Hoa	Trưởng Văn Phòng	

CHỖ DẤU

CHỖ DẤU

CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ MÔI TRƯỜNG VIỆT ĐỎ



CHỖ DẤU

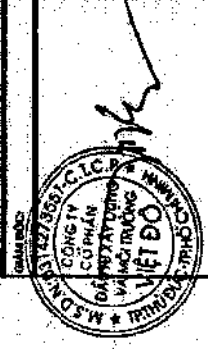
HỆ THỐNG XỬ LÝ KHÍ THẢI LÒ SẮT CÔNG SUẤT 58.000 M3/H

CHỖ DẤU

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ MÔI TRƯỜNG VIỆT ĐỎ



CHỖ DẤU



CHỖ DẤU

VĂN PHÒNG

TRẦN THỊ BÌNH HOA

TRẦN VĂN CÚ

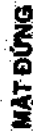
TRẦN VĂN CÚ

MẶT CẮT 3-3

TRẦN VĂN CÚ

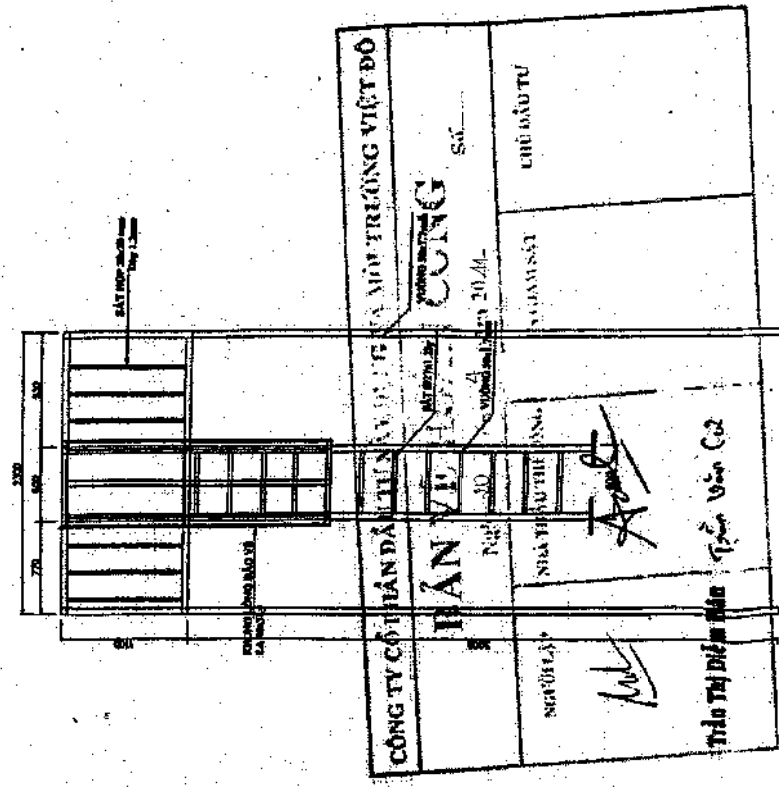
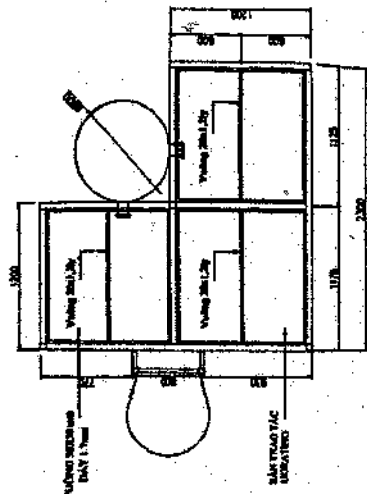
TRẦN VĂN CÚ

TRẦN VĂN CÚ



100

Scanned with CamScanner



May 2004